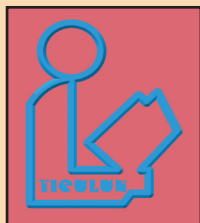


NGUYỄN-TUÔNG-BÁCH

Việt-nam
NHỮNG NGÀY
LỊCH-SỬ



**VIỆT NAM
NHỮNG NGÀY LỊCH SỬ
NGUYỄN TƯỜNG BÁCH**



MỤC LỤC

Lời Nhà Xuất-Bản	6
Thay Lời Nói Đầu	9

Phần Thứ Nhất

Dưới Thời Pháp Thuộc

Chương 1 - Những Ngày Còn Thơ	13
Chương 2 - Người Học Trò Trung Học	27
Chương 3 - Phong-Hoa, Ngày Nay Và Tự Lực Văn-Đoàn	40
Chương 4 - Đời Sinh Viên Và Những Hoạt-Động Xã Hội, Chính Trị Đầu Tiên	47
Chương 5 - Trước Con Bão Táp	60
Chương 6 - Những nhân vật đã qua và người còn lại	68

Phần Thứ Hai

Những Ngày Sóng Gió

Chương 7 - Những Ngày Tháng 8, 1945	112
Chương 8 - Đồng - Minh	121
Chương 9 - Công-Khai Hoạt Động Của Việt-Quốc Và Việt-Cách	128
Chương 10 - Tinh Thành Đoàn Kết	136

5 | Việt Nam Những Ngày Lịch Sử

Chương 11 - Chính Phủ Liên Hiệp 1946	144
Chương 12 - Nguy Cơ Chia-Rẽ - Quân Pháp Đồ Bộ Miền Bắc	151
Chương 13 - Đánh Nhau Ở Vinh-Yên, Việt Trì	161
Chương 14 - Trường Chinh 250 Lý - Cuộc Rút Lui Từ Việt-Trì Lên Yên Bái	169
Chương 15 - Từ Yên Bái Đến Lào Cai	187

Phần Thứ Ba

Lưu Vong Ở Trung Hoa

Chương 16 - Từ Hà-Khẩu Đến Côn-Minh	200
Chương 17 - Vài Nét Về Thành phố Côn Minh	218
Chương 18 - Suy Nghĩ Về Tương Lai	229
Chương 19 - Hội Nghị Hương Cảng	235
Chương 20 - Bồi Hồi Trên Ngã Ba Đường - Anh Long Qua Đời	249
Chương 21 - Thăm Tìm Đường Lối Lên Nam-Kinh - Gặp Lý-Tôn-Nhân	262
Chương 22 - 1949 : Thoát-Ly - Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng	269
Chương 23 - Quyết Định Cuối Cùng : Ở Lại Quảng-Châu	276
Thay Lời Nói Sau	285

Lời Nhà Xuất-Bản

Trong việc nghiên-cứu Lịch-sử, tài-liệu sử đóng một vai-trò thiết-yếu nên khi còn ở trong nước Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt-nam đã đặt việc xuất bản các tài liệu Sử lên hàng đầu.

Khi ấy Tủ sách TÀI-LIỆU SỬ của nhà xuất bản NGHIÊN CỨU SỬ-ĐỊA đã ấn hành 2 cuốn Quốc-triều Chánh-biên và Phan-Bội-Châu Niên-biểu.

Ngây. nay tiếp-tục đường lối đã định, chúng-tôi xin giới-thiệu cuốn VIỆT-NAM NHỮNG NGÀY LỊCH SỬ này của Bác-sĩ Nguyễn-Tường-Bách. Đây là một tập Hồi-ký viết về đời ông từ lúc còn thơ ấu sống ở Cẩm-giàng (Tỉnh Hải-dương, Bắc-phần Việt-nam) cho đến khi lưu-lạc ở Trung-hoa cả thời Quốc dân đảng lẫn khi Cộng-sản nắm chính-quyền.

Đứng về phương-diện Nghiên-cứu Lịch-sử, đọc phần tác giả viết về dòng họ Nguyễn-Tường - chúng ta sẽ thấy những nét đặc biệt của nếp sống Việt nam ở thôn-quê cùng sự cố gắng của mọi người trong nhà để trở thành một gia-đình danh-tiếng.

7 | Việt Nam Những Ngày Lịch Sử

Trong phần nói về nhóm Phong-hóa, Ngày nay, Tự-lực Văn đoàn và nhà xuất-bản Đời-nay, chúng ta sẽ có thêm một số tài-liệu để cung-cấp cho Văn-học sử Việt-nam.

Trong phần viết về Những ngày sóng gió, độc-giả sẽ biết thêm nhiều chi-tiết độc đáo về những cuộc tranh chấp giữa các đảng-phái Quốc-gia và Cộng-sản, sự dàn xếp của các Tướng-lãnh Trung-hoa để thành-lập Chính-phủ Liên-hiệp, cho đến khi Việt-minh tấn công các trụ sở cũng như các căn cứ của các đảng-phái Quốc-gia khiến cho các tổ chức này phải chạy sang Trung-hoa.

Phần nói về Những ngày Lưu-vong ở Trung-hoa độc-giả sẽ biết nhiều chi tiết về những thành-phố mà tác giả đã đi qua : Côn-minh, Mông-tự, Bình-biên, Quảng-châu, Hương-cảng, những nơi mà nhiều nhà áach-mạng Việt-nam đã phải sống thiếu-thốn, khổ sở để đi tìm con đường cứu nước. Độc giả sẽ có thêm nhiều chi-tiết về Hội-nghị Hương-cảng trong đó Bảo-đại đã triệu tập các đảng-phái Quốc-gia để thành lập Chính-phủ Quốc-gia.

Trung-thành với mục-tiêu của Sử học chúng-tôi in nguyên-văn Hồi-ký của tác giả dù biết rằng có một số điểm chưa được chính xác lắm.

Về quan-điểm chính trị chúng tôi xin độc-giả thông-cảm trường-hợp của tác-giả, hiện nay vẫn còn sống ở trong Lục-địa Trung-hoa, khi thấy tác-giả có những nhân định bóng-gió về chế-độ chính-trị của xứ này sau năm 1949.

Montreal mùa Tuyết 1981

Thay Lời Nói Đầu

Hơn 60 năm trước đây, tôi sinh ra tại một huyện lỵ nhỏ trên con đường xe lửa Hà-nội Hải-duong, miền Bắc Việt nam. Lúc đó không ai ngờ được là ngày hôm nay tôi ngồi tại một thành-phố nước ngoài, xa hàng ngàn dặm, để nghiêng xuống dĩ vãng đã xa-xăm của đời mình. Bao nhiêu hình-ảnh của đất nước, của gia-đình, của xã hội Việt-nam yêu-dấu, bao-nhiêu sự-kiện lịch-sử mà tôi đã tự trải qua, lại dòn-dập hiện ra như mới một ngày nào.

Cả một thời-kỳ trong cuộc đời của một dân tộc, từ những giờ phút tối tăm, bi đát, gần như tuyệt vọng dưới thời Pháp thuộc, cho đến những ngày sôi-nổi 1929-1931 và cơn bão táp 1945-1946, mà gia đình tôi và tôi, dù muốn hay không cũng đã bị lôi-cuốn vào. Chúng tôi ít nhiều cũng đã đóng một vai trò trên sân khấu lịch sử, đã tham-gia vào những phong trào văn-nghệ, xã hội, chính trị và những biến-cách hồi ấy. Chúng tôi đã gặp những nhân vật lịch sử có một không hai đã góp vào sự quyết định vận mệnh của một dân tộc, đã trải qua những cảnh ngộ độc-đáo mà chỉ có thể gặp ở những thời ấy. Và ngày nay, chỉ có ngày nay, tôi mới có một tâm hồn rỗi rãi để ôn lại quá khứ.

Viết cuốn Hồi ức này, tôi không muốn gì khác là làm sống lại một phần nào quãng đời đã qua, để hiến cho những ai còn quan tâm đến quá khứ của Việt nam và những người còn nhớ đến thời Thanh niên của mình và những người tuổi trẻ muốn biết thêm vài khía cạnh của xã hội, về văn-nghệ (Tự-lực Văn-đoàn, nhóm Phong-hóa, Ngày-nay), về những diễn biến chính trị trước và sau quân Nhật đầu hàng, về sự đấu tranh giữa những phái Quốc-gia và Cộng sản trong hai năm vật-lộn với sự thất-bại cuối cùng của phái Quốc-gia trong một hoàn cảnh quốc-tế thật đặc-biệt.

Những sự-kiện sẽ thuật lại là sự thật hoàn toàn, nhưng tôi không có ý viết lại một cuốn lịch-sử. Đương-nhiên, người ta có thể dùng vào nhiều khía cạnh khác-nhau để nhìn vào các sự kiện. Những cuốn sách lịch-sử hay hồi ức đã viết về hồi ấy ở Việt-nam chứng tỏ điều này. Tôi không có ý gì biện luận với những tác giả quyền-uy, cũng không có ý biện-bạch cho một quan-điểm nào, tuy trong khi viết tôi có thể không tự-giác mà đồng tình với những cái gì. Nhưng nếu khi đọc xong cuốn hồi ức này, người xem thu được một cảm tưởng thú-vị và có ích, không đến nỗi phí thì-giờ, thì tôi tự cho là may mắn quá rồi.

Hồi ức này có liên cập đến rất nhiều nhân-vật trong đủ các giới cách-mệnh, chính trị, xã-hội, văn-nghệ của một thời đại. Muốn tránh những sự không tiện có thể xảy ra trên thế giới ngày nay cho một số người, tôi không nêu rõ tên họ hay chỉ dùng tên hiệu thay vào, xin các bạn bè thông-cảm. Đánh giá những nhân vật ấy không phải là mục-đích chính của cuốn Hồi ức này và nếu có cũng chỉ là ý kiến cá nhân của riêng tôi.

Nếu có gì sai lầm hay không làm vừa lòng một ai thì tôi xin lỗi trước, vì rất ít khả năng đính-chính được.

Tác Giả

Đầu năm 1980

Phần Thứ Nhất
Dưới Thời Pháp Thuộc

Chương 1 - Những Ngày Còn Thơ

Đó là những ngày Pháp thuộc âm thầm hơn 60 năm về trước. Một huyện-ly nhỏ, huyện Cẩm-giăng, nằm im-lặng bên con đường sắt Hà nội - Hải-dương. Đó là nơi chôn rau, cắt rốn của chúng tôi, nơi mà chúng tôi đã nhón lên, đã tiếp xúc lần đầu tiên với xã hội Việt-nam dưới ách thực dân Pháp và của chế độ vua quan. Đến tận ngày nay, tôi cũng không quên được cái ga nhỏ màu xám, hai bên có bụi găng làm rào, trước mặt ga là mấy quán nhỏ bán nước vối, bánh dòn, bánh trưng hay kẹo bột, kẹo vừng. Cũng không thể quên được mấy dãy phố lều tèo chỉ có vài gian nhà gạch, cái cầu Giàng ngắn mà chúng tôi hay đứng ở trên để ngắm xuống con sông Sen nhỏ trôi êm đềm đến những đồng lúa xanh ngát và những làng mạc yên lành gần xa.

Hồi ức sớm nhất của tôi là một ngôi nhà tranh ba gian nằm bên đường phố lát đá gồ ghề, xé trước mặt là quán chợ với những túp lều tre, hai bên là cửa hàng sen, đằng sau là một sân gạch rộng và nhà ngói của bên ngoại, chỉ cách một cái ao nhỏ thì đến đường ga. Nối với đầu phố rất gần là một con đường đất thẳng tắp đưa đến làng Kinh-nguyên ở xa, hai bên là ruộng lúa phẳng lì. Còn con đường sắt thì cùng với những cột giây thép sơn đen

song song đi hút về phía Đông, ga An-diêm, xa xa vẫn là những lũy tre ôm bọc xóm làng. Chỉ ở phía Bắc mới có mấy rặng núi xám ở Bắc-ninh và Đông-triều, gần nhất là đồi Thiên thai với những rặng cây xanh như một mái tóc.

Dích-xác tự bao-giờ gia-đình tôi đến định cư ở huyện lỵ này ? Tôi cũng không rõ. Tôi chỉ biết là họ Nguyễn ông nhà tôi vốn gốc ở Quảng-nam. Ông nội tôi làm đến Tri huyện, mới đổi ra miền Bắc, sau mất ở huyện lỵ này. Tôi biết thế là vì lúc già ai cũng gọi bà tôi là Cụ Huyện. Gia-đình sau đó suy-sụp, đến đời thầy tôi, người con duy nhất thì học võ vẽ được rằm câu tiếng Pháp, chỉ kiếm được một chân Thông-phán nên sau này người ta quen gọi mẹ tôi là bà Thông hay bà Phán. Cũng gọi là có địa vị gì trên xã hội, khác với bọn dân cùng một chút. Tôi chỉ biết mặt thầy tôi qua một bức ảnh truyền thần lớn, mặc áo the dài trông rất nho nhã, vì sau khi tôi ra đời ít lâu thì ông phải đổi sang Lào. Sau này mỗi khi nhìn bức ảnh, tôi không khỏi ngậm ngùi nghĩ đến cảnh «sáng vác ô đi tối vác về» của một công chức quèn, sống một đời thanh đạm nghèo nàn. Chắc ông cũng nhiều lần đổi đi nay đây mai đó, nhưng lần cuối cùng, ông đã phải đổi đến một nơi ma thiêng, nước độc, và cuối cùng đã phải bỏ mình ở đất Sầm-nứa quê người khi tôi mới lên hai.

Nếu giọng nội chúng tôi có thể gọi là giọng văn, thì bên ngoại lại khác hẳn. Mẹ tôi là còn cả một ông Quản, tính tình mẹ tôi mang ít màu vị võ biên, người khỏe mạnh, rắn giỏi, còn rất nóng tính là khác. Những tính chất hòa hợp với nhau có lẽ đã ảnh hưởng sâu xa đến tính cách con cái sau này, nó giải thích phần nào tại sao, khác nhiều nhà văn nghệ, chúng-tôi lại tham-gia vào những cuộc đấu tranh quyết-liệt, có thể gọi là vừa văn vừa võ...

Gia đình một lạc, song mẹ tôi tỏ ra có tài tháo-vát, xoay làm nghề buôn vật, gồm đủ các mặt hàng xén, gạo, ngô, để nuôi các con đi học. Có lúc phải góp vốn với nhà ngoại nấu rượu lậu và có khi cả thuốc phiện lậu nữa, vì hai món này nếu thành công thì rất lãi, nhưng cố nhiên, rất nguy hiểm. Thuở bé, tôi rất quen thuộc với những mùi bóng rượu và mùi thuốc phiện nấu - ở rất xa người ta cũng phải ngửi thấy. Được cái là có mọi người chung-quanh yểm-hộ nên thường che được mắt các ông Tây Đoan đáng sợ. Bóng dáng ông Tây Đoan đối với tôi cũng khá quen thuộc, và cùng với ông Công-tôn người Pháp oai-phong trên xe lửa, gây cho tôi ấn-tượng đầu tiên về nền thực-dân Pháp. Tôi còn nhớ, một hôm buổi trưa, trong nhà sau đương lúi-húi nấu thuốc phiện, thì một cô em họ tôi hót-hải chạy từ đầu ngõ vào, vừa thở vừa kêu to «Tây đến», thì lập tức trong nhà diễn ra một

cảnh khẩn-cấp phi-thương và hỗn loạn, người thì bê nôi thuốc chuồn ra ngay ngõ sau, người thì dập lửa, người thì vội đóng cửa, nhưng còn anh Sáu tôi (tức Thạch-lam sau này) thì rất ung-dung mang luôn quyển vở và cái ghế con ra ngồi ở đầu ngõ chăm-chú đọc sách và trình-sát tình hình, có gì làm hiệu ngay. Hôm ấy hú vía, ông Tây Đoan to béo nhưng chậm-chạp quá nên không soi móc được gì cả.

Bà tôi vì đã già yếu nên chuyên về việc nội trợ nấu ăn. Chị Năm, Nguyễn-thị-Thế, bỏ học về giúp sức. Anh Cả tôi, Nguyễn-tường-Thụy, đỗ bằng Bơ-vê (tương đương với Sơ-Trung) đi làm giáo viên tiểu học để đỡ gánh nặng trong nhà, còn các anh Nguyễn-Tường-Cẩm, Tam, Long và Vinh vẫn còn đương đi học. Vì nhà nghèo nên sau này các anh Cẩm và Tam đỗ bằng Thành-chung rồi, đều phải kiếm việc làm công-chức ngay. Vì thế sau-này gia cảnh cũng dần dần khá giả hơn và chúng tôi sống được một cuộc đời tạm đầy đủ trong xã hội Việt-nam Pháp-thuộc còn tương đối yên tĩnh hồi đó.

Trong, trí nhớ của tôi, ngôi nhà tranh ba gian tuy nhỏ nhưng rất đáng yêu. Mặt trước trông ra phía chợ với cửa hàng xén nhỏ, phố cũng vui vẻ, nhất là những ngày phiên chợ tấp-nập. Ở gian giữa kê một cái phản to ngay cạnh cửa sổ có phen chống. Đó là chỗ mọi người tụ họp

ăn cơm hay tiếp khách. Trước phản là bàn thờ tổ tiên, ngày nào ba tôi cũng cắm hương và khăn vái. Gian giữa sáng sủa, buổi sáng có ánh nắng tràn vào ấm áp, nhưng hai bên buồng thì tối hơn, ngoài giường ngủ ra còn chất rất nhiều đồ đạc lặt vặt. Nhìn qua cửa sổ, qua cái sân gạch là nhà ngói năm gian của Cụ Quản, bà ngoại tôi. Còn vài ngôi nhà tranh nằm ngang bên cạnh là chỗ bà cụ ngồi ăn trà và đếm tiền, chỗ ở của Cậu Cả, một bên là nhà bà Di, mà chúng tôi quen gọi là cô Giáo vì ông chồng đã làm qua nghề này. Trên sân gạch, tất nhiên có đủ bể nước, cây cau và cả ràn trà. Chung-quanh các nhà có nhiều rặng găng, lúc quả chín màu hồng rất đẹp, tuy hơi lợ nhưng trẻ con vẫn muốn ăn. Cách xa nữa, sát với đường xe lửa, là một cái ao nhỏ, mặt nước hơi vàng phẳng lặng và đầy thi vị, chung-quanh giồng nhiều thứ cây để chúng tôi trèo lên ngồi vắt vẻo, ngắm xuống mặt nước, để xem có cá nào đớp dưới chân bèo. Thú nhất vẫn là anh em trong nhà vác cần câu ra ngồi dưới gốc cây, câu bằng run hay bằng tép, luôn luôn kéo lên được một con cá rô đen hay một con cá mác trắng tinh, trong tiếng kêu vui mừng của các cô em họ. Bên cạnh cái cầu ao bằng tre là một cây sung cổ kính nghiêng xuống mặt ao, mình nó sần sì nhiều khi đầy những quả sung chín đỏ rất ngọt, nhưng chúng tôi lại thích nếm những quả còn xanh chát để chấm muối. Cạnh ao là một cái vườn nhỏ

nhưng rất nên thơ do cậu Cả tôi chăm-sóc, trồng nhiều cây nhài, chanh, gừng và khá nhiều thứ hoa khác trong những bó tóc tiên xanh rờn. Mùa xuân, bướm bướm đủ các màu lượn trên vườn hoa, đôi khi những con chích chòe bay nhảy tung tăng như đùa bỡn với nhiều chim sẻ làm tổ trong mái ngói. Những cảnh tượng êm-ái, nên thơ ấy đã làm cho tâm hồn non nớt của chúng tôi biết rung động những lần đầu tiên.

Còn những cảnh tượng đậm ấm khác như bữa cơm thanh-đạm, mọi người quây quần bên mâm gỗ, những lúc bà tôi dắt tôi ra chợ dạo quanh những lều tre chật ních người và đủ các mặt hàng của một chợ quê nghèo. Sướng nhất là khi bà cụ mua cho một bát cháo sườn rất ngọt và thỉnh thoảng làm một bát phở, có khi cả bánh gai, bánh mật hay vài chiếc kẹo bi ngon tuyệt. Một đôi khi ra phố ga, ở đây, có chè nước, bánh dòn hay bánh trưng. Nếu may mắn có ai ở Hà-nội về thăm thì tôi được uống nước chanh bi ve mát rượi. Những chuyến tàu từ Hà nội xuống hay từ Hải dương lên, mang cho phố huyện này vẻ tấp nập trong chốc lát. Thuở bé chúng tôi thích xem những đoàn tàu sinh sịch vào ga rồi lại sinh sịch rời bỏ nhà ga nhỏ bé này. Nhưng chúng tôi ưa nhất tiếng còi tàu nó mang lại cho cái huyện vắng vẻ một niềm vui như một cuộc sống, nhưng mỗi đêm yên-lặng, thì tiếng còi tàu lại như gọi những nỗi buồn xa xôi

như những cảnh xa vắng biệt-ly, nhất là về ngày đông rét mướt, gió bắc mưa phùn.

Bên kia đường sắt, trước nhà ga, một con đường đất, một cổng gạch nắp bên lũy tre đưa vào làng Bình phiên, cái tên này không biết căn-nguyên ở đâu, đó là nơi chúng tôi đã mang tiếng khóc ra đời. Xa nữa vẫn là những đồng ruộng thẳng tắp, chỉ có mấy gò mộ đá gồ-gề và hình ảnh cái cầu Kênh bỏ dở nằm gọn trên sông Giàng và hình ảnh cây đa mâm xôi bật lên nền trời. Cây đa này quen thuộc biết bao với chúng tôi vì đã bao lần chúng tôi đến ngồi dưới gốc nó nhìn ra đồng ruộng bốn chung quanh, với những gốc rạ nâu mùa đông và những gò tha ma nhấp nhô. Gần gốc đa này, sau đây là nơi yên nghỉ của bà ruột tôi và xa hơn một cánh đồng, cạnh một ao nước lặng, trên một gò con là chỗ yên nghỉ của thầy tôi bên làng Trữ la. Gần đó ngôi chùa làng cổ kính âm thầm nằm bên cạnh con đường im vắng giải đầy lá cây. Nay đây ta còn biết bao giờ mới có dịp về thăm quê-hương yêu dấu để cắm nén hương trên mộ những người thân nằm trên cánh đồng im vắng kia ?

Một hình ảnh lại hiện ra trong óc tôi, như là mới ngày hôm qua, hôm mẹ tôi sang Lào về, đưa được nắm xương tàn của thầy tôi về đến nhà. Hồi ấy, tôi còn nhỏ lắm, không có ấn tượng gì nhiều về tiếng khóc chung quanh,

nhưng tôi còn nhớ cái bàn thờ trên cắm nhiều hương và nến, sáng chung và nghi-ngút hơn mọi ngày, dưới bàn là một cái tiểu sành đựng mấy ống xương khô của thầy tôi, bên cạnh một ống hương và giấy vàng đương cháy dở, khói lên mù mịt.

Xã-hội Việt-nam hồi ấy còn ghi lại trong đầu óc thơ ấu của tôi những nét đầu tiên. Đó là một xã-hội nghèo nàn và buồn bã, hầu như âm thầm trôi đi không có sóng gió gì. Trên những con đường gồ-gề lắm lội, với những túp lều tranh lụp xụp, số đông là những dân cày quần nâu áo vải, người nghèo xác xơ, khổ rách áo ôm, một vài kẻ ăn mày, lang thang đầu đường xó chợ, những người buôn vặt ở phố huyện kiếm từng đồng trinh. Từ nhỏ không biết tại sao, chúng tôi vẫn tự hỏi sao đời sống người ta lại nghèo-khổ và âm thầm đến thế, và không biết còn kéo dài đến tận lúc nào ? Tự nhiên một cảm-giác bùi-ngùi và ái-ngại trong thâm tâm tôi đã nảy nở và theo dõi tôi cho mãi đến sau này. Biết bao người đã sinh ra, nhón lên để qua một cuộc đời cùng khổ như thế cho đến lúc nằm xuống ở sau những lũy tre xanh kia.

Đương-nhiên, cũng có số ít người khá giả hơn, có cửa hàng to, có ruộng cho cấy rẽ, như nhà ngoại chúng tôi, và có tiền cho vay lãi. Trong số đó có cả một cửa hàng

Khách (Hoa-kiều) đó là nhà bà Đồng Phát giàu nhất nhì ở huyện, có cái cổng to đề 3 chữ Hán Đồng-Phát hiệu và mấy cô gái mặc áo dài Tàu trông ngộ nghĩnh và xa lạ. Còn nhà ông Trọng, ông Thừa thì sang hơn, có tử chèo, phản gụ tươm tất. Đối với kẻ chúa tể ở huyện này thì vì còn bé quá nên tôi không có một ấn tượng gì rõ rệt, có chăng chỉ là cái cổng dinh Huyện oai nghiêm và bóng dáng của mấy chú lính khổ xanh.

Theo lời chị Năm nói thì lúc bé tôi cũng có thể gọi là một trẻ ngoan ngoãn nghĩa là không nghịch-ngợm lắm mà cũng không quấy vùi lắm. Con út, nên trong nhà ai cũng chiều chuộng. Lúc bé, tôi rất thích ăn thịt mỡ nên dù có khi rất khó khăn, mẹ tôi cũng mua một ít hay do bà, chị nhường-nhịn cho. Một năm, đến Tết, mới lên sáu mà tôi cũng được sủng-sính trong chiếc áo the mới, ai cũng tấm tắc khen là đẹp. Lớn hơn một chút, tôi mới hiểu rằng may được chiếc áo này không phải là dễ, nhiều khi hàng họ ế ẩm, trong nhà đếm tiền đóng gạo cũng không đủ, có khi phải vay của nhà ngoại (tất nhiên là vay phải trả lãi), trong gia-đình thường có cãi cọ giữa bà tôi và mẹ tôi. Tám kịch mẹ chồng nàng dâu đã diễn ra như trong muôn nghìn gia-đình Việt nam khác, nhưng trí-óc non nớt của tôi không thể phán đoán được gì.

Năm tôi lên 7 là những ngày đáng ghi nhớ nhất. Lần

đầu tiên tôi phải cấp sách đến nhà trường. Không biết lúc đó đối với đi học tôi có hứng thú gì không, nhưng tôi nhớ rõ rệt những ngày đầu mẹ tôi phải cầm chổi phát trần để xua tôi đi một cách rất vất vả. Vào đến lớp học, tôi cũng theo chính sách tiêu-cực đề kháng bằng cách ông giáo hỏi gì tôi cũng im thin thít. Nhưng về sau thì đầu cũng vào đấy vì dù tôi không tích cực lắm, tôi cũng không thuộc vào hạng quỷ sứ nên ông giáo còn xoa đầu khen là đáng khác.

Đời sống cũng tạm yên, nhưng cũng phải đến lúc biến-đổi rồi. Số phận bắt tôi phải rời nơi tôi đã sinh ra và nhón lên, đã sống bao nhiêu phút vui tươi và hồn nhiên mà không còn bao giờ tìm lại được nữa. Anh Cả, anh Thụy, đôi đi dạy học trường huyện Thư trì nên gia-di quyết-định cho tôi cùng đi theo học ở đấy. Một ngày năm lên tám, tôi rời bỏ phố huyện Cẩm-giàng, cái nhà tranh ba gian yêu-dấu, cái sân đầy tóc tiên, cái ao và cây sung đầy quả, cái nhà ga nhỏ và cây đa mâm xôi, cái cầu Giàng ngấn trên con sông Sen êm vắng. Tôi rời bỏ cả những bạn học nghịch-ngợm nhưng bịn rịn lúc chia tay và những cô em họ bé nhỏ còn long lanh nước mắt khi ra tiễn ở sân ga.

Từ Cẩm-giàng đáp xe lửa lên Hà-nội, ở chơi vài hôm, vừa quen mùi náo nhiệt của Thủ đô thì phải xuống tàu

thủy đi Thư trì ở tỉnh Thái-bình. Trường học ở ngay huyện lỵ, cạnh sông Hồng-hà. Đó là một trường có 3 lớp, trước mặt là sân rộng, đằng sau là cánh đồng mông-mênh và con đê dài tắp. Chúng tôi thuê nhà của một ông cụ già, một ngôi nhà tranh nhưng cũng sáng sủa cao ráo, điển hình của thôn quê Việt nam, với cái sân gạch, cây cau thẳng vút có thể hứng nước mưa vào bể nước trong, hai bên trồng hai cây cam to, đến mùa đầy quả chín vàng, trĩu cây rất đẹp, chỉ tiếc là hơi chua. Ở đây hơn hai năm cũng là những ngày tươi đẹp trong đời tôi. Trừ ngày hai buổi đi học, tôi cùng bạn hữu chạy chơi trên đê, xuống các làng ven đê, tranh nhau hái những quả táo ta vừa to vừa ngọt. Táo ở đây có tiếng. Chúng tôi ưa nhìn những xe ô-tô đi lại phía tỉnh lỵ và nhất là ra bến tàu thủy để nhìn những tàu bè qua lại. Tâm-hồn non nớt của tôi không khỏi rung động khi nhìn xuống giòng sông Hồng mênh-mông, nước đỏ lừ trôi ra biển khơi, những bãi oát ngàn xa với những đồng dâu, ngô bát-ngát. Những buổi chiều lắng nghe tiếng còi tàu thủy ở xa xuôi về Nam-định nó gợi lên một nỗi buồn mênh mông, da diết như tiếng than của đời người.

Học được hai năm, tôi lên Hà-nội, thi đỗ bằng Sơ-học yếu-lược, một bằng học có lẽ có một không hai trên thế

giới, rồi về Thái-bình học Cao-Tiểu. Lúc ấy, tôi vẫn là một học-trò quê rúst rúst, lần đầu tiên vào lớp Moyen, tôi đối đáp không được lanh lợi, ông giáo nói bằng tiếng Pháp với những học trò khác : Học-trò nhà quê đều có vẻ ngốc-nghech lắm... Sau này, khi gặp lại ông thầy-giáo này ở tòa báo Ngày nay vì một dịp ngẫu nhiên, tôi hỏi lại ông còn nhớ câu đánh giá rất cao của ông về tôi không ? thì ông cũng phải ôm bụng mà cười. Sự thực lúc ấy tôi không hài-lòng về thái-độ của ông giáo, cũng không quen với đời sống ở trọ ở Thái-bình, lại nhớ nhà quá, nên một hôm chủ nhật, tôi tự bỏ, lên luôn xe về Thư trì, bỏ quên cả cặp sách và mũ ở lại. Sau đó, mẹ tôi buộc phải đồng ý cho tôi về Hà-nội học vì lúc ấy cả gia đình đã dọn lên Hà-nội ở sau khi các anh Cẩm, Tam có việc làm. Đại-khai vào năm 1926, thì đời thơ ấu của tôi ở thôn quê kết-thúc và từ đó tôi bắt đầu sinh sống ở Thủ đô.

Mẹ tôi có khi làm nghề buôn gạo để kiếm thêm cho gia đình, nhưng sau này bà cũng không phải tần tảo như thế nữa. Tôi thì vào học ở trường hăng Vôi. Ở đây có những thầy giáo tốt kể cả một cô giáo người Pháp rất hiền hậu, không hề mắg học-trò bao-giờ. Nhiều khi cô còn giúp chúng tôi đóng lại những sách vở cũ. Chỉ có một ông giáo người Tây đen, không biết nguyên-quán ở đâu, tuy không đen bóng lắm nhưng khá ác. Ông này

luôn luôn cấp đầu những trò nào hơi nghịch ngợm một chút. Đôi khi tôi cũng bị ông cấp đầu đau điếng người. Không có học-sinh nào không sợ và không ghét ông. Song tôi cũng thuộc vào hạng ngoan và đến khi tốt-nghiệp còn được phần thưởng danh dự của trường học nữa... Hôm đi lĩnh thưởng ở nhà hát lớn thành-phố, tôi còn nhớ là anh học-trò ngồi bên cạnh tôi đi chân đất. Anh ta thấy cảnh tượng long trọng quá nên đến lượt, anh phải mượn đôi giày của tôi để đi lên lĩnh thưởng. Nhưng đôi giày của tôi chật hơn chân anh nên tôi không nhin được cười khi thấy anh đi như khập-khiêng lên sân khấu trước con mắt ngạc nhiên của mọi người.

Thời-gian này có mấy việc đáng ghi nhớ. Trước hết là anh Thụy lấy vợ. Cô dâu ở ấp Thái-hà. Ngày đi đón dâu, tôi cũng được vinh-dự mặc áo the, đeo thẻ ngà, ngồi xe kéo trong một chuỗi xe dài khá oai. Đã lâu mới có một ngày vui vẻ tấp nập như thế. Nhất là lại có cỗ rất ngon, cả những thứ mà tôi chưa từng được nếm mùi : Nào vây, nào bóng, chim nấu nấm và cả trứng đen, Lạp xường, thực là đủ vị. Tôi được mục kích cô dâu chú rể lễ tổ tiên và bái bà mẹ. Nhưng có ai ngờ đâu, chỉ hơn một năm sau người chị dâu hiền-lành và yếu đuối của tôi đã cả mẹ lẫn con từ giã cuộc đời trong khi anh cả đương dạy học ở tận Cao-bằng và mang theo với mình những nỗi uất ức riêng. Hai là anh Ba cũng cưới vợ.

Nhưng lần này thì gần hơn, đón dâu chỉ phải đi từ đầu phố đến cuối phố Cầu-gỗ. Đám cưới cũng rất nhiệt-náo và vui-vẻ. Anh Ba lúc đó còn làm công-chức quen ở sở Tài-chánh, nhưng anh may mắn hơn, vì được bà vợ tháo-vát, sau này còn giúp chồng sang du học Pháp.

Đúng là hồi ấy, chúng tôi phải tiếp-thu nền giáo-dục nô hóa của Đế quốc Pháp. Ai cũng học qua lịch-sử Pháp: Tổ tiên ta người Gaulois, học, viết đều bằng tiếng Pháp.

Nhưng dù sao, ảnh hưởng của ý thức dân tộc và dân chủ trên thế giới cũng lọt qua những giòng sách giáo khoa hay những sách báo hồi ấy. Và nhất là những sự kiện về Phan-Chu-Trinh, Phan-Bội-Châu chấn động xã-hội Việt-nam, những vụ bãi công, bãi-khóa đầu tiên, không khỏi có tiếng vang đến những học-sinh thiếu-niên và đề ra những câu-hỏi mà ai cũng phải trả lời sau này.

Chương 2 - Người Học Trò Trung Học

Xã hội Việt-nam đã xáo động dần lên khi tôi bước chân vào giai-đoạn Trung-học và những xáo động ấy đã ghi ảnh-hưởng sâu xa đến tôi cũng như đến bao nhiêu thiếu niên hồi ấy.

Năm 1929, tôi thi được vào trường Bưởi, tức là trường Bảo-hộ. Đó cũng là một sự may mắn vì rất đông người thi nhưng chỉ lấy một số rất ít. Nhà trường này là một trong hai trường Trung-học có tiếng, trường kia là trường Albert Sarraut, và cũng có bề mặt oai-nghiêm, nhưng tôi lại có phản cảm ngay với nó từ phút đầu. Sáng hôm khai-học, mới bước vào sân trường tôi đã gặp một cảnh tượng khó quên. Mấy trăm học-trò đứng-cung-kính ở sân trường để đợi ông Đốc ra. Khi ông này, Autigeon, bước ra thì ai nấy đều phải bỏ mũ rơm rạp và đứng yên như tượng gỗ. Ông bệ vệ lấy mắt trù lên cả mọi người, khi nhận thấy không có động đậy gì và cũng không có một tiếng động nào, ông mới bắt đầu huấn thoại. Nếu về sau này, mỗi lần gặp ông ta mà quên không bỏ mũ chào thì rất nguy-hiểm, vì ít ra cũng bị trách phạt một tua. Nhiều giáo sư cũng khắc nghiệt có tiếng. Thí dụ, ông Charpin dạy lịch-sử khi nghe ông giảng bài kỳ thực là nguyên văn đọc sách, thì phải ngồi

im như tượng, và hai con mắt nhất định phải dính vào mồm ông ta không rời. Không-khí nhà trường mà âm thầm, nặng-nề như một nhà tu kín hay gần như một trại tập trung. Đương nhiên cũng có nhiều ông giáo nho nhã và hiền hậu, rất tận tâm trong việc dạy học.

Vĩ để tiện đến trường, tôi lên trọ ở một làng gần Bưởi, cũng là một gian nhà tranh với ông chủ là một cụ già, nhưng là một cụ đánh cá rất giỏi, chuyên đánh cá hồ Tây bằng đinh ba. Vì thế ngoài món thịt lợn luộc truyền thống thường phải ăn, lại thỉnh thoảng có cá chắm hay cá mè rất béo. Ngày nghỉ, chúng tôi hay dạo chơi trên đường Cổ ngư hay trên đườđườngong Quần-ngựa cho đến đường vòng quanh hồ Tây, với cảnh ruộng lúa và hồ nước êm-đềm, những cảnh tượng đó ghi sâu vào trong óc những học-trò trường Bưởi. Về sau gia-đình tôi dọn đến đường Giám, bên cạnh Văn-miếu. Đến đây, lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với những làn sóng cách-mệnh của một dân tộc bắt đầu đứng vững lên.

Tuy còn nhỏ tuổi nhưng những học trò trường Bưởi ít nhiều cũng đã tiếp-thụ những ý-thức dân tộc mới mẻ. Những lời truyền trong xã hội về hai ông Phan, những tiếng đồn về Thanh-niên Cách-mệnh Đồng-chí hội, đảng Tân-Việt, vụ án Bazin v. v... làm cho thanh niên cảm thấy rằng sắp có những biến cách gì trong xã hội

và cả ở trong đầu óc mình nữa.

Đầu năm 1930, một người bạn lớp trên đến tìm tôi, bình thời hai người vẫn chơi với nhau, và rủ tôi vào tổ chức bí-mật, mục-đích là dành độc lập cho dân-tộc. Cũng chưa biết cụ thể là tổ chức gì, phải làm những việc gì, nhưng tự nhiên tôi đồng ý ngay nhưng sau đó những việc xảy ra dồn dập đã khiến chúng-tôi không có hành động gì. Đó tức là cuộc bạo động của Việt-nam Quốc dân đảng.

Những ngày ấy, cả Hà nội có một bầu không khí khác thường. Rất nhiều tin đồn về những đảng bí-mật, về những vụ bạo-động khắp nơi rồi đến tin có bom nổ ở ty cảnh sát hàng Đậu. Đến sáng, quân Pháp, lính Lê-dương (Légion) và khố đỏ, cảnh-sát gác khắp các đầu đường, khám xét những người qua lại, trừ những trẻ con và học-trò như chúng tôi. Cả đến anh Thụy tan sở về nhà cũng bị khám rất lâu vì trong túi anh có nhiều tạp vật. Vẫn những tin đồn-dập cuộc khởi nghĩa vang động của miền Bắc, rồi là sự trấn áp của thực dân Pháp, những tòa-án đề-hình, những vụ chém người ở Yên-bái. Sau đến những cuộc bạo-động, biểu tình của nông dân ở Nghệ-Tĩnh, lại trấn áp tàn bạo và nhiều bản án tử hình hay tù chung-thân. mấy năm đó là một thời-kỳ giông tố trong xã hội Việt-nam, nó báo trước một cơn

bão táp dữ dội gấp bội 15 năm sau.

Biết bao nhiêu tên tuổi anh-hùng và liệt-sĩ đã ghi sâu vào trí óc thanh-niên Việt-nam, với những Nguyễn Thái-Học, Sứ Nhu, Ký-Con, cùng với những nhân vật trong đảng Cộng-sản Đông-dương. Lúc-đó, tôi quen thuộc với những tên trong Việt-nam Quốc dân đảng hơn, chúng tôi tự nhiên mặc nhận đó là những người con anh hùng của Tổ quốc, là những gương sáng của dân-tộc. Nhưng tôi chưa thể phân biệt rõ giữa họ và đảng-viên Cộng-sản, tôi thấy mơ hồ là hai bên đều là ái-quốc chống Pháp, nhưng đích xác thì khác nhau ở chỗ nào ? Riêng đối với Nguyễn-Ái-Quốc, tôi được đọc một quyển sách bí-mật nói về ông như một nhân vật thần-kỳ và bí-hiểm mà bọn mật-thám Pháp không tài nào tróc nã được. Nhìn ảnh ông, một thanh-niên mặt gầy hom, mắt sâu nhưng kiên-ngहि phi thương, chúng-tôi không khỏi thán phục người cách mệnh lão thành tay không đứng trước cả một bè lũ đế quốc mà không sòn, và đế quốc Pháp sợ nhất chính là ông. Hồi ấy tôi không sao tưởng tượng được rằng 15 năm sau, tôi lại gặp Nguyễn-Ái-Quốc trong những trường-hợp đặc biệt.

Đương-nhiên, những tên Hoàng-Cao-Khải Hoàng-Trọng-Phu cũng được người ta chú-ý như một mặt trái của xã hội. Nhiều người còn mơ hồ về tính chất của bọn

Phạm-Quỳnh hay Nguyễn-Văn-Vĩnh, vì họ tranh luận với nhau về phương thức làm nô-lệ cho thực dân... Báo Nam-phong và Trung-Bắc Tân-Văn được nhiều người đọc và của đáng tội, cũng có một số bài có chút tiến-bộ phần nào hay có ích về học-thuật, như cuộc tranh luận về đề mục «Anh hùng tạo thời thế hay Thời-thế tạo anh hùng» được nhiều người theo dõi. Tuy nhiên, họ đã làm quá trớn khi xưng tụng Nguyễn-văn-Vĩnh là một Đại-văn-hào khi ông qua đời.

Về mặt văn-nghệ, chúng-tôi chịu ảnh hưởng nhiều nhất là nền văn chương lãng-mạn phôi thai, với Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, Tú-Xương... và nhất là quyển Tố-tâm lịch-sử của Song-an Hoàng-Ngọc-Phách và những bài thơ như Giọt lệ thu bi ai của bà Tương-Phổ. Đó là những tiếng than của thời-đại, hầu như in lại văn-nghệ lãng-mạn Pháp thời Lamartine hay thời Goethe, Pouchkin và thời Hồng-lau-mộng, Tuyết-hồng, lệ-sử nữa. Anh Tam cũng đã viết những tác-phẩm đầu tay với Nho-phong, Người quay tơ, trong đó ít nhiều đã biểu lộ tài hoa của anh về sau này. Nhưng phải đợi vài năm sau khi xã-hội Việt-nam im lặng hơn thì nền văn nghệ mới nảy nở nhiều khóm hoa sáng lạn.

Đời sống đã tương-đối yên-tĩnh. Các anh tôi đều có việc làm, gia-đình sung-túc hơn một chút. Mẹ tôi dành

dựng được một số tiền nên quyết định dọn về Cẩm-giàng, mua một mảnh ruộng ngay bên đường xe lửa cách ga vài trăm thước, dựng lên mấy nhà gỗ lợp tranh. Bà lại tậu được một ít ruộng đất để cho nông dân cấy rẽ, thêm thu nhập. Mấy năm sau lại xây được một nhà gạch ba gian. Trước nhà có vườn rộng, giống nhiều ổi, na, cam. Chung-quanh thêm nhà lại có tóc tiên và nhiều hoa nhài, hoa ngâu, cũng có thể gọi là một biệt-thự đầy màu hương thổ. Thế là bà cũng giàu mãi nguyện và gần đạt đến mục đích là đuổi kịp bên ngoại về kinh tế.

Tất nhiên là cả bà tôi và chị Năm cũng về Cẩm-giàng. Nhưng một việc xảy ra khiến mọi người ngạc nhiên là chẳng bao lâu, tôi cũng bỏ học về Cẩm-giàng. Lúc đó tôi đang học trường Bưởi, năm thứ hai. Đã lâu, tôi thấy chán ghét cái trường thực dân này và không chịu đựng được không khí nặng nề của nó. Phóng-đăng đã bắt đầu đến với tâm hồn tôi. Tôi ao-ước một đời sống tự do tự tại hơn. Mẹ không phản-đối nhiều vì tin tưởng ở khả năng tự học của chúng tôi. Còn các anh tôi thì theo thói quen trong nhà, không tỏ ý-kiến gì. Từ trước đến sau anh em chúng tôi không ai can-thiệp vào hành động của nhau cả. Nhưng có điều lạ là chính mấy ông giáo sư của tôi, kể cả ông Charpin gắt-gao trên kia, lại tỏ ý rất tiếc và khuyên tôi đừng nên bỏ học vì thành tích cũng gọi là khá. Nhưng tôi đã quyết-tâm rồi, tuy rằng

vẫn chưa tin chắc là mình có thể thành công khi tự học một mình không. Thế là cuối năm 1931, tôi lại trở về cố hương Cẩm-giàng trong ngôi nhà mới. Ở lại đây mấy năm cho đến khi lên Hà nội thi bằng Tú-tài (tốt-nghiệp Cao-Trung). Đó cũng là những ngày yên-lành và hạnh-phúc. Tôi mua rất nhiều sách các khoa để tự học. Mỗi ngày dành cả buổi sáng ôn tập. Tất nhiên là phải cố nhồi vào óc các quyển văn-chương Pháp đầy ụ, mấy quyển Vật-lý, Số học... không kể đến các tiếng Anh xa lạ. Buổi chiều, được rỗi, dạo chơi theo đường sắt, nghe tiếng gió vu vu thổi qua cột giây-thép, hay ra ngồi dưới bóng cây đa mâm xôi ở bên kia đường sắt. Những ngày gặt hái vui mừng tấp nập tôi cũng theo mọi người ra đồng ruộng, đến lúc nghỉ ngơi trên bờ ruộng, ăn cơm nếp hành mớ nóng hổi và thơm phức dưới cơn gió hơi lành lạnh, có khi đượm vào tiếng hát lanh lảnh của cô gái đồng quê nào. Những phút êm đềm ấy không bao giờ quên được. Còn những ngày Đông, mưa phùn gió Bắc tạt ngang trên những gốc rạ vàng nâu, những đêm tối tụ tập quanh bếp rơm, những ngày Tết đầm ấm của tuổi thơ. Đêm ba mươi, mọi người đoàn tụ, chúng tôi quây quần trước thúng nấu bánh chưng, thức suốt đêm chuyện trò hay đánh tam cúc. Tất cả mọi người ở Hà-nội đều về không đủ giường nên giải ỏ rơm trên nền nhà ai nấy đều cảm thấy ấm áp. Tối hôm ấy rất tấp-nập, vì các bà, các chị

bận về việc làm cỗ bàn lễ tổ, bàn thờ được trang trí đặc-biệt với nhiều hương nến sáng choang. Mùi thủy-tiên thơm ngát lẫn với mùi thanh đậm của hoa đào.

Sáng mừng một Tết đã đến. Đã tắm gội bằng nước lá mùi, mọi người đều trình trọng tụ họp ở nhà trên trong những bộ quần áo mới, còn tôi thì chỉ có cái áo the là sang nhất. Bà tôi và bên cạnh là mẹ tôi ngồi chiếu cạp đở trên cái sập để mỗi con cháu lễ mừng tuổi. Ngày nay người ta có thể cho là phong-kiến, mà chính lúc đó chúng tôi cũng thấy ngần-ngại khi theo sau các anh chị quỳ ở chiếu-dưới khấu đầu làm lễ. Được cái là lần nào cũng có phong bao. Và về sau này chúng tôi tự động thay lễ quỳ dưới đất bằng cách mỗi người đều rót nước chè để chúc tuổi, (cách này chúng tôi cũng áp-dụng khi về chúc thọ 80 tuổi của bà ngoại, khi tất cả con cháu trong nhà đều quỳ lễ ở dưới sân theo tiếng hô chỉ huy của cậu Cả, thì chúng tôi chỉ xếp hàng lên rót rượu chúc mừng bà cụ trong những tiếng xì xào của đám đông). Ngày Tết tới thích nhất là bánh trưng và đánh đáo. Vào buổi tối chúng tôi lại vào nhà bên ngoại để tham dự đám sóc đĩa ở nhà cậu Cả, hay là đánh bắt với những cô em họ đến tận nửa đêm. Người ta hoan-nghenh nhất là những hội đình làng với những vở chèo cổ truyền. Đó là những ngày náo-nhiệt và vui vẻ nhất cho dân quê trong một năm giờ.

Ngày thường, thú nhất cho tôi vẫn là một mình đi thơ-thẩn tại những làng xóm chung quanh, những làng xóm nghèo xơ xác âm thầm nấp sau lũy tre xanh. Trời nắng tôi qua cổng làng đi dần vào những con đường mát rượi giữa rặng tre trên bờ ao bèo vắng động, với những ngôi nhà lẩn sau cây bưởi và mít đầy vẻ Việt-nam. Buổi trưa im ả, chỉ nghe thấy vài tiếng giã gạo, hay tiếng mấy cô gái đập áo trên cầu ao. Đời sống người ta sao nó êm tĩnh thế và không biết còn kéo dài đến mấy đời người. Về sau này, tôi đã phiêu-bạt nhiều nơi đã tiếp xúc với bao cảnh tượng phồn hoa náo nhiệt nhưng dù sao lúc nào tôi cũng chỉ muốn ẩn thân trong cái làng Việt-nam êm tĩnh để lặng cho cuộc đời mình trôi qua. Nhưng cái hy-vọng đơn-giản như thế cũng không bao-giờ có thể thực hiện được nữa. Mấy năm ở miền quê, trong thời-gian tương đối yên vui này, có một sự kiện đã gây nên bi-thống cho tất cả mọi người và riêng tôi là việc bà tôi qua đời. Trước ngày mất, bà cụ suốt ngày nằm trong một gian phòng đầu nhà, thỉnh thoảng chỉ có tôi chạy vào hỏi thăm và trò chuyện. Đám tang bà cụ rất đông đủ và cũng khá linh-đình, nhưng không thể xóa mờ nỗi ngậm ngùi của tôi về thân thế bà. Đó là những cảm-nghĩ đau-thương đầu tiên trong tuổi trẻ của tôi.

Mẹ chồng và nàng dâu là bị-kịch ngàn đời nhắc đi nhắc lại không ngừng. Bao-nhiều đắng cay chua-chát cho đến cả tuyệt-vọng âm-thầm đã đến cho bao nhiêu gia-đình cho đến tận nay, và cũng là đầu đề cho nhiều áng văn tuyệt tác. Từ lúc tôi hiểu biết đời người không rõ tại sao tôi vẫn luôn luôn đồng tình với bà tôi, có lẽ vì bà lúc đó chịu nhiều đắng cay hơn ai hết trong gia-đình. Lúc mẹ tôi mới về làm dâu thì không rõ bà đối xử thế nào nhưng tự khi chồng và con giai duy nhất chết đi, không có tài sản gì, đời sống phải ỷ vào con dâu tần tảo làm ăn, thì địa vị của bà đã đổi khác hẳn. Suốt ngày như thằm-lặng ở trong nhà làm những việc lặt vặt, nhiều khi hình như bị người ta quên bẵng. Mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu lại ngày càng phát triển vào hướng bất lợi cho bà. Thêm vào đấy mẹ tôi lại rất nóng tính. Có một lần giữa một hồi cãi cọ, tôi nghe thấy rõ rằng mẹ tôi lớn tiếng bảo bà : Nàng dâu hơn 40 tuổi đầu mà còn là nàng dâu à ? Có lần mẹ tôi còn ném cả bát đĩa xuống thêm nhà vỡ tan-tành. Trí-óc của tôi lúc còn bé không thể đoán được nguyên-nhân của những cuộc xô-xát và ai phải ai trái. Dần dần bà tôi đã già yếu và an-phận hơn nên xô-xát cũng bớt dần. Mọi việc lớn nhỏ trong gia-đình đều do mẹ tôi quyết định. Bà tôi thương các cháu, nhất là cháu út là tôi và chị Năm là người hay săn sóc đến bà nhất. Niềm an-ủi duy nhất lúc về già là

lòng yêu của các cháu. Ngày nào, sáng dậy, bà cũng thắp hương và châm ngọn đèn con trên bàn thờ tổ, rồi ngồi yên trên giường niệm Phật bằng chuỗi hạt đá đen bóng, rồi lấy cối giã giầu ăn rất thích thú. Còn tôi thì không thể hiểu tại-sao bà lại chuyên cần làm những việc như thế ? Vì thú-thực, đối với giỗ Tết, chúng tôi rất hoan nghênh nó đưa lại những mâm cỗ thịnh soạn khá ngon, còn đối với tôn-giáo, chúng tôi có thể gọi là hoàn toàn xa-lạ và vì thế sau này chúng tôi tự nhiên trở nên những kẻ Vô thần luận.

Không biết tại những ngày cuối cùng của đời mình, bà nghĩ những gì và có cảm thấy hạnh-phúc không ? Tôi rất mong tự đáy lòng là bà đã tìm được hạnh-phúc trước khi nhắm mắt.

Bà tôi sống một đời như thế, song mẹ tôi cũng không phải vì đó mà sống một cuộc đời sung-sướng. Từ lúc mới bước chân về nhà chồng làm dâu, chắc bà đã chịu nhiều nỗi đắng-cay trong một gia-đình phong-kiến. Chồng bà mất để lại cho bà một gánh nặng trên vai với một mẹ và 7 con. Bà đã có tài gánh nổi để các con đều thành tài. Mong bà là làm giàu, có cửa, có ruộng. Hiện-thời bà đã có phần nào thực hiện được. Nhưng trong gia đình còn chịu ảnh hưởng phong-kiến, bà luôn luôn xô xát với mẹ chồng và đối với các con dâu bà cũng xô-xát

như vậy. Tôi rất mến mẹ tôi nhưng trong thâm tâm tôi lại đồng tình với các chị dâu nhất là chị Cả đầu-tiên, người hiền lành và yếu mềm, về làm dâu chỉ một thời gian ngắn đã uất ức qua đời. Việc này cũng gây ra cách biệt giữa bà mẹ và con trai. Cho đến bà chị Cả kế sau, cũng không sao hòa hợp được. Chỉ có bà chị dâu nào biết tự lập thì ít nhiều mới tránh được điểm ấy. Hình ảnh bà mẹ chồng xuất-hiện trong cuốn Đoạn tuyệt của Nhất-linh sau này rất linh động và chân-thực, cũng là phản ảnh sinh-hoạt gia-đình này, một phần nào.

Tuy chúng tôi không đồng ý với nhưng quan-điểm của mẹ nhưng cũng phải công nhận về tài tháo vát của bà, gia đình đã phát-triển hơn lên về mặt kinh-tế. Một mặt đời sống các anh tôi đều dần dần thay đổi. Anh Thụy tự học lấy, đỗ bằng Tú-tài, bỏ nghề gỗ đầu trẻ thi vào làm ở sở Bru-chính Hà-nội, để bước lên địa-vị ông Tham. Bà vợ kế nhà cũng có gia-tư, đời sống khả quan. Anh Cẩm, anh Hai, tốt nghiệp trường Cao đẳng Canh-nông rồi đi làm ở những nông trường xa như Phú-hộ hay Boloven tận Nam Lào. Anh Tam thì bỏ nghề cạo giấy và nghề họa, ba năm sau đỗ bằng cử nhân Vật-lý-học, về Hà-nội đi dạy học ở trường tư Trung-học Thăng-long. Anh Long (thứ tư) học trường Luật, xong ra làm Tham-tá ở tòa án Hà-nội. Chị Thế vẫn ở nhà giúp việc gia vụ. Anh Lân (thứ sáu) cũng đỗ bằng tú-tài, sau

thì lên trường Canh-nông nhưng anh không thấy hứng thú lắm. Chẳng bao-lâu anh chuyển sang làm báo với anh Tam.

Từ một gia-đình quan-lại một lạc, theo thời-thế và cũng nhờ phần nào sự cố gắng của mọi người, gia-đình chúng tôi chủ yếu đã biến thành công chức hay giáo viên, một từng lớp trung-lưu tiếp xúc với những tư tưởng mới, nhất là Tây-phương đến. Cái đó đã quyết định một phần nào tính cách và hành động của chúng-tôi về sau. Thực vậy, sự biến chuyển lớn nhất hồi ấy là việc anh Tam quyết-định ra tờ báo Phong-hóa cùng với anh Long, anh Lân. Đó là một bước ngoặt đánh dấu một thời-kỳ mới đối với gia đình Nguyễn Tường chúng tôi. Trong khi ấy, tôi đã sửa soạn thi bằng tú tài và rời bỏ đất quê-hương Cẩm-giàng, lên Hà-nội dấn thân vào một quãng đời khác, quãng đời mà người học sinh thanh-niên bắt đầu tham dự vào những hoạt động văn nghệ và xã-hội.

Chương 3 - Phong-Hoa, Ngày Nay Và Tự Lực Văn-Đoàn

Hồi-tưởng về quá-khứ xa xôi đã 40 năm, tôi vẫn tự đặt một câu hỏi : Cái gì đã thúc đẩy gia-đình chúng tôi bước vào con đường văn nghệ ? Tại sao những người anh như anh Tam, anh Long lại chuyển sang làm báo, khi mà họ có thể được một chức-vị tương đối cao trong xã hội hồi ấy ? Một thí dụ anh Tam có thể kiếm được một chức giáo sư, anh Long có thể nhẩy ra làm quan huyện rất dễ dàng.

Chúng ta hãy nhìn lại xã hội Việt-nam sau những ngày sóng gió 1930-1931. Tình trạng tương đối yên-tĩnh khá thích hợp với sự nẩy-nở của văn nghệ. Thời-gian đó quả là một thời-đại Hoàng-kim cho văn-chương, báo-chí, nghệ thuật, vẽ, âm-nhạc, cũng là cho sự trào lưu nhiều luồng tư tưởng khác nhau. Mọi tầng lớp trong xã hội đều có phản ứng riêng của mình đối với hiện trạng mà tất-nhiên phải nẩy ra những nhân vật đại-biểu để nói lên ý-thức của mình. Một mặt khác, sau những cuộc đàn-áp tàn-bạo, bọn thực dân Pháp cảm-thấy không còn mấy sự uy-hiếp về bạo-lực nên cũng có thể nới rộng tay một đôi chút để lấy lòng dân chúng. Đồng-thời nền phong kiến đã xuy sụp. Ý-thức của nền dân chủ Âu Mỹ đã lan

dần đến Việt-nam. Nhiều người, nhất là thanh-niên có tư tưởng mới, mang tính-chất bất mãn với những sự xấu xa bất công trong xã hội, cùng với tinh thần phóng túng lãng mạn cá nhân, giống như xã hội Âu châu về Thế kỷ XIX và xã hội Trung quốc những thập niên đầu Thế kỷ XX, là sản-phẩm tất nhiên của thời đại.

Ở đây tôi chỉ xin ghi lại những ấn tượng của riêng tôi trong những ngày đáng nhớ ấy. Từ hồi 1932-1933 đã có một số nhật-báo và tạp-chí ra đời với nội-dung mới mẻ, đã có vài cuốn tiểu thuyết có tính chất lãng-mạn, những bài luận-thuyết về cải cách xã-hội, chống lại những quan điểm thỏa hiệp, bảo-thủ hay chủ trương tam tòng tứ đức của những học-giả cổ hủ.

Nhiều người muốn biểu lộ ý-kiến của mình, mong góp vào sự xây-dựng một xã-hội tốt-đẹp hơn. Tại-sao lại chọn con đường làm báo ? Sau này, trong khi chuyện gẫu với các anh Tam, Long, Khái-hưng... thì anh Tam cho biết : Chúng tôi rất muốn viết và cũng rất thích viết. Còn vì tại-sao thì cũng khó trả lời. Việc chúng tôi ưa-chuộng nghề văn hình như là một việc rất tự nhiên, không cần phải giải thích gì cả. Nếu muốn phân tích nguyên nhân thì cũng có. Đó là khi còn đi học chúng tôi rất thích văn-chương và thường có thành tích cao. Lúc còn trẻ chúng tôi đã tự động viết một số tác-phẩm. Sang

Pháp du học, anh Tam đã được trực tiếp mắt thấy tai nghe về xã-hội Pháp, thời cũng được đọc những sách báo Pháp. Đó là điều thúc đẩy anh cũng muốn làm thế khi về nước. Vì thế, anh là người dẫn đầu trong sự-nghiệp với sự cộng tác của anh Long, anh Trần-Khánh-Dur (Khái-Hung) và anh Lân sau này. Họ góp tiền mua về lại một tờ tạp-chí đương ngắc ngoải, tờ Phong-hóa và tái bản với nội dung cùng hình thức hoàn toàn mới mẻ và đặc-biệt. Vừa ra đời, báo được độc giả hoan-nghênh nhiệt-liệt, gây ấn-tượng sâu sắc trong quần chúng, với những xã thuyết mạnh mẽ, những bài châm biếm sự bất-công, xấu xa. Báo đã kích cả những nhân vật có quyền-thế, kể cả vua quan và bọn trưởng-giả cùng nhiều khía cạnh thực dân, với những tiểu thuyết hay truyện ngắn lãng mạn, trữ tình, với những phóng sự chân thực. Đó là những bài viết của Nhất-linh, những bài châm biếm của Tú-ly (tức anh Long), những truyện ngắn của Khái Hưng, phóng sự Hà-nội ban đêm của Việt-sinh (tức Thạch-lam sau này), những bài thơ trào-phúng của Tú-mỡ. Người ta còn nhớ mãi những cuốn Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân, Ganh hàng hoa, Đoạn tuyệt... Sau này lại thêm một nhân tài nữa là anh Thế lữ với quyển Mấy vần thơ, đánh dấu một thời-kỳ trong phong-trào Thơ mới. Những hình ảnh Lý Toét, Xã-Xệ và Bang Bạnh đã quen thuộc với nhiều tầng lớp

trong xã hội. Trên cơ-sở ấy, đã tổ chức Tự lực Văn-đoàn, đã phát triển một phong-trào Văn-nghệ có liên quan đến các nhân tài khác như Xuân-Diệu, Huy-Cận, Đoàn-Phú-Tứ, Nguyễn-Tuân, Trần Tiêu và các họa-sĩ như Tô-Ngọc-Vân, Nguyễn-Gia-Trí, Trần Bình-Lộc, Nguyễn Tường-Lân và nhiều nhạc sĩ có danh...

Nhóm Phong-hóa, Ngày nay quả đã hấp dẫn được quần chúng một cách đặc biệt vì tài viết văn của họ. Đó là lời phê bình của các nhà văn vô-tư. Nhưng cũng có một số người không đồng ý về tính-chất tiến bộ của họ. Sau này tôi đã được đọc vài cuốn sách, trong đó có cả những tác-giả quyền uy chính thức, phê-bình họ là đã có tác dụng ru ngủ quần chúng và có hại cho cách-mang. Nếu theo đúng như luận-điều ấy thì chỉ có làm công tác bí mật hay đánh du-kích thì mới là tiến bộ.

Đứng về mặt chính-trị mà nói, có thể là không được triệt-để. Nhưng trong nhiều điều kiện khắc-nghệt của thời đô-hộ Pháp, dám công-khai chỉ trích những tệ-hại trong xã-hội, đòi tự-do bình đẳng, chống phong-kiến, không thể không gọi là có can-đảm. Hà-huống nó đã bị bọn thực dân khủng bố bao lần. Không những kiểm duyệt hà-khắc mà còn bị đóng cửa vĩnh viễn. Thì ngay bọn thực dân cũng phải công-nhận nó là cái gai trước mắt. Và sự ủng hộ của độc giả, kể cả các tầng lớp lao

động đông đảo cũng có thể nói lên điều ấy. Còn riêng về văn chương thì hiện nay còn nhiều người ham đọc sách Tự lực Văn đoàn cũng như ở Liên-xô người ta thích đọc Tolstoi, Dostoievky hay Pouchkin.

Dưới ảnh hưởng của thời-đại, tôi cũng như nhiều thanh niên khác đã đi vào con đường văn nghệ, cũng học hỏi làm thơ mới, viết truyện. Nhưng đời làm thơ của tôi quá ngắn-ngủi nên không có thành tích gì đáng kể so với những nhà thơ khác. Hai nữa lại bận học thuốc và thi cử, cùng với những việc khác nữa nên mộng làm thi-sĩ của tôi cũng vẫn chỉ là giấc mộng mà thôi. Dù sao, từ khi lên Hà nội ở tôi cũng góp phần nào vào công việc nhà báo và còn nhớ như in những ngày hăng say đó.

Phải nói là nhóm Phong-hóa làm việc rất mê say, có khi cả ngày, cả đêm viết bài, sửa bản in hay duyệt đọc hàng đống những tập bản thảo của độc giả gửi đến. Lúc mới đầu ai nấy đều phải làm không lương để trang trải tiền giấy và tiền in. Song ai cũng vui lòng chịu đựng vì họ thích viết và được độc giả khuyến-kích mạnh mẽ. Báo bán càng ngày càng chạy. Tình hình tài chính cũng khả quan hơn. Nhưng lại gặp hiểm họa là ông kiểm-duyet. Ông này nhiều khi cúp cả hàng trang bài, đến nỗi phải để trắng và nguy nan nhất là mấy lần bị cảnh cáo

và mấy lần bị đóng cửa treo giò. Trong lúc lao đao này, anh em lại phải ăn vào vốn hay nhờ các bà nội trợ tần tảo để nướng-tựa lẫn nhau quá cơn sóng-gió.

Tuy vất vả và bấp-bênh, đời-sống chúng-tôi vẫn thú vị và tạm coi là đầy đủ. Nhiều khi tôi phải giúp một tay để giải quyết hàng chồng bản thảo của độc giả gửi đến và rất nhiều bạn trẻ đã gửi đến những tác phẩm còn thơ ấu trong đó tác-giả đã gửi gắm biết bao ước vọng của mình. Riêng tôi thì rất đồng tình với họ, song tiếc rằng phần lớn đều chưa đạt đến yêu cầu về tư tưởng hay về hình thức. Nhóm Phong hóa đã nâng đỡ được nhiều nhà văn trẻ. Đó là một sự thú vị và có ý-nghĩa. Những phút rỗi rãi, chúng tôi ngồi quây quần trước lò sưởi, uống cốc cà-phê nóng đặc, đánh ván cờ tướng hay chơi bài belote. Buổi chiều, nếu trong túi ai có nhiều tiền một chút thì sang cửa hiệu Hoa-kiều trước mặt nhà báo, tìm một chỗ ngồi tĩnh mịch, uống cốc rượu bia hay Rhum, với vài miếng pâté làm đồ nhắm. Đôi khi rủ nhau ra nhà Thủy-tạ ăn cốc kem, để lặng nhìn xuống nước hồ Hoàn kiếm xanh lơ. Chúng tôi cũng hay đi du-lịch, thăm những nơi danh lam thắng cảnh hay dự các hội hè ở các đền chùa, vừa để ngắm cảnh vừa có thể viết các bài phóng-sự ngắn. Nếu hoàn cảnh cho phép thì còn được đi nghỉ mát ở Sầm-sơn hay Chapa nhất là những độ báo bán chạy và khi các số đặc-biệt về Tết được mọi

người hoan nghênh.

Ai cũng còn nhớ hồi đó có thể gọi là một thời kỳ toàn thịnh của văn nghệ. Nhất là lúc Mặt trận Bình-dân lên nắm quyền ở Pháp thì tại Việt-nam, họ cũng nói rộng một chút. Các báo từ tả sang hữu đua nhau ra đời như bướm bướm, trong đó có nhiều tờ có giá-trị nhưng cũng không ít tờ lá cải hay chết non. Nhiều nhóm văn-chương, lý luận đã ra đời và cũng xảy ra nhiều cuộc cãi vã inh ỏi. Tiểu thuyết và thơ mới là hai mặt nẩy nở nhiều nhất, với hai khuynh-hướng khác nhau. Khuynh hướng lãng mạn và khinh hương tả thực. Ngành hội họa và âm nhạc cũng bắt đầu phát-triển với nhiều nhân tài còn để tiếng tăm đến ngày nay. Nhiều người vẫn còn là nòng cốt của hàng ngũ văn nghệ sĩ hiện thời. Nhà xuất bản Đời-nay cũng giúp việc in sách và giới thiệu nhiều tác giả còn trẻ.

Vì bị đóng cửa, tờ Phong-hóa phải đình bản và tờ Ngày nay ra đời với một nội-dung và hình thức hơi khác. Sau cùng đến những ngày sóng gió 1940-1941, tờ Ngày nay cũng đình bản luôn và chỉ còn nhà xuất-bản Đời-nay với nhà in của nó là còn hoạt động.

Đời-sống chúng tôi bước vào một giai-doan mới : Giai đoạn hoạt động xã hội và Chính-trị.

Chương 4 - Đời Sinh Viên Và Những Hoạt- Động Xã Hội, Chính Trị Đầu Tiên

Trên cái bối cảnh hoạt động văn-nghệ và xã hội, là một học-sinh trung-học, việc chính của tôi không thể không là chuẩn bị thi bằng tú-tài và sau này kiếm một nghề gì thích-đáng vì dù sao nghề văn-báo cũng khó duy-trì một đời-sống đầy-đủ. Với cách tự học, tôi đã đỗ phần thứ nhất rồi xin vào trường Albert Sarraut để học phần Triết-học. Đây là một trường quý-tộc hơn trường Bưởi nhiều. Tôi xin được vào học hoàn toàn là do thành tích học-tập cho phép và chỉ phải học có một năm, nên gia đình cũng cố gắng nộp đủ tiền học. Ở đây tôi được ông giáo Triết-học ưa chuộng và thành tích cũng khả quan. Nhưng điều mà tôi không ưa nhất là những cô bạn học người Pháp kiêu căng và hóm-hỉnh. Lúc ở trường, cần đến, họ sẵn sàng đến hỏi mình nhưng khi ra đến phố Tràng tiền thì ở tận xa họ đã lờ bắng đi như không trông thấy ai. Ở đây, tiếng Việt-nam lại biến thành ngoại-ngữ ngay trên đất nước Việt-nam. Ông Lê Thành dạy tiếng Việt-nam, bản thân cũng chán nản vì không ai coi trọng môn này, kể cả chính tôi nữa, dù lúc đó tôi đã viết văn thơ. Song ta cũng nên nhớ rằng học ở Albert Sarraut ra thì dễ thi đỗ hơn nhiều và nếu muốn kiếm việc làm cũng không khó.

Năm 1936, tôi vào học trường Thuộc. Năm đầu học Sinh-Lý-Hóa rất nặng nề và bận rộn đầu óc đâm ra khô khan, buồn tẻ, nên càng sao nhãng việc viết văn. Đến khi lên năm thứ nhất, càng bận rộn hơn vì sáng nào cũng phải đến nhà thương kiến tập mà chiều thì 1 giờ đã phải cuộc xe đến nhà xác thành phố học giải phẫu. Cuộc đời người sinh-viên Y khoa đã lấn dần cuộc đời người văn-sĩ. Về sau này, thời-cuộc rối-ren, lại làm cho đầu-óc mọi người không được thanh-thoai. Nhưng dù sao trong thâm-tâm, tôi cũng ưa mến nhất nghề văn, cũng muốn làm nên một sự-nghiệp gì. Nhưng, tiếc thay thời-thế đã không cho phép và mệnh vận đã khiến tôi không thể ngồi cùng với các bạn văn-nghệ-sĩ ngày nay để góp sức vào nền văn học của dân tộc.

Đời sinh-viên của chúng tôi cũng có nhiều thú vị. Những bạn học của tôi nếu còn sống đến ngày nay, rải rác khắp năm châu, chắc cũng còn nhớ những mùa thi đầy hoa-phượng đỏ, chúng tôi sánh vai nhau dưới bóng cây dương, Trần Hưng Đạo, Lý-thường-Kiệt, những ngày hè đi nghỉ mát ở bãi biển, những ngày tập bơi ở Hồ-tây, những buổi tập nập của ngày hội Sinh-viên, những hội chợ tung bung, những đêm gác êm đềm với những cô hộ sinh hay học trò cô đỡ dí dỏm. Đời sống ở trọ cũng khá lang-thang, quả thực nay đây mai đó, mang tính cách lãng-mạn của tuổi trẻ và cũng vì-thế

nên các sinh-viên chúng tôi đều theo chủ-nghĩa độc thân tuy rằng không phải là không có bạn gái. Trong lúc còn là học trò, tôi có hạnh-vận gặp một cô nữ sinh trường Đồng Khánh ở nhà người bạn. Chúng tôi được dịp nói chuyện với nhau không nhiều nhưng không lâu chúng tôi đều rõ là rất hiểu nhau. Cũng là mệnh vận khiến cho chúng tôi sau này đều đi vào một con đường: Chiến-đấu vì dân tộc cho đến ngày cô đi biệt-tích. Từ đó về sau chúng tôi không còn có dịp gặp lại nhau nữa, nhưng cô vẫn để lại một ấn tượng sâu sắc làm tôi phải thăm-phục là một cô bé thùy-mị và hay thẹn-thò lại có một ý-chi cương quyết làm cách-mệnh hơn cả nam nhi.

Nhưng cuộc đời lãng-mạn và đầy thi-vị của chúng tôi cũng dần dần đi mất theo thời-gian. Những làn-sóng trong xã hội Việt-nam đẩy các thanh-niên hồi ấy vào những hành động khác hơn là học và chơi, hay ít ra cũng phải suy nghĩ về tương-lai. Tiếng vang của biến-động trên toàn thế giới cũng đã lan đến Việt-nam như Nhật, Đức, Ý trở nên một khối mạnh có thể tranh đoạt với những đế quốc cổ truyền Anh, Pháp. Liên-xô, một nước thần-bí đương đầu với cả thế giới tư bản. Những triệu chứng tiến triển của cuộc đại chiến thứ hai; khối Bình dân thắng lợi ở Pháp, báo hiệu những sự thay-đổi sâu rộng có thể có lợi cho những dân tộc bị đô-hộ. Những trào lưu tư tưởng ái quốc và cải cách xã hội càng

lan mạnh trong nước mà cho đến cả bọn thực dân Pháp và tay sai cũng không thể ngăn-cản nổi. Đứng trước sự đè nén của Pháp và những bất-bình nghèo-khổ, lạc hậu của tổ quốc, một số thanh niên đã bắt đầu nghĩ đến phải làm một cái gì để thay-đổi tình trạng.

Trừ những hoạt-động bí-mật còn lại của các đảng-phái ta, những cuộc bãi-công, bãi-khóa, cũng có một số hoạt động khác của sinh-viên. Ngày trước chỉ biết diễn những vở kịch lãng-mạn, nhưng bài ca trữ tình, Tổng-hội sinh viên đã tổ chức những buổi kịch ca tụng những nhân vật ái quốc trong lịch-sử khiến cho có lần viên Toàn-quyền Decoux đã phải xấu hổ bỏ ra về, hay những buổi nói chuyện về lịch-sử oai-hùng của dân tộc. Tổng hội sinh viên cũng tổ chức những hoạt động tuyên truyền ở nông thôn cùng với sự khám-bệnh, phát thuốc cho người nghèo. Phong-trào truyền-bá Quốc-ngữ cũng phát-triển mạnh. Ngoài ra còn có thể kể đến Phong-trào Ánh sáng do nhóm Ngày nay đề xướng để dựng những ngôi nhà rẻ tiền giúp cho những dân nghèo ở bãi Phúc-xá.

Những người có ý thức dân tộc đều muốn làm một cái gì triệt-để hơn nữa. Chỉ khác nhau ở chỗ con đường họ chọn mà thôi. Ai cũng biết là đảng Cộng-sản Đông-dương vẫn còn hoạt động bí-mật. Chỉ có một số ra hoạt-

động công-khai dưới hình thức báo chí, bãi công... Một số người chới mắt trước sức mạnh của Đế quốc Nhật, muốn noi theo gương Nhật để đánh đổ Pháp và xây dựng quốc gia. Có người lại muốn học hỏi hay dựa vào Đức Ý, chủ-trương Quốc gia chí thượng và giai cấp đề huề. Một số thì muốn dựa vào Trung quốc và theo chủ nghĩa Tam-dân của Tôn-Trung-Son, chủ yếu là những người còn sót lại của Việt-nam Quốc dân đảng. Có người muốn theo lối dân-chủ Đại-nghị của phương Tây, có người chủ trương bạo-động nhưng cũng có người chủ trương dùng phương pháp hòa bình để tiến đến độc lập. Tất nhiên là có rất nhiều người chân tình yêu nước nhưng còn hoang mang hay dè-dặt không biết đi đường nào là phải. Chỉ có những bọn chủ trương Pháp-Việt đề huề là phải núp xéo và im hơi lặng tiếng.

Năm 1938, thế-giới chiến tranh bùng nổ với việc quân Đức xâm chiếm Tiệp-khắc, Ba-lan rồi Anh, Pháp tuyên chiến với Đức Ý. Các nước Mẫu quốc đương bọn bề vì chiến-cuộc, các dân tộc thuộc-địa cảm thấy cơ hội có một không hai để phá tung xiềng xích đương trói buộc họ. Tại Việt nam, có nhiều đảng bí mật ra đời trong đó có đảng Đại-Việt Dân chính do nhóm Ngày nay xướng-lập. Cũng như trăm nghìn thanh niên Việt-nam lúc-đó, tôi tự cảm thấy là phải làm cái gì để đánh đuổi thực-dân Pháp dành lại tự do độc lập và đưa dân tộc đến chỗ ấm

no, hạnh phúc. Trong nhóm sinh-viên cũng đôi khi bàn tán điều này nhưng ai nấy cũng chưa biết nên làm gì. Bỗng một hôm anh Tam rủ tôi ra ngoài sân nhà báo nói chuyện. Anh nói vắn-tắt là anh đã thành lập một đảng bí-mật, mục-đích là đấu tranh cho độc-lập, phế bỏ chế độ vua quan, lập nên một nước Cộng-hòa và hy vọng tôi tham-gia. Sự đó không làm tôi ngạc nhiên vì tôi đã nghe nói qua, cũng rất tán-thành. Song lúc đó về cách-mệnh hay chính trị thì tôi rất ấu-trĩ nên cũng không hỏi thêm về chi-tiết nữa. Chúng tôi vào cùng một chi-bộ nhưng thực ra không có hoạt-động thực-tế gì và cũng không phát triển được đảng viên mấy. Mãi sau này mới có một tờ in tay nói về cương-lĩnh của đảng. Đó là một sự kết-hợp hỗn tạp của chủ nghĩa Quốc gia trong đó có thành phần của chủ nghĩa Tam-dân lại có cả thành phần của chủ nghĩa Phát-xít, nhưng đầu óc chính trị non nớt của tôi hồi ấy không thể phân-biệt được đâu là đúng, đâu là sai. Nhưng cái cương lĩnh hỗn tạp ấy bản thân nó không thể lôi cuốn được đa số quần chúng nhất là quần chúng lao-động ở thành thị cũng như ở nông thôn. Mặt khác, công việc tuyên-truyền và tổ chức rất yếu ớt nên số đảng viên Đại-Việt Dân-chính chỉ gồm một số trí thức, công-chức trung lưu ở thành phố, không là bao nhiêu. Những người lãnh đạo lại không có một đường-lối cụ thể để động viên dân chúng, không biết tìm cách

vũ trang để chuẩn bị khởi-nghĩa mà lại phán đoán nhầm tình hình quốc tế. Mong tưởng dựa vào sức Nhật để đánh đuổi thực-dân Pháp, không thấy rõ bản-chất của Đế quốc Nhật. Tất-nhiên là đưa toàn đảng đến chỗ thất-bại không thể tránh được sau này.

Quân Đức chiếm đóng Paris, chính-phủ đầu hàng Petain lên cầm-quyền, đánh dấu sự sụp đổ của thế lực Pháp. Quân Nhật thừa cơ tiến vào Đông dương nhưng giảo-quyết không triệt-để tiêu-diệt nền thống-trị của Pháp mà vẫn giao quyền nội-trị cho Pháp để được rảnh tay đối-phó với chiến tranh. Đó là một mũi dao nhọn đâm xuyên qua lưng những đảng-phái theo Nhật và cả nhân-dân Việt-nam, làm cho họ vỡ tan giấc-mộng Khôi Đại-thịnh vượng Đông Á và trở tay không kịp.

Tin-tức Nhật đánh vào Lạng-son, thực ra hồi ấy đã làm rung-động xã hội Hà-nội. Mọi người tưởng rằng chẳng bao lâu Nhật sẽ tiến về Hà-nội, nên đô-hộ Pháp sẽ sụp đổ và thế nào Nhật cũng trao lại quyền độc lập cho Việt-nam. Nhiều sinh viên trong đó có cả tôi cũng đều nghĩ như thế. Nhưng sự thực chua cay lại khác hẳn và bất ngờ. Chỉ lâu sau, bọn Pháp ký một Thỏa-hiệp với Nhật. Guồng máy thống-trị của Pháp vẫn còn nguyên vẹn. Chúng tôi còn đương hoang mang thì bỗng một hôm vừa ăn cơm chiều xong trên gác trọ, một người

bạn hốt hoảng đến tìm, báo tin là Pháp đã đột nhiên khùng bố. Trong bọn chúng tôi, anh Long, Khái-hung và Nguyễn-Gia-Trí đã bị bắt cùng với một số anh em khác. Anh Tam đã trốn đi. Về sau tôi mới biết anh trốn đi Quảng châu. Tin này làm chúng tôi sửng sốt, bèn quyết định mọi người tạm thời lánh mặt, chỉ có anh Thạch-lam là ra mặt duy trì công việc báo-chí vì anh không tham-dự hoạt động bí-mật. Bọn mật-thám sục sạo một hồi nhưng sau cũng thôi, vì có lẽ không có chứng cứ gì thêm. Trong lúc tôi cáo ốm nằm trên gác riêng thì các anh em vẫn có liên-lạc trong đó có cả anh Dương Đức-Hiền, một trong những người sáng-lập đảng Dân chủ sau này. Chúng tôi cùng hội-ý với nhau là tạm thời im lặng để xem tình thế biến-chuyển ra sao.

Nửa tháng sau tôi lại đi học. Lúc ấy đang tập-sự môn ngoại thương ở nhà thương Phủ doãn. Lúc này tôi cũng gặp mấy việc bất-ngờ. Một lần tôi bị gọi ra sở Mật-thám hỏi chuyện nhưng không ngờ bọn nó chỉ hỏi về những hoạt động của Tổng-hội Sinh viên, lúc ấy tôi có chân trong ban Chấp-hành Tổng-hội nhưng hoạt động của hội không có gì để soi mói được. Một việc nữa cũng bất-ngờ là tôi gặp anh Nguyễn-Gia-Trí trong vòng Ngoại-khoa. Theo tin riêng, chúng tôi đã biết các anh Long, Khái-hung, Gia-Trí đều bị giam trong sở Mật-thám và bị tra-tấn khá dữ kể cả bằng roi điện. Nhưng

bỗng một buổi sáng tôi đang làm trong một phòng Ngoại-khoa ở tầng dưới thì thấy hai hộ-sĩ đẩy một xe cáng vào, một bệnh nhân không rõ mặt nhưng lạ là có hai người mặc quần áo thường kèm sát. Khi bác-sĩ thường trực bắt-đầu khám, người bệnh quay mặt lại, hai luồng mắt chúng tôi gặp nhau thì tôi không khỏi khẽ rùng mình. Đó tức là anh Gia-Trí. Đôi mắt xanh của anh lơ-đờ hơn lúc thường nhiều, tóc dài tận gáy, bộ râu quai nón của anh ngày thường đã rậm thì nay chĩa ra tua tủa trông đáng sợ. Tôi phải cố hết sức giữ vẻ tự nhiên khi xem những vết thương do tra tấn của anh. Được cái là những vết thương này cũng không nặng lắm nhưng những vết thương vì điện nhiều khi bề mặt không đáng sợ song ảnh hưởng rất sâu đến tinh-thần. Sau này chỉ nghe các anh ấy kể việc tra tấn bằng điện một khi tra là rùng buốt khắp mình, đầu óc choáng lên một cách ghê sợ, khiến phải rú lên kinh khủng. May là bọn mật thám không nhận được ra tôi, vả lại cũng không ngờ đến, nên trong khi băng bó tôi có thể trao đổi vài lời. Tôi nhận thấy tinh-thần của anh vẫn vững. Qua anh với mảnh giấy nhỏ, chúng tôi biết là các anh em ở trong tù vẫn an toàn cả nên cũng yên tâm và ngược lại cũng thế. Ít lâu sau chúng tôi được tin là các anh em, một số bị đi đầy tận trại tập trung ở Sơn-la trong đó có các anh Long, Khái-hưng và Gia-Trí cùng với một số chiến-sĩ Cộng-

sản.

Nhà báo Ngày nay phải đình bản nhưng anh Thạch-lam vẫn phụ trách duy trì nhà xuất bản và nhà in Đời-nay, chuyên xuất-bản những sách cũ và mới. Anh Thạch-lam là một nhà văn giàu tình cảm nhưng lại kém tài kinh-doanh. Vả lại người anh ốm yếu nên tôi và một số anh em còn lại cũng cố giúp anh trong công-việc nên cũng tạm đối phó được với tình thế, lại còn lo cả việc vận-động thả những anh em bị bắt ra. Nhưng chỉ hơn một năm sau, đến tháng 7 năm 1942 anh Thạch-lam vì mắc bệnh đau phổi, chữa chạy không khỏi nên đã mất đi để lại một vợ và 3 con thơ. Anh là người mất sớm nhất trong nhà, trong lúc mới có 33 tuổi, giữa cái tuổi anh còn có thể sáng tác những áng văn sâu sắc hơn nữa.

Ở lại Hà-nội ngày ấy chỉ có anh Thụy, chị Thế và tôi. Còn anh Hai ở tận bên Lào, anh Ba trốn ra ngoài nước và anh Long vẫn đi đây ở Sơn-la.

Sau khi chôn cất anh Thạch-lam, với niềm bi-thương vô hạn, trong lúc còn học năm thứ năm trường Thuốc, tôi đứng ra làm Giám-đốc nhà xuất-bản Đời-nay. Độ ấy bị đau khớp xương nên tôi phải nghỉ học luôn luôn, đồng thời vẫn phải lo những công tác địa hạ trong đảng nên đối với việc thi cử tôi có phần nào sao nhãng. Tuy vậy tôi cũng miễn cưỡng tốt-nghệp được.

Hồi ức lại những ngày gian-nan đầy hoang-mang và thất vọng ấy, nhiều khi chúng tôi tự hỏi : Tình thế sẽ đi đến đâu ? Thỏa-hiệp Pháp Nhật còn kéo dài bao lâu? Và tự mình phải làm những gì ? Vì tổ chức tan-vỡ, không có người cầm đầu, lại có nguy-cơ lúc nào cũng có thể bị khủng bố nên một số anh em không khỏi hoài nghi trước tiền đồ của dân tộc. Đa số thì im hơi lặng tiếng.

Cho đến năm 1943, quân Đồng minh đã thắng-lợi một cách rõ-rệt. Đức Ý Nhật phải lui ở khắp các mặt trận. Quân Nhật thất bại, đó là điều mọi người đều cảm thấy không thể dựa vào thế lực Nhật được nữa. Những người chủ-trương dựa vào Nhật ngày trước thì nay lại quay đầu sang dựa vào thế lực Đồng-minh Anh Mỹ và Trung-hoa của Tương-Giới Thạch. Họ cho rằng quân Trung-hoa sẽ đánh bại Nhật và sẽ giúp cho Việt-nam dựng lên độc-lập. Trong số đó có anh Tam và một số anh em đã chạy sang Trung-quốc. Họ dứt bỏ bọn Nhật để lén đến Liễu-châu (Quảng Tây) là nơi có quân-đội Trung-hoa Quốc-dân-đảng.

Tới đây, họ hợp tác với những phần tử Việt-nam Cách-mệnh Đồng-minh hội do một số những người ái quốc lưu-vong Việt-nam lập nên trong đó có Nguyễn-Hải-Thần, những người thuộc phe Quốc-gia, những nhóm Phục-quốc v. v...

Họ dựa vào chỗ dung-nạp của Trung Quốc để hoạt động. Song những phe-phái này không có mấy cội rễ ở trong nước. Cụ Hồ-Chí-Minh cũng có lần đã hợp tác với Việt-nam Cách-mệnh Đồng-minh hội nhưng vì là Cộng sản nên cụ đã bị bắt giam ở Liễu-châu như mọi người đều biết.

Anh Tam sau này lại tìm đến Vân nam để gặp những phần tử của Việt-nam Quốc dân đảng ở đó, đứng đầu là Vũ-Hồng Khanh. Có lẽ vì hăm mộ lịch-sử của Việt-nam Quốc dân đảng và cũng chủ trương giống nhau trong việc liên kết với Trung-Quốc để chống Pháp, Nhật, họ đã đồng ý hợp tác với nhau và quyết-định mang tổ chức Đại-Việt Dân chính sáp nhập vào Việt-nam Quốc dân đảng.

Quyết-định này do một anh em bí-mật theo đường Hà-giang về Hà-nội giao cho chúng tôi.

Lúc đó các anh Long, Khái-hung, và Gia-Trí cùng nhiều anh em khác mới được tha về. Họ bắt đầu nói lại những mối liên-lạc cũ và cũng bắt-đầu hoạt động trở lại để chờ những ngày quyết-liệt mà ai cũng cảm thấy sắp rồn tới.

Tuy tôi lúc bấy giờ đã tốt-nghiệp Y-khoa song việc chính vẫn là duy trì nhà xuất-bản Đời nay. Trong thời-

gian này chúng tôi cho ra một số tác phẩm như Giai-phẩm, Nàng Bạch-Tuyết, thơ của Vũ-Hoàng Chương và của một số tác-giả trẻ tuổi. Nhưng thời lại hoàng kim về văn thơ của nhóm Ngày nay, Tự lực Văn đoàn, cũng có thể nói là của hầu hết các nhóm văn-nghệ khác, vì thời thế nên đã qua rồi, không bao giờ trở lại nữa.

Chương 5 - Trước cơn bão táp

Vận-mệnh của cá nhân, dù muốn hay không, cũng phải gắn liền với vận-mệnh của thời đại. Ngày-nay hồi-tưởng lại những sự-kiện năm 1945, thời-đại quyết định trong lịch-sử cận đại, những sự kiện ròn-rập tựa như một giòng thác lũ rập vùi không thể kháng cự được và cũng khó dự đoán được. Nó lôi cuốn cả thế giới, cả xã hội Việt nam và cùng bao người trong giòng thác. Không hiểu tại sao mà ấần mệnh chúng-tôi biến đổi rất kỳ-lạ và rất bất ngờ. Từ một thanh-niên trí-thức vẫn còn hồn nhiên, không có mục-đích cá nhân gì và muốn làm một cái gì cho dân-tộc, cho xã-hội, bền thành một nhân vật vật-lộn trên trường chính trị và sau này đã phiêu-bạt ở nước ngoài.

Đó là những ngày đầu 1945 với cảnh chết đói khủng khiếp ở miền Bắc Việt-nam. Không ai có thể quên những xác chết nằm ngổn ngang ở gầm cầu Hà nội, ở bờ sông, gần chợ và ngay trong các ngõ hẻm, những đường từ ngoại ô vào. Cũng không thể quên những xác sống đủ già trẻ lớn bé, mắt hõm sâu, tay chân chỉ còn là mấy ống xương, nằm dụi vào nhau ở vỉa hè hay đi lờn vờn gần những gánh hàng ăn. Tuy đã gần kiệt-sức rồi nhưng khi cướp những bánh giò hay đồ ăn gì khác chạy đi thì

họ vẫn còn nhanh như cắt. Đó là kết quả của sự bóc lột và đàn áp dã man của hai tầng Pháp Nhật. Nó giải thích một phần nào tại sao những nông dân cùng khổ này đến ngày tháng tám lại vùng dậy. Tình hình Quốc tế xoay đổi nhanh chóng phi thường. Ý đã đầu hàng. Quân Đức Quốc xã bị đẩy lui dần về tận sào huyệt của chúng : Berlin. Quân Nhật bị đẩy về đến gần bản quốc. Người ta đồn nhiều về việc quân Đồng-minh đổ bộ lên Đông dương, về De Gaulle, về sự sụp-đổ không tránh được của Chính-phủ Petain. Nhiều người Pháp ở Việt-nam bỏ trốn ra ngoài theo Đồng-minh. Thí-dụ như ông Meyer May, giáo-sư ngoại-khoa người Do-thái, thầy dạy của chúng tôi, bỗng mất tích không biết lúc nào.

Thế rồi bất thành linh, nửa đêm mùng 9 tháng 3 năm 1945, ở Hà-nội bỗng nghe thấy tiếng súng nổ ở vùng Cột cờ, sau lan dần đến chung quanh.

Sáng tờ mờ, tôi vùng dậy ra ngoài phố xem tình hình, không khỏi rật mình : Đường phố vắng tanh, không một người qua lại. Đầu phố đã có lính Nhật tuốt lưỡi lê đứng canh. Dần dần tiếng súng cũng ngớt và quân Nhật rút về trại. Họ đã đàn áp rất nhanh sự phản kháng yếu-ớt của quân đội Pháp. Mọi công-việc làm ăn vẫn tiếp tục như thường chỉ khác là bọn Nhật trực tiếp thống trị và đẩy Bảo đại ra làm bung xung. Nhật vẫn tuyên-bố là không

có tham-vọng, chiếm-lĩnh Đông-duơng (trước sau họ cũng phải cuốn gói), nhường cho Việt-nam độc-lập. Sự thực họ vẫn nắm cả quân đội, hành-chính và Kinh tế. Họ lập nên Chính phủ Trần-Trọng Kim. Phan-kế-Toại được bổ làm Khâm-sai Bắc bộ.

Dù sao, đó cũng là một cơ-hội có một không hai trong lịch-sử. Nền đô-hộ Pháp đã sụp-đổ. Số phận kẻ thống trị mới, Nhật, rất bấp-bênh và gần như tan-vỡ. Vấn-đề là Nhật còn đứng được bao lâu, và quân Pháp có lăm le trở lại không ? Mọi đảng phái, mọi nhóm đều phải có phản ứng trong thời kỳ này và phải biết nắm chắc lấy cơ hội để định đoạt tương lai của dân tộc. Khách quan mà nói, ai cũng phải công-nhận là Việt-minh hoạt-động và tuyên truyền mạnh mẽ nhất. Người ta luôn luôn nghe thấy những tin đồn về biểu tình của nông dân, cùng những truyền đơn chống Pháp Nhật. Quân Giải-phóng đã chiếm được mấy tỉnh Việt Bắc. Sự thực họ đã phát triển tổ chức rộng rãi ở khắp nước.

Những đảng phái Quốc-gia thì mãi túc ở những hoạt động bí-mật lẻ tẻ, chỉ phát-triển ở một số thành phố và trong giới trung-lưu hay trí-thức, không gây-dựng được cơ-sở quần-chúng đông đảo. Họ bị động ngồi chờ quân Nhật thua sẽ tự-nhiên trao lại độc lập cho mình hay y lại vào quân Đồng-minh khi đến sẽ gạt bọn Cộng-sản ra

ngoài hoặc ỷ lại vào anh em ở Hải ngoại. Họ cũng không biết võ trang quần chúng để đoạt lấy chính quyền khi có cơ hội. Họ cũng không có một con đường nào hay kế hoạch nào rõ rệt chỉ lối hành động cho tương-lai, lại không đoán ra được là thời-cuộc biến chuyển rất nhanh.

Sau ngày Nhật đảo chính, lợi-dụng việc quân Nhật chưa thể kiểm-chế được bao-chí, chúng tôi bàn và quyết định cho tái-bản tờ Ngày nay với mục đích truyền-bá những tư tưởng ái quốc, dân chủ, cải cách xã hội trong phạm vi hợp pháp và cũng để che đậy những hoạt-động bí-mật của đảng.

Các anh em cử tôi làm Giám đốc tờ báo, Khái-hung giữ việc tòa-soạn, Nguyễn Trọng Trạc, một đảng-viên đảng Xã hội Pháp, làm trị-sự. Chủ trương của Ngày nay cũng phù-hợp với một số giai tầng lúc đó. Tôi còn nhớ số đầu tiên trên mặt bìa là một tranh thời sự, phần trên vẽ người giơ tay hoan-hộ «Độc-lập Độc-lập» nhưng phần dưới vẽ những người ngắc ngoải chết đói với đầu đề «Đói ! Đói», bộc-lộ hiện trạng chân thực được mọi người hoan nghênh. Những bài có tính-cách hô-hào tự-do dân chủ, điều tra về nguyên nhân nạn đói, trưng cầu ý-kiến độc giả về các vấn-đề cải cách cũng được rất nhiều người hưởng ứng. Vì thế báo bán rất chạy, in ra đến số kỷ lục từ trước đến nay. Đương nhiên là một tờ

báo công-khai, nó không thể công-khai phản-đối Nhật-bản hay Bảo-đại. Người ta có thể cho nó là cải-lương hay thỏa hiệp. Đó là quan điểm của mỗi người. Một khía cạnh mỉa mai của ảnh hưởng của nó là chính-phủ Bảo-đại âm mưu lợi-dụng chúng tôi để lôi-kéo dư luận Bảo-đại muốn phong anh Long làm Khâm-sai Bắc-bộ, chủ yếu là vì anh đã bị Pháp đày đi Sơn-la nhưng tất nhiên anh cự-tuyệt. Còn tôi thì không ngờ lại bị họ phong làm Thanh niên ưu-tú của Quốc gia ở Bắc-bộ nhưng chúng tôi chỉ có thể tạ tuyệt Hoàng ân mà thôi.

Từ tháng 5 năm 1945, những liên lạc bí-mật tự Trung-quốc luôn luôn ra vào, giục trong nước phải chuẩn bị ráo riết. Nhưng một hôm ở tòa báo, tôi tiếp một người lạ mặt từ miền Bắc xuống. Anh này rút từ ống giày ra một tờ giấy mỏng, dưới ký tên một người mà tôi không ngờ đến, anh Dương đức-Hiển. Đại-ý nói anh đã tham-gia Việt-minh và ước hẹn, gặp mặt để bàn việc hợp tác. Vì anh Long vắng mặt nên Khái hưng và tôi đi gặp. Chỗ hẹn là một nơi ở cách thị trấn Hà đông chừng dặm cây số. Đáng kể là trên đường, Khái-hưng và tôi nhận được một bài học khá sâu sắc : Đến một quãng đường dứt quãng, lầy lội, Khái-hưng người yếu đuối, ngỡ ý cho tiền một thanh-niên nông dân vác hộ qua nhưng không ngờ anh chỉ gặp đôi mắt khinh-mạn của người nhà quê này, và rút cuộc anh phải tự vác lấy. Khái hưng vừa đi

vừa lác đầu : Đầu cũng là Việt-minh cả...

Chúng tôi gặp nhau trên bờ sông Nhuệ, trên thềm một cái miếu trông xuống giòng sông nhỏ êm đềm. Gần đó có một thanh-niên áo nâu, cầm súng đứng gác. Bộ áo nâu còn mới của anh Hiền cũng không ăn khớp với hàm răng quá trắng của anh. Chúng tôi được biết là anh đã lập đảng Dân chủ Việt-nam. Anh khuyên chúng tôi nên gia nhập Việt-minh để chống Nhật, đừng nên lừng khừng đứng ở giữa. Anh bảo : như thế mãi thì Nhật sẽ beng đầu các anh, nếu không thì cách-mệnh sẽ beng đầu các anh (nguyên-văn lời anh).

Chúng tôi hẹn một tuần sau lại gặp nhau sau khi hỏi ý-kiến những anh ở trên. Nhưng không may, vài hôm sau tôi nhận được giấy của anh Hiền cho biết rằng anh phải đi xa nên hoãn lại. Định-mệnh đã khiến chúng tôi gác bỏ đề nghị đoàn kết của anh và sau này, những đồng-chí cũ đã trở thành thù-nghịch. Thực ra trong thâm tâm của Khái hưng và tôi lúc đó cũng muốn hợp tác vì một mục đích chung nhưng có vấn-đề là chúng tôi đã sáp-nhập vào Việt-nam Quốc-dân đảng mà đảng này chủ trương dựa vào Trung, Mỹ, khó hợp tác với Cộng-sản. Mặt khác cũng vì luận điệu quá cứng cỏi như trên của anh Hiền đã làm chúng tôi khó tiếp-nhận vì lòng tự ái. Đến tận ngày nay, tôi tự hỏi : Nếu lúc đó hợp tác với

nhau thì thời vận của Tổ quốc sẽ ra sao ? It ra cũng tránh được ít nhiều sự đổ máu vô ích trong nội bộ và rất có thể làm Pháp phải rút tay trước một khối đoàn-kết dân tộc vững-mạnh Việt-nam.

Cho rằng quân Nhật còn cầm cự được một thời-gian lâu, chúng tôi vẫn hăng mê với công việc làm báo Ngày nay. Báo rất chạy. Tháng 7 đạt đến con số kỷ lục hơn 1 vạn số mỗi kỳ, vì độc giả rất hoan-nghehnh những bài nói về tranh thủ độc lập, cải-cách xã hội. Dân chúng muốn thấy có những ý kiến gì mới mẻ hơn. Một mặt Chính quyền Nhật-Bảo-đại đương lung lay, không thể chú-ý nhiều về việc kiểm-duyet ngôn luận. Nhưng về hoạt động bí-mật thì các anh phụ-trách việc đảng lúc đó vẫn chưa nắm được thời-cơ để hoạt động ráo riết và kịp thời như Việt-minh đã làm. Như thế là bỏ lỡ cơ hội trăm năm có một trong Lịch-sử Việt nam.

Những ngày lịch-sử tháng 8 năm 1945, những tin đồn càng ngày càng ròn rập về việc quân Nhật thất-bại và sẽ đầu hàng. Quả bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống Hiroshima. Vận-mệnh của Việt-nam sẽ ra sao trong những giờ phút quyết liệt này ?

Đó là những ngày mà chúng tôi bị lôi cuốn một cách không thể kháng cự vào luồng thác lũ sau này đã đưa chúng tôi xuống tận biển sâu.

67 | Việt Nam Những Ngày Lịch Sử

Trước khi thuật lại những ngày vật lộn ấy, tôi xin tạm ngưng viết về phần này để kể riêng về những nhân vật đáng chú ý trong gia-đình, và bạn hữu.

Chương 6 - Những nhân vật đã qua và người còn lại

Anh Cả : Nguyễn Tường Thụy

Anh cả tôi có thể gọi là một công chức điển hình. Anh là người duy nhất trong gia đình chúng-tôi không dính dấp gì về chính trị và cũng không hoạt động gì về văn nghệ. Nhưng không phải là anh không có tài và năng lực vì anh từ chỗ một nhà giáo tiểu học quèn đã bước dần lên chức giám-đốc Bru-chính. Đời sống tương đối yên ổn, phong-lưu qua mấy triều đình cho đến lúc về hưu, trong khi cuộc đời chúng tôi khác hẳn.

Không phải vì thế mà tôi không mến anh, người anh cả hiền hậu, thủy-chung thành-thực, không có tham vọng gì lớn mà cũng không muốn tranh dành một địa-vị gì. Nhà đông anh em, anh là người từ lúc còn trẻ đã phải ra làm giáo viên để chia đỡ gánh nặng trong gia đình, đã góp phần cung dưỡng các em ăn học thành người. Nhất là với tôi, anh là người giúp đỡ nhiều nhất về mặt này. Tôi ở với anh mấy năm trong khi tôi học tiểu-học ở huyện Thu-trì, như đã nói ở trên. Đó là những ngày vui đẹp trong đời tôi, do sự săn-sóc và dạy dỗ của anh (Anh lại là ông giáo của tôi). Anh rất cố gắng, chăm-chỉ, được học trò rất mến. Anh lại hiền lành, rất ít khi to

tiếng mắng quát như nhiều ông giáo hồi ấy. Không bao giờ tôi thấy anh đánh học-sinh cả. Đời sống của anh lúc ấy cũng rất giản-dị, buổi tối, ngày nghỉ chỉ thấy anh đọc sách. Nên nhận là anh thông minh xuất-chúng vì chỉ học ít năm Sơ-trung mà anh cố-gắng tự học các môn, sau này anh thi đậu Tú tài. Đỡ bằng này lúc ấy không phải dễ, mỗi năm bắt quá chỉ mấy chục người đậu mà tự học thì càng ít. Anh là người không biết nịnh-nọt ai cả, đó là đức tính chung của anh em chúng tôi, nên khi làm giáo-viên cũng khá lao-đao. Ở Thư trì, anh xung-đột với viên Tri-huyện, không chịu làm trái để chiều lòng tay này. Khi cãi nhau, anh nói đốp vào mặt hắn : Thằng đếch nào cũng chẳng làm gì được thằng nào... Và chẳng bao lâu sau, anh bị nha Học-chính đổi đi Bắc cạn. Trong thời-gian này, người vợ đầu tiên của anh ở lại Hà-nội, lúc sinh đứa con đầu lòng vì đẻ khó, đã chết cả mẹ lẫn con, trong khi anh còn ở xa trên mạn ngược. Lúc anh về được đến nhà thì chị Cả đã được chôn cất xong rồi. Tuy còn bé nhưng tôi cũng cảm thấy là anh đau thương vô hạn. Tôi hết sức đồng tình với anh, nhất là vì trong nhà bất hòa với tấn kịch mẹ chồng nàng dâu bi đát. Hình như là chị đã mang cả oan ức xuống tuổi vàng, người chị dâu hiền lành, ít nói của tôi. Lúc còn sống chị vẫn chỉ biết ngậm ngùi một mình. Sau đó anh cũng hóa ra ít nói và hay ngồi trầm tư. Trong cuốn

Nhật-ký của anh, ngẫu nhiên tôi đọc được mấy giòng chữ Pháp : me plonger dans l'étude comme dans une mer d'oubli (ta đắm mình vào học-tập như vào một bể cả lãng quên...). Tính tình anh không còn hồn nhiên như trước nữa. Song anh vẫn giữ được nghị lực. Sau này anh thi vào làm ở nhà Bru-chính Đông-dương. Tài năng chức-nghiệp đã đưa anh đến cấp cao, cho đến năm 1945 thì anh là một trong những nhân viên người Việt cao cấp nhất.

Bà vợ kế của anh khá giả hơn, có nhà riêng ở nên tuy đông con, trai gái gần đến mười người, có người tôi chưa từng gặp mặt bao giờ, đời sống có thể nói là ung-dung nhất trong gia đình. Có lẽ hứng thú duy nhất của anh là tổ tôm hay mà-chược vì buổi tối hay chủ nhật, tôi đến chơi, lúc nào cũng thấy đánh bài. Anh thích xem tiểu-thuyết nhưng đối với văn nghệ và thời cuộc thì anh không quan tâm lắm. Cuộc đời công chức khá-giả của anh so với cuộc đời tương đối lãng mạn của các anh em khác, đã là một nguyên nhân của sự cách biệt giữa anh em. Mà đối với mẹ tôi thì nghe như khó mà xóa mờ được những mâu thuẫn, trong đó vấn đề mẹ chồng nàng dâu vẫn còn dưới một hình thức khác. Vì thế, có khi anh cũng buồn và tức. Anh giận mọi người lãnh đạm với anh. Có một lần, trong ngày Tết, anh chỉ vào mặt tôi mà nói : Còn thằng này nữa, tôi đã nuôi-nấng dạy dỗ nó

mà nó cũng thế cả. Song tôi vẫn còn nhớ những ngày nghỉ, đến nhà anh ăn bữa cơm đầm ấm, chung quanh quây quần những cháu bé ngây-thơ. Bây-giờ chúng nó đã làm nên cả và hầu hết đã ở Âu Mỹ sinh sống. Đó là những giờ phút có thể làm cho tôi quên những mối lo âu và bận rộn trong công-việc. Tới những năm 39-40, chúng tôi bước vào con đường đấu tranh, tuy anh không đả động gì đến hay không can dự gì cả nhưng tôi cảm thấy rõ ràng trong thâm tâm anh sự tán thành và đồng tình đối với lòng ái quốc. Anh cũng đã là một thanh niên bông-bột yêu tự do và công-lý. Đối với anh em trong nhà thì anh là người sẵn sàng giúp-đỡ nhất trong khi thiếu thốn.

Cho đến tháng 9 năm 1945, Chính phủ Hồ-Chí-Minh đã lên cầm quyền thì anh vẫn giữ chức Giám đốc Bru-chính. Nhưng có lẽ vì anh quen lối làm việc với Pháp nên đối với cách lãnh đạo của Chính phủ mới, anh không tán thành. Một lần anh nói : Tôi đã bảo họ (Việt-minh) là các anh làm cách-mệnh nhưng khi đã là chính phủ thì phải làm như một chính phủ chứ... Tôi không để ý là họ làm ăn như thế nào nhưng xem ra anh chưa hiểu được thế nào là một Chính phủ cách mệnh. Nó không thể làm theo lối bàn giấy như ngày trước. Nhưng anh vẫn giữ nguyên chức vụ của anh như thường. Những ngày ấy, vì bận rộn nên tôi ít tìm đến thăm anh. Mỗi

đến tháng 6 năm 1946, sắp sửa phải lên miền Bắc, rồi sau này không quay lại nữa, tôi mới đến thăm anh một lần chót. Nhưng tôi cũng không đá động gì đến việc ra đi. Tôi còn nhớ là anh tỏ vẻ ái ngại vì những sự có thể xảy ra cho chúng tôi trong vụ xung-đột với Chính-phủ và với Pháp. Nhưng anh cũng biết rằng chẳng có gì có thể thay-đổi vận mệnh của gia-đình nữa. Còn tôi thì chỉ hy-vọng rằng anh và gia-đình sẽ được yên lành trong nhưng cơn sóng gió sau này.

Đó là lần cuối cũng tôi nhìn thấy mặt người anh cả. Trên con đường phiêu-bạt, vật-lộn sau này, tôi cũng được tin về anh. Quân Pháp chiếm Hà-nội, vẫn không thay đổi gì đến chức nghiệp của anh. Có tin buồn cho chúng tôi là chị Cả đã mất vì bệnh nặng. Đến 1954, anh di cư vào Sài-gòn và vẫn tiếp tục phụ trách Bru-chính. Sau này về hưu không thấy anh trực tiếp trả lời những thư của tôi viết về. Có thể là anh rất bận rộn vì công-việc gia-đình con, cũng có thể là anh ngại viết thư cho chúng tôi và vì thân-thể yếu ốm. Sau này trong nhà cho biết anh mắc bệnh tê phải nằm liệt trên giường bệnh mấy năm. Trông ảnh anh gầy và đáng thương lắm. Nhưng các cháu thì đều ăn học thành tài. Có thể gọi là làm nên và khá giả cả. Gia-đình đông đảo và yên vui. Năm 1976, tôi được tin anh đã qua đời. Anh là người hưởng thọ cao nhất trong những anh em đã mất. Tôi

cũng được an ủi vì anh đã sống một cuộc đời yên bình và đầy đủ hơn tất-cả chúng tôi và cũng đã tìm được hạnh-phúc riêng của anh, thứ hạnh-phúc mà riêng tôi không bao giờ tìm thấy được, ít ra anh cũng đã sống và mất trên đất tổ quốc yêu-thương. Ở xa hàng ngàn dặm, lúc biết tin anh qua đời, tôi không có thể làm gì khác hơn là gạt giọt lệ thầm để khóc người anh Cả cách biệt đã ba mươi năm, người anh đã để lại một ấn-tượng sâu xa, nhất là trong quãng đời thơ ấu của tôi.

Anh Hai : Nguyễn Tường-Cẩm

Cho đến tận ngày nay, tôi vẫn chưa được tin đích-xác về số-phận cuối cùng của anh Cẩm, người anh bất hạnh của tôi, đã ra sao ? Mất lúc nào ? Ở chỗ nào ? Chỉ nghe nói anh mất tích ở một hương thôn không xa Hà-nội mà thôi.

Anh là một người thâm trầm, ít nói. Cũng như anh Thụy, lúc còn trẻ lắm, anh đã phải ra làm giáo viên tiểu học để đỡ gánh nặng gia-đình. Nhưng vì anh học giỏi nên không bao-lâu sau, anh thi được vào trường Cao-đẳng Canh-nông và tốt nghiệp sau 3 năm học tập. Với nghề này, anh phải rời Hà-nội, nay đây mai đó để làm ông Tham-tá Canh-nông.

Tôi còn nhớ, khi anh làm ở Phú-hộ về nghỉ, có mang về ít sầu riêng với mùi vị đặc-biệt của nó. Nhưng tôi thích hơn là những quả soài và những quả măng cụt tím đỏ. Về sau này anh bị đổi đi Nam Lào, cao-nguyên Bolovens, một địa danh xa lạ đối với tôi hồi ấy. Được cái là anh hay về nghỉ vì mắc bệnh hen. Tôi rất e ngại cho anh khi mục kích anh lên cơn xuyên dữ dội nhất là về mùa rét. Túi anh lúc nào cũng có một thứ thuốc lá, không phải để hút mà để đốt lên để khỏi xông vào mũi cho đỡ một chút.

Sau này anh lại trầm mặc hơn trước, sau cái chết của đứa con đầu lòng, mất vì bị bỏng ở Cẩm-giàng. Nhiều khi anh ngồi một mình, lúc nào cũng đắm đắm suy-nghĩ một cái gì. Lúc thì anh kéo một điều thuốc Lào rất say để giải sầu. Quan-điểm của anh về cuộc đời thế nào anh em ít khi trao đổi ý-kiến. Đối với các hoạt động văn-nghệ hay xã hội anh cũng không biểu-lộ một tâm tình cấp thiết lắm. Song tôi cảm thấy anh cũng có một lý tưởng cao cả nào khác ngoài việc làm ông Kỹ-sư Canh nông suốt đời. Anh cũng muốn làm một sự nghiệp gì trong khi các em đương hoạt động mưu-cầu tiến bộ cho xã hội, cho dân-tộc. Một dạo chúng tôi dự định ra một tạp-chí Ngày-nay tranh ảnh theo lối những tạp-chí Pháp tương-tự. Anh cũng tham-gia quản lý và biên-tập. Tạp-chí này chuyên đăng những phóng sự có ảnh về mọi

mặt, đồng thời cũng gồm những bài bình luận, truyện ngắn v. v... Nhưng vì thiếu kinh-nghiem và vốn báo quá cao nên kết quả không thành công như ý muốn. Tự thấy mình chưa đủ tài năng về nghề báo, vài tháng sau anh lại quay trở về nghề nông. Phải nói rằng anh rất cần cù với nghề nông và làm việc rất tốt nhưng vì anh cũng trung trực như mọi anh em nên nhiều năm anh vẫn chưa được đổi về Bắc-Việt. Mãi tới 1946, anh mới trở về Miền Bắc, song lúc đó chúng tôi đã bắt đầu rời bỏ quê hương mà không được gặp mặt anh một lần cuối. Sau này được tin anh mất tích, tôi cũng không ngạc-nhiên lắm nhưng chúng tôi tự hỏi trong thời-gian ấy anh đã làm những gì ? Tôi tin chắc rằng anh đã không làm gì có hại cho ai. Những vận mệnh đã khiến anh âm thầm từ giã cuộc đời trong lúc đáng lẽ tài năng và lòng trung trực của anh khiến anh còn có thể làm nhiều việc có ích cho Quốc gia, dân-tộc.

Anh Ba : Nguyễn Tường -Tam

Một ngày trong năm 1963, tôi được một người bạn cho biết tin anh Nguyễn-Tường-Tam đã qua đời ở Sài-gòn. Anh bạn gửi kèm theo một mảnh báo tiếng Pháp thuật lại ngắn ngủi tin ấy : Nhà văn có tài trong Hiện đại Việt-nam, nguyên Bộ trưởng Ngoại-giao trong

Chính phủ Liên hiệp Hồ chí-Minh năm 1946, đã tự sát và tạ thế tại Thành-phố Sài gòn... Được tin này trong khi cách xa nhau hàng nghìn dặm. Tôi ngồi lặng đi trước cái chết bất ngờ của người anh xuất-chúng nhất trong gia đình, đã có ảnh hưởng trực tiếp và sâu xa đến cuộc đời của chính tôi, đã cùng cộng-tác bao năm giờ trong hoạt-động văn-nghệ và xã hội, cùng chung sống bao năm sôi-nổi, bông-bột, gian-nan, chua-cay và đầy nguy hiểm. Tôi khóc anh như một người anh hiền hậu và cũng khóc anh như một tài hoa của dân tộc đã đánh dấu một giai-đoạn lịch sử Việt-nam, một nhà văn lỗi lạc, một chiến-sĩ ái-quốc. Mấy đêm liền, tôi giận cả gia đình, một mình ngồi đến nửa đêm hồi ức lại những ngày quá khứ xa xôi.

Lần cuối cùng tôi gặp anh ở Hương-cảng và cũng là lần chia tay vĩnh-biệt. Anh về nước, còn tôi thì theo đuổi một lý-tưởng mới khác. Tôi nhớ là hồi ấy tổ chức gần như tan rã. Người anh yếu, mắc bệnh suy-nhuộc thần-kinh, ở ngoài nước cũng khó kiên-trì, nên các anh em khuyên anh về nước tịnh-dưỡng. Chúng tôi nói chuyện rất khuya. Cuối cùng tôi có khuyên anh về sau chỉ nên làm việc văn nghệ, cần tránh những cuộc đấu tranh chính-trị gay-go. Nhưng có ngờ đâu, hơn mười năm sau, anh lại bị Ngô đình Diệm bức phải tự hủy bỏ thân mình. Ngờ đâu một người có tài kiệt xuất, uy vọng

trong quân chúng và đã chiến-đấu vô tư trong đời mình lại gặp một số phận bị-thương như thế. Đây không phải chỗ đánh giá vai trò của anh trên lịch-sử. Có người phủ nhận tất cả sự nghiệp của anh, cho là anh đã phạm lỗi lớn trên lịch-sử. Cũng có người cho là anh đi con đường thứ ba, không chịu theo bọn Diệt mà còn âm mưu chống lại họ, gặp kết quả bất hạnh là tất nhiên. Cũng có người nhận là anh có tài văn nghiệp nhưng văn chương trong nhóm Tự lực Văn đoàn chỉ là văn chương lãng mạn có tác-dụng ru ngủ nhân-dân. Nhưng dù sao, đến tận ngày nay trong dân chúng Việt-nam, vẫn còn nhiều người nhớ tiếc anh như là đại-biểu xuất-chúng của cả một thời kỳ văn-nghệ phồn thịnh nhất. Dù sao phong-trào Phong hóa, Ngày nay và Tự-lực Văn-đoàn cũng đã gây nên ảnh hưởng sâu rộng không thể mờ được trong một thời đại.

Cho đến ngày nay người ta cũng ít thấy những tác phẩm nào gây xúc-động như thế trong quân chúng cũng như ở Nga, những tác phẩm lãng mạn của Pouchkine, Gogol, Tolstoi... vẫn gây xúc động trên toàn thế giới hơn cả những tác phẩm hiện đại.

Nhớ lại người anh, những viễn-ảnh lúc còn bé lại hiện ra trước mắt tôi như mới ngày nào. Trong hồi ức của chị Năm tôi, bà Nguyễn-Thị-Thế, chị có nhắc đến

anh Ba với hình tượng một người có đôi mắt thâm trầm, lúc nào cũng đắm đắm nhìn vào sự vật để quan-sát một cái gì. Cái mũi anh hơi gồ cao lên và có nhiều mạch máu rất nhỏ nên thường bị gọi là Tam mũi đỏ. Anh còn một biệt hiệu khác nữa là Tam cối vì lúc trẻ, anh thích ăn cơm với muối vừng mà muối vừng vừa giã nhỏ xong còn ở trong cối, thêm cơm vào trộn lên ăn nóng thì mới ngon tuyệt. Cái đó cũng đủ nói rõ tính cách bình dân và xuềnh-xoàng của anh. Đời sống eo-hẹp thuở nhỏ đã khiến anh nuôi một tấm lòng thân thiết với dân nghèo. Anh ghét bọn vua quan, những kẻ tai to mặt lớn phè phỡn, anh căm hận trước những sự bất-công trong xã hội thực dân. Tình cảnh gia đình bắt buộc anh lúc trẻ phải ra làm nghề cạo giấy nhưng trong thâm-tâm anh chán ghét đời sống Công-chức tầm thường. Anh ưa chuộng văn nghệ. Lúc trẻ anh có tài vẽ nên khi điều kiện cho phép, anh thi vào trường Cao-đẳng Mỹ thuật, định phát huy tài năng của mình về mặt này. Tôi cũng đã được xem một cuộc triển lãm có mấy bức tranh của anh vẽ. Mặt khác anh lại có khiếu về văn chương. Hai quyển Nho-phong, Người quay tơ đã cho người ta thấy sự phôi thai của một tài năng. Tôi nhớ mang máng là anh được giải thưởng gì đó văn chương hồi ấy. Có thể là anh đã chịu ảnh hưởng của văn-nghệ lãng-mạn Âu-châu và của những tác-phẩm ban đầu ở Việt-nam như

quyền Tổ-tâm.

Tình hình lộn xộn ở Việt-nam với những ngày sóng gió 1929-1930 đã làm phong-trào văn-nghệ tạm lui. Nhưng không ai ngờ được là anh Tam lại lập-chí sang Pháp du học, mà lại học về môn Vật-lý. Nhờ sự giúp-đỡ của gia-đình, anh sang Toulouse ở miền Nam nước Pháp. Với óc thông-minh chỉ trong 2 năm, anh đã lấy được bằng cử nhân Vật-lý. Vì thế sau này người ta hay gọi anh là ông Cử. Những thu-hoạch lớn nhất của anh theo ý tôi không phải là khoa Điện mà ở chỗ anh tiếp thụ được những quan điểm và nhiều nét của xã hội dân chủ tiến-bộ Cộng hòa Pháp IV, những trào lưu chính-trị, xã hội, văn nghệ hồi ấy, và anh đem so sánh với tình cảnh của một xã hội bị áp-bức, lạc-hậu ở Việt-nam. Anh đã suy-nghĩ rất nhiều và đã muốn làm một cái gì để thay đổi tình trạng này.

Phần lớn những người du học ở Pháp về đều là con nhà thương-lưu, khá giả nên khi về nước, ai cũng tranh dành lấy cho mình một địa-vị tương đương trên xã-hội, lương cao, bổng hậu, vợ đẹp, con khôn. Nhưng Nguyễn-Tường-Tam đã không muốn quá tầm thường ích-kỷ như thế. Anh có một lý tưởng cao cả hơn. Anh muốn làm một cái gì cho dân tộc, cho xã hội. Anh không mưu-cầu danh lợi cho cá nhân. Đó là món quà quý nhất mà anh

đã tặng cho chúng tôi. Những thanh niên ái quốc tiến bộ lúc ấy không phải là ít. Nhưng anh Tam có một ước vọng mãnh-liệt và thắm thiết, muốn dùng ngòi bút để nói lên những ý-kiến của mình và cũng là để tả những gì mà anh đã quan-sát trên đời. 1932-1933 là một thời-kỳ tương-đối yên lặng, thích-hợp cho những trào-lưu chống phong-kiến và văn nghệ lãng mạn nẩy-nở.

Với tờ Phong-hóa, anh là người xướng đạo một hình thức và nội dung báo chí có thể gọi là hoàn toàn mới mẻ, bao gồm những bài xã luận, những bài châm biếm, những tản văn có tính chất xã hội, những tiểu-thuyết và thơ mới. Riêng anh làm việc rất mê say, nhiều đêm không ngủ với điều thuốc lá, cốc cà-phê, một đôi khi một cốc rượu rum. Tư-tưởng và việc làm hăng say của anh đã lôi cuốn được nhiều người, kể cả các văn-sĩ, nghệ-sĩ, nhạc-sĩ. Anh rất nhiệt-tình khuyến-khích và giúp-đỡ nhiều nhân tài mới chớm nở. Về sau này họ trở nên những người có danh tiếng. Trên cơ sở ấy, anh đã tổ chức Tự lực Văn đoàn, một Văn-đoàn nổi tiếng, và có ảnh hưởng sâu rộng nhất hồi ấy.

Với tài làm báo, anh đã can đảm đả kích cả chế độ thực-dân phong-kiến, cả những bất-công và hủ bại trong xã hội, được đông đảo quần chúng tán-thành. Phong-hóa, Ngày nay được hàng vạn độc giả ưa thích nhưng

cũng đã trải qua nhiều lúc lao đảo như lúc bị treo giò. Anh em phải vay tiền mua gạo, nhưng anh vẫn nhẫn nại theo đuổi sự nghiệp.

Với bút-hiệu Nhất-linh, anh đã đưa tiểu thuyết lên một bậc cao cùng với Khái-hung. Những tiểu thuyết vừa lãng mạn vừa tả thực này có tính chất dân chủ, chống phong-kiến, thích hợp với tâm tình của những tầng lớp trí thức, thanh-niên. Ngòi bút của anh đã tả ra những mảnh đời rất chân-thực, rất xúc-động vì theo tôi, anh đã sống hay quan sát cuộc đời một cách sâu-sắc, đã cảm-thụ mãnh liệt và truyền thụ được sang người đọc. Ngày nay người ta vẫn còn tìm đọc tác phẩm của anh. Điều đó không có gì lạ.

Sau này, ở Miền Nam, anh lại viết thêm vài cuốn như Xóm Cầu Mới, Giòng sông Thanh thủy... Nhưng tác-phẩm này kém xa ngày trước vì anh không còn những cảm thụ độc đáo như ngày còn trẻ và cũng mất cả vẻ hồn nhiên trong tâm-linh, sau khi đã trải qua những ngày vật lộn chính trị kinh-hồn.

Anh có nghị lực phi-thường nhất trong các anh em. Vì lý tưởng, anh không chùn chân trước một gian nan, hiểm-trở nào. Để dành độc lập cho tổ quốc, anh đã dấn thân vào con đường cách-mệnh, bí-mật cùng một số anh em chống lại đế quốc Pháp. Sau những ngày khủng

bố 1940, anh quyết-định rời khỏi nước để tiếp tục đấu tranh. Để vật-lộn với những tên phản-bội hồi ấy, anh đã đi với Đồng-minh để chống lại Nhật. Trong những lúc gay-go nhất, tôi thấy anh không bao giờ tỏ vẻ hoang-mang, bối rối.

Nhưng đối với mọi người, anh là một người anh, một người bạn hiền-hậu, giản-dị và khiêm-tốn. Chưa bao giờ tôi thấy anh to tiếng với ai kể cả các con. Một hôm ở Hàng Bè, nghe tiếng động, anh trở dậy và tóm được thằng ăn trộm núp trong bếp. Anh không cho đánh và cũng không giao cho đội xếp. Sau khi hỏi vài lời, anh nhận thấy đó là một dân-quê đói quá làm càn, anh thả cho tự do. Trong mọi công việc anh không hề cưỡng bách ai theo ý muốn mình. Những ngày gian truân 1947-1948, nhiều anh em có ý-kiến đổi-lập, anh cũng chỉ bày-tỏ ý-kiến riêng mình mà thôi. Anh ghét nhất là cưỡng-bách dù bằng mệnh lệnh hay thủ đoạn, để lung-lạc người khác.

Đời sống riêng của anh cũng rất thanh đạm. Bữa cơm nhiều khi chỉ có cá kho, dưa hành hay đậu phụ. Trong những lúc khó khăn anh cũng chỉ ăn đậu si và dưa muối như mọi người nên anh em ai cũng mến về đức của anh. Ngay cả lúc giữ chức Bộ-trưởng Ngoại giao trong Chính-phủ Liên hiệp, đời sống của anh cũng

giản dị như vậy. Anh làm việc quá độ, cả ngày lẫn đêm không nghỉ, nên mắc bệnh đau óc, nhiều khi phải đi tĩnh-dưỡng ở nông thôn. Có khi anh ra ngồi một mình trên đường sắt cho đến tối mịt, mọi người ra kéo anh mới về. Để khuây khỏa, anh chơi âm nhạc, cũng có thể, gọi là một nhạc-sĩ thổi hắc-quản (Clarinet) giỏi. Buổi chiều vắng lặng, anh em quây quần bên thềm nhà để nghe anh thổi bài *Rêverie* của Shumann. Đây là những phút êm-đềm không bao-giờ quên được.

Những ngày cuối cùng, chúng tôi gặp nhau ở Hương-cảng, chung-sống trong căn nhà gỗ thấp, lợp tôn, anh lại còn chuyên nghiên-cứu về làm thức ăn và còn viết cuốn sách dạy phương-pháp làm cơm tây nữa. Trước hỏa-lò than, anh tự tay làm món thịt nướng mời chúng tôi ăn. Sau đó làm một cốc cà-phê nồng đặc. Tâm tình anh vẫn hồn nhiên làm sao trong khi cũng sống cảnh lưu-lạc ở đất nước ngoài sau những ngày thất bại chua cay.

Đương nhiên anh không thể là một người toàn-mỹ. Anh đã không tránh được những sai-làm lịch sử nghiêm trọng nó đưa anh và bao người đến chỗ thất-bại, lưu-lưu và cuối cùng đã đưa anh đến chỗ tự mình rời bỏ thế gian. Nhưng dù sao, hình ảnh của anh vẫn còn sống mãi trong thâm tâm của chúng tôi như một người anh đã dìu-dắt những bước đầu, đã từng làm tiên-phong trong

Văn-nghệ Việt-nam và như một người Việt-nam có óc dân-tộc quật-cường không chịu làm nô-lệ.

Anh Tư : Nguyễn Tường-Long (Tứ-Ly, Hoàng-Đạo).

Trên báo Phong-hóa, những bài châm-biểu với bút danh Tứ-Ly, đã gây những ấn tượng sâu sắc trong quần chúng vì tính chất sắc-bén và đả-kích những quái-tượng trên xã-hội. Tôi còn nhớ Khái-hưng độ ấy có lời phê bình Tứ-ly như sau : Không ngờ trông người ít nói và hiền lành như con gái ấy mà lại có ngòi bút sắc-bén như thế... Quả-thực trong gia đình, chàng trai thứ tư hiền-hậu này, sau đã trở thành một nhà văn và nhà chính trị có danh, một nhân vật lịch-sử.

Không những hiền-hậu, lúc nào anh cũng vui vẻ, hồn nhiên. Trong anh em chúng tôi tính nết có khác nhau song có một điều giống nhau ở chỗ lạc quan và hồn nhiên. Thuở còn nhỏ, lúc đi học về nghỉ hè, anh thường dắt tôi dạo ngoài cánh đồng, bắt bướm vàng hay hái những cánh hoa thài-lài xanh. Anh thích chơi cỏ gà. Đó là thú vui giản-dị nhưng đã làm tâm-hồn chúng tôi gần bó khăng khít với thiên nhiên. Anh là học-trò rất ngoan và cũng rất thông-minh, do tự học đỗ bằng Trung-học,

rồi thi vào trường Luật. Anh thi vào trường Luật với mục-đích gì ? Tốt-nghệp trường Luật lúc ấy có thể dễ dàng kiếm được một chân công chức khá giả hay nếu có phương tiện còn có thể được bổ làm quan là khác. Nhưng tôi tin chắc rằng anh không có mục-đích ấy vì lúc đó ngoài trường Luật ra, chỉ có trường Y-Dược và Trường Nông Lâm mà thôi. Sau này tốt-nghệp, anh ra làm Tham-tá ở tòa án Hà-nội nên người ta hay gọi anh là ông Tham Long. Vì anh làm việc cũng khá nên vài năm sau nghe tin là sẽ được bổ Tri-huyện. Nhiều người trong địa vị của anh đã làm như thế để bước vào con đường Vinh hoa Phú-quý. Nhưng anh Long đã cương-quyết không đi theo con đường ấy và quyết-tâm bước vào con đường đấu-tranh, trước hết là dùng ngòi bút của mình.

Cũng như anh Tam, anh có tinh-thần dân tộc và chống phong-kiến. Anh chịu ảnh hưởng của những quan điểm dân-chủ Tây-phương rất nhiều. Tôi chưa từng thấy anh to tiếng, nong-nảy, tranh dành với ai một cái gì. Đối với vật chất anh không hề chú-ý, cũng không mưu tư-lợi gì cho mình, càng không có âm mưu quỷ kế nào cả.

Hơn nữa anh căm-ghét những sự xấu-xa, bất-công, vụ danh trên xã hội. Tính-chất trung trực của anh đã làm cho anh có ấn tượng tốt trong quần chúng. Với

những bài báo sâu châm-biếm sâu-sắc, anh đã làm cho bao đối thủ căm hờn và run sợ. Về mặt khác anh đã hợp-tác chặt-chẽ với anh Tam để tổ chức hoạt-động bí-mật chống Pháp và có thể nói anh là một nhân vật trọng-yếu nhất sau anh Tam. Trông anh hiền lành như thể nhưng anh lại trấn tĩnh khác thường trong những lúc gian-nguy. Tôi không hiểu cái gì đã rèn đúc nên ý-chí cương-ng nghị đó. Ngày anh bị bắt năm 1940, trước mọi cách thẩm-vấn và tra tấn của Pháp, anh vẫn vững như đá, không chịu khai một lời. Những năm ở Sơn la, anh cũng không hề sờn mỗi ý-chí làm gương mẫu cho anh em và làm địch phải e sợ. Sau khi anh được tha, anh lại tìm cơ hội nói lại tổ chức và tiếp-tục hoạt-động bí mật. Tuy là một trong những người cầm đầu tổ chức nhưng lúc nào anh cũng khiêm tốn. Ngay đến ngày thành lập Chính-phủ Liên-hiệp, anh em đề cử anh làm Bộ trưởng Kinh tế, anh cũng khước từ mãi không được mới nhận làm. Sự thực anh không muốn làm quan dù là quan Cách-mệnh.

Đời sống riêng của anh tuy cũng đầy-đủ. Anh ở rể ở nhà vợ, nhưng rất đơn giản và rất qui-cử. Có thể nói anh là người sống qui-cử nhất, không uống rượu, không hút thuốc cũng không thích đánh bài, không lãng mạn như các anh em khác hay như các nhà văn nhà báo khác. Anh lại là người chồng và người cha mẫu mực. Hứng

thú của anh là đọc sách, đôi khi nhấp cốc cà-phê hay chơi một ván cờ tướng hoặc những ngày hè đi tắm bể ở Sầm-sơn.

Tài năng của anh biểu hiện ở những bài châm biếm và bình luận. Anh viết ít tiểu thuyết, trong có cuốn Con đường sáng có thể đại-biểu cho tư tưởng của anh. Một người trí thức sống ở đồn điền, quan tâm đến đời sống nghèo khổ của dân cùng chung quanh và muốn tìm ra một cách gì để cải thiện đời sống ấy. Ý muốn rất hay nhưng đó chính là nhược điểm của anh, một người trí thức trung lưu ít có cơ hội đụng chạm và hiểu biết về tầng lớp lao động trong xã hội, ít cảm xúc được những mâu thuẫn bi ai chua chát trong đời nên tiểu thuyết của anh không đượm nét thâm-trầm và xúc động như của Nhất-linh và Thạch-lam. Và cũng vì thế mà anh, cũng như tất-cả chúng tôi nói chung, đã không hiểu được sức mạnh của quần chúng lao động và lôi-cuốn được sức mạnh này vào đấu tranh cách mệnh. Đó là nguyên nhân chính của sự thất-bại sau này. Trong những ngày gian truân ở nước ngoài 1947-1948, chúng tôi đến ở tại một xóm nhỏ thuộc ngoại thành Quảng châu. Lúc này anh vẫn bình tâm nghiên cứu các lý-thuyết xã hội, chính-trị, mong tìm thấy một con đường mà anh cho là thích hợp nhất để cứu nước. Anh và tôi thường tranh luận với nhau, có khi rất kịch-liệt. Rất tin tưởng ở con

đường thứ ba, anh hy-vọng rằng tương lai Việt nam sẽ thực-hiện được độc lập tự do theo kiểu dân chủ Anh Mỹ. Tôi không tin rằng thời-cực Việt-nam sẽ đi đến chỗ ấy nhưng có một điểm mà chúng tôi thống-nhất ý-kiến là vấn đề không thể đầu-hàng Pháp, cũng không thể đi với Bảo-đại làm tay sai cho Pháp mà phải đi con đường của mình. Trong những ngày cô lập và khó khăn chưa từng thấy này, anh được sự giúp đỡ của bà vợ. Tuy chị xuất thân ở một gia-đình phú-túc và sống một đời trung lưu nhưng thủy-chung chị vẫn tán-thành với anh trong những cuộc đấu tranh cho dân tộc. Chị còn giúp-đỡ nhiều cho các anh em, trong đó có cả chúng tôi, để qua những lúc khó khăn. Cũng có mấy lần chị ra tận nước ngoài để thăm anh. Vì dù sao anh cũng không muốn về ở trong khu Pháp chiếm lĩnh. Tháng 8 năm 1948, chị Long ra gặp anh một lần nữa ở Hương-cảng nhưng ai ngờ đâu đó lại là lần cuối cùng, lại là ngày vĩnh biệt. Tin tức đột ngột về một nhà ái quốc Việt-nam đột-nhiên mất trên chuyến xe lửa Hương-cảng - Quảng-châu đã làm rung-động dư luận. Khi chúng tôi đến một ga nhỏ trên đường xe lửa này để chôn cất anh, tôi đã bàng-hoàng như đã tan vỡ cả một quãng đời. Người anh thân mến đã chung sống từ lúc còn thơ, người bạn cùng chiến-đấu, cùng chịu gian-khổ trong bao năm dài, không ngờ đã rời bỏ chúng tôi vĩnh-viễn, đã bỏ mình nơi đất khách quê

người, trong khi mới tròn 42 tuổi, chưa phát-triển đến mức cao tài năng của anh, cũng chưa thực-hiện được lý tưởng mà anh ôm ấp từ ngày còn trẻ. Trong hành động của chúng tôi đã không tránh được những sai-lầm chí-mệnh nhưng dù sao tôi vẫn không tưởng tượng được là anh lại đi nhanh như thế và gặp một vận-mệnh như thế.

Dù sao anh cũng đã là một tài năng xuất-chúng trên văn-đàn Việt-nam, cũng đã là một nhà ái quốc trung trực, hy-sinh cả cuộc đời cho cuộc đấu tranh không danh lợi, tuy thất bại nhưng cho đến lúc cuối đời mình anh vẫn không hỏ thẹn với dân tộc, với gia đình vì đã quyết-tâm chống đối chủ nghĩa đế quốc đến cùng. Lịch-sử, nếu không thiên vị, sau này sẽ dành cho anh một vị trí xứng đáng.

Chị Năm : Nguyễn Thị - Thê

Tôi và bà chị yêu dấu xa nhau đã hơn 30 năm, chưa được trông thấy nhau một lần và không biết về sau này còn được trông thấy nhau hay không ? Trong 7 anh em, nay còn sống sót có chị, và tôi mà cách nhau hàng nghìn dặm, cách cả một quốc-giới khó vượt được qua. Điều đáng ngậm ngùi nhất là vài năm trước đây, tôi có dịp may về thăm Hà-nội mà không sao có cách gặp được

chị, tuy hai người đều mong muốn tha-thiết. Biết bao bức thư chị đã nhỏ lệ khi viết cho người em út, nhưng làm sao nói được tâm tình thấm-thiết chị em, nó tượng-trung cho tình cảm gia-đình Nguyễn Tường chúng tôi. Bây-giờ thì chỉ còn hy vọng vào Thượng đế mà thôi.

Người chị thân mật nhất của tôi đã từng săn-sóc, trông nom cho tôi từ bé. Cho đến lúc trưởng thành, chị vẫn coi tôi như một người em nhỏ. Người chị hiền lành của tôi, cũng như nhiều phụ nữ Việt-nam khác, đã sống một cuộc đời âm thầm so với các anh em trai. Gia-đình kinh tế eo hẹp và vì chị là con gái nên chỉ được đi học có vài năm thì phải về nhà giúp mẹ làm công việc nội trợ. Suốt ngày cặm cùi nấu ăn, giặt rũ, săn-sóc các em, chị đã chịu đựng những công việc linh tinh vất-vả. Sáng chị dậy sớm nhất và đến tối cũng thường là người đi ngủ muộn nhất. Ngày ấy có khi không đủ thịt cá ăn, bao-giờ chị cũng nhường cho mọi người. Lúc bé tôi hay đòi ăn thịt mỡ nên dù chị ăn sau chị cũng dành cả cho tôi. Chị không đòi hỏi ăn sang, mặc đẹp. Trong nhà chị vẫn là người ăn mặc xuềnh xoàng nhất. Từ lúc bé cho đến khi đi lấy chồng, gia-đình dọn đi nơi này, nơi khác nhưng đời-sống của chị không có gì thay đổi, dù là các anh em trong nhà đã làm nên, đã nổi tiếng. Tuy chị có giúp mẹ trông cửa hàng nhưng chị không đủ tài tháo-vát và cũng

không đủ khôn ngoan như các chị em họ khác, nên chị cũng chẳng kiếm được vốn liếng gì riêng mà có lẽ cũng ít khi chị nghĩ đến điều này. Chị thấy hạnh-phúc trong sự nhẫn thụ âm-thầm để giúp cho mọi người trong gia-đình sinh hoạt được hạnh-phúc. Ở xa đã bao lần tôi phải ngâm-ngúi về lòng chịu đựng của người phụ-nữ Việt-nam này.

Ngoài 20 tuổi, chị lấy một nhà báo nghèo, sống một đời khá eo-hẹp. Với số con đông, chị phải tiết ăn, nhịn mặc để nuôi các con ăn-học ! Trong gia-đình, chị là người nghèo nhất. Nhưng cũng có lúc đời sống rất vui-tươi. Không bao giờ tôi quên được những ngày ở gần bên chị ở bên Hồ Tây trong làng Yên-phụ đầy hoa. Những ngày hè nóng, ăn cơm chiều xong, chúng tôi bắc ghế tre ra ngồi trên thềm nhìn ngay xuống mặt nước, chung quanh quây quần mấy đứa trẻ vui-đùa. Ngoài kia, trên mặt hồ mênh mông, nhiều người bơi lội. Xa nữa là thuyền chèo ở tận giữa hồ cùng với những thuyền đánh cá con con tận bờ Nghi-tâm. Nhiều khi bạn-bè đến học bơi rất náo-nhiệt trong đó có nhiều sinh viên, nhà văn, bác-sĩ và còn có nhiều ông Bộ trưởng tương-lai. Bơi hay chèo thuyền xong, ai cũng ngốn được ít ra là ba bốn bát cơm. Rồi những ngày giờ hạnh gần Tết, men theo những con đường lát gạch, chúng-tôi dạo ngắm những vườn hoa đào, hoa cúc, thược dược trăm màu. Đôi khi

có bóng những cô gái Hà-nội thấp thoáng sau ràn hoa với biết bao vẻ nên thơ.

Tuy đời sống nghèo và thanh-dạm, song hồn-nhiên biết bao. Những ngày đó về sau không còn bao-giờ trở lại nữa.

Nhưng cũng có những ngày chua-cay hay bi-thương lắm. Đó là những ngày thiêu-thôn phải đi vay mượn anh em, những ngày thất nghiệp và một ngày mùa đông u-ám, đưa con bé của chị mất vì bệnh nặng. Đến nay, còn vẳng bên tai tôi tiếng khóc của chị, còn thấy hình ảnh chiếc xe tang trên mang cái quan-tài gỗ nhỏ, đi trên con đường vắng tanh. Chỉ có chị, vài người trong nhà, anh Tam và tôi lặng bước đi theo cho đến tận nghĩa địa. Mọi người đều im lặng như suy nghĩ gì về một cuộc đời.

Về sau bận rộn công-việc nên tôi cũng ít khi đến nhà chị. Song tôi biết chị rất đồng tình và quan tâm đến sự nghiệp của các anh em. Chị không tham dự vào hoạt động xã hội nào nhưng chị vẫn tự hào về thành tích của gia đình. Sau này chị cũng bàng hoàng và buồn bã trước sự thất-bại, những nỗi chia ly bi-đát mà vận-mệnh đã gán cho gia-đình, những cái mà trong thâm tâm chị cũng không hiểu được vì sao...

Đến tháng 6 năm 1946, vì tình thế bất-buộc, tôi phải rời lên miền Bắc. Trước khi từ giã Hà nội, tôi có đến thăm chị. Không ngờ lần đó là ngày ly biệt. Từ biệt sinh ly. Tôi biết chị lúc nào cũng tưởng nhớ đến chúng tôi, nhất là tôi, vì tôi không còn trở về quê hương được nữa. Nhiều khi chị đã khóc thầm một mình, chị còn liên-lạc bằng những bức thư tha-thiết nhưng nay cũng không còn bắt được nữa. Có điều an ủi cho tôi là sau này dọn vào Miền Nam, gia-đình chị đã khá-giả hơn. Tuy chồng mất đi nhưng các con đều trưởng thành cả. Và có một điều nữa là cả hai chị em tuy tóc đã bạc nhưng vẫn còn sống trên đời. Chị sinh sống ở Đà Lạt với các cháu bé. Có điều tôi không ngờ là mấy năm trước đây, chị lại cầm bút viết quyển Hồi ức Giòng-họ Nguyễn-Tường được một số độc giả ưa xem. Tôi là người may mắn được đọc cuốn sách này và không khỏi cảm động vì nó đã gọi lên cho tôi biết bao hình ảnh về dĩ vãng xa xăm. Đó cũng là nguyên nhân xui tôi viết cuốn Hồi ức này.

Bây giờ chị đã hơn 70 tuổi rồi, không biết còn khỏe mạnh hay không, đời-sống thế nào. Hy-vọng chị được an ủi phần nào khi đọc được những dòng tôi đang viết này.

Anh Sáu : Nguyễn Tường Lân (Thạch-Lam).

Thạch-lam là người anh duy nhất mà tôi được trực tiếp ở bên cạnh khi anh qua đời và cũng là người mất trẻ nhất trong mấy anh em. Tôi thương-cảm anh vì tài hoa xuất-chúng của anh đã bị tiêu-vong lúc mới 33 tuổi đời. Cũng thương cảm anh vì anh đã sống một cuộc đời quá thanh hàn và ốm yếu, và vì anh là người đa sầu đa cảm, đã viết nên những áng văn có tính chất nhân đạo và đầy lòng trắc ẩn.

Nếu so về trí thông-minh và tài hoa thì có lẽ anh hơn cả mọi người trong gia đình. Lúc còn trẻ, anh không phải là người học-trò ngoan nhất. Tôi thấy anh đi học một cách ung-dung, không chăm-chỉ ôn-tập bài vở. Nhưng ai ngờ sau khi anh đỗ bằng Tiểu-học, anh không vào trường mà tự học lấy. Chỉ một năm sau anh đã đỗ bằng Thành-chung (thường phải học ít ra là 3 năm). Tôi còn nhớ là những ngày ấy, mẹ tôi thúc dục anh nhiều. Gần đến lúc thi anh mới chong đèn trong màn đến tận nửa đêm để ôn bài. Có người gọi anh là Thần-đồng. Trong nhà hồi ấy hay uống thuốc Bắc, thường có ông lang Kinh đến bắt mạch cho đơn. Ông này rất mê đánh cờ và chơi cũng khá cao. Nhưng lúc ấy anh Lân mới hơn 10 tuổi, mới học đánh cờ mấy tháng mà đã có khi làm cho ông thất-diên bát đảo. Anh học chơi âm-nhạc

và thể thao cũng tiến bộ rất nhanh, nhất là quần vợt và bóng bàn. Nhưng anh lại thích sống một đời lãng-mạn, phóng-túng, hơn ra ngoài quy-củ một chút, khác hẳn với anh Cả và anh Tư. Thực ra anh có chơi-bời thể nào, tôi cũng không rõ nhưng mẹ tôi tất nhiên không ưa việc này. Nhón lên, anh kiếm được một chân công-chức nhỏ. Không biết anh tiêu-pha thể nào mà một hôm mẹ tôi trách anh không mang tiền về giúp gia đình. Rút cục hai người đều khóc. Về sau thấy lương qua thấp, anh bỏ việc, vào học trường canh-nông theo gót anh Hai.

Cách sống của anh đã khiến anh tiếp xúc với những tầng-lớp dưới ở xã hội Hà-nội gồm cả những làng chơi, cô-đầu, tiệm thuốc và những dân nghèo. Đáng tiếc là vì thế anh đã mắc nghiện và thân thể ngày càng ốm yếu, gầy còm, khác hẳn với chàng trai khỏe-khoắn hồn nhiên trước kia. Nhưng có lẽ vì thế mà anh đã có những cảm súc khác với các anh Tam, Long, những người chỉ quen tiếp xúc với giới trung lưu nhiều hơn. Và cả đời sống thanh đạm của anh cùng với cái ấy đã rèn nên một tâm hồn bình dân, một tấm lòng trắc ẩn đối với những cảnh nghèo-khó bi-thương.

Trong khi mới vào trường canh-nông thì báo Phong-hóa ra đời. Làm báo mới chính hợp với tâm tư anh. Cũng như anh Tam và anh Long, anh rất muốn viết văn

và quyết-định học, cộng-tác với anh em. Anh có tài viết phóng-sự. Cuốn Hà-nội ban đêm của Việt-sinh (Bút hiệu của anh), và Trường-khanh (một người bạn) rất sinh động, đã khiến độc-giả thông-cảm sâu xa với những nhân-vật bất-hạnh, sa-ngã và truy-lạc cùng những kẻ khốn cùng. Tôi còn nhớ mãi hai câu thơ Kiều lấy trong bài phóng-sự :

*Liều bỏ nắp bóng cây tùng,
Thuyền-quyên còn đợi anh hùng lĩnh lương...*

Phần lớn tài liệu trong Phóng-sự là do Trường-khanh cung-cấp nhưng bản thảo phải do ngòi bút của Việt-sinh viết ra mới thực là hay. Sau này anh đổi sang viết truyện ngắn, anh lấy bút-danh Thạch-lam. Nhưng truyện ngắn của anh có thể không nổi tiếng bằng Khái-hưng hay Nhất-linh nhưng đối với nhiều người và riêng tôi, truyện của anh đặc-biệt bình dân hơn, gần-gũi hơn, đồng tình với những người nghèo-khó hơn là những truyện có tính-chất lãng mạn, trữ tình, chuyên tả những gia đình thượng lưu. Cô Mai hay anh Lộc trong cuốn «Nửa chừng xuân» của Khái hưng hay những nhân vật trong «Đoạn tuyệt» dù sao cũng là con cái những gia-đình quan-liêu hay khá giả trên xã hội. Tôi còn nhớ mãi một truyện ngắn của anh về người phu xe già, nói lên đồng tình vô hạn và cảm xúc xâu-xa của anh trước

những cảnh nghèo-khổ bất-hạnh. Những tác-phẩm như thế của anh đã làm rung-động biết bao người đọc.

Chuyên về làm báo, anh mãi-túc với số lương ít và một đời-sống thanh đạm. Đời sống của anh có lẽ chỉ đầy-đủ hơn chị Năm đôi chút. Anh lấy một người vợ cũng nghèo nên nuôi được ba đứa con cũng khá chật-vật. Đời-sống của anh quả là thanh bạch, đời của một văn-sĩ nghèo. Nhưng anh vẫn giữ tính cách trung-trực, không sa đọa cũng không khinh bạc, không coi trọng cái gì khác ngoài cái tôi như nhiều nhà văn thời đó.

Ngôi nhà anh ở là một ngôi nhà tranh nhỏ ở cạnh đình Yên-phụ, bên hồ Tây. Hai bên nhà có những rặng cây, trước mặt là hồ nước mênh mông, đằng sau là vườn hoa. Nhà tuy đơn-sơ nhưng cũng là chỗ ẩn náu thích hợp cho nhà văn.

Mỗi buổi chiều, bóng dáng gầy gầy của anh, đội chiếc mũ dạ từ nhà báo đi làm về, bước chân trên con đường gạch tới ngày nay vẫn còn in trong óc tôi. Đôi khi có vài người bạn văn đến chơi, ngâm thơ hay đánh cờ. Nếu có con cá chằm mới đánh từ hồ Tây lên hay miếng thịt Cày để đánh chén thì đó là những phút vui vẻ nhất của anh. Nhất là sau ngày khủng bố của Pháp năm 1940, anh em tan tác thì chúng tôi lại càng mượn rượu để giải sầu. Tôi còn nhớ dạo ấy Huyền-kiều, Đình-hùng những lúc

túi có tiền thương lên Yên-phụ uống rượu, ngâm thơ ở nhà anh đến tận khuya. Nhà văn nghèo thì chỉ có thể là thú-vị và khuây-khỏa.

Nhưng những giây phút đầm-ấm ấy cũng không kéo dài được bao lâu. Bệnh lao phổi quái ác đã dần dần gặm nát cơ thể anh. Anh lại còn phải gánh vác nặng-nề về nhà xuất bản, nhà in để duy-trì sinh-hoạt cho anh em. Anh ít khi chú-ý đến sức-khoẻ của mình cũng như ít khi đi khám bệnh.

Cho đến những ngày cuối năm 1941, anh ho mãi không khỏi và gây-mòn dần, tôi dục anh đi khám bệnh và chiếu phổi. Tấm quang-tuyến X của anh khiến tôi phải giật mình. Nhưng thời đó chưa phát-minh được những thuốc chống lao có hiệu quả. Định đưa anh đi Đà-lạt dưỡng-bệnh nhưng ông Rivoalen, giáo-sư khoa truyền nhiễm không đồng ý vì sợ rằng càng nguy-kịch. Chỉ có cách khuyên-anh tĩnh dưỡng và cai nghiện. Bắt buộc tôi phải thay anh trông-nom công-việc xuất-bản dù rằng tôi còn đang đi học. Song cũng quá muộn, bệnh anh cứ phát triển dần. Sang giữa năm sau anh đã không trở dậy được nữa. Chúng tôi rất hiểu nhau. Một hôm anh hỏi tôi : Tôi hút thuốc lại có được không ? Tôi chỉ im lặng gật đầu... Đến một ngày tháng 7, hơi thở của anh lả dần, mắt đã hơi đờ. Mẹ tôi, vợ con anh, anh Cả,

chị Năm và tôi đều đứng chung quanh giường trong gian nhà tranh cạnh hồ Tây.

Gần trưa, anh vẫn tỉnh táo nhưng nói không ra tiếng nữa. Anh biết mình sắp đi đến tận cùng con đường của mình. Mọi người chung quanh, ai nấy đều muốn khóc nhưng không ai khóc ra tiếng. Run tay, tôi tiêm một ống thuốc cường tâm cuối-cùng cho anh thì anh bỗng mở mắt to ra hiệu cho mọi người đỡ anh ngồi dậy. Mẹ tôi ngồi đằng sau, nâng anh lên. Nhưng không ai còn có ảo tưởng gì nữa. Không bao giờ tôi quên được cảnh tượng lâm-chung của người anh ruột và cũng là người bạn cùng công tác trong văn-nghệ. Anh đưa mắt lơ lơ nhìn mọi người như muốn nói lên một điều gì trước khi ly-biệt. Bỗng anh nấc lên một tiếng, lên một cơn xuyên rồi hai mắt nhắm lại. Hơi thở cuối cùng của nhà văn Thạch-lam đã dứt. Anh vĩnh viễn bỏ cuộc đời khi mới 33 tuổi.

Hôm sau, chúng tôi im lặng đi sau xe tang anh, đưa anh đến Nghĩa địa Hợp-thiện, nơi đã chôn chị Cả đầu tiên và những người trong họ. Tôi ngồi lặng bên mộ anh rất lâu, dưới rặng cây âm-u, nhưng không sao khuây được vô cùng thương-cảm về cái chết của người anh đầu tiên trong 7 anh em cũng như vì bao nhiêu anh em bạn hữu đã đi xa.

Đời-sống của Thạch-lam thực-là thanh bạch, không danh lợi. Anh cũng không tham dự trực tiếp vào hoạt động chính-trị nhưng lòng anh vẫn hướng về những người đấu tranh cho dân tộc. Anh cũng dùng ngòi bút để gián-tiếp lên án chế độ thực-dân hay phong-kiến, lên án những bất công trong xã hội. Anh vẫn cố gắng làm việc trong khi mắc bệnh nặng. Trong một cuốn sách tặng anh, nhà văn Lê-văn-Trương có đề : Tặng anh Thạch-lam, một nghị lực phi thường trong một thân thể còm cõi. Tác-phẩm của anh được nhiều người ưa mến và mãi mãi sẽ sống trong lòng mọi người.

Tôi tin rằng Thạch-lam là nhà văn giàu tình cảm nhất trong giòng họ Nguyễn-Tường, sẽ có một địa vị xứng-đáng trong Lịch-sử Văn học Việt-nam Cận-đại.

Vài Nét Về Khái Hưng, Thế Lữ, Tú-Mỡ Và Gia - Trí

Lần đầu tiên tôi gặp Khái-hưng ở tòa soạn bao Phong hóa. Trước mặt tôi là một người thấp bé, gầy gò, nói năng có vẻ nhanh nhẩu, vội-vàng. Anh hay quàng một cái khăn màu xám, mặc bộ quần áo tây cũ. Trông anh khó có ai đoán được đây là một văn-sĩ nổi tiếng. Chỉ có cái pipe là thích hợp với nghề của anh đôi chút. Anh ưa

uống cà-phê, chơi đàn mandoline, đánh cò hay đánh bài với anh em. Anh ở ngay trong tòa báo với bà vợ. Hai vợ chồng không có con, cũng khá cô-đơn. Về sau anh lấy con gái thứ ba của anh Tam làm con nuôi. Hai vợ chồng xem ra rất chiều-chuộng nó nhưng hình như nó không vui-thích lắm.

Tôi không hiểu tại-sao Khái hưng, tên thực là Trần-Khánh-Giur, con một nhà làm quan to, lại thích làm văn, làm báo ? Chắc là anh đã gặp những gì bất đắc chí, nên không luyến tiếc công danh. Có thể vì anh đã thấm nhuần tư tưởng tiến-bộ, chống phong-kiến và những tư tưởng văn-nghệ lãng-mạn Tây-phương. Cuốn Hồn bướm mơ tiên của anh là điển hình tiểu-thuyết lãng-mạn hồi ấy. Một thanh-niên thượng lưu, giàu tình cảm, đem lòng mến yêu một người con gái bất-hạnh phải xuất-gia làm ni-cô, nhưng sau cùng mối tình này cũng phải chấm dứt vì nổi éo le trên xã hội. «Nửa chừng xuân» là bi kịch của một đôi nam nữ yêu nhau nhưng không lấy được nhau vì cô Mai bị ép buộc lấy chồng với vết thương lòng mà sau này không thể hàn gắn lại được. Nhưng đề tài về ái tình ấy không những đã lôi cuốn được đồng tình của độc giả mà cũng có tác dụng phơi bày những gông cùm của chế độ phong-kiến, nói lên nguyện vọng khát-khao một đời sống tự do, tươi đẹp hơn. Cả những truyện-ngắn khác của anh, với ngòi bút đặc sắc, tình

cảm sâu xa và tài quan-sát hiện-trạng đã khiến anh trở nên một nhà tiểu thuyết có danh nhất.

Nhưng Khái-hung không những chỉ viết văn, anh còn là một nhà ái-quốc. Anh đã tham-gia vào hoạt-động chống Pháp nên đã bị bắt đi đày ở Sơn-la cùng với anh Long trong 2 năm. Về sau, anh tham-gia công tác báo Ngày-nay, báo Việt nam cho đến lúc chúng tôi rời bỏ nước nhà năm 1946.

Đương nhiên vận mệnh khiến anh cũng liên-lụy. Chẳng bao lâu sau, anh mất tích. Anh đã qua đời như thế nào ? Đến nay chúng tôi cũng không rõ. Nhưng không có gì có thể làm lu mờ được tài hoa của anh, một nhà văn tiên-phong trong tiểu-thuyết Việt-nam mà đến tận ngày nay còn được nhiều người nhớ tiếc. Nửa chừng xuân bao vẻ khóc cười... Gần đây còn có người bạn nhắc với tôi câu thơ nói về Khái-hung này.

Nếu Khái-hung xuất-thân ở một gia-đình phú-quý, thì Thế lữ lại khác. Trước khi gặp anh, tôi rất ưa-thích những bài thơ mới đầu lòng của anh. Anh đã có tài thoát ra khuôn khổ cứng nhắc của thơ cũ và vận dụng những đề tài lãng-mạn mới. Có thể nói anh là Lamartine của thi-ca Việt-nam. Thơ anh đã làm rung động bao tâm-hồn thanh niên với những tốt-đẹp, vui-tươi hay bi-đát, sầu thương trong cuộc sống.

Riêng tôi, dưới ảnh hưởng của anh đã làm bài thơ đầu tay, đăng trên báo Phong hóa số Xuân cùng với bài thơ của anh. Chính Tết năm ấy, khi mới 17 tuổi, tôi đã gặp anh lúc cả nhóm nhà báo lên Yên-phụ xem hoa. Ngày ấy có cả Khái-hung, Nhất-linh, Thạch-lam, Gia-Trí và vài người khác. Anh cũng là một thư sinh mảnh-khảnh, gầy-gò với đôi mắt rất hiền-lành, nói năng nhỏ nhẹ nhưng không dấu được cảm tình sâu-xa trong lòng. Tôi còn nhớ, một ngày nhóm chúng tôi đi thăm chùa Bút-tháp. Chúng tôi ngồi thuyền qua một khúc sông giữa hai cánh đồng dâu biển biệt. Thế lữ có làm một bài thơ vịnh cảnh đi thuyền trên sông. Anh ngâm nhỏ nhẹ nhưng rất đậm tình. Đến ngày nay tôi vẫn còn nhớ hai câu :

*Trời lặng, én nghe, chèo vô nước,
Nhớ nhung ai tiếc cánh buồm xa...*

Anh thường khuyến khích tôi về sự nghiệp văn thơ và cho rằng tôi sẽ thành công. Nhưng vì cuộc đời thay-đổi tôi đã không làm được như anh kỳ vọng. Đó là một điều đáng tiếc.

Thời ấy, anh còn viết truyện như quyển Vàng và máu và cả những truyện trinh thám nữa. Kể cũng là lạ vì một thi sĩ trữ tình lại muốn làm theo Conan Doyle, tác-giả của Sherlock Holmes.

Thế lũ cũng sống một cuộc đời thanh bạch nhưng thú-vị. Thường-thường anh thuê nhà ở ngoại ô như ấp Thái-hà hay trong làng Sét. Mà tôi nghĩ rằng, người bạn đời của anh, chị Song-Kim cũng thích một đời-sống giản-dị như thế. Lúc rồi chúng tôi hay đến nhà anh, ngồi chuyện gẫu, hút điều thuốc Lào hay ăn lạc rang hạt dẻ. Khi có tiền thì làm bát phở tái năm xu. Có thể thôi nhưng cũng tự ví là sướng hơn cả tiên trên đời. Khi ở làng Sét, Thế- lũ đạo diễn cả kịch. Nhà anh là chỗ tụ họp của nhiều bạn hữu làm văn, đóng kịch, họa-sĩ và cả nhạc sĩ nữa. Tôi còn nhớ những buổi dàn kịch thơ Kinh-kha và hình như cả Dương- úy-Phi nữa. Không biết tại-sao lúc ấy họ lại thích diễn những kịch về thời cổ Trung-quốc như thế trong khi một vài nhóm khác lại diễn những vở kịch có tính chất dân-tộc và ái quốc. Đương nhiên về nghệ thuật thì cũng có giá trị. Nhưng ngày đó chính là lúc máy bay Mỹ hay đến oanh tạc. Nhiều khi để chạy bom, chúng tôi đi thuyền xuống làng Sét nên thơ, vào trại của anh để nấp dưới bóng cây. Có khi giải chiếu ngồi trên sân, trông rõ cả máy bay oanh-tạc lớn của Mỹ lừ lừ ngang trên đầu, chung-quanh có mấy chiếc chiến-đầu cơ đương bay lượn. May là máy bay chỉ bay ngang qua vào đến thành phố mới thả bom nhưng ở Sét cũng nghe thấy tiếng bom nổ dữ dội và cảm thấy cả tiếng rung.

Nhà thơ Thế-lữ, người giàu tình cảm nhưng yếu-ớt, mới nghe tiếng chính trị là đã xua tay. Anh không muốn tham gia vào một hoạt-động chính-trị nào, bất cứ ở thời nào. Về sau này anh ít làm thơ, có lẽ vì nguồn cảm hứng đã tắt dần. Anh quay ra làm nghề kịch. Trong những ngày sôi nổi 1945-1946, chúng tôi ít gặp mặt anh và cũng không kịp từ biệt lúc ra đi.

Nhưng chúng tôi cũng biết tin, sau khi giải phóng miền Bắc, anh vẫn được làm Phó Chủ-tịch hội nhà văn và là chủ tịch hội sân-khấu Việt-nam.

Cuối cùng, 30 năm sau, tôi lại gặp anh ở Hà-nội, trong tòa nhà gần hồ Bảy mẫu. Mái tóc anh đã bạc phơ song người anh vẫn còn khỏe lắm. Tuy đã 70 tuổi nhưng vẫn còn đi bộ được khá lâu và cũng vẫn đi lại luôn thành-phố Hồ-chí Minh. Chúng tôi và cả chị Song-Kim đã nói chuyện rất lâu về quá khứ và hiện-tại. Anh là nhà văn gần gũi nhất của gia-đình tôi mà tôi đã được gặp lại sau quãng-đời khúc triết. Người anh cả trong làng thơ của chúng ta hiện nay sống như thế nào ? Tôi tha thiết ước mong anh được yên bình và sống trong sự mến yêu của mọi người trong tuổi già. Anh đã có một địa vị xứng đáng với anh trong lịch-sử văn-học dân tộc. Dù những văn thơ của anh bị cho là thiếu tính chất chiến-đấu thế nào chăng nữa nhưng không ai có thể phủ nhận anh là

một nhà thơ đã làm rung-động tơ-lòng sâu-xa nhất của mọi người.

Một nhân tài nữa của Tự lực Văn đoàn đã đứng vững được từ trước cho đến sau khi giải phóng và vẫn giữ được phong-cách của mình, là anh Tú-mỡ Hồ-trọng-Hiếu.

Anh là sự hỗn hợp kỳ-dị giữa một công-chức gương mẫu và một nhà thơ trào phúng nổi danh. Đúng như Tú Xương đã tả, anh là một công chức sáng vác ô đi, tối vác về... làm ở sở Tài-chính mấy chục năm. Tôi không hiểu tại-sao, một nhân-vật trông rất hiền-hữu, đáng mến mà lại viết các vần thơ châm-biếm gai góc và có duyên như thế. Đúng vào lúc Nhất-linh, Khái hưng phát-triển về tiểu thuyết, Thế-lữ, Xuân-diệu về thơ mới, thì lại xuất-hiện Tú mỡ về thơ trào-phúng, khiến cho nền văn-ngệ lúc đó càng phong-phú-hơn, đạt đến đỉnh cao. Có thể ví phân nào với văn chương Pháp Thế kỷ XVII với Corneille, Racine, Molière hay Thế-kỷ XIX với Lamartine, Victor Hugo, Paul Verlaine, Honore de Balzac...

Tôi trông anh ngoài mặt không có gì đặc sắc nhưng có đôi mắt rất thông minh và cái mồm có duyên.

Anh đi làm Ông Ký trong bao năm mới dành dụm được ít tiền, dựng ngôi nhà tranh gần Bưởi. Ngày nào, sáng tối anh cũng cuốc cái xe đạp cũ đi về, dù nắng, dù mưa. Chúng tôi hay cười anh cuốc xe mà còn chậm hơn người đi bộ vì anh đạp rất ung-dung. Anh chỉ cười và biện bạch là nếu vội vàng quá không khéo vấp phải hòn đá trên đường rất dễ ngã lăn queo. Cái đó cũng đủ chứng-minh tính cách chậm rãi của anh. Đời sống của anh tất nhiên là đơn-giản, thanh đạm. Anh không cần gì hơn. Hứng-thú duy-nhất vẫn là say-sưa kéo điều thuốc Lào với những anh em thân, quây-quần tán chuyện hay là đôi khi đi dạo chơi những phong-cảnh núi, chùa.

Thơ châm biếm của Tú-Mỡ rất đặc sắc và dí dỏm. Đó là biệt tài của anh. Nó còn tỏ ra là anh rất trung-trực, chán ghét sự xấu-xa, rởm đời trong xã hội. Nhiều khi anh còn đả kích những sự bất công của chế độ nên tất nhiên anh bị bọn Quan trên và những phần tử nào đó trong xã hội căm thù. Chỉ vì anh làm việc rất mầu mực nên cũng chưa đến nỗi gì.

Sau khi Hà-nội giải-phóng, anh vẫn tiếp tục làm thơ, và được bầu làm Phó Chủ tịch hội Nhà văn. Mấy năm trước đây, nghe tin anh qua đời, tôi không khỏi buồn ngủi và cảm khái. Hồi ức lại những ngày xa xăm, cùng chung làm việc và chung-sống ở tòa báo Ngày nay. Hình ảnh

một nhân tài xuất chúng, đồng-thời là một người dân Việt-nam giản-dị, cần-cù trung-trực và hiền hậu lại hiện ra trước mắt tôi... Tiếc là tôi không còn được gặp mặt anh một lần cuối... Nhưng chắc linh hồn anh biết rằng tôi không bao-giờ quên được một người đàn anh đã làm những việc có ích cho nhân dân trong suốt cả cuộc đời.

Ở đây tôi chỉ xin nói thêm về Họa-sĩ Nguyễn-Gia-Trí.

Cộng tác với Tự lực Văn đoàn có rất nhiều họa-sĩ nổi danh thời ấy. Nhưng Nguyễn-gia-Trí không những chỉ cộng tác về văn nghệ mà còn cả về chính trị nữa.

Ai cũng biết, anh nổi tiếng về sơn mài. Anh là một người cận thị nhưng tài-hoa xuất chúng.

Đời sống của anh cũng có phần lãng-mạn như nhiều họa sĩ khác. Tôi còn nhớ, lúc chúng tôi đến thăm anh ở đường Quần-ngựa, với xưởng vẽ nhỏ, ngổn-ngang những giá vẽ, khung tranh và nhiều dụng-cụ lộn-xộn trông thật rối mắt.

Tôi cũng còn nhớ cả những cô người mẫu lả lướt của anh.

Thú thực là hồi ấy, đối-với phong-cách vẽ của anh, tôi chưa hiểu thấu cho lắm, có lẽ vì chưa biết thưởng thức giá-trị một bức tranh.

Những tranh vẽ trào-phúng của anh cũng rất đặc-sắc.

Vì tham-gia vào tổ chức bí-mật chống Pháp nên năm 1941, anh bị khủng bố rồi bị đày đi Sơn-la. Sau khi được tha, anh vẫn tiếp-tục hoạt động ngầm. Đến 1946 anh chạy sang Hương-cảng. Ở đây tranh vẽ của anh cũng được nhiều người ngoại-quốc thưởng thức.

Vài năm sau, anh trở về trong nước để tiếp-tục nghề họa.

Tác-phẩm sau cùng của anh mà tôi được thấy là tranh bìa quyển tiểu-thuyết Xóm Cầu mới của Nhất-linh. Tiếc là tôi chưa được gặp Gia-Trí một lần nữa khi về thăm nước.

Phần Thứ Hai
Những Ngày Sóng Gió

Những năm 1945-1946 là những năm quyết định vận-mệnh của toàn dân tộc Việt-nam, là những ngày sôi nổi và sóng gió nhất, là những ngày vật lộn giữa những lực lượng khác nhau trên sân-khấu lịch sử với sự can thiệp của Đồng-minh và âm-mưu trở lại của Đế quốc Pháp.

Tôi đã bị lôi cuốn vào guồng máy lịch sử ấy, đã tham dự một phần nào những sự-kiện thời đó, kể cả cuộc nội chiến Quốc Cộng với sự thất-bại của phe Quốc-gia.

Tôi đã từng gặp nhiều nhân vật lịch-sử như Hồ-Chí-Minh, Nguyễn-Hải-Thần, Bảo Đại, Phạm-Văn-Đồng, Võ-Nguyên Giáp. Ấy là không kể Vũ-hồng-Khanh, Nguyễn-tường-Tam.

Nhưng ở đây tôi không có ý kể lại toàn diện thời-kỳ ấy, mà chỉ ghi-chép những giờ phút mà tôi đã tự trải qua với khía-cạnh độc đáo của nó : Từ những ngày tháng 8 và tuyên-bố độc-lập, Chính-phủ Hồ-chí-Minh ra đời tới khi quân Trung-hoa đến tiếp quản, các đảng phái đổi lập công khai hoạt động, sự thành lập Chính-phủ Liên-hiệp Lâm-thời. Sự ký-kết Hiệp-định Sơ-bộ với Pháp ngày 6-3-1946, cho đến lúc phá-liệt, nội-chiến và kết cục là nhiều lãnh tụ Quốc gia phải chạy sang Trung-quốc. Đó thực là một thời-kỳ có một không hai trong lịch-sử Việt-nam.

Chương 7 - Những Ngày Tháng 8, 1945

Đầu tháng 8 năm 1945, chúng tôi vẫn miệt-mài làm báo. Từ Ngày nay vẫn bán rất chạy. Song những tin-tức rồn rập đưa đến khiến mọi người không khỏi hoang-mang. Một buổi chiều, tôi đang ngồi uống cà-phê, bỗng thấy Khái-hung từ ngoài vội vã vào trong tòa-soạn :

- Mỹ ném bom Nguyên tử.
- Xuống đâu ?
- Hiroshima... mấy mươi vạn người đều đã ra tro...

Về những vũ khí mới như phi-cơ, hỏa-tiến V2, chúng tôi đã nghe qua nhiều nhưng chưa bao giờ nghe nói đến bom Nguyên-tử. Tôi không khỏi rùng-mình trước sự tàn-phá ghê gớm của nó và sự tàn khốc của chiến tranh hiện tại cùng e sợ sức mạnh khổng-lồ của Hoa-kỳ.

Nhưng lúc đó, chúng tôi vẫn chưa tiên-đoán được là Nhật-bản sẽ đầu hàng mau-chóng. Một phần vì thành kiến cho rằng quân Nhật đánh giỏi và liều-mạng, dù có đổ bộ lên đất Nhật cũng còn lâu mới rơi được họ.

Ai cũng xôn-xao, hồi hộp để đợi một sự-khiến gì nghiêm trọng sẽ đến. Nhật thua thì Việt nam sẽ ra sao ? Đại đa số dân chúng chỉ có ước vọng mơ-hồ là Tổ quốc sẽ độc lập, dân tộc sẽ tự-do, có một Chính-phủ dân chủ, mọi người sẽ xây-dựng một Quốc-gia giàu mạnh, đời sống sẽ tươi đẹp hơn.

Nhưng làm thế nào để thực hiện ước-vọng ấy ? Ngồi yên đợi quân Đồng-minh đến chiếm lĩnh rồi vẫn do Bảo Đại cầm quyền ? Hay là do đảng phái nào lên nắm-quyền ? Bọn Pháp còn có thể trở lại được không ?

Ngày nay, trông lại những giờ phút lịch-sử quyết-định ấy người ta mới thấy rõ nguyên nhân sâu xa của những biến động sau này.

Đó là những lực lượng đối-lập, trong nội-bộ dân tộc Việt-nam đã đo sức quyết-liệt với nhau trong lúc những thế lực Quốc-tế vẫn còn gằng đặt lại quyền thống-trị thực dân trên những dân tộc nhỏ bé Đông-dương hay ít ra cũng lợi dụng những dân tộc này để mưu-toan những ý đồ đen tối. Người ta đã không chú-ý đến mưu-đồ tái hiện của thực-dân Pháp, dựa vào thế lực Anh-Mỹ trở lại Đông-dương.

Với học-thuyết Mác Lê-nin, đảng Cộng sản Đông-dương hiểu rõ hơn ai hết sự cần-thiết về việc cướp chính quyền. Vì thế Việt-minh gia-cường không những việc tuyên truyền, tổ chức mà còn tích-cực chuẩn bị khởi nghĩa khắp nước, kể cả thành-lập dân quân du kích. Đối với hội nghị Tân trào và những hoạt động đó, những lãnh tụ Quốc gia không phải là hoàn toàn không biết. Dương Đức-Hiền vội vã lên Việt-Bắc họp chẳng là một bằng-chứng rõ rệt ? Vấn-đề là họ không nhận rõ được thời cơ cấp-bách, vẫn hoạt-động rời-rạc và lẻ tẻ, vẫn không tổ chức gì về quân sự và cũng không dám công-khai tuyên truyền chống Chính-phủ Bảo-đại. Về cách mệnh và chính trị họ thực là ấu-trĩ. Họ tin-tưởng là quân Tưởng hay quân Mỹ đến, sẽ đưa họ lên cầm quyền hay tham-gia chính phủ và sẽ không thể để Cộng-sản lên cầm quyền. Họ đánh giá quá thấp lực-lượng, và quyết-tâm của Việt-minh. Anh Nguyễn-Tường-Long thì ẩn nấp ở ngoại-thành Hà-nội. Chu-Bá-Phương thì vẫn chỉ hoạt động bí-mật, không ai đưa ra một kế hoạch gì toàn diện để ứng phó với thời cuộc sau khi Nhật đầu-hàng, tạo ra tình-thế nước đến chân mới nhảy sau này.

Quả bom thứ hai lại rơi xuống. Quân Liên-xô tiến công vào Mãn-châu. Đồng-minh sắp đổ bộ lên đất Nhật. Đế quốc này đã lâm vào đường cùng. Chỉ mấy hôm sau, Thiên-Hoàng phải tuyên-bố đầu hàng vô điều-kiện.

Quân Nhật ở các nơi đều phải hạ vũ khí. Đông-dương do quân Trung-hoa đến tước khí-giới ở miền Bắc, quân Anh ở miền Nam. Sau đó những sự-kiện lịch-sử liên tiếp xảy ra trên đất nước Việt-nam dồn đẩy cả chúng tôi vào những làn sóng không thể chống cự được, những làn sóng quyết định vận-mệnh của cả dân tộc và cả riêng chúng tôi nữa.

Những ngày ấy, chúng-tôi ở trên gác một tòa nhà hai tầng ở ngõ Châu-Long, ngay bên cạnh trường Yên-thành, lúc đó là một trại binh của Nhật.

Hôm ấy trại này cảnh tượng đầy tang tóc. Toàn trại im lặng như tờ. Sau đó họ làm lễ để tang, treo nhiều phướn trắng rồi các binh-sĩ Nhật ôm nhau khóc và uống rượu. Còn đâu là vẻ ngạo-mạn, hung-hăng mấy hôm trước.

Tôi còn nhớ một tên lính Nhật rất trẻ, chỉ độ 17 hay 18 tuổi, nghe tiếng đàn piano trong nhà chúng tôi, hẳn xin vào đứng nghe, mắt rom róm nước mắt. Chúng tôi hỏi, anh ta mượn bút, viết mấy chữ Hán «Ngã bại, ngã sầu bi»...

Những bọn Nhật này cũng không biết số phận mình ra sao, chỉ nằm đợi quân Đồng-minh đến tiếp-quản. Cũng nói thêm rằng họ rất ít kháng cự. Chỉ có một số nhỏ mạo hiểm trốn theo tàn quân Pháp hay theo các

đảng-phái Việt-nam làm cố vấn quân sự.

Trong khi ấy, Chính-phủ Bảo-đại lên tiếng khuyên dân chúng hay bình tĩnh, đừng xúc-phạm đến quân Nhật, đợi quân Đồng-minh tới. Phan-Kế-Toại vẫn im hơi lặng tiếng. Trật tự vẫn do quân Nhật duy-trì.

Một đại biểu phái Quốc-gia vào tận trại Bảo-an Hà-nội để thuyết-phục toán lính này theo về phe mình nhưng không có kết-quả vì họ không thấy có lực lượng nào hậu-thuần. Mà quân Nhật lại khó mua chuộc.

Chúng-tôi vẫn ra những số Ngày nay cuối cùng. Chỉ có truyền-đơn của Việt-minh tung ra và dán ở khắp nơi trong thành-phố.

Song không ngờ tình thế biến-chuyển nhanh đến thế. Chỉ mấy hôm sau, cách-mệnh tháng tám bùng-nổ. Đó là tiếng nổ gần như hoàn toàn bất-ngờ với Chính-phủ và đối với những đảng-phái Quốc-gia bí-mật.

Sang ngày 18 tháng 8, 1945, Khái-hưng và tôi ngồi ở tòa soạn phố Quan-thánh, thì làn sóng người biểu tình mỗi ngày một đông, đổ về phía bờ hồ. Có người cầm cờ nhỏ và hô khẩu hiệu. Thỉnh thoảng có vài người đi kèm. Họ vào các nhà xưa mời ra đường. Lần đầu tiên chúng tôi tiếp xúc với sức mạnh của quần chúng và không

khởi ngạc nhiên tại sao lại có nhiều người tham-gia như thế. Ngay ở tòa báo có hai người vào yêu cầu mọi người tham gia. Ở tầng dưới cũng có một số người theo ra. Họ định lên gác khiến chúng tôi thấy khó nghĩ vì khó tìm lý-do gì thuận tiện để tạ tuyệt. Nhưng sau không hiểu vì sao họ không lên.

Dù sao chúng tôi cũng tự thấy cô độc trong lúc ấy, tuy chúng tôi chưa có cảm giác là đối lập với Việt-minh nhưng ít ra cũng không phải cùng một phe. Hai nữa, họ vẫn gán cho chúng tôi là thân Nhật tuy rằng sự thật không phải thế. Với đầu óc chính trị non nớt tôi cảm nghĩ rằng mọi người đều ái-quốc, đều muốn cho dân tộc độc lập cả, không nên có sự thù hận hay địch-đối. Nhưng dù sao Khái-hung và tôi đều tự thấy không an-toàn nên bàn với nhau nên tạm lánh vào một làng ở ngoại-ô. Phiên nổi lúc đó toàn thành đã đầy cờ đỏ sao vàng. Phan-kế-Toại đã đầu hàng. Ở đó cũng không phải là kẻ lâu dài. Vả lại, sự thực cũng không có gì đáng sợ lắm.

Đâu cũng là Việt-minh cả... Khái-hung vừa đi vừa nói. Tại-sao ? Đó là câu tôi tự hỏi. Họ tài thật. Chúng tôi không khỏi thâm phục.

Hôm sau Ủy-ban Cách-mệnh lâm thời của thành-phố thành-lập. Chưa thấy hành động gì lạ thường trừ những

chi thị dán truyền-đơn, biểu ngữ. Quân Nhật đã không can-thiệp, quân Bảo-an đã quy-phục. Ở Huế Bảo-đại đã thoái vị. Phạm-Quỳnh bị xử quyết. Sau hết là khởi nghĩa tại Sài-gòn. Việt-minh đã thắng ở khắp nơi. Việc thành-lập Chính-phủ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Quân Đồng-minh cũng chưa thấy tăm-hơi gì. Các anh em hải ngoại cũng chưa thấy bóng dáng. Chỉ có chỉ thị ngăn ngủi ở trên khuyên nên tạm ngưng hoạt động, đợi thời cơ. Nhưng sau-này hoạt-động thế nào thì không ai có một kế-hoạch rõ rệt.

Mấy hôm sau, có tin đồn quân Giải-phóng từ Việt-Bắc về, sẽ tiến vào thành-phố. Mang lòng hiếu-kỳ với đội quân đầu tiên của người Việt-nam, sáng hôm ấy chúng tôi ra phố đầu cầu, thì vừa đứng gặp một toán quân từ trên cầu đi xuống chừng năm chục người, mặc quần áo vàng, quần ngắn. Quân-phục tuy không oai-phong lắm nhưng cũng khá chỉnh tề. Xem ra hành-quân đã lâu nên ai nấy đều gầy, đen, trông cũng răn-rỏi. Vũ khí thì có súng trường với một khẩu súng máy nhẹ. Tuy trang-bị đơn-sơ những hồi đó có mấy chục tay súng, không phải dễ dàng.

Báo Ngày nay tạm đình bản vì phương-châm và nội dung cần biến đổi. Tuy-nhiên chúng tôi vẫn sống yên-ổn và mỗi ngày vẫn cà-phê, cờ tướng hay belote. Vẫn

duy-trì nhà xuất bản Đời-nay và nhà in làm kế sinh-nhai cho mấy chục anh em.

Ngày 2 tháng 9, chính-phủ Hồ-Chí-Minh làm lễ tuyên-thệ độc lập ở Quảng-trường Ba-đình. Tôi đã biết từ lâu Hồ chí-Minh ngày nay là Nguyễn-Ai-Quốc mà chúng tôi vẫn khâm phục như một nhân vật thần kỳ thời thiếu-niên. Éo-le là vận-mệnh đã làm cho tôi đứng vào hàng-ngũ đối lập. Nếu xét kỹ bản Tuyên-ngôn Độc-lập và Cương-lĩnh Việt-minh hồi đó như độc-lập, tự-do, dân-chủ, tổng-tuyên cử, giảm tô, bảo-vệ quyền-lợi của công-nông, tước bỏ quyền lợi của vua quan phong-kiến, hạn-chế tư-bản, thì tôi không thấy có gì đáng phản đối. Vấn-đề có thể là những đảng-phái Việt-nam lúc ấy không ai chịu người khác cầm đầu, không ai phục ai tuy rằng đều tán thành độc lập, dân-chủ. Vì thế những nghi-kỵ sẵn có càng ngày càng sâu mạnh.

Những đảng-phái Quốc-gia cho rằng một Chính-phủ Cộng sản không có thể đứng vững được trong hoàn cảnh Trung Mỹ chi-phối, và chỉ có phái Quốc-gia mới thực-sự mang lại độc lập cho dân tộc.

Một mặt khác, có lập luận cho rằng chủ nghĩa Cộng-sản không thích-hợp với quốc tình Việt-nam, e sợ nền độc-tài Cộng-sản sẽ đưa quốc gia đến tai hạn. Hơn nữa Việt-minh lại có thành-kiến với những phái mà họ cho

là thân Nhật.

Trên tờ Cờ Giải phóng có bài hiệu triệu đoàn kết nhưng lại khuyên các đảng-phái đi lạc đường hãy mau quay về với Tổ quốc. Những phần tử Việt-nam Quốc-dân-đảng, chống Pháp, không thân Nhật, dù sao cũng không thể chấp nhận được lời lẽ ấy. Họ cũng biết chân thành đoàn kết để đối phó với ngoại xâm tuy cần-yếu nhưng trước sau vẫn khó lòng thực-hiện được. Vì thế mà biết bao-nhiều thanh-niên yêu nước và tiến-bộ, giàu lòng hy-sinh đã bị đẩy vào tình-huống đối địch lẫn nhau và vào nội chiến sau này.

Chương 8 - Đồng - Minh

Mọi người đều chờ đợi quân đội Đồng-minh đến trước khí-giới quân Nhật.

Thái-độ của họ sẽ ra sao ? Họ có can-thiệp vào nội bộ Việt-nam không ? Họ sẽ làm gì và ở lại bao lâu ? Đối với các câu hỏi ấy, các phe-phái đều có dự đoán và ước vọng riêng của mình.

Dựa vào lời tuyên-bố của Đồng-minh, người ta ước đoán rằng họ sẽ tôn trọng nền độc-lập của các dân tộc Đông-dương và sẽ giúp đỡ ta thực hiện độc-lập, tự do.

Thái độ của Trung quốc có vẻ sáng-sủa hơn. Họ không biểu thị gì về vấn-đề Pháp nhưng dù sao Pháp cũng là đồng-minh của họ. Còn quân Anh sẽ đổ bộ lên miền Nam. Rất có thể quân Pháp sẽ theo gót Anh để đặt chân lên thuộc địa này.

Sự thể diễn biến sau này chứng tỏ rằng Việt-minh cướp Chính quyền và thành-lập Chính phủ trước khi quân Đồng minh đến là hoàn toàn đúng về chiến lược. Nếu không, một Chính-phủ mềm-yếu như Chính-phủ Bảo đại rất có thể sẽ khuất phục nhanh trước võ lực của Pháp và uy-hiệp của Đồng-minh. Nền đô hộ của Pháp sẽ sớm đặt lại trên đầu dân Đông-dương tuy dưới một

hình thức khác.

Tôi cũng không ngờ là chính tôi lại được gặp đại biểu đầu tiên đến Hà-nội của quân Đồng-minh.

Thành phố đương xôn xao về tin tổ đại-biểu Đồng-minh nhảy-dù xuống. Đó là chứng triệu đầu tiên về sự hiện diện của Đồng-minh. Đây là một tổ người Mỹ. Tin này ít nhiều cũng làm phấn-khởi phe Quốc-gia.

Vài hôm sau bỗng có một người trong đảng xã-hội Pháp đến, đưa cho tôi một bức thư của anh Tam từ Côn-minh, nhờ Đại-uy Patterson, tổ trưởng, mang sang và cho biết Đại-úy muốn gặp chúng tôi.

Bức thư này đại-ý nói quân-đội Trung-hoa sắp tiến vào Bắc-Việt và nhiều anh em sẽ cùng đi về nước. Bên trong cần chuẩn bị để đón tiếp. Còn anh Tam vẫn cần ở lại Côn minh một thời-gian nữa. Vì không có anh phụ trách nào khác có mặt, tôi phải đến gặp Patterson trong một tòa nhà ở Hàng Trống, trông ra hồ Hoàn kiếm.

Ông ta còn rất trẻ, người hòa nhã và vui-vẻ. Ông nói tiếng Pháp rất thạo. Chúng tôi trao-đổi một số ý-kiến về thời cục trong lúc ở dưới đương có nhiều toán mang cờ đỏ, hô khẩu hiệu đương đi biểu tình. Có lẽ họ cố-ý để cho Đại-biểu Đồng-minh xem.

Patterson bảo anh Tam vẫn khỏe mạnh. Quân Đồng-minh sẽ giúp-đỡ cho Việt-nam độc-lập, nhưng cuối-cùng, ông ta chỏ xuống đường một cách thâm trầm nói bằng tiếng Pháp : Tout est rouge... (Cái gì cũng đỏ cả...). Nhiệm vụ của ông chỉ là liên-lạc và xếp-đặt việc tiếp-thu khí giới của Nhật. Những việc khác sẽ do quân Trung-hoa và quân Anh xử-lý. Tạm thời họ chưa công nhận Chính-phủ nào ở Đông-dương kể cả Chính-phủ Hồ-Chí-Minh.

Đề đối phó với tình thế, Việt-nam Quốc dân đảng mở cuộc Hội-nghị cấp trung ương. Ở đây có một số đảng-viên kỳ cựu còn sót lại sau những ngày khủng bố 1930-1931 và một số mới tham-gia như chúng-tôi. Có điều lạ là đại đa số không rõ mục-đích, cương-lĩnh của đảng thế nào ? theo chủ nghĩa gì ? Họ chỉ biết mơ-hồ là Việt-nam Quốc dân đảng có lịch-sử quang-vinh chiến-đấu vì độc-lập, tự-do cho dân-tộc. Hội-nghị cũng không đưa ra một chương trình hành động có hiệu-quả.

Trong hội nghị có nêu ra vấn-đề hợp tác với Việt-minh. Một số tán thành hợp tác để chống Pháp nhưng đa số thì e rằng hợp-tác thì chỉ có thể là đầu-hàng, chóng chầy cũng bị tiêu-diệt. Cuối-cùng đi đến kết luận tạm thời là tiếp tục hoạt-động bí-mật, chờ quân Đồng-minh tới và các anh em ở hải-ngoại về sẽ hoạt động công-

khai.

Ở đây, yếu-tố thất bại sau này đã nảy mầm : Không kiên quyết gia cường lực lượng của mình mà chỉ y lại vào người ngoài, nhất là không nhận thức được bản chất của Đồng-minh, dù sao cũng chỉ vì lợi-ích của họ trước hết mà thôi.

Về mặt công-khai, chúng tôi với anh Nguyễn Trọng... quyết-định ra một tờ báo hàng ngày lấy tên là Việt-nam. Chủ-yếu là đăng tin-tức và hô-hào bảo vệ độc-lập, chống đế-quốc, phong-kiến. Báo này do Nguyễn Trọng... làm Giám đốc, Khái-hung và tôi phụ-trách biên-soạn. Chính tờ Việt nam này chẳng bao lâu sau đột nhiên chuyển làm cơ quan ngôn luận của Việt-nam Quốc dân đảng. Tình-thế biến-chuyển nhanh hơn là người ta ngờ đến. Chính-phủ Hồ-chí-Minh vừa đặt được cơ sở đầu tiên ở Nam bộ thì quân Anh đã đổ bộ. Sau đó quân Pháp theo gót. Đồng-minh dung-túng cho bọn thực dân Pháp dùng võ lực cướp lại quyền thống trị cũ, không đếm xỉa gì đến khát vọng độc lập tự do của những dân-tộc nhỏ yếu.

Quân-dân ta kháng-cự oanh-liệt nhưng vì lực lượng vũ trang còn ít-ỏi và đơn-sơ nên phải rút bỏ Sài-gòn, để cho quân Pháp có chỗ dung chân, lấn chiếm dần.

Ở miền Bắc, ai cũng biết vì những âm mưu, quỷ kế trong nội bộ Quốc-dân-đảng Trung-quốc, Tưởng-giới-Thạch muốn điều động quân Vân-nam của quân-phiệt Long-vân, Lư-Hán sang Việt-nam rồi sau này điều đi Đông-Bắc chống quân Trung-cộng. Điều hỏ ly sơn rồi cho quân mình vào trấn thủ Côn minh. Vì vậy mãi đến gần tháng 10 quân của Lư-Hán mới tiến vào Lào-cai, Hà giang, quân của Trương-phát-Khuê mới từ Quảng-tây tiến sang Lạng sơn.

Ấn tượng đầu tiên của tôi đối với quân đội Trung-hoa, nói thực, không lấy gì làm tốt đẹp lắm. Một hôm tôi gặp một đạo quân Vân-nam từ ga Hàng Cỏ tiến vào thành phố, tuy cũng khá đông nhưng đội ngũ kém chỉnh tề, oai-phong và cũng không kèn không trống, quần áo xộc xệch, vũ khí chỉ có súng trường và súng máy, không thấy xe tăng và đại bác gì cả.

Những ông Tướng thì ngồi mấy xe Jeep cũ. Bộ phận cấp dưỡng đi sau rớt thì nào gồng gánh nào nôi niêu trông càng luộm-thuộm. Đương nhiên đó chỉ là cảm tưởng cục hạn thôi. Phải công nhận là có những bộ-phận họ tác chiến rất cừ, như lúc xô xát với quân Pháp sau này ở Hà nội chứng tỏ.

Quân đội Tưởng vào tước khí giới Nhật nhưng lại gặp phải vấn đề đối xử với Chính-phủ Hồ-Chí-Minh, một Chính phủ thực tại cầm-quyền ở Việt-nam. Hiện nay, người ta có thể đoán rằng Tưởng đã có Hiệp định ngầm với De Gaulle, cho phép Pháp trở lại dưới một hình thức nào đó. Nhưng ngoài mặt, Tưởng không thể làm khác hơn là ủng-hộ nền độc lập hay tự trị của các dân tộc Đông-dương.

Họ cũng muốn có một Chính-phủ Quốc-gia, thân Hoa ở ngay sát nách mình hơn là Cộng sản. Đảng này rất có thể sẽ liên-kết với đảng Cộng sản Trung-quốc.

Đồng thời Trung quốc dù sao cũng không muốn cho Pháp đặt lại thống-tri tại Đông dương như ngày trước vì họ muốn hạn-chế thế lực của Pháp trong một phạm vi nào đó. Vì không có lực-lượng Quốc-gia nào đủ mạnh, Tưởng không dám thẳng tay giải quyết Chính-phủ Hồ-Chí-Minh. Và lại họ phải dựa vào Chính-phủ này để cung-cấp lương-thực và các thứ cần thiết để rồi mau-chóng đưa quân sang Đông-Bắc đánh Trung Cộng.

Những yếu tố mâu thuẫn đó khiến quân đội Trung quốc phải coi Chính-phủ Hồ-Chí-Minh là một thực-thể để giao thiệp và chỉ giúp-đỡ một phần nào cho các đảng phái Quốc gia mà thôi.

Nhưng điểm quan trọng là các đảng-phái Quốc-gia đã không ý-thức được điều này. Họ vẫn còn tin tưởng vào Đồng minh.

Cũng nên nói thêm rằng sách-lược của Việt-minh lúc này là mềm dẻo và khôn khéo. Nhờ đó họ đã lách được con thuyền qua thác-ghềnh, sóng gió. Đó là việc về sau này.

Chương 9 - Công-Khai Hoạt Động Của Việt-Quốc Và Việt-Cách

Ai cũng còn nhớ những ngày tháng 10 năm 1945, có một cái loa bắc ở một toa nhà ở phố Quan-thánh, xế của tòa báo Việt-nam, ngày nào cũng kêu-gào độc-lập, dân chủ. Nó cũng hấp-dẫn được một số thính-giả khá đông gồm những trí thức, công chức giới trung lưu hay những kẻ hiếu-kỳ.

Họ cũng bị hấp-dẫn bởi những người mặc áo màu đen, đeo súng đứng gác, trong đó có cả những nữ binh lạ mắt.

Đó là một trụ sở của Việt-nam Cách-mệnh Đồng-minh một tổ chức thành lập ở Quảng-tây, do những người Quốc-gia lưu-vong dựng lên, và nay họ theo quân đội Trung quốc về nước, sau khi đã bôn ba hải ngoại nhiều năm.

Những lãnh tụ ở hải ngoại về gồm có 2 phái chính là Việt-nam Cách-mệnh Đồng-minh hội (gọi tắt là Việt Cách) và Việt-nam Quốc dân đảng (gọi tắt là Việt-Quốc). Ngoài ra có một số Phục quốc quân. Lực lượng này, trên danh-nghĩa đã sát-nhập vào Việt-Cách và có một số rất ít đi với Chính-phủ.

Đối với các nhà cách-mệnh lão thành, vì độc-lập, tự do của dân tộc đã phải sống lưu vong ở nước ngoài, chúng tôi không khỏi khâm-phục tinh-thần chiến-đấu gian-khổ của họ. Chúng tôi tin-tưởng là việc họ về nước sẽ đóng góp vào công-việc chống đế quốc và cụ thể hơn, sẽ chỉ đạt đường lối hành động đến thành công.

Anh Vũ Hồng Khanh, lãnh tụ lưu-vong của Việt-Quốc ở Vân-nam, là người mà chúng-tôi nghe tiếng từ lâu và cũng mong anh trở về. Tháng 10, anh theo đường Lào-cai, về nước. Dọc đường anh để lại một số đồng chí hợp cùng với các đảng-bộ địa-phương, dưới sự che chở của quân Vân-nam đã chiếm lĩnh các tỉnh Hà-giang, Lào-cai, Yên-bái, Phú-thọ, Việt trì và Vĩnh-yên làm cứ điểm, dựng cờ Việt-Quốc, khiến chính-quyền địa-phương của Việt-minh phải rút ra nông thôn.

Đó là những thổ phỉ mà chính-phủ tuyên-bố nhất định sẽ tiêu-diệt.

Vũ-Hồng-Khanh lúc bấy giờ mới hơn 40 tuổi, đã trốn sang Tàu sau cuộc khủng-bố của Pháp năm 1930. Anh đã có công tổ chức đảng trong số đông Việt-kiều trên đường xe lửa Côn-minh. Trông anh khỏe-mạnh, nước da đen rắn rỏi, đôi mắt bé và lạnh-lội.

Chủ trương của anh là theo Chủ-nghĩa Tam-dân của Tôn Trung-Son, thân Trung-quốc và tất nhiên không tán thành Cộng-sản.

Trong hành động, anh tỏ ra rất gan dạ và bình tĩnh. Chỗ yếu của anh lại là nhược điểm chính : Không những không thông-thạo về lý thuyết cách-mệnh mà còn thiếu nhìn xa trông rộng nên không thể đem đến cho toàn đảng một sách lược đứng đắn, một chiến lược lâu dài.

Đối với công tác tuyên truyền, tổ chức ở trong nước, anh lại không am hiểu lắm, nên không đi được đến chỗ thống-nhất và tăng cường lực-lương nội-bộ. Mà đó mới chính là cơ-sở của thắng lợi.

Nghiêm-kế-Tổ cũng là một nhân vật quan trọng sau Vũ Hồng-Khanh. Anh sau được đảng cử ra làm Phó Bộ trưởng Ngoại-giao trong Chính phủ Liên Hiệp vì anh có năng lực về phương-diện này. Song vì công việc đảng hay tài năng lãnh đạo thì anh không có gì xuất sắc.

Nhưng anh ở hải ngoại về, có thể nói là hăng-hái không sợ, hy-sinh, gian-khổ nhưng vì ít được huấn luyện về mặt tổ-chức, phát-động dân chúng và cả về quân sự nữa nên ở các địa-phương không phát triển được nhiều. Và lại họ xa cách quần chúng đã lâu...

Còn về Việt-Cách thì thế nào ? Nội-bộ Việt Cách rất phức-tạp vì gồm nhiều phe-phái, không được thống nhất.

Nguyễn-Hải-Thần chạy ra ngoại quốc gần 40 năm, đã làm giáo viên ở trường Võ bị Hoàng-phổ ở Quảng-châu, tiếng là một nhà Cách-mạng có uy vọng, và kinh-nghiệm.

Song lần đầu tiên gặp cụ ở một buổi họp thì ấn tượng của tôi chỉ là bối rối. Đáng-lẽ là một người quốc thước có kiến-giải độc đáo, có tầm mắt xa rộng... thì trước mặt tôi chỉ là một ông già đeo kính, tiếng nói rất khó nghe và chậm chạp. Ông làm tôi thất vọng vì không được nghe thấy những lời phân tích sâu sắc về thời cục hay đề ra một đường lối hành động có kế hoạch nào... Đương nhiên, có thể lúc ấy chúng-tôi còn ấu-trĩ chưa đủ sức phán đoán.

Đề hành động có vẻ thống nhất, mọi phái đồng ý là đối ngoại lấy danh-nghĩa là Việt-Cách, tôn Nguyễn-Hải-Thần làm Chủ tịch, nhưng cũng chỉ trên danh-nghĩa mà thôi.

Tại Hà-nội, mỗi nhóm chiếm đóng những trụ-sở riêng để hoạt-động, nhiều nhất là ở khu Quan-thánh, Ngũ-xã, Châu-long, Bảy mẫu... Mỗi chỗ chừng 50 người, đủ cả

nam nữ, cũng có tay súng canh gác rất oai phong. Việt-Quốc còn cử một viên chỉ huy những đội lính gác, mỹ danh là Tổng-tư-lệnh.

Với sự ủng hộ của quân Tướng, các đảng phái Quốc-gia bắt-đầu hoạt động công khai bằng truyền thanh và truyền đơn. Khái-hưng và tôi vẫn giữ công việc tuyên-truyền đảng. Chúng tôi liền thực hành ngay một hành động rất cách mạng là tiếp-thu ngay tờ báo Việt-nam mà không báo trước cho Nguyễn-Trọng... biết, đổi làm Cơ quan Ngôn luận của Việt-nam Quốc-dân đảng. Đó là tờ báo công-khai đầu tiên của phe Quốc-gia.

Đương nhiên nó không phải xin phép Chính-phủ nhưng, trong thời-thế ấy, Chính-phủ Hồ-Chí-Minh không thể cấm nó ra đời, tuy họ không thể tán-thụ việc tuyên truyền công khai của những đảng phái khác trên mặt báo.

Chủ-trương chính của tờ báo cũng là độc-lập, tự-do, chống đế-quốc nhưng lại phê bình chính sách của Chính phủ về đối nội, đối ngoại. Vì nó mới lạ nên cũng hấp dẫn được nhiều độc-giả. Ở ngoài phố luôn luôn có cảnh tượng tranh mua, có khi có cảnh xô xát giữa những người bán báo và những người chống-đối việc bán báo.

Tất nhiên trên mặt báo có nhiều bài đầu khẩu với những tờ Cờ Giải-phóng và Độc-lập hồi ấy, không kém phần kịch-liệt. Chúng tôi tự xưng là những người Quốc-gia chân chính và dân chủ thực sự mà những tờ kia nhất định cho chúng tôi là núp bóng quân Đồng-minh.

Luận điệu chính của tờ Việt nam là theo Cộng sản thì nhất định bị Đồng-minh bỏ rơi và đế quốc Pháp sẽ quay trở lại. Việt-nam sẽ bị cô-lập và có nguy cơ bị đô hộ một lần nữa.

Để bảo-đảm tờ báo được phát-hành đều-dặn, chúng tôi thực-hành việc kiểm-soát nhà in. Những người thợ chính không được ra ngoài nếu không được phép. Những nhân-viên tòa soạn cũng vậy. Chẳng bao lâu ai nấy tóc tai và râu ria đều mọc dài gần như Robinson Crusoe. Về ăn uống thì cũng rất cách-mệnh : toàn ăn rau với chút ít thịt cá như moi trư-sở khác.

Ngoài việc đặt trư-sở, ra báo, phe Quốc-gia còn tổ chức các cuộc biểu tình thí-dụ như chống việc Tổng tuyển cử của Chính phủ phát động, cho rằng không phải là dân chủ. Nhưng những cuộc biểu tình này không lôi cuốn được nhiều người vì tổ chức không có nền tảng trong giới công nhân và đông đảo quần chúng lao-động. Hơn nữa mâu thuẫn giữa Chính phủ và dân chúng chưa đến mức cao, nên không gây được ảnh hưởng gì lớn.

Nên nhớ rằng hồi đó, ngoài những phái công khai ra cũng còn những nhóm hoạt động bí-mật từ cực hữu đến cực-tả như là những nhóm theo chủ nghĩa Dân tộc chí thượng, Dân tộc sinh-tồn và nhóm Đệ tứ Quốc tế nữa.

Có lẽ nhóm sau này cứng nhất về lý luận. Đại-biểu của họ là những thanh-niên mặc quần áo thợ xanh, tuôn ra những lý-luận Mác-xít khoa-học rất hấp dẫn, chỉ trích đảng Cộng-sản Đông dương là theo cơ-hội chủ nghĩa. Song lúc đó chúng tôi chưa hiểu gì mấy, về Chủ nghĩa Mác Lê nên rút cục mọi người chỉ đồng ý với nhau về một điểm là cùng chống lại đường lối hiện nay của Chính-phủ mà thôi.

Tất cả những cái trên đưa đến khả năng hình thành một tổ chức rộng-rãi hơn là Việt-nam Cách-mệnh Đồng-minh hội đã lỗi thời. Có người đề nghị thành lập một mặt trận lấy tên là Mặt-trận Thống nhất Quốc-gia để đối lập với Mặt-trận Việt-Minh nhưng vì các đảng-phái phức-tạp, không có chính kiến thống nhất, tổ chức lỏng-lẻo, cũng không chọn được người lãnh tụ nào đủ tài-năng nên mặt-trận này cũng chỉ là một danh hiệu trống rỗng nữa mà thôi. Lúc đó ở miền Bắc, Việt-nam Quốc-dân đảng vẫn chiếm cứ một số tỉnh ly. Việt-Cách chiếm được Lạng-son, Móng-cái, Tiên-yên. Tất-nhiên là đã xảy ra nhiều cuộc xung đột đồ mau. Ngoài ra còn

những vụ xô-xát nhỏ ở những nơi Việt-Quốc và Việt-Cách đặt trụ-sở và công khai hoạt động. Tình hình đó nếu phát-triển đến cùng thì sẽ gây ra nội chiến. Mà ở trong Nam thì quân Pháp đã lấn chiếm dần dưới sự che chở của quân Anh. Phe Quốc-gia muốn lật đổ Chính phủ Hồ-Chí-Minh với sự giúp-đỡ của quân Tưởng nhưng lực lượng quá kém cỏi. Chính-phủ muốn diệt ngay họ cũng không phải dễ vì sẽ đụng đến quân Trung-hoa.

Ai đọc Hồi ức của Võ-Nguyên-Giáp về giai-đoạn ấy cũng nhớ có đoạn bộ hạ xin cụ Hồ-Chí-Minh ra lệnh dẹp bọn phản loạn ở Hà-nội nhưng cụ đã gạt đi vì muốn dùng vũ lực thì chỉ trong vài ngày là giải-quyết được nhưng còn có quân Tưởng ở đây, chưa đến thời cơ.

Trong khi ấy quân Tưởng tuy không ưa gì Việt-minh nhưng thấy phe Quốc-gia lực-lượng ít, lại còn phải chiều Đồng minh Pháp, nên bắt buộc phải đi con đường trung-dung để tiện cho họ rút lên Đông-Bắc. Con đường ấy là con đường thỏa-hiệp...

Chương 10 - Tinh Thành Đoàn Kết

Những viên tướng Trung-hoa, theo lệnh của Nam-kinh, đứng ra hô-hào các đảng phái Việt-nam đoàn-kết, hợp-tác để thành lập một Chính quyền liên hiệp thống nhất, có đủ danh-nghĩa đối nội cũng như đối ngoại, có thể lấy được sự thừa nhận Quốc tế. Người đứng ra dàn xếp là tướng Tiêu-Văn, Chủ-nhiệm bộ Chính-trị quân-đội Quảng-tây. Ông này từ mấy năm trước đã có liên hệ với các đảng phái ái quốc Việt-nam ở Quảng-tây. Dù muốn hay không các lãnh tụ Việt-nam cũng phải tham dự những cuộc đàm phán này.

Phe Quốc-gia chủ yếu có Nguyễn-Hải-Thần và Vũ-Hồng Khanh làm đại-biểu. Sau gần một tháng, mọi người đồng ý phát-biểu một Tuyên-cáo chung nhan-đề là «Tinh-thành đoàn-kết» các đảng-phái, các lực lượng yêu nước, chân thành hợp tác với nhau để giữ vững độc lập và tự do với sự bảo trợ của Đồng-minh. Xin thú-thực độ ấy, vì trình độ Hán-văn rất kém nên tôi không hiểu được rõ ý-nghĩa của 2 chữ «Tinh-thành» là thế nào nên có nói nếu gọi nôm na hơn là Tinh thần đoàn kết thì nghe có vẻ Việt-nam hơn.

Vấn đề là sự đoàn kết này có thực là tinh-thành hay không, hay chỉ có những buổi hội họp, những bữa tiệc

liên miên và những ông đọc diễn-văn rất hùng-hồn. Tôi còn nhớ là ở một bữa tiệc, một ông tướng Trung-hoa nhắc đi nhắc lại mãi là cách mệnh phải gian khổ, phải đổ máu y như là... lúc đẻ ra một sinh mệnh mới thì tất nhiên phải đau-khổ, phải đổ máu. Ai phát-biểu cũng đại-khái như nhau cả, không ngoài độc lập, cách-mệnh, đoàn-kết, hợp-tác. Của đảng tụi, cũng có một số người thành thực tin rằng muốn bảo-vệ và kiến thiết Quốc-gia, cần phải đoàn kết chân thành và rất có thể đoàn kết được. Nhưng đại đa số theo chỗ tôi nghĩ thì chỉ là sách lược thôi vì không ai chịu để cho người khác cầm đầu cả.

Vì sự dàn xếp của Trung-quốc, phe Quốc-gia tạm dẹp sự phá-hoại Tổng-tuyên cử. Nhờ đó, trừ Nam-bộ ra, Tổng-Tuyên cử Quốc hội đầu tiên của Việt-nam đã tiến hành thuận lợi.

Mọi phe đồng-ý hợp-tác và chuẩn bị tổ chức một Chính phủ liên-hiệp để đối phó với tình-thế ngày càng gay go.

Tôi được cử làm đại biểu trong liên tịch hội nghị với mục-đích dự thảo bản Tuyên-ngôn liên-hiệp và cương lĩnh của Chính-phủ này.

Trong những giờ phút nghiêm trọng này, những đại biểu mang gánh-nặng trên vai để quyết định vận-mệnh và tương lai của Tổ quốc song bản thân tôi đâu đã ý thức được trách-nhiệm nặng-nề trước lịch-sử ấy ? Nếu mọi người gác bỏ thành kiến riêng để mang toàn sức ra chống hiểm họa thực-dân Pháp thì có lẽ đã tránh được những ngày nội-chiến sau này và cuộc chiến-tranh ngày 19-12-1946 ít ra cũng làm cho Pháp phải rùng tay không dám hoành hành.

Tôi được gặp mặt Chủ-tịch Hồ-Chí-Minh lần đầu tiên trong một bữa tiệc do Chính-phủ chiêu đãi. Dự dạ tiệc có nhiều Tướng tá Trung-hoa và nhiều nhân vật có danh tiếng. Ấn tượng của người cách mệnh kiên-cương Nguyễn-Ái-Quốc vẫn ghi sâu trong trí óc tôi. Ngày nay, sau bao năm bị đế quốc truy-nã, người ấy đã lãnh đạo được dân chúng Việt-nam đoạt được độc lập, đánh đổ được chế độ phong-kiến. Dù người ta không ưa Cộng-sản thế nào đi nữa, không ai phủ nhận được trí bất-khuất và tài lãnh đạo của ông. Trong thâm-tâm, tôi không hề phản đối công nông được giải-phóng, ít nhiều chúng tôi đã chịu ảnh hưởng của những sách báo nói về Liên-xô. Éo le là tại sao lại bị lôi cuốn vào hàng ngũ đối lập... Với lòng hiếu-kỳ lẫn khâm-phục, tôi nhìn người chiến-sĩ gầy và hơi thấp, với đôi mắt sáng, với bộ quần áo kaki vàng giản dị, một ông già có thể gọi là mẫu mực

Việt-nam.

Dự tiệc có cả Nguyễn-Hải-Thần, Vũ-Hồng-Khanh, Chu-Bá-Phượng, các lãnh-tự Phục-quốc, Phan-kế-Toại. Về bên Chính phủ có Phạm-văn-Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trần-Văn-Giàu... Bầu không-khí xem ra cũng không đến nỗi căng thẳng lắm. Sau khi nghe một viên Tư lệnh Trung-hoa phát-biểu, Hồ-Chí-Minh đứng lên nói mấy câu vắn tắt về sự đoàn-kết, ông nói rất giản-dị, dễ hiểu. Sau đó đến Nguyễn-Hải-Thần, ông dùng nhiều danh từ chữ Hán khiến mọi người lạ tai và khó hiểu. Nhiều người kế tiếp tự-do phát-biểu. Tôi cũng góp ý-kiến về vấn đề kháng-chiến ở Nam bộ. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là sau bữa ăn, cụ Hồ tự đến bắt tay tôi nói chuyện, cụ hỏi đến Nguyễn-Tường-Tam vì độ ấy anh chưa về đến nhà. Hai người có gặp nhau ở Vân nam từ trước.

Mấy lần sau, tôi lại gặp cụ Hồ ở phủ Bắc bộ với anh Chu-Bá-Phượng để bàn về vài chi-tiết. Lúc đó hai bên đã đồng ý thành lập một Chính phủ liên-hiệp. Vấn-đề rồi ren là việc phân-chia các bộ trong Chính phủ. Ai cũng muốn giữ những bộ quan trọng. Lại còn vấn-đề Quốc-kỳ, Quốc ca. Việt-minh muốn giữ nguyên cờ đỏ sao vàng và bài Tiến-quân ca sẵn có trong lúc phe Quốc-gia thì nhiều anh em không muốn bỏ lá cờ xanh

với ngôi sao trắng để đôi mũ mang dấu hiệu cờ đỏ sao vàng.

Cũng như mọi cuộc đàm-phán thống nhất Quốc-Cộng trên thế-giới, gay-go nhất vẫn là vấn-đề hợp nhất quân đội. Mọi người bàn cãi về tên của Quân đội. Phe Quốc-gia muốn đổi tên Vệ-quốc-quân thành Quốc dân quân. Nhưng dù lấy tên gì đi chăng nữa, nếu sáp nhập thì quân đội của phe Quốc gia sẽ bị nuốt chửng ngay. Độ ấy chúng tôi chưa nghiên-cứu gì nhiều về quan hệ Quốc Cộng trên thế giới. Thí dụ như Trung-hoa, Tiệp-khắc, Pháp mà cũng chưa đọc sách Mao-Trạch Đông về vấn đề này. Song chúng tôi cũng có cảm tưởng rằng nếu bỏ mất quân đội thì nguy hiểm. Vì thế, thủy chung việc thống nhất cũng chỉ là bề mặt.

Ít lâu sau, anh Tam theo đường Lào-cai về đến Hà-nội. Đã gần 5 năm tôi mới gặp lại anh. Cả nhà đều vui mừng. Đương-nhiên mừng nhất là chị Tam và các con và bà mẹ. Chúng-tôi thì mừng có người anh về chỉ dẫn hành động. Trông anh gầy và đen những răn-giỏi, ít vẻ thư-sinh nho-nhã hơn trước.

Anh đã dựa vào Đồng-minh và đưa tổ chức cũ sáp-nhập vào Việt-nam Quốc dân đảng. Nhưng tôi xem ra anh không thấy hứng-thú lắm với chủ nghĩa tam-dân. Chủ trương của anh giống anh Long, tán-thành chủ

nghĩa dân-chủ, xã hội theo lối Tây-phương. Vũ-Hồng-Khanh thì như trước đã nói, theo chủ nghĩa Tam-dân song thực ra anh cũng không trọng về lý-luận. Sau này Việt-nam Quốc dân đảng công bố một cương-lĩnh chủ-trương độc-lập, tư-do, dân-chủ, tiến-hành Tổng tuyển-cử, cải thiện dân-sinh, chính là sản phẩm hỗn hợp của sự thỏa hiệp giữa hai bên. Nhưng thực ra nhiều người trong đảng chỉ biết Quốc-gia độc-lập còn theo chủ nghĩa nào họ cũng thờ ơ.

Dù anh Tam về nước nhưng mọi người vẫn chưa tìm thấy một đường lối hành động lâu dài, một sách lược cụ thể để đối-phó với những biến chuyển sau này và cũng không tăng-cường được tổ-chức nội-bộ và làm thế nào để động-viên đông đảo quần chúng.

Những lần hội-đàm cuối cùng giữa Việt-minh và phe Quốc-gia tập-trung vào việc phân chia những ghế Bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp. Sau rốt, cãi-cọ và tranh-dành đã chấm-dứt một cách mỹ-mãn.

Hồ-Chí-Minh, giữ chức Chủ tịch. Nguyễn Hải-Thần làm Phó-Chủ-tịch. Bảo đại làm Cố-vấn Tối-cao.

Ghế Bộ trưởng Nội-vụ do Kuynh-Thúc-Kháng đảm nhiệm.

Bộ Ngoại-giao do Nguyễn Tường-Tam giữ, có Phạm-Văn Đồng và Nghiêm-Kế-Tổ làm Phó.

Bộ Kinh-tế do Nguyễn-Tường-Long (sau đó Chu-Ba-Phượng) phụ trách.

Còn về Quốc hội thì dành cho phe Quốc gia 30 ghế.

Nếu nói là hai bên đều hoàn toàn không thành-thực muốn đoàn-kết để bảo vệ và kiến-thiết quốc-gia thì có thể là không đúng. Phần lớn đều muốn như thế. Riêng tôi, trong thâm tâm, tôi vẫn hy vọng như vậy và cũng không hề có ý muốn làm quan làm cách gì. Nhưng sự tranh dành và nghi-ky lẫn nhau cũng là sự thật. Tôi còn nhớ, một hôm bàn cãi về việc phân-chia chức vụ, một đại-biểu Việt-minh đã bảo chúng tôi : các anh có ít mà lại muốn lấy nhiều.

Đó cũng là sự thật.

Cuối-cùng đi đến thỏa-hiệp là cờ và quốc-ca sẽ do Quốc hội sau này quyết định. Song có một điều chính mà hai phe đã không bàn đến là Cương-lĩnh chung của Chính-phủ Liên-hiệp cùng Chính-sách đối ngoại cũng như gia-cường Quốc-phòng, chống ngoại-xâm, cụ thể là quân Pháp.

Tôi được cử vào làm ban dự thảo Tuyên-ngôn của Chính phủ Liên-hiệp. Tôi còn nhớ có cả Dương-Đức-Hiền và Đỗ Đức Dục.

Chúng tôi chủ-trương viết vắn-vẻ một chút còn họ lại chủ-trưởng nôm na hơn, theo ý-kiến của cụ Hồ. Nhưng rút cục cũng thỏa thuận được và như thế là «Tinh-thành đoàn kết» đã có kết-quả ban đầu.

Chương 11 - Chính Phủ Liên Hiệp 1946

Quốc hội khóa đầu của Việt-nam đã họp để tiếp nhận một số đại biểu phe Quốc-gia không nhiều và đã phê chuẩn danh-sách Chính phủ. Quốc hội cũng biểu quyết giữ lại cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ và bài Tiến quân ca làm Quốc ca. Sau đó Chính phủ liên hiệp đã ra mắt dân chúng ở Quảng trường nhà hát lớn Thành-phố Hà-nội. Sau khi Chủ tịch Hồ-Chí-Minh nói vài câu gọn ghẽ và tinh-luyện về sự thành lập và cương-lĩnh của Chính-phủ, thì đến lượt Phó Chủ-tịch Nguyễn-Hải-Thần. Cho đến nay, mỗi lúc tôi nghĩ đến cũng không khỏi bực mình và nực cười nữa, vì ông phát-biểu bằng một tứ tiếng rất khó nghe, đầy những tiếng Hán không ai hiểu gì cả, nên đại-đa số công-chúng thất-vọng.

Chính-phủ Liên-hiệp lập tức phải đương-đầu với nhiệm vụ khó-khăn ghê-gớm, đối nội cũng như đối ngoại. Tuy-vậy bầu không-khí đã bớt căng thẳng và đã đem lại niềm tin tưởng một phần nào cho dân chúng.

Việc làm trước nhất là hô-hào các đảng phái đình chỉ xung-đột, công-kích lẫn nhau ở các địa phương.

Ở một vài khu, xung-đột võ trang đã tạm ngưng. Một số đảng-bộ quốc-gia đã ra hoạt động công khai

mà không gặp khó dễ gì. Nhưng ở nhiều nơi thì họ vẫn choảng nhau như thường, và phản tuyên truyền vẫn tiếp tục ngay cả ở Hà nội. Báo Việt-nam thì vẫn bút chiến với những tờ báo của nhà nước. Loa ở đường Quan-thánh vẫn còn ra rả những luận điệu rất khó-nghe. Đương nhiên trình độ không kịch-liệt như trước nữa.

Thông nhất quân-đội vẫn là vấn-đề hắc-búa nhất. Kết-quả hiển nhiên nhất là anh Vũ-Hồng-Khanh và vài người khác đều ngồi ở bàn giấy bộ Quốc phòng bên cạnh anh Giáp. Còn ở dưới thì vẫn nguyên như trước, vô phương hợp tác vì một lẽ giản-dị là quân phái Quốc-gia không chịu theo chỉ-huy của Việt-minh. Bộ Quốc-phòng thực tế vẫn chỉ là Bộ Quốc-phòng Việt-minh mà thôi. Nếu xét vô tư về hợp tác Quốc Cộng trên thế-giới thì ta thấy 95 % trường hợp quân đội không thông-nhất được. Nếu có cũng chỉ là sự đầu hàng biến hình của một bên mà thôi.

Mối nguy thứ ba là nguy-cơ ngoại-xâm. Quân đội Pháp lăm-le chiếm lại toàn cõi Đông-dương. Quân Trung-hoa sau khi tước khí-giới quân Nhật, sẽ rút đi. Rất có thể họ sẽ nhường chỗ cho Pháp đổ bộ lên miền Bắc. Đó là một thời-kỳ sống còn. Nước Việt-nam nhỏ bé, với một quân đội ít oi, vũ khí thô-sơ, có thể chặn được bàn tay xâm-lược của đội Viễn-chinh Pháp hùng-

manh đương thắng-thế không ? Câu trả lời chỉ có là : Toàn dân đoàn kết, tăng-cường ngay quân đội, võ trang nhân dân, tranh-thủ Quốc-tế thừa-nhận để ngăn ngừa quân Pháp tiến thêm một bước.

Việc thành lập Chính-phủ Liên-hiệp đáng lẽ phải là một bước lớn trong việc này. Nhưng trong lúc ấy, cả phe Việt-minh lẫn phe Quốc gia đều cảm thấy có hai địch thủ trước mặt, một là phe bên kia và một là Pháp. Nhưng Pháp thì hãy còn xa mà phe bên kia thì ở ngay sát nách. Việc đoàn kết thuần túy không thể có và không bao-giờ tồn tại. Phe Quốc-gia vẫn muốn dựa vào quân Tưởng để đoạt lấy quyền hay ít ra cũng chiếm lấy một địa bàn rộng làm căn-cứ. Còn Việt-minh nếu ta đọc những cuốn sách của họ viết về hồi ấy thì rất rõ-ràng là Việt-minh đã dùng một sách-lược vô cùng khôn-khé, lợi dụng sự triệt thoái của quân Trung-hoa, tiêu-diệt địch thủ trước khi quân Pháp mở cuộc tấn công lên miền Bắc. Và lại lực lượng của họ mạnh hơn phe Quốc-gia quá nhiều nên làm thế không phải là khó-khăn.

Một vấn đề nổi bật lúc ấy là đánh Pháp hay đàm-phán với Pháp ? Lúc ấy có hai chủ trương đối lập. Nhưng đánh thì không đủ sức mà đàm phán thì có nghĩa là phải nhường cho Pháp một số quyền lợi, kể cả căn-cứ quân-sự. Có lẽ Việt minh chủ trương thỏa hiệp với Pháp để

quân Trung-hoa rút đi nhanh hơn. Chính-phủ Liên-hiệp đã chọn con đường điều đình. Sau đó Hiệp-định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 được công-bố. Theo chỗ tôi nhớ thì theo Hiệp-định này, Pháp nhìn nhận chủ quyền của dân tộc Việt-nam trong khuôn khổ Liên-bang Pháp song Pháp có quyền đổ bộ lên miền Bắc để thay-thế quân Tưởng và sẽ có một số căn-cứ quân-sự ở đây.

Bản Hiệp-định này được Chính-phủ Liên hiệp phê chuẩn vì lý-do là nếu lâm thời không thỏa hiệp với Pháp thì sẽ có nguy cơ diệt-vong trước sức mạnh của quân đội viễn-chinh của Tướng Leclerc. Nhưng nó không khỏi gặp sự chống đối của một số người cho rằng Hiệp định này chỉ là một sự đầu hàng trá mắt. Vì nếu để quân Pháp đặt chân lên miền Bắc thì tức là cho phép họ tự-do hành động và ai có thể cản-trở họ đánh lần dần dần sau khi quân Trung-hoa rút lui ? Vấn-đề là : Nếu thực sự động-viên toàn dân kháng-chiến đến cùng lúc ấy thì có phải nhất-định là thất bại hay không ? Và như thế có phải còn hơn là để đến lúc quân Pháp đã chiếm được Hải-phòng, Hà-nội rồi mới kháng-chiến ?

Cũng có người biện-luận rằng lúc đó ta chưa đủ sức, cần phải có thời-gian để củng-cố lực lượng và cần phải tẩy-trừ nội-gian đã. Ngay trong phe Quốc-gia, ý-kiến cũng không thống-nhất. Họ tranh-luận khá kịch-liệt,

không ai thuyết-phục được ai, tuy ai nấy đều cảm thấy rằng xe tăng, đại bác của Pháp đã đưa lên miền Bắc rồi thì làm sao để đuổi nó xuống biển được nữa ?

Phái Quốc-gia sẽ bị kẹp giữa hai lực lượng không-lò.

Ngay sau khi công-bố Hiệp-định, lập tức có một số anh em tụ-tập hô to khẩu hiệu phản đối : Hiệp-định đầu hàng... Hội-đồng chuột... Mấy hôm sau, mấy trăm người tự động tổ chức biểu tình chống đối Hiệp-định. Khi họ đi qua bóp Cảnh-sát Hàng-đậu thì xảy ra xung đột với Cảnh-sát và quân Tự-vệ. Một số người bị bắt giam.

Đó là triệu chứng phân liệt trong khối «Tinh-thành đoàn-kết» và ngay cả trong các đảng phái khác nhau lúc ấy. Tôi còn nhớ, một hôm đến nhà luật-sư Phan-Anh một Bộ trưởng trong Chính-phủ, thấy nhiều nhân-vật tranh luận kịch-liệt. Một số chúng tôi tỏ ý không tán-thành Hiệp-định sơ-bộ. Phan Anh thì cho rằng cần phải theo quyết-nghị chung. Nhưng tuy không ai chịu nói ra, viễn ảnh của đội quân thiết-giáp đổ bộ lên Hải-phòng và Hà-nội không phải không lớn vồn trong đầu óc mọi người... Lúc đó sẽ ra sao ?

Sau đó Chính-phủ lại cử một phái đoàn do Nguyễn Tường-Tam cầm-đầu, Phạm văn Đồng làm phó, đi Đà

lạt để thương thuyết với Phái-đoàn Pháp. Bọn Pháp đòi những điều kiện gắt-gao, sự thực là muốn dân-tộc Việt-nam một lần nữa lại bị đè-nén dưới ách thống trị thực dân cũ. Tôi không theo rồi kỷ lưỡng cuộc đàm-phán này, song nó không đi đến một kết quả nào. Đó là sự tất nhiên. Khi về đến Hà-nội, anh Tam nói : Nó bắt mình đầu hàng... Không thể được... Nhưng ngay chính trong phái-đoàn mình, ý-kiến cũng không nhất-trí.

Đó là mầm của sự chia rẽ sau này.

Vì cần người tôi đổi sang ở Trụ sở trung ương tại phố Đỗ Hữu-Vị. Việc báo Việt-nam do anh Khái-hưng đảm nhiệm. Ngoài trụ-sở Trung-ương ra, còn mấy phân-sở ở Ngũ-xã trong đó có Đoàn Thanh niên Quốc-gia chuyên huấn-luyện một số thanh-niên về Chính trị.

Ở các tỉnh, nhiều đảng bộ lục tục ra công-khai. Có một vài nơi quan-hệ giữa các phe-phái còn tốt, có thể gọi là chung-sống hòa bình.

Nhưng đại-da số các đảng-bộ không có cơ sở quần chúng và không có võ trang. Đời sống của chúng tôi hồi ấy cũng khá Cách-mệnh vì từ những anh đứng đầu đến những nhân viên thường đều ăn uống một cách kham-khổ, chỉ có rau dưa và vài miếng thịt. Làm việc thì khá hăng và không có giờ giấc nhất-định. Mọi người đều

tin-tưởng vào sự-nghiệp của mình, nhất là nhiều thanh-niên vì dân tộc, vì Quốc-gia mà gia-nhập Việt-nam Quốc-dân đảng mà họ cho rằng một đảng có truyền thống quang-vinh. Trong hoàn cảnh gian-nan và nguy-hiểm, họ không e sợ gì và cũng không tính-toán gì về cá nhân.

Tình hình tạm thời yên tĩnh trên bề mặt.

Chúng tôi vẫn làm việc miệt-mải không kể ngày giờ. Ai nấy râu tóc đều mọc dài mà cũng lười đi cắt.

Với lại hồi ấy đi ra xa ngoài trụ sở cũng phải nơm nớp e sợ những cú bất ngờ hay những cuộc bắt cóc thường hay xảy ra. Thường thường phải có vệ-sĩ đi kèm. Tôi cũng ít khi về thăm nhà.

Anh Thụy thì vẫn làm ở sở Bưu-chính Hà-nội, còn anh Cẩm vẫn còn ở miền Nam, ít nghe thấy tin-tức.

Tôi chỉ mang máng nghe tin về gia đình các cậu tôi. Cậu Cả và cậu Nghị (Nghị-viên thời Pháp thuộc) bị bắt giam. Sau này số phận ra sao tôi cũng không rõ.

Chương 12 - Nguy Cơ Chia-Rẽ - Quân Pháp Đổ Bộ Miền Bắc

K hông ai có thể đoán trước là nếu hai phe chân chính đoàn kết với nhau thì cục thể Việt-nam sẽ ra sao ?

Dân chúng đều mong thế nhưng không thể thực hiện được. Đó là bị-kịch của thời đại.

Phe Việt-minh và phe Quốc-gia tuy hợp-tác trong một Chính-phủ nhưng đó chỉ là «Đồng sàng, dị mộng». Mộng của Việt-minh là mong những ông Tướng Trung-hoa chóng rút đi để họ xử lý những kẻ ngang ngạnh làm gai trước mắt. Mộng của phe Quốc gia là làm sao cho có nhiều quân, nhiều súng, chiếm được nhiều căn-cứ trước khi quân Trung-hoa rút đi. Đó là một sự bí-mật công khai.

Còn Pháp thì lợi dụng tình thế để đặt chân lên khắp cõi Đông-dương đã, sau dần bóp-chẹt cũng chưa muộn. Có thể gọi là cuộc chơi ú tim tay ba hay tay tư. Ai sẽ thắng ?

Đương nhiên Việt-minh ở vào thế có lợi vì quân Tưởng thế nào cũng phải rút sau Hiệp-định sơ-bộ Việt-Pháp và vì Việt-minh tăng-cường thực lực dễ dàng hơn

hiều.

Những cứ điểm của phái Quốc gia chỉ là những hòn đảo cô-lập, vô-viện. Võ trang lại rất ít và rất thô-sơ. Khác với tình hình Quốc Cộng ở Trung-quốc vì lúc Nhật đầu hàng Trung cộng khá mạnh và có mật-khu khá lớn, có thể đương-đầu với Chính-phủ Tưởng.

Nguy-cơ đã dồn đến trước mắt. Chỉ còn vài tháng nữa là quân Trung-hoa sẽ đi khỏi. Ai cũng tưởng là họ sẽ giúp gì cho phái Quốc-gia. Đó chỉ là cái mộng thơ-ngây. Vì họ còn phải gấp rút chuyển lên Mãn-châu. Họ không có lợi-lộc gì khi giúp võ khí hay tiền bạc cho phe Quốc-gia. Mà phe Quốc-gia lại rất nghèo-túng, chỉ ngoại-giao xương cũng chưa đủ sức, còn kinh phí nào để lấy lòng các Tướng quân ? Có giúp cũng chỉ là che-chở tạm thời và cho mấy khẩu súng hoen rỉ của Nhật để lại. Có khi họ bán rẻ mấy khẩu Đại liên nhưng lại rất ít đạn. Dùng mấy lần rồi hoàn toàn vô dụng.

Miệng họ nói rất kêu những khẩu hiệu Cách-mệnh, ủng-hộ các dân tộc nhược tiểu, nhưng rút cục họ lại dọn đường cho thực dân Pháp đặt chân một lần nữa trên đất Đông-dương.

Tôi còn nhớ rất rõ bộ mặt cổ làm ra nhiệt tình của Tướng Tiêu-Văn và bộ mặt trơ trơ của những ông Tướng

khác. Đến tận ngày này tôi không khỏi bức mình và tức cười vì chính mình tại sao lại ngu-xuẩn đến thế. Nhưng nếu chúng tôi, bọn người trẻ tuổi và nông-nổi, không thấy rõ, thì sao những ông cầm đầu giàu kinh nghiệm mà cũng lại mù quáng đến thế ?

Sự thực cũng có một số người chủ trương đoàn kết chân thành mặc dầu là để ai chỉ huy, dưới lá cờ nào, miễn là thực-sự chống Pháp, bảo-vệ độc-lập cho Tổ quốc trước hết.

Nhưng tiếc thay, số người này chỉ là thiểu số và không đủ tư-cách quyết-định thời cục.

Lòng nghi-ky của hai bên đã đi đến chỗ không còn gì có thể cứu vãn được nữa.

Lấy cơ là quân đội phái Quốc-gia không chịu hợp nhất dưới sự chỉ huy của Bộ Quốc-phòng, quân Việt-minh thỉnh thoảng vẫn tiến công vào Yên-bái, Vĩnh-yên và Việt-trì.

Ở nhiều nơi khác, có những xung-đột nhỏ, những vụ bắt bớ hay làm khó dễ cho hoạt động của phe Quốc-gia.

Trước tình hình này, chúng tôi đứng vào thế tiến thoái lưỡng nan.

Lúc ấy, giữa Việt-Quốc và Việt-Cách vẫn còn cách biệt, mạnh ai nấy đá, không có bàn bạc triệt-đề để đi đến một chương trình chung. Cuối-cùng, Việt-Quốc cũng nhận thấy phải tăng-cường lực-lượng bản thân, dù là đã quá muộn. Trước-hết, một hiệp-nghị hợp-tác giữa các phe phái Quốc gia được ký-kết, một hội nghị Trung ương lâm thời được triệu tập gồm cả một số người trong đảng Đại-Việt... cũ.

Vũ-Hồng-Khanh được cử làm chủ tịch.

Sau đó họ tổ chức các Đoàn thể Thanh-niên Quốc-gia, mở những lớp huấn luyện về Chính trị và Quân sự. Họ cũng mở được một trường Võ-bị nhỏ ở Yên-bái. Trong số giáo-quan có cả một vài Sĩ-quan Nhật đào-ngũ tránh việc đầu hàng. Họ cũng tăng-gia hoạt-động quân sự ở vài nơi để trả đũa. Cuộc tấn công của Việt-quốc từ Yên-bái sang chiếm Nghĩa lộ và quân Mèo của Triệu... đánh đến Bảo hà, đã làm cho quân Việt-minh choáng-váng.

Rất tiếc rằng hồi ấy chúng tôi chưa nghiên-cứu về đánh du-kích. Nếu học được chiến thuật này thì còn tiến triển nhiều. Vì kém hiểu biết những điều thường thức về quân-sự nên lực-lượng Quốc gia cứ ngồi lì ở các tỉnh lỵ để cho quân họ đến ung-dung bao vây và tấn công với ưu thế đông gấp bội. Cuối cùng là phải chạy dài.

Theo Hiệp-định, tháng 5-1946, quân Pháp đổ bộ lên Hải phòng. Ai cũng có cảm giác nguy hiểm nhất là sau khi xảy ra những vụ đụng-độ linh tinh đầu-tiên. Nhưng còn lực-lượng gì để cản trở bọn đế-quốc ? Rồi sau đó quân Pháp lại lên đồn trú tận Hà nội. Để họ lên tận thủ-đô uy-hiếp mình, có thể gọi là một thất-sách lớn lao nhưng lại có thể cho là không tránh được. Người ta vẫn hô hào những khẩu hiệu độc-lập, tự-do nhưng khi trông thấy lính Pháp với đủ vũ trang Mỹ hiện-đại hay những xe thiết-giáp khổng-lồ, ban đêm chạy âm âm trên đường phố, thì người ta không khỏi e ngại cho tương lai. Mà bọn Pháp lại thường tỏ ra rằng họ không chỉ muốn đồn trú mà thôi. Họ khiêu khích cả quân Trung-hoa, nghiễm nhiên như đã chính thức chiếm được xứ này. Tôi không ngờ quân đội Trung-hoa lại phản-ứng mau lẹ mà rất mạnh như vậy. Họ chỉ là bộ binh và vũ khí kém tối tân nhưng họ đã chiếm lĩnh rất nhanh những vị trí có lợi trước khi xe thiết-giáp tới. Họ tỏ ra gan dạ và thạo chiến đấu trong thành-phố khiến cho quân Pháp cũng e sợ và phải rút lui.

Cục-thể đã đến lúc quyết liệt. Việt-Quốc và Việt-Cách họp hội nghị liên tịch. Theo tình-thể dự đoán thì sau khi quân Tưởng rút, quân Pháp sẽ tiến-công và chiếm Hà nội. Như thế thì phe Quốc-gia phải lựa chọn: Một là hợp tác đánh Pháp, hai là lui về các căn cứ để chống

Pháp riêng rẽ. Một giả thuyết khác là Việt-minh có thể trở mặt tiêu diệt phái Quốc-gia trước. Hội-ng nghị đã không đi đến một sự hiệp tác nhất trí nào. Nguyễn Hải-Thần thì vẫn âm ừ không có một quyết định nào. Và lại bên Việt-Cách vẫn muốn hành động riêng rẽ từ lâu. Sau này Nguyễn-Hải-Thần chạy đi lúc nào không báo cho Việt-Quốc biết. Đã đến lúc chúng tôi phải định đoạt lấy vận mệnh của mình. Hội-ng nghị Trung ương quyết-định một mặt vẫn duy trì liên hệ trong Chính-phủ Liên hiệp, một mặt củng-cố và tăng-cường căn-cứ ở địa-phương. Tổ chức địa phương lúc đó chia làm 3 khu : Khu Một gồm Móng-cái, Quảng-yên, Hải-dương; Khu Hai gồm Lạng-sơn, Bắc-giang, và Bắc-ninh; Khu Ba gồm Vĩnh-yên, Việt-trì, Phú-thọ, Yên bái và Lào-cai. Mà khu Một và Hai đều ít người và ít vũ khí, chỉ có khu Ba là tương đối quan trọng về mặt quân sự.

Hội-ng nghị quyết định thành lập bộ Chỉ huy Đệ-Tam khu để chỉnh đốn lực lượng và dự định sau này cả Trung ương cũng sẽ rời lên đó khi cần. Với vài cán-bộ Trung-ương, tôi được cử lên Vĩnh-yên để giúp việc đảng bộ trên đó.

Cùng với những bữa tiệc tiễn đưa Tướng Tá Trung quốc, chúng tôi sửa soạn lên đường. Trong một ngày mưa đầu tháng 6, chúng tôi lên xe hơi với vài vệ sĩ. Tất-

cả đều mặc binh-phục màu vàng xanh của quân Trung-hoa, nghiêm nhiên biến thành Tướng sĩ của ông Tướng. Vì phải thế mới lọt được qua những chặng gác của Việt-minh trên dọc đường. Xe ra khỏi Hà nội rất thuận lợi. Hai bên đường tình hình vẫn yên tĩnh như chưa hề xảy ra một sự gì. Vẫn những làng xóm êm-đềm, những cổng gạch xen vào các lũy tre xanh, những dân quê lẻ tẻ trên những ruộng lúa sắp chín. Thỉnh-thoảng lắm mới có vài dân binh, Tự vệ vác khẩu súng trường canh gác. Đời-sống yên tĩnh quá. Dân-chúng Việt-nam lương thiện đáng-lẽ được sống một cuộc đời yên-tĩnh và no-ấm hơn nhưng chẳng được sống yên bình. Nguyên-nhân tại đâu?

Đến gần Tỉnh-ly Phúc-yên, trước mặt có một trạm gác của Việt-minh, lũy tre chặn đường. Những Tướng Tá giả-hiệu này cũng hơi lo. Nhưng ảnh lái xe vẫn bình tĩnh bóp còi đòi mở chướng. Có hai ba dân quân đeo súng chạy ra nhòm. Theo dáng bộ họ muốn xét hỏi nhưng vì trên xe là Sĩ-quan Trung-hoa nên còn ngần ngại. Tôi dự tính sẽ có một cuộc đối thoại gay go, đương nghĩ cách đối-phó thì một vệ sĩ của chúng tôi xuống ngay xe, nói một tràng tiếng Tàu, không ai hiểu được là nói gì, rồi tự mình ra hắt cây tre chắn đường, trước con mắt ngạc nhiên của mấy vị dân quân.

Thế rồi xe lại nghiêm nhiên bon đi. Chúng tôi không khỏi cười thầm và khâm-phục tài đóng-trò của mình, chẳng kém gì những diễn viên chính thức. Và còn điều lạ hơn nữa là về sau này tôi vẫn mặc bộ quần áo màu lục ấy cho đến khi ra đi.

Lòng tôi hơi hồi hộp khi đến gần Tỉnh-ly Vĩnh-yên vì đây là căn cứ địa đầu tiên của Quốc dân đảng mà tôi đặt chân đến và cũng gặp quân Việt-minh chặn đường.

Lần đầu tiên tôi đặt chân đến một Chiến-khu mà chúng tôi tưởng tượng đủ màu thơ mộng như trong bản nhạc của Văn-Cao «Chiều nay trên chiến khu trong rừng chiều..» Nhưng đây mới chỉ là một Thị-trấn nhỏ ở bình nguyên vẫn còn rất yên-tĩnh và cũng rất nên thơ... Và cũng rất hòa bình nếu không có những binh-sĩ đội mũ sao trắng, vành xanh đứng gác trên đường vào tỉnh.

Qua mấy dãy phố nhà thấp, cửa hàng lơ-thơ, đặc-biệt của các Tỉnh-ly, thì vào đến con đường cây mát, hai bên có những biệt thự nhỏ, xinh. Chúng-tôi trước hết ghé vào nhà anh Đỗ để nghỉ ngơi.

Trụ-sở Đệ-tam khu đặt tại dinh Công-sứ cũ, trên một ngọn đồi thấp, một ngôi nhà khá to, có nhiều cây bao bọc. Ở đây, lần đầu tiên chúng tôi có cảm giác là sống trên đất của mình, có cảm-giác độc lập thực-sự tuy chỉ

vên-vện có mười cây số vuông.

Tôi gặp anh Lê, người cầm đầu bộ Chỉ huy lúc đó. Sau bữa cơm rau dưa thanh đạm với mọi anh em, chúng tôi đi dạo trong thành phố và ra cả ngoài thị-trấn nhưng không thể đi xa được nhiều vì chung-quanh làng mạc đều do Việt-minh kiểm soát. Có cách nào để phát-triển ra vùng nông-thôn ? Anh Lê cũng chịu bó tay vì không có người biết cách tuyên-truyền nông-dân. Mà dùng võ lực thì chỉ có vài chục tay súng. Muốn giữ vững thị trấn cũng đủ hụt hơi rồi. Tất-cả anh em, kể cả đảng viên và các anh em khác, không quá vài trăm người. Về tài chính lại quá eo hẹp. Quân đội chủ yếu do toán lính khó xanh cũ hợp thành, tuy có huấn luyện nhưng có phải hoàn toàn đáng tin cậy không ?

Được cái là tinh-thần nhiều thanh-niên vẫn hăng-hái dù đời sống chỉ có hai bữa gạo xấu, rau dưa, thỉnh thoảng mới có vài miếng cá. Mọi người đều chịu đựng rất ít nghe thấy ta thán. Kỷ-luật có thể gọi là nghiêm-minh. Ít khi có lỗi xâm-phạm vào dân chúng. Vì dù sao, đa số những người tham-gia độ ấy còn có một tin-tưởng nào vào lý tưởng chiến đấu của mình. Mà những người cầm đầu cũng còn chú ý chịu gian-khổ cùng những chiến-sĩ ở dưới. Về chủ quan, họ muốn tranh-đấu vì độc lập của dân tộc chứ không phải để làm quan, làm

tướng. Nói thế không phải là họ đã không phạm những lỗi-lầm nghiêm trọng.

Ngoài ra tình hình các căn cứ ở Việt-trì, Phú-thọ, Yên Bái và Lào cai cũng tương tự. Cũng là những cứ điểm cô lập, chỉ có thể liên lạc bằng con đường xe lửa duy-nhất mà những chuyến tàu này chạy ỳ ạch bằng củi, có lẽ phá kỷ lục tốc-độ chậm nhất trên thế giới.

Triển vọng bị diệt từng cụm trong khi đầu đuôi không thể tiếp ứng được với nhau đã rất rõ ràng... nhưng nó đã không làm chúng tôi đủ chú ý. Và lại dù có muốn cũng khó lòng mà xoay chuyển được cục-thế đương biến chuyển rồn rập.

Chương 13 - Đánh Nhau Ở Vinh-Yên, Việt Trì

Tôi và anh Lê trở về Hà nội trong khi quân Trung-hoa đang dần dần rút khỏi đất Việt-nam bằng hai đường : Đường thủy từ Hải phòng và đường bộ về Quảng-tây. Họ đã giúp phái Quốc-gia tranh được mấy ghế trong Chính phủ Liên- hiệp. Ngoài ra không có gì đáng kể. Nay thì Việt-minh đã đòi thống nhất về hành động và hợp nhất quân-đội. Họ gây áp lực bằng cách tấn công vào những nơi xa xôi như Yên Bái, Phú-thọ và ngăn cấm các hoạt động riêng-rẽ của phái Quốc-gia. Lúc này chúng tôi dùng dằng giữa hai con đường : Ở lại để khuất-phục dưới huy-hiệu cờ đỏ sao vàng, mà chống lại thì không đủ sức.

Cuối cùng nước đến chân mới nhảy. Hành động không có kế hoạch, không nhất-trí.

Trước hết một tin làm chúng tôi ngạc nhiên là Nguyễn Hải-Thần đã bí-mật chạy khỏi Hà-nội không kèn không trống với một số bộ hạ đi kèm, về phía Hải-ninh. Có lẽ ông ta đã cảm thấy tình hình tuyệt-vọng. 36 chức, chức này là hơn... Đối với Việt-nam Quốc dân đảng cũng phải buộc lòng trong cảnh anh đi đường anh, tôi đường tôi... để kiếm con đường sống còn của mình...

Một số lãnh tụ trong đảng như Chu-Bá... Nghiêm Kế... có ý muốn ở lại trong Chính-phủ. Còn đa số chủ-trương rút lên chiến khu vì e bị tiêu-diệt bất-ngờ cả nhóm. Cuối cùng tất cả đồng ý để tôi và Vũ Hồng-Khanh đi trước để dọn đường. Dù sao việc này đã đánh dấu sự rút lui có trật tự của Việt-nam Quốc dân đảng và bắt đầu sự phân-liệt trong khối «Tinh-thành đoàn-kết»

Chỉ mấy hôm sau, nội-chiến đã bùng nổ. Trách-nhiệm về ai trước lịch-sử ?

Đó là những ngày đầu tháng, 7 năm 1946. Sau mấy hôm ở Vĩnh-yên, nhận thấy địa-thế tỉnh này khó giữ, chúng tôi lên Việt-trì xem xét tình hình. Đây là một thị trấn có vị-tri chiến-lược quan trọng, nằm trên ngã ba sông Hồng và sông Lô. Chúng tôi xuống xe, đứng trên bờ đê nhìn cảnh sông nước mênh mang, đằng sau là những ngọn đồi liên tiếp, cây cỏ xanh rờn, tự cảm thấy tổ quốc tươi đẹp và đáng yêu biết bao... Qua cái cầu sắt gãy, chúng tôi sang phà qua bên phố chính. Cũng là vài dãy phố nhà thấp nhưng buôn bán hình như phồn thịnh hơn Vĩnh yên. Dưới bến có nhiều thuyền-bè nhưng trong thời loạn này vẫn có vẻ tiêu điều.

Chúng tôi đóng bản-doanh ở dinh Công sứ cũ. Ở đây cũng có vài chục tay súng do một viên Quan chỉ huy, cũng có trại huấn luyện thanh niên nhưng thế lực cũng

không, xa khỏi thị trấn 2 cây số. Vẫn chỉ là một cô đảo. Và chúng tôi cũng có cảm giác thấy một nguy-cơ gì sắp đến. Kể thì sống ở Việt-trì cũng nên thơ. Trước mặt là sông Hồng nước đỏ lừ từ trên trời xuống, đằng sau là mấy dãy đồi thấp, hai bên là làng mạc êm-đềm. Trại binh nhỏ ở trên một ngọn đồi cao hơn. Ở đó có vài chục binh-sĩ, tinh thần cũng còn khá. Trong lúc nguy-kịch không có ai đào ngũ. Lại có một Trung-sĩ người Nhật làm cố vấn ngày ngày huấn luyện. Vấn đề chính vẫn là số lính và vũ khí rất có hạn mà không thêm được lực lượng.

Chúng tôi bàn với nhau, nhận thấy là cứ ngồi yên ở các vị-trí cô lập này thì tức là ngồi đợi quân địch đến tiêu diệt hay bao vây nghẹt-thở. Cuối cùng chỉ còn có con đường đầu hàng. Chúng tôi đồng ý rút bỏ cứ điểm Vĩnh-yên, rút quân lên tập-trung ở Việt trì và Phú-thọ, lập một phòng tuyến vững chắc hơn và chiếm một địa bàn rộng hơn.

Đánh điện về Hà-nội thỉnh thị Trung-ương nhưng Trung ương do dự. Những người ở Vĩnh-yên lại tỏ ý phản-đối sợ phải bỏ nhà, bỏ gia quyến, nên trần trừ mãi, không có quyết định trong lúc quân Tưởng đã rút đi gần hết.

Vài hôm sau, Việt-minh nắm lấy thời-cơ, tấn-công đột nhiên vào toàn tuyến từ Vĩnh-yên cho đến Phú-thọ, Yên Bái và cả Việt-trì nữa. Có lẽ họ muốn làm áp lực bắt Quốc dân đảng phải chấp nhận thống nhất dưới sự chỉ huy chung.

Cuộc nội chiến đã bùng nổ.

Đồng thời họ cũng tấn công vào các trụ sở Quốc dân đảng hay Việt cách ở mọi nơi trừ Hà nội, khiến những tổ chức này, phải rút vào bí-mật và một số phải chạy sang Trung-quốc. Đó là những ngày cuối tháng 8 năm 1946.

Lần đầu tiên trong đời, tôi tham-gia vào một cuộc chiến-tranh. Nhưng từ trước đến nay tôi không sao ngờ được lại là đánh nhau giữa người Việt-nam với nhau, trong lúc đáng-lẽ phải đánh nhau với thực dân Pháp. Theo ý-nguyện của tôi và nhiều anh em thanh-niên lúc đó, mục-đích chính phải là chống Pháp. Nhưng thời cục đã đưa đẩy đến như thế. Vì thành kiến và vì thù hận đảng-phái, cũng không còn có con đường nào khác.

Là một Bác-sĩ kiêm nhà văn, tôi không hiểu gì về quân sự, cũng như nhiều anh em lúc đó. Cũng vì chưa từng đọc gì về chiến-lược du-kích, chúng-tôi không thể quyết-định rời bỏ căn-cứ, mang quân đội hành động

một cách linh hoạt hơn. Trông vào kinh-nghiệm của anh Khanh thì tuy anh có hiểu-biết về quân sự nhưng cũng chỉ biết về đánh lối trận địa chiến. Còn bọn lính khổ xanh thì tất nhiên họ không chủ động được, chỉ biết địch đến là đánh. Thành-thủ chúng tôi lâm vào cảnh hoàn toàn bị động.

Từ mờ sáng quân Việt-minh bắt-đầu tấn công vào dãy phố ở bên kia bờ sông. Tiếng súng bắt đầu nổ ở phía ngoài đê vào. Tôi chưa nghe tiếng súng nào ròn rã và gần gũi như thế nhưng được cái mọi người đều trấn tĩnh một cách không ngờ tuy không rõ có bao nhiêu quân địch. Theo báo cáo của chỉ-huy, đại-khái có một Đại-đội quân Việt-minh tác chiến. Còn ở phía thị-trấn bên này chỉ có một số lẻ tẻ.

Chúng-tôi động-viên các thanh-niên ra tiếp-ứng mặt-trận, còn dân chúng thì làm việc tiếp-tế cơm nước và cứu thương. Xem ra tinh thần vẫn còn hăng-hái, quyết-tâm bảo-vệ thị trấn. Hai bên cầm cự cho đến gần trưa, không phân thắng phụ. Tiếng súng đã ngớt.

Buổi sáng, nhận được nhiều tin cáo-cấp ở Vĩnh yên, Phú thọ và Yên-bái. Chúng tôi đánh điện về Trung-ương đề kháng-nghị việc tấn-công đột-ngột, phá-hoại tình đoàn kết và một mặt gọi quân cứu viện.

Buổi trưa, Vũ-Hồng Khanh và tôi đi thuyền qua sông Hồng quan sát tình hình mặt trận. Quân Việt-minh dàn ở các ruộng đất trước đê còn quân phòng thủ thì nấp ở đằng sau bờ đê, chiếm được vị trí tốt. Mới chỉ có 2 người bị thương nhẹ. Về điểm này, về sau tôi mới nhận thấy, trừ con đê ra, quân phòng thủ không biết đào hầm, làm công sự trong một quãng trống khá dài không nơi ẩn nấp. Chúng tôi đi qua đó, trên đầu vút vút tiếng đạn bay, kể cũng khá sợ. Nhưng hu vĩa vì nhờ Trời Phật ủng hộ, nên quân địch bắn cao mãi lên trời, không sút sát gì cả. Một anh vệ sĩ bảo tôi : Bắn như thế này, nếu là Tướng Nhật thì nó sẽ cười ngựa ung-dung vừa đi vừa cười... Quả thật, hai bên đều không có kinh nghiệm ở chiến-trường. Quân phòng chi biết nằm bò ở bờ đê mà bắn một cách máy móc mà quân tấn-công lại nằm trên ruộng trống không để làm bia đỡ đạn, bị-thương nhiều mà không tiến được bao-nhiều.

Có lẽ không thấy ăn thua nên họ mang một đại-bác nhỏ của Nhật bắn rớt lên đê nhưng không trúng đích. Đạn không rơi ở trước đê thì cũng rơi ở những ao phía sau đê. Cuối-cùng bên này thừa lúc họ mệt-mỏi không chú-ý, cho một toán quân nhỏ lén vào một làng bên, đánh bất ngờ vào cạnh sườn khiến họ hốt hoảng bỏ chạy, bỏ lại khẩu đại-bác ở đó. Một anh pháo thủ bị bắt.

Kết-cục, bên này thắng trận đầu tiên với chiến lợi phẩm là một khẩu súng lớn nhưng không có đạn và vài khẩu súng trường.

Nhưng vui-mừng thắng trận không lâu vì chỉ hai hôm sau, quân địch lại kéo tới, đông gấp bội. Lần này, khôn khéo hơn, họ chia làm hai mũi đánh dồn vào bờ sông. Quân phòng thủ phải chia làm hai mặt chống giữ.

Hà-nội đánh điện lên bảo phải cố thủ vì sẽ có đoàn đại biểu hỗn hợp lên điều đình. Nhưng địch quân vẫn tấn công rất gấp. Chúng tôi thử khẩu đại liên, bắn sả vào quân tấn công. Quả nhiên họ phải chạy ra xa. Nhưng phiên một nãi đạn ít quá.

Để giải vây, chúng tôi hạ-lệnh cho quân ở Vĩnh yên bỏ trại, đánh thẳng lên Việt-trì vào nửa đêm, đồng thời phái 2 tiểu đội dự-bị cuối cùng đánh từ Việt-trì ra để tiếp ứng. 2 Tiểu đội này do viên Trung-sĩ Nhật chỉ huy. Suốt đêm hôm ấy, chúng tôi ngồi đợi tin tức, song mãi đến sáng, cũng không thấy bóng dáng ai. Chỉ có một loạt tiếng súng lúc gần sáng. Chắc chắn là 2 Tiểu-đội này đã bị tiêu-diệt ở ngoại-ô mà quân Vĩnh-yên cũng đã bị chặn đứng, không tiến ra được.

Thất-bại này do nguyên nhân chính là những cấp chỉ huy ở Vĩnh-yên không chấp-hành mệnh lệnh một cách

triệt để.

Buổi chiều, quân địch đã tiến đến sát bờ sông bên kia, quân phòng thủ buộc phải rút qua sông, về bên này. Chúng tôi lâm vào tình thế quần bách vô cùng nghiêm trọng, có nguy-cơ bị vây-hãm trong một thời gian ngắn.

Chương 14 - Trường Chinh 250 Lý - Cuộc Rút Lui Từ Việt-Trì Lên Yên Bái

Trước kia tôi được nghe nói về cuộc trường-chinh 25.000 lý của Hồng quân Trung-quốc năm 1934 do Chu và Mao cầm đầu; dưới sức ép của mấy chục vạn quân Tưởng giới-Thạch. Ngờ đâu hơn 10 năm sau, một cuộc trường-chinh tái-diễn ở Việt-nam, nhưng đảo-ngược lại, đây là sự rút quân của Quốc dân đảng Việt-nam dưới sức ép của quân Việt-minh. Mà nó cũng khác là ngắn ngủi hơn nhiều. Từ Việt-trì đến Yên-bái là hết. Nhưng có chỗ giống nhau là nói chung, chúng tôi rút đến mục-đích an-toàn, không thiệt gì lắm.

Bỏ Việt-trì là một quyết-định có thể gọi là can-đảm và cần thiết vì quân địch đã đến sát nách mà lực lượng phòng-thủ thì yếu ớt. Nhưng điện ở Vĩnh-yên và Phú thọ đều cáo-cấp một cách cấp-bách. Không còn mong gì về quân cứu viện nữa. Sau một cuộc bàn cãi kịch-liệt nhưng không hỗn loạn, giữa các cấp chỉ huy quân sự và đảng bộ, chúng tôi quyết định không cố thủ cô thành đợi chết mà luôn đem rút ngay lên Phú-thọ, hợp với lực lượng ở đây, có thể cố giữ được phòng tuyến.

Cũng có người phản đối, cho rằng mạo hiểm quá và nên đợi đoàn đại-biểu Trung-ương sắp đến. Nhưng ở

lại Việt trì thì trước sau cũng vẫn bị cô-lập mà thôi. Và lại theo tin trinh-sát được thì trên đường đi Phú-thọ chỉ có một số ít dân-quân, tử vệ cản đường, rất dễ đột vây.

Trừ một số ít quân đánh chặn hậu, tất cả binh-sĩ, cán bộ và gia quyến đều sửa soạn rút lui một cách khẩn trương, chuẩn bị chỉ mang những đồ tùy thân cần-thiết. Cái gì nặng đều bỏ lại. Thực ra phần lớn chẳng có gì hơn là mấy bộ quần áo. Điều lạ là trừ vài tiếng khóc của phụ nữ, còn mọi người xem ra đều trấn tĩnh. Cũng có một số thanh-niên tỏ vẻ lo-âu, và thất-vọng. Họ không ngờ thất-bại lại đến nhanh như thế.

Mờ sáng, mọi người đã tụ tập trên đầu đường lên Phú thọ, thì bỗng nghe thấy nhiều tiếng reo hò ở đằng xa. Tôi giật mình nghĩ rằng quân Việt-minh đánh vào lối này thì nguy to, không còn lối tẩu thoát. Nhưng sau mới biết, đó là anh em ở Phú-thọ rút xuống. Họ chạm với quân dò đường của chúng tôi, suýt nữa choảng nhau to. May vì trời đã sáng nên họ nhận ra dấu hiệu trên mũ sao trắng vành xanh. Và lại toán người này không có vẻ gì là quân tấn công. Thì ra dưới sức ép của Việt-minh quá mạnh không thể giữ được nữa họ phải rút chạy mà không báo trước được vì máy bảo hồng.

Việc bất-ngờ này khiến chúng tôi vừa lo, vừa mừng. Lo vì Phú-thọ đã thất thủ, mừng vì mọi người được gặp nhau yên lành tuy có tổn thất một số. Vấn-đề là số binh sĩ có súng cũng không bao nhiêu. Sau khi hội ý với các anh em vừa đến, mọi người đồng ý rút thẳng lên Yên Bái vì với số quân hiện nay, chúng tôi có khả năng vượt qua vòng vây. Nhìn vào địa-đồ hành-quân, trước hết phải đi theo công-lộ Tuyên-quang rồi rẽ sang Yên-bái, dài độ 70 cây số.

Tổng chỉ huy cầm đầu toán quân tiên-phong. Ở giữa là cán-bộ. Sau cùng là gia-quyển với đội quân đoạn hậu. Tất cả hợp thành một đoàn quân hỗn hợp cũng khá đông với cả đàn-bà và trẻ con. Đoàn này tiến ra một cách đoàng-hoàng, yên ổn cho đến lúc đi qua một làng cạnh đường. Bỗng tiếng súng nổ đoành đoành. Mọi người phải rạt ra hai bên, nấp đằng sau những mái nhà tranh. Tiếng súng vẫn tiếp tục và thỉnh thoảng có vài viên đạn lạc bay vào trong những rừng cây dâu. Nhưng nghe tiếng súng không rộn rập lắm và chỉ bắn từ hai bên đến. Có lẽ là trên những ngọn đồi thấp ở chung-quanh. Chúng tôi đoán đó không phải là quân Chính qui mà chỉ là một số dân quân lẻ tẻ quấy nhiễu. Quả nhiên sau khi phái một tiểu-đội đánh rốc lên hai sườn thì tiếng súng đã im.

Buổi trưa, chúng tôi đã đến gần đền Hùng Vương. Nơi này phong-cảnh thực là nên thơ. Những ngọn núi nhỏ xinh, những đồi chè xanh mượt, những mảnh ruộng nhỏ thấp cao, giữa là con đường dựa, chạy song song với con đường sắt đưa lên mạn Bắc. Cảnh tượng quê hương Việt-nam đẹp biết bao ? Tâm hồn nhà thơ lại chiếm cả hồn tôi trong giây phút. Song chỉ trong giây phút thôi, lại phải trở về thực tại.

Một điều không ngờ là khi kéo đến gần chỗ rẽ vào Phú thọ thì gặp ngay chiếc ô-tô của đoàn đại-biểu hỗn hợp đang đi xuống Việt-trì. Có lẽ họ chưa biết gì về tình hình ở đây. Trên xe bước xuống là một đại-biểu quân đội Việt-minh nếu tôi nhớ không lầm là Tướng Hoàng... đại-biểu Quốc dân đảng không phải là ai xa lạ, chính là anh Nguyễn-Tường-Long. Những anh em tiền-phong đã vây lấy Hoàng để chất-vấn về việc Việt-minh phá-hoại tình đoàn kết, tiến-công và chiếm đoạt Phú-thọ, Việt-trì. Chúng tôi thì trách họ lên chậm quá, vô ích. Còn Hoàng thì xem ra cũng khá sợ hãi trong tình cảnh lọt vào tay địch, mặt tái mét.

Tình thế này thực khó xử. Quay về Việt-trì thì không đủ khả năng. Sau một cuộc bàn luận ngắn với anh Long, anh cũng đồng-ý tiếp tục rút lên Yên-bái làm cơ-sở. Còn Hoàng thì bị buộc đi trước dẫn đầu, để làm lui những

toán quân Việt-minh nào muốn cản trở. Chiếc xe hơi bị vút ở bên đường.

Lúc đó, chúng tôi mới có thì giờ hỏi chuyện anh Long. Trông anh gầy đi đôi-chút nhưng cũng rất trấn tĩnh và kiên-nghị, lạc-quan như chưa hề xảy ra sự gì. Anh cho biết tình hình ở Hà-nội, quân Trung-hoa chỉ còn một số đại-biểu ở lại. Quân Pháp càng ngày càng tỏ vẻ ngang ngược. Việt minh chưa đến lúc giở tay ngay khắp nơi nên vẫn còn tỏ ý điều đình. Nhưng nếu ta không chịu thống nhất quân đội và địa phương thì chóng chầy cũng sẽ phá-liệt. Trung ương hiện nay chỉ có các anh Tam, Chu-Bá-Phương... ở lại. Chưa có quyết sách gì, vẫn còn theo dõi tình thế. Dù sao cứ điểm Vĩnh-yên nhất-định sẽ mất. Chỉ có củng cố các căn-cứ từ Yên-bái lên Lào cai là hợp lý nhất.

Chúng-tôi vẫn kéo đi giữa những cánh đồng xanh, những làng mạc nhỏ nằm dưới chân những đồi chè. Buổi chiều, chúng tôi cắm trại nghỉ ở một làng ven đường. Ở đây dân chúng không sợ-hải gì lắm. Cả những nhân viên trong uỷ-ban làng cũng ra tiếp đón và xếp đặt chỗ nằm chu đáo cho tất cả mấy trăm người. Chúng tôi vào nghỉ tại một gian nhà gỗ lợp tranh khá rộng, cửa trông ra đường, có bể nước mưa rất trong mát. Sau khi rửa mặt và chân-tay, chúng-tôi đi xem chỗ nghỉ của mọi

người, các trạm gác rồi về ngả lưng trên phản gỗ và uống bát nước vối. Chưa bao giờ tôi thấy sung-sướng và thú vị như thế, quên hẳn rằng mình ở trong một cảnh ngộ nguy-hiểm, có thể bị trúng đạn hay bị bắt bất cứ lúc nào. Đương nhiên quân Việt-minh có thể nửa đêm ập đến, rất có thể toán quân rút chạy ô hợp này sẽ bị tan tác, song tôi không hề nghĩ như thế. Đến khi mua lợn giết, làm món cháo lòng đưa lên thì càng tuyệt. Ai nấy đều bụng đói qua rồi. Buổi trưa mỗi người chỉ có một khúc cơm nắm với một gói lương khô của Nhật lót lòng.

Đêm đó, chung tôi ngủ rất ngon trên cái gối bằng mây của chủ nhà cho mượn. Nửa đêm tôi trở dậy đi tuần các nơi với các anh em. Chung-quanh vẫn yên-tĩnh, chỉ có tiếng cho sữa và tiếng gió rạt rào trong rặng tre, không có tiếng súng nào. Sáng tờ mờ, chúng tôi đã dậy, ăn nốt cháo với khoai và lại nắm mỗi người một nắm cơm để lên đường.

Theo địa đồ thì đến Ngã ba đường Đoan-hùng, Tuyên-Quang có một con đường nhỏ lên Yên-bái. Những người ở đây cũng nói như vậy. Nhưng con đường này khó đi hơn.

Sau khi cho người đi trước dò tình-hình, không thấy có bóng dáng quân địch, chúng tôi rẽ sang bên trái. Hai

bên đường vẫn là đồng ruộng và làng xóm nhưng đường đi gập-ghenh, quanh co.

Buổi tối, chúng tôi đến một làng mà nay tôi quên mất tên nhưng không thể quên cảnh tượng khi vào làng, hai bên đường, dân quê sắp hàng mang đuốc soi đường cho chúng tôi đi không khác gì những cảnh ở Phi châu ngày trước được xem trong phim ảnh. Nhưng họ thực-sự giúp chúng-tôi hay vì mục đích gì khác ?

Cuối-cùng, tất-cả chúng tôi vào một cái đình làng khá to, rộng. Trước đình có trồng mấy cây to, hai bên là bãi trống. Kể ra ở cái đình này cũng khá gọn ghẽ và sạch sẽ.

Nhưng một mặt vì vị trí ở quãng trống dễ bị tiên-công hai là vì tư tưởng chúng tôi vẫn thiếu đề phòng nên gặp phải hậu quả không ngờ.

Bữa cơm buổi tối cũng đủ thịnh thà. Cả đêm trải qua yên-tĩnh. Tờ-mờ sáng, mọi người trở dậy, sửa soạn lên đường tấp-nập. Quà sáng lại có cả sôi nồm rất ngon miệng. Chúng tôi ngồi trên sàn gạch, đương chia nhau sôi ăn và chia cả cho viên Đại-biểu Việt-minh thì bất ngờ đoành đoành, hai tiếng súng nổ xé tan bầu không-khí yên lặng. Rồi sau đó súng nổ liên tiếp, từ hai bên đạn bắn vào đình như mưa khiến mọi người hoảng-hốt. Ai nấy đều tranh nhau nấp vào những góc đình an toàn,

xô-đẩy nhau một cách hỗn loạn, mặc kệ những lời hò hét của ban chỉ huy.

Thú thực mới đầu tôi cũng khá hoảng, nép vào một góc tường tránh đạn nhưng sau ít phút, không hiểu tại sao lại trở thành trấn tĩnh lạ thường. Có vài binh-sĩ tỏ ra rất gan dạ, cầm ngay súng ra sân đình núp sau gốc cây bắn trả lại. Co người núp đằng sau con ngựa bị đạn nằm chết ở giữa sân. Một mặt chúng tôi phái một tiểu đội dàn ra trước đình để cản quân địch, một mặt tổ chức mọi người theo con đường sau đình rút chạy. Nhưng vì đột ngột quá nên nhiều người xô đẩy nhau trên con đường này trong khi đạn vẫn bay vun vút ngang đầu. Chúng tôi lại bắt buộc phải nằm sát đất dưới sàn đình. Đình này dựng trên nhiều cọc gỗ. Ở đây có một số anh em bất hạnh bị trúng đạn. Chỉ cách tôi không xa, độ mười thước, một viên đạn đã lạc vào trúng đầu một anh vệ sĩ. Tôi chỉ kịp thấy người anh co rút mấy cái rồi nằm đơ, tay rời bỏ cây tiểu liên. Và cũng rất nhanh, một người bạn anh rơm rớm nước mắt, bò đến bên, vuốt mắt cho anh rồi vác ngay cây tiểu-liên sang bên cạnh đường, bắn lia lịa vào phía địch.

Nhờ đó, chúng tôi phát tay làm hiệu cho mọi người cấp tốc rời khỏi chỗ trống, rút chạy để lại vài xác chết và một số hành-lý nặng trong đình.

Vũ-Hồng-Khanh cầm đầu toán đánh thốc lên để anh Long và tôi đoạn hậu đưa mọi người ra khỏi vòng vây. Nhiệm vụ này không phải dễ dàng vì phải qua một cánh đồng bùn lầy với những bờ ruộng trơn như mỡ. Nhiều người ngã oanh oách trông rất tức cười. Quái ác nhất là ở không xa, có mấy ông dân quân Việt-minh, núp trên cây cao bắn tiền đường.

Chúng tôi phải vất-vả lắm mới ra được đường to một cách yên ổn. Kiểm điểm lại nhân mã thì chỉ thiệt mấy người và một số nhỏ thất-lạc kể cả ông đại-biểu Việt-minh.

Ông này nhất định là đã trốn thoát trong lúc hỗn loạn. Chắc ông ta thế nào cũng phải cảm-tạ Thượng-đế đã ban phúc bất-ngờ cho ông.

Nhưng chúng tôi cũng phải cảm tạ Thượng đế vì dù quần áo đầy bùn lầy nhưng chúng tôi không xây đến mảnh da. Xem ra toán quân phục-kích này không phải là quân chính qui, họ không đủ lực lượng để đuổi đánh. Nhưng ai nấy, sau cơn hết hồn, đều gặm đầu tiến bước. Qua nhiều đồng ruộng và đồi gò, buổi chiều chúng tôi đã bước vào địa phận tỉnh Yên Bái. Chúng tôi tạm nghỉ trong một rừng nứa cao chót vót bên đường, gần đây có suối chảy róc rách. Vừa mệt, vừa khát, cơm nắm lùa với nước suối mát ngọt làm mọi người cảm thấy trở lại

ting thần hơn...

Ở đây đã có những núi đá cao hơn, nhưng rừng cây rậm và ướt át, mặt đất phủ đầy cỏ khô. Hai bên đường, những rặng lau dài, những thung lũng nhỏ với những mảnh ruộng xếp thang trên sườn đồi. Làng xóm cũng thưa thớt, nằm ép dưới chân hay lưng chừng núi. Dân cư cũng lẻ-tẻ, thỉnh-thoảng có lẫn một bóng áo chàm. Phong cảnh mạn ngược đã bắt đầu hiện ra.

Sau lần bị đánh bất ngờ, tiếp theo là cuộc hành quân gấp-rút, hàng ngũ chúng tôi đã hơi hỗn loạn. Vừa mệt, vừa đói, với một số bị thương, sốt-rét, phụ nữ và già lão. Hàng ngũ đã kéo dài hàng cây số, tuy đã có những thanh-niên giúp-đỡ họ.

Một lần tôi gặp một thanh-niên, đoàn-viên Thanh-niên Quốc-gia ngồi xếp ở lề đường không chịu bước đi nữa. Anh ta bị thương ở tay vì trúng đạn ở đình làng và lại đương lên cơn sốt rét nặng, cả người run lên cầm cập, mà thuốc thì đã bỏ lại đằng sau. Trông thấy tôi, anh ta xin cho một phát súng ngay vào đầu để đỡ bị đau đớn và không liên lụy đến anh em khác. Chúng tôi phải khuyên-nhủ mãi và cho người cõng anh đi. Còn một viên Tiểu đội trưởng bị thương ở mắt, không trông thấy đường, anh em cũng phải thay nhau cõng. Cũng có một vài người dân đã lùi tụt tận sau và đến tối thì không thấy

mặt nữa. Những người này đã đi về đâu và số phận họ sẽ ra sao ?

Buổi tối, chúng tôi đến một thung-lũng nhỏ, mọi người đã mệt nhoài. Vì không dám vào những làng gần đây, sợ bị phục-kích, chúng tôi quyết-định nghỉ ở ngoài trời, trên một sườn đồi kín đáo và khô ráo, sau khi thăm dò địa hình. Gần đây có con suối rất trong và ngọt. Lương thực chỉ còn vền vẹn có mấy nắm cơm khô và một túi gạo sống vì bao nhiêu đã phải bỏ lại ở đình làng kia. Nhưng ai nấy đều mệt nhoài nên tranh nhau nằm lăn trên cỏ.

Sau khi cắt gác, bộ chỉ huy chọn một gò cao làm vị trí và cấp tốc bàn về hành trình. Ai cũng đều tự trách là đã sơ hở quá, không phòng-bị đầy-đủ việc tấn-công đột ngột và đã phải hoảng-hốt trước một số quân địch không hơn.

Tuy-nhiên về tinh thần nói chung, đa số vẫn còn hăng hái và chịu đựng. Cả đến những tú tài như chúng tôi cũng có nhiều người gan dạ, bền bỉ và chịu được khó khăn.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, song lạ nhất là vẫn lạc quan cười đùa như thường. Giải một cái áo đi mưa trên cỏ, chúng tôi ngồi

chuyện gẫu rất lâu như khi đi pích-ních ở chùa Hương hay chùa Bách-môn.

Chung quanh mây mù dày đặc trên sườn núi và rừng cây. Những tiếng kêu ra rả của các thú côn trùng và một đôi khi của thú rừng. Thực là đầy thi vị. «Chiều nay trên chiến-khu trong rừng chiều»... chỉ có khác là chúng tôi đương phải chạy dài mà thôi.

Anh Long đương viết tiếp về cuộc hành trình này trong cuốn bút-ký nhỏ của anh. Cũng không ngờ ngày nay tôi lại làm công-việc mà anh đã bỏ dở.

Mặc dầu tình-thế nguy-hiểm, tôi vẫn ngủ được một giấc ngon. Sáng hôm sau, xuống rửa mặt với nước suối mát lạnh trong tiết tháng 6 ta. Ở đây hình như không nóng bằng ở đồng bằng nhưng nhiều khi hơi núi tỏa ra rất oi ả.

Không bao-lâu, đến chỗ có làng-mạc. Chúng tôi định nghỉ chân mua gạo thổi cơm thì bỗng thấy xôn xao ở đằng trước. Một số binh sĩ khổ xanh cũ, không đợi lệnh trên, có lẽ vì quá đói, tự tiện vào nhà dân cướp lấy cơm khoai mà không trả tiền. Ở đây phải nói thêm, rằng tuy chúng tôi là một toán người ô hợp nhưng dù sao cũng có kỷ luật cách mệnh, tức là không xâm-phạm đến tài sản của dân chúng, mua bán công bằng. Lập tức bộ chỉ

huy hạ lệnh ngăn ngừa và trách phạt những người phạm lỗi và trả lại gạo và các thứ cho dân làng. Việc này gặp sự chống-đối của một viên Quản cũ, lấy cớ rằng quân không có lương thì làm thế nào đánh nhau được. Cuối cùng phải do anh Vũ hạ lệnh cấm và cảnh-cáo, đồng-thời bỏ tiền mua gạo thối com ngay cho các binh-sĩ ăn trước, mới khôi phục lại được trật tự. Những người trong bộ chỉ huy đợi đến sau rốt mới ăn. Tuy vậy trong lúc đi đường vẫn có một vài anh em có lẽ còn quá đói, nên thỉnh thoảng vốc trộm gạo sống nhai.

Qua một ngày đường vất vả, gần tối, chúng tôi đến một cánh rừng nửa giữa rừng núi âm-u. Ở đây còn cách Yên-bái độ 20 cây-số nhưng còn phải rẽ ngay ra đường cái mới được. Trong lúc tiến thoái lưỡng nan may gặp được một người dân quê, chỉ đường đến một ngôi làng nhỏ nép sau rừng nửa.

Được cái là dân chúng ở đây không biết gì về sự xung đột giữa Chính-phủ và Quốc dân đảng và lại thấy toàn người này xem ra không đến nỗi hung ác lắm, nên họ cũng đón tiếp rất cởi mở. Đương nhiên, cũng có người nhìn chúng tôi bằng con mắt nghi-ky. Đối-với họ chúng tôi chỉ có thể là bọn phản-động. Nhưng họ chưa hiểu lắm về quan-điểm giai-cấp và chủ nghĩa Mac-Lê cũng như chúng tôi mà thôi.

Đêm nay là chặng-ngỉ cuối cùng trước khi đến mục-đích. Theo chỗ dò biết thì Yên Bái có tiếng súng nổ nhưng quân Quốc-dân-đảng vẫn còn chiếm giữ. Chung-quanh làng này không có động tĩnh gì ! Tuy-vậy chúng tôi vẫn phải đặt nhiều trạm gác. Cả các phụ nữ cũng phải đứng gác ở trước chỗ đóng. Cũng mỗ lợn nấu cháo và có cả tiết canh nữa, tuy thiếu rau húng.

Sương-mù vẫn che phủ các ngọn núi âm-u ở chung quanh. Xa lắm có tiếng thác nước đổ. Nếu không phải là đương ở trong cảnh chiến-tranh thì không khác gì ngủ ở trên đồi Chapa hay ở gần động Tam-thanh, Lạng sơn. Tuy ở trong một tình thế nguy-hiểm nhưng lạ nhất là chúng tôi vẫn ngủ rất ngon. Hình như tuyệt đối tin tưởng vào chỗ nhất định sẽ vào được Yên-bái. Sr thực thì nếu lúc đó Việt-minh cấp tốc phái một toán quân từ Việt-trì lên đánh úp thì chúng tôi không tan rã cũng phải toi bờ vì chỉ vồn vẹn còn có năm chục khẩu súng, một số binh sĩ đã bị thương hay sốt rét, một số đã đào ngũ, mà còn phải đem cả một toán quân vừa đàn bà vừa ốm yếu theo sau. Song lúc đó, quân Việt- minh có lẽ cũng không đủ lực lượng để truy-nã.

Sáng trở dậy, ăn bữa cơm no nai nịt gọn ghẽ rồi bắt đầu chặng cuối cùng của cuộc trường chinh này. Gần đến trưa, chúng tôi chuyển vào con đường cái lên Yên

bái. Đã mấy hôm nay mới chuyển lên đường cái, không biết may rủi ra sao ? Hai bên đường là đồi cao nhưng không dốc lắm. Trên đồi là cỏ đặc hay cây cối lơ-thơ. Đường vắng tanh, thỉnh-thoảng lắm mới có một vài nông dân đứng bên đường nhìn vào bọn tôi một cách kinh ngạc.

Đột nhiên đến chỗ rẽ, đằng trước là một cánh đồng nhỏ thì bỗng nổ ra nhiều tiếng súng đi đoành. Đội tiên phong đã vấp phải quân địch. Chúng tôi phải dừng ngay tại chỗ để xem tình hình thì bỗng tắc bọp... tắc bọp mấy tiếng súng trường nổ rất gần, ở ngay trên đỉnh đồi chỗ chúng tôi đứng. Tiếng đạn bay vèo vèo ở trên bắn xuống cây cỏ dưới sườn đồi. Lập tức chúng tôi phải rạt ra hai bên, nép dưới mạn đường. May mà chưa có ai bị thương. Tuy thất kinh nhưng không hoảng hốt, mấy tay vệ sĩ định thần, nhìn lên đỉnh đồi. Súng bắn ra từ một nhà chòi ở trên đồi, đằng trước có mấy tảng đá song cũng thấp thoáng thấy bóng của địch. Họ đoán rằng không quá mười người. Trong lúc toán tiên-phong rồn rập bắn lại, chúng tôi phái ngay một Tiểu đội thiện-chiến từ bên sườn đồi trèo lên, lên sang đằng sau chỗ quân địch nằm. Còn những người tay không thì tạm lui về phía sau, do một số anh em bảo vệ. Rút được kinh nghiệm sau khi bị đánh toi tả ở đình làng, chúng tôi không vội vã rút chạy mà tổ chức phản-kích một cách

tích cực. Nghe thấy tiếng súng ở đằng trước có vẻ kịch liệt, song cũng đoán được rằng đối phương không đông lắm. Đây có thể là đội quân chiếm giữ ngoại vi Yên Bái. Và lại còn hy vọng rằng quân Yên-bái có thể đánh thốc ra để tiếp-ứng. Lời tiên đoán của chúng tôi là đúng vì một lúc sau ở ngay trên đồi đã bùng nổ tiếng súng cầm cự chừng mười phút rồi dần dần ngớt hẳn. Đồng thời lại có tiếng súng ròn rã ở khá xa, từ mạn trên dồn xuống. Mặt đường tạm thời không còn đạn bay. Nhân dịp này, cả đoàn người cấp-tốc chạy nước rút lên. Không bao lâu đã đến gần thiết-lộ, đã trông thấy cây cầu sắt vào ga Yên-bái. Tiếng súng ở đó vẫn nổ ròn ra.

Quân đoạn hậu báo cáo bắt được 2 dân quân có súng đương nấp trên đồi. Hai anh này còn trẻ măng, chỉ độ 17 tuổi, nói tiếng khó nghe. Chặt-vấn họ, biết rằng chủ lực quân của chính phủ còn ở bên kia bờ sông Hồng nhưng có thể phong-tỏa con đường duy nhất vào Yên Bái là cây cầu sắt. Sau khi tước khí giới và phóng thích 2 người này, chúng tôi bỏ đường cái, rẽ vào bên đường sắt để dễ tránh đạn. Đây là giờ phút quan trọng nhất của cuộc trường-chinh. Nếu bị cản-trở ở bên này cầu thì rất có thể bị quân địch đuổi sau công kích, sẽ kẹt vào giữa hai luồng đạn mà không nơi ẩn nấp.

Chúng tôi đã tiến lên cách cầu chỉ độ nửa cây-số. Đây là một cánh đồng khá rộng, bên này là công-lộ và đường sắt, giữa là con sông Hồng nước đỏ lừ, chảy xuôi rất gấp, còn bên kia là những dãy đồi núi thấp. Không biết rõ bên kia sông có bao nhiêu Việt-minh nhưng đã thấy đạn bay vèo vèo qua đường sắt. Hiển nhiên là để cản-trở chúng-tôi. Nhờ ở con đường sắt khá cao nên không ai việc gì. Chỉ có đôi chút nguy hiểm khi qua những chỗ trống. Một Tiểu đội tiên-phong đã xông gần đến chân cầu. Dưới làn mưa đạn tới tấp từ bên kia sông bắn sang, họ không thể trèo lên mà không bị trúng đạn. Mà ở đằng sau, không xa lắm, đã nghe thấy tiếng đạn quáy nhiều của dân quân.

Trong lúc nguy-kịch này, chúng tôi tổ chức ngay tất cả tay súng bắn trả lại bên kia sông để làm giảm bớt sức ép. May sao lúc ấy quân trong Tỉnh-lỵ Yên Bái cũng tập trung ở bên kia cầu bắn dữ dội khiến quân Việt-minh phải tạm lui sau những bờ ruộng, chỉ có thể bắn chỉ thiên.

Thần tốc lợi-dụng cơ hội, toán tiên-phong xông được lên cầu và qua cầu rất nhanh, hội hợp với các anh em Yên Bái. Thế là dưới sự yểm trợ của hai toán quân, làn sóng người chạy thực mạng qua cầu.

Thực là hú vía vì đã thoát nạn. Nhưng vì vội vã quá nên đã có một số cảnh hỗn loạn, xô-đẩy nhau bất chấp kỷ-luật quy-định, phải cho thương binh và người già yếu lên trước. Một anh bị thương ở mắt phải có người công, thế mà cũng bị xô-đẩy ngã xuống ruộng nước bên cạnh đường, trông rất đáng thương. Vì con đường quá hẹp nên khó duy trì trật tự.

Cuối cùng mọi người đều qua cầu bình yên để tiến vào thị trấn với cái thở dài nhẹ nhõm như trút được gánh nặng trên vai.

Cuộc trường chinh 250 lý của quân Quốc dân đảng có thể gọi là đã kết-thúc một cách thuận lợi không ngờ.

Trừ một số nhỏ thất lạc và vài người hy-sinh, tất-cả đều đạt mục-đích : Yên-bái.

Chương 15 - Từ Yên Bái Đến Lào Cai

Chúng tôi gặp những anh chỉ huy ở Yên-bái trong dãy phố đầu của thị trấn. Không cần nói ra, ai cũng vui mừng và chân phần vì không những chúng tôi đã thoát-hiểm còn gần nguyên-vẹn đội vũ trang, nay hồi sư với quân ở đây, cũng thành một lực lượng khả quan có thể đương đầu được các cuộc tấn công. Và lại họ rất vui mừng vì có mấy anh ở Trung-ương lên cầm đầu, chia sẻ gánh nặng với họ.

Đây là một thị-xã mạn ngược, nằm giữa một cánh đồng, chung quanh toàn là núi rừng bao bọc, khác hẳn Phú-thọ, đó là những núi đá xanh, cao, chọc lên mây, với những rừng cây rậm rạp. Phía Bắc là con sông Hồng quanh co và con đường sắt đưa lên Bảo-hà, Lào-cai. Bờ bên kia có con đường cái đi Nghĩa-lộ, phải là con đường sang Tuyên-Quang. Vị trí chiến lược này rất tốt, có thể tiến xuống Phú-thọ, Việt-trì, lại có thể rút lên Bảo-hà hay sang Nghĩa lộ. Chung quanh là một khu vực rộng lớn, tuy dân cư thưa thớt nhưng có thể tổ chức được. Vấn-đề là độ ấy trong bọn chúng-tôi không ai có đủ tài năng tổ chức và chỉ huy. Và lại cũng không hiểu thế nào là đánh du-kích, chỉ biết ngồi chôn chân ở các thị trấn cô-đơn này...

Đạo qua mây dầy phố nhỏ nằm dọc theo bờ sông, với những cửa hàng thừa thớt. Nhiều nhà đóng cửa vì chiến sự. Chỉ có ga xe lửa là náo nhiệt đôi chút khi chuyển tàu mỗi ngày lên xuống một lần. Có lẽ vì hai bên mặc nhận nên xe lửa từ Việt trì đi Lào cai vẫn đi lại được như thường, không có gì cản trở và cũng không ai khám xét gì cả. Ai muốn đi đâu cũng được, không cần giấy má gì cả. Chuyển xe nào cũng ỳ-ạch và sùi sụt vì không đủ than dùng, phải lấy củi đốt và nhiều khi phải dừng lại bên đường để lấy thêm nước. Tốc-độ tất nhiên chậm hơn sên nhưng vì nó là cách đi lại duy nhất nên lúc nào cũng đông nghịt, phần lớn là những người nông dân gánh gồng buôn bán. Có người treo cả lên nóc xe ngồi vắt vẻo. Có lẽ đây là những chuyến xe lửa phá kỷ lục thế giới về chạy chậm. Còn ở dưới bến, thuyền bè cũng ít nhưng những bè gỗ từ trên mạn ngược xuôi về vẫn nhiều, vun vút lao trên những giòng trước thác. Sáng chiều, sương mù bao phủ, không trông rõ cảnh vật ở xa. Một cái im lặng đặc biệt của rừng núi đè nặng lên tâm hồn người, khiến tôi lại nhớ đến câu ca dao Việt-nam :

*Ai đưa ta đến chốn này.
Bên kia là núi bên này là khe.*

Nếu không có tiếng súng nổ rìi-rạc nhắc-nhở thì chúng tôi có lẽ tưởng tượng là mình đương ẩn thân vào

chôn núi rừng để xa lánh bụi đời.

Chúng tôi đến ở trong một tòa nhà rộng ở đầu phố, ngay bên bờ sông, cũng khá mát mẻ. Phải cái là không thể ra ngoài thị-xã mà không cảnh giác vì có mấy xạ thủ quái ác ở bên kia bờ sông, vẫn nhắm vào những chỗ trống để bắn tĩa sang, bên này không đủ lực lượng và đạn dược để qua sông đuổi đánh.

Nhưng cuộc chiến đã dụi bớt nhiều, hình như hai bên đều muốn tạm nghỉ ngơi một chút. Trong khi ấy ở Hà nội, các cuộc xung đột cũng dụi hơn. Nhưng đó chỉ là tạm thời.

Lợi dụng tình hình, chúng tôi tổ chức hội-nghị của khu Ba gồm các đại-biểu của Lào-cai, Bảo-hà và Hà-giang để bàn về việc củng cố các căn cứ địa.

Tình hình các nơi cũng không khác Yên-bái là mấy, cũng chỉ là những lực-lượng ít-ỏi cô lập, súng đạn rất ít, không có nhiều dân chúng ủng-hộ và tình hình tài chính càng nguy-ngập hơn. Mà quân Trung-hoa khi rút đi cũng không để lại cái gì đáng kể. Sau cùng chúng tôi quyết-định bộ chỉ huy Khu Ba lên Lào-cai cho an-toàn hơn.

Sau khi để lại một số súng-ông và binh-sĩ tăng cường lực-lượng ở Yên Bái, chúng tôi đáp xe lửa đi Lào-cai.

Từ Yên Bái lên Lào-cai, hành trình độ 150 cây số nhưng chuyến xe lửa này đi ỳ-ach mất cả một ngày. Chúng tôi có đủ thì-giờ để ngắm thưởng phong-cảnh nên thơ trên đường.

Đây là những núi cao rừng rậm hoang-vu. Đẳng xa là rặng Fansipan cao ngất, thỉnh thoảng có những bản làng con con treo trên lưng chừng núi. Đôi khi có những bóng áo thêu của những cô gái dân tộc thiểu số, những con ngựa thồ, len lỏi trên những đường núi treo-leo. Những lúc xe dừng ở giữa rừng để lấy nước, lấy củi, chúng tôi ngồi nghỉ bên bờ suối. Có thể gọi đây là một cuộc du-lịch có một không hai trên thế giới.

Bảo-hà là một dãy phố nhỏ nằm ở giữa rừng, giữa hai con đường quan trọng ở đây chỉ có một số quân nhỏ đồn-trú. Tình hình ở đây rất yên ổn. Đời sống êm đềm của dân cư cũng chỉ có một ngày hai lần bị tiếng còi tàu phá vỡ mà thôi. Nhưng gần đến Lào-cai thì không khí lại khác hẳn. Nghe nói một toán Việt-minh, mới hôm trước đã đánh chiếm một nhà ga cách thị xã độ mười cây-số về phía Nam. Chúng-tôi dự tính phải ứng phó với một cuộc trạm trán gay-go, song không xảy ra việc gì cả. Chuyến tàu qua nhà ga đó một cách thuận

lợi, không có dấu hiệu gì là có người cản trở hay phục-kích. Có lẽ họ không biết chuyến tàu này chở quân sĩ và nhiều yếu-nhân trong Quốc dân đảng.

Gần tối, tàu vào sân ga Lào cai, có nhiều người ra đón khá tập-nập.

Đây là một thị-trấn trọng yếu ở biên-giới Trung-Việt, giáp giới với Hà-khẩu. Lào-cai còn có Cốc-lêu và một số vị-trí ở chung-quanh, đồng-thời có một con đường nối với căn-cứ Hà-giang do Triệu-Quốc-Lực cầm đầu, có thể tiếp-ứng lẫn cho nhau. Tình hình tài chính cũng khả quan hơn vì có mấy sông bạc ở Cốc-lêu nộp thuế. Phiên-chợ ở đây cũng khá đông đảo, có đủ các dân tộc kể cả người Hoa từ Vân-nam sang với đủ các hàng hóa. Chỉ phải cái là tiết tháng 6 nóng gồm ghê như một lòng chảo với những ngọn gió Lào thổi như quạt lửa vào mặt. Còn Chapa thì xa quá.

Sau khi đã nghỉ ngơi, dạo xem thị-xã, chúng tôi bắt đầu vào công-việc. Tổ chức ở đây gồm có một đảng-bộ và một Trung-đội. Ở đây đã có Chính-quyền tỉnh Lào cai. Sự thực chỉ quản-lý được vài thị xã. Cũng xin nhắc rằng tổ chức địa-phương gồm đủ cả Bí-thư đảng, Chủ tịch Chính quyền và Chỉ huy Quân đội. Nay lại thêm bộ Chỉ huy Khu Ba và sau này lại thêm Bộ Quốc-phòng của Việt-nam Quốc-dân đảng do Vũ-Hồng-Khanh làm

Bộ trưởng. Nhưng quân hàm này nghe thì khá to và khá kêu nhưng thực ra thì khá rộng. Lại còn một trường Sĩ-quan đóng ở đây. Thực ra trường này của nhóm Đại-Việt, có vài chục học-viên, do mấy sĩ quan Nhật đào ngũ huấn-luyện. Các viên chức phần lớn là những nhân-viên tư đòi mỗ mả Pháp để lại. Ngoài ra thị trấn này cũng có một trường tiểu-học.

Tôi còn nhớ, một hôm tổ chức cuộc biểu tình chống Pháp quay trở lại Việt-nam, cũng đủ học trò, công-chức. Tôi đại diện Chính-phủ nói chuyện với quần chúng. Cũng đủ cả cờ quạt, kèn trống không kém gì ai.

Bộ chỉ huy ở trên biệt thự Công-sứ cũ, trên một ngọn đồi gió thổi vi vu qua những rặng thông. Buổi chiều, khi ăn cơm xong, ra ngồi ở hè hóng mát, nhấp chén cà-phê đặc, nhìn ra những ngọn đồi mấp mô chung quanh. Ở xa là phố xá Cốc-lếu. Quả có một thú-vị đặc-biệt.

Buổi tối dạo xuống phố, qua cầu thì đến những sông bạc, đèn măng-xông sáng chung. Chúng tôi lên vào xem, không ai để ý. Trong sông thực tấp-nập và đủ hạng người tuy có chiến-sự nhưng vẫn đông đảo như trước.

Mấy ngày sau, bỗng có điện từ Hà nội lên cho biết, lực lượng Chính phủ đã bắt đầu khùng bố các vị trí Quốc dân đảng ở Hà-nội; Vĩnh-yên. Yên-bái lại bị tấn

công riết. Tình-thế nguy-hiểm mà tất-cả các nhóm Việt-Cách đã rút đi hết. Rồi có tin anh Tam đã đáp máy bay đi Côn-minh. Bảo đại cũng đã làm như thế. Thời cục đã xoay đến chỗ phá-liệt gay, go. Xem ra lực lượng căn-cứ mong manh quá khó mà giữ nổi.

Để gia cường việc ngoại giao với Trung-hoa và Đồng- minh, chúng tôi đồng ý phái anh Long lên ngay Côn-minh, hợp tác với anh Tam để hành động. Với một số anh em hộ-vệ, anh Long, sang Hà-khẩu, đi đường bộ lên Mông-tự, vì quãng đường sắt Hà khẩu - Mông tự đã bị phá-hủy chưa sửa chữa được, rồi đáp xe hỏa đi Côn-minh.

Song hành động gì đi nữa cũng không thể cứu vãn được sự thất-bại hoàn toàn sau này. Không những là thiếu người cầm đầu có tài năng, thiếu sách lược cấp bách để củng cố chiến-khu, chỉ biết ngồi đợi đối phương đến đánh một cách bị động. Mà vì lực lượng thực sự rất yếu-ớt, không có tổ chức quần-chúng. Tệ hơn nữa là trong nội bộ lại chia rẽ nhiều bè phái ganh tị, tranh dành lẫn nhau, không có kỷ luật thống nhất, cũng không thể hành động thống nhất. Một phần tử xấu chuyên khiêu khích, lại còn tệ-hại tham nhũng, hà-hiếp dân chúng để vơ-vét. Con đường Quốc dân đảng hầu như đi đến chỗ bế tắc. Trông mong vào Trung-hoa hay Đồng-minh thì

thực-sự đã cho thấy là ảo tưởng.

Trong hàng ngũ không ít anh em giàu lòng ái quốc, muốn hiến thân cho độc-lập, tự do cho dân tộc nhưng rút cục là đi đến chỗ cùng bí. Thậm-chí hy-sinh một cách vô vị trong những người Việt-nam như mình. Nếu cứ thế mãi thì không khỏi đi đến chỗ tan-rã và hy-sinh nhiều nữa.

Nguyên nhân tại đâu ? Thất-bại, đương nhiên là do những người cầm đầu chịu trách nhiệm. Trong bao đêm liền, tôi không chợp được mắt để suy-nghĩ lấy một lối ra. Mang toàn lực củng cố Chiến-khu ? Nhưng đào đâu ra, người ra súng ? Trở về hợp-tác, thông-nhất với Chính-phủ ? Sự nghi kỵ, phổ biến trong đảng về viễn ảnh bị tiêu-diệt khi hợp nhất quân đội, làm cho việc này không thể thực hiện được.

Do dự, bất-quyết là lỗi lầm chí mạng trong thời kỳ ấy.

Cô thành Vĩnh-yên bị tấn công ròn-rập. Chẳng bao lâu thủ quân buộc phải ra hàng và chịu theo biên-chế của Chính-phủ. Những người chỉ huy bị bắt giam.

Tình hình Yên Bái lại nguy ngập hơn bao giờ hết.

Không còn cách gì khác, chúng-tôi điều động một số võ trang xuống Yên Bái để cố giữ nơi này, trong lúc mà chung-quanh Lào-cai cũng đã bùng lên tiếng súng. Lại có tin toàn quân chủ yếu người Mèo của anh Triệu-Quốc-Lực cũng phải rút chạy từ Hà-giang về Lào-cai. Đâu đâu cũng cáo cấp xin thêm người và súng. Định dùng đến học-viên trường Sĩ-quan nhưng họ không chịu nghe theo điều động. Mà chưa thấy tin-tức gì về ngoại viện ở Côn-minh xuống. Không ai nói ra nhưng tất-cả đều cảm thấy vận-mệnh của Chiến-khu không còn bao lâu nữa. Trong tình thế này, không thể cứ ngồi chờ mãi được, anh-em quyết-định cử tôi sang Vân-nam cầu-viện, đồng thời, còn có một mục-đích không công-bố ra là tìm hiểu tình hình các đảng bộ Việt-nam Quốc-dân đảng ở Vân-nam để vạn nhất làm chỗ dùng sau này.

Tôi sửa soạn ra đi với một tâm tình phức tạp. Còn một ảo tưởng phần nào về tương-lai Chiến-khu. Tôi hy-vọng sẽ trở về với quân với súng, không những là để chống chọi với Việt-minh mà còn chống nhau với Pháp. Đó mới là mục đích chính của mọi người, tuy biết rằng hy vọng rất mong manh. Mà nếu không được như thế thì ra ngoài nước cũng có thể tìm lấy một con đường hành động khác để về nước hoạt động, một con đường thứ ba treo leo giữa Pháp và Việt-minh.

Vấn-đề chính không phải là binh với súng, tuy cái đó không thể không có, mà tìm được một chủ trương hợp với nguyện vọng và lợi ích của đại-đa-số dân chúng, được quần chúng ủng-hộ.

Ra đi, tương lai vẫn còn mờ-mịt lắm. Nhưng với lòng bông bột của tuổi trẻ, người ta hay dấn thân vào chỗ mạo hiểm. Nếu lúc ấy tôi đoán trước được rằng phải phiêu-bạt ở nước ngoài hơn 30 năm trời mới lại trông thấy đất nước gia-hương thì có lẽ tôi còn do dự nữa.

Hình như hiểu-thấu tâm-lý của tôi, anh em làm một bữa tiệc giản-đơn nhưng cũng đủ món để tiễn hành tôi và một số anh em lên đường. Dự buổi tiệc này có anh Vũ và ba giáo quan Nhật. Đây là bữa cơm phong-phú nhất từ khi tôi đặt chân lên Chiến-khu. Mọi người bịn-rịn nâng cốc rượu nếp thơm. Cả đến các sĩ-quan Nhật cũng rất hào hứng. Vì số phận của họ cũng lưu-vong ở đất nước người, sống-chết không biết lúc nào. Mà nếu bị bắt thì thân phận sẽ ra sao ? Hôm ấy họ uống rượu rất hăng. Giữa bữa tiệc, một sĩ-quan đứng tuổi còn tự-động múa kiếm và gõ chén hát một bài tạm biệt bằng tiếng Nhật. Tiếng hát chúng tôi không hiểu nhưng giọng hát bi thương làm rung cảm chúng tôi. Chỉ có những người trong cảnh ngộ gian truân ly-biệt mới hiểu được nhau. Ba người Nhật đều hát khế theo nhịp gõ, mắt họ dơ

dớm nước mắt. Trong thâm tâm, tôi cũng cầu nguyện cho họ được bình yên, trở về tổ quốc làm người dân thường, quên hết những ngày tội lỗi đã qua.

Thế rồi, một buổi sáng tháng 7 năm 1946, tôi rời bỏ dinh Công-sứ, cùng với toán anh em 7 người, xuống đầu cầu sang Hà-khẩu. Đứng ở đầu cầu, nhìn lại giang-sơn, núi rừng, phố xá, sông Hồng và sông Nậm khô, dãy núi Fansipan ở xa xa. Đất nước ta rộng mênh-mông như thế nhưng tại-sao không một chỗ dung thân ? Gạt bỏ những y-nghĩ bi-quan, chúng tôi bước thẳng qua cầu, sang đất Hà-khẩu, nơi mà tôi đặt chân đầu tiên lên đất Trung-hoa.

Hà-khẩu cũng là một thị trấn nhỏ nằm trong một thung lũng. Hai bên là núi rừng ở giữa có con sông Nậm-khô chảy cuộn cuộn. Con đường sắt lách mình giữa giòng sông và núi đá.

Sau khi vào dinh Đốc-biện làm giấy-tơ nhập-cảnh. Do một anh em ngày trước làm việc trong quân-đội Trung-hoa dẫn đường, chúng tôi men theo đường sắt tiến lên, mở đầu cho một hành trình đầy thú-vị từ Hà-khẩu lên Côn-minh.

Đến đây chấm-dứt quãng đời ngắn ngủi chưa đầy hai tháng của tôi ở Chiến-khu Ba, nhưng đó là quãng đời đầy sôi nổi, gian-truân, nguy-kịch và đôi khi rất hào hứng, rất nên thơ, một quãng đời đầy hy vọng và thất vọng. Từ một nhà báo kiêm bác sĩ tôi nghiêm nhiên đóng vai một người chỉ huy cả văn lẫn võ trong một chiến-khu, đã dự một cuộc trường-chinh mà kết-cục là rời sang nước ngoài, lại bắt đầu một quãng đường sôi-nổi và gian-truân khác. Mặc dầu đã phạm những lỗi lầm nghiêm trọng và đã thất-bại, chúng tôi không tự cho phép bi quan, vẫn đặt một mục-đích bất dịch cho mình là đi tìm chân-lý, tìm một con đường có ích cho dân tộc và mong được sống như mọi người việt nam khác trong hoàn cảnh tự-do, no ấm và tiến-bộ. Chúng tôi vẫn tự an ủi là làm như thế đâu phải là mục-đích cá nhân. Chúng tôi có muốn làm vua, làm quan gì đâu ? Nhưng thần vận mệnh vẫn còn theo dõi chúng tôi và sẽ đưa chúng-tôi đến những bờ bến mà không ai ngờ tới.

Phần Thứ Ba
Lưu Vong Ở Trung Hoa

Chương 16 - Từ Hà-Khẩu Đến Côn-Minh

Đó là một buổi sáng nắng chói cuối tháng 7 năm 1946. Anh em chúng tôi tất-cả 8 người, sau-khi làm xong giấy thông hành, bước ra ngoài phố Hà-khẩu. Mọi người, không ai bảo ai đều ngoảnh lại trông sang các cầu sắt và những nóc nhà lấp-loáng đằng sau bóng cây của thị-trấn Lào-cai. Biết bao-giờ mới lại được đặt chân lại nơi đất nước quê hương và trong số anh em này sẽ có bao người một đi kh ng trở về nữa ?

Gần 30 năm về sau, tháng 5 năm 1975, ở miền Nam Việt-nam lại xảy ra một thời-cục tương tự như thế với sự sụp đổ của chế độ Thiệu. Thì lúc ấy chúng tôi bỏ Lào-cai, thân phận cũng tương tự như những nạn nhân rời bỏ Sài-gòn. Đương-nhiên có khác chút nào về thời-gian và về hình thức và cố nhiên hy vọng về nước hoạt-động hơn. Song trong thâm-tâm chúng tôi lúc đó, sự mất còn của căn cứ Việt-nam Quốc dân đảng chỉ là vấn-đề thời-điểm. Tình hình sẽ đi đến đâu, không ai có thể đoán trước được.

Ra khỏi Hà-khẩu, chúng tôi men theo đường sắt Điền Việt, nay chỉ còn nền đường vì ray sắt đã bị bóc đi trong khi chiến-tranh. Hai bên còn là những làng mạc gần giống như ở Việt-nam với ít lũy tre và vài cây

cau. Không lâu sau, thung lũng đã dần dần hẹp lại. Con đường sắt lách mình bên bờ sông Nậm-ti, nước chảy rất xiết và có nhiều thác nhỏ. Có khi giòng sông rộng và êm-tĩnh hơn, nước trong veo chảy trên đá cuội nhẵn lì rất đẹp. Còn bên này đường sắt là vách núi xừng xững, treo-leo với những đồi cỏ xanh. Phong cảnh thực là nên thơ. Trên đường cũng không vắng lắm, có nhiều người gánh gồng đi lại. Ngoài những người Khách xạ-phang (tức là Hạ-phương hay miền dưới) còn có cả người Mán mặc quần áo thêu sặc-sỡ hơn và cả một số người Việt làm ăn ở đây nữa. Nhất là đến gần nhà ga thì càng nhộn nhịp. Có nhiều đồng bào nhiệt tình hỏi thăm chúng-tôi đi đâu ? làm gì ? Buổi trưa chúng tôi đến ga Nam Khê, tạm nghỉ chân ở một quán chè do người Việt mở. Cô con gái và bà chủ đôn-đả chào mời. Chúng tôi đã khát và hơi đói nên ngả người ngay xuống chõng một cách khoan-khoái. Tuy là miền núi nhưng ở đây không thiếu trứng gà. Chúng tôi ăn mỗi người hai quả trứng luộc và uống cà-phê đen khá ngon. Ai còn đói thì ăn thêm bánh trưng hay bánh bao. Ăn xong ra rửa chân ở bờ sông Nam-khê mát rượi. Tiếc rằng phải vội lên đường nên không thể lưu-luyến được lâu cô gái quán này.

Càng đi xa thì cảnh tượng càng hoang-vu hơn, rất ít người đi lại. Cần phải đề phòng thổ phỉ, đúng với lời căn dặn của mọi người. Nên nhớ hồi ấy, hai tai hại lớn

nhất của Trung quốc là quân-phiệt và thô phi. Chúng tôi không khỏi rùng mình khi nhìn thấy trong một hốc đá bên đường một xác người co ro, đúng hơn đó là một bộ xương vẫn còn mặc bộ quần áo rách với cái nón lá quăng bên cạnh. Người này là ai mà phải bỏ mình trong hốc đá này ? Có người nói là bị quân cướp giết chết rồi quăng vào đó. Có người đoán là vì đói hay ốm nên chết ở bên đường. Dù sao lúc đó cũng chỉ là một cảnh tượng thường có mà thôi.

Buổi chiều, phải lội sông. Ở đây nước nông cạn song cũng phải chận-vật tay lội tay mới qua được giòng nước chảy xiết. Được cái là ở bờ bên kia có một trạm công trình làm cầu. Viên kỹ sư ở đây niềm nở gọi chúng tôi vào nghỉ chân và đãi nước chè nóng với thuốc lá thơm. Có đi xa và ở những nơi xa lạ mới biết thế nào gọi là hiếu-khách. Gần tới, con đường sắt lên cao dần ở lưng chừng núi rồi quật vào một trạm ga nhỏ, trạm ngủ đầu tiên của chúng tôi ở đất Trung-quốc.

Thông thường, trên những con đường này người ta có thể vào trọ ở những nhà nào rộng rãi, đủ chỗ nằm. Chúng-tôi vào một nhà ở gần ga, nằm trên bờ sông rất cao. Nhà xem ra cũng khá giả. Nhà có ba gian, lại có cả một chuồng nuôi ngựa thồ. Khách đi lại thường thường đều trọ ở đây. Ông chủ nhà dọn một buồng cho chúng

tôi nằm với mấy tấm phản, cũng khá cao ráo. Ở đây chỉ có gà với trứng là dễ kiếm nhất nên bữa cơm họ dọn lên tất-nhiên có thịt gà nấu bí ngô. Được cái là đói lắm rồi nên chúng tôi thấy bữa ăn ngon tuyệt. Chủ nhà lại mang lên ít rượu trắng, để nhắm. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau ngần ngại không biết có nên uống không vì rất có thể họ cho thuốc mê vào y như truyện Thủy hử rồi làm thịt mình không biết chừng. Song thấy ông chủ không có vẻ gì đáng nghi và lại thường thường vẫn có người đến trọ nên chúng tôi sau rốt cũng nhấp ít rượu trắng để lấy lại sức mà không xảy ra sự gì cả.

Tuy vậy chúng tôi vẫn đề phòng cẩn-thận. Lúc ngủ, lần lượt có người canh gác ở cửa buồng. Sau buồng, tiếng sông Nam-kê chảy âm-ì suốt đêm song cũng không ngăn được mọi người ngủ say cho đến sáng một cách ngon lành chưa từng thấy.

Buổi sáng chúng tôi ăn bằng trứng lút dạ đồng thời mua một ít mang theo làm lương khô dọc đường. Từ trạm này chúng tôi phải rời đường sắt đi tắt theo đường núi lên Bình-biên, một huyện lỵ ở gần biên giới. Con ông chủ nhà trọ, một thanh-niên hơn 20 tuổi, nước da đen xạm, tự nguyện làm hướng-đạo. Hắn dắt theo một con ngựa dự bị lúc về chở gạo và muối để buôn bán. Nhờ thế chúng tôi đỡ một gánh nặng về hành-lý. Nhưng

con đường núi này quả thật là treo leo và vất vả. Nhiều khi đường rất hẹp và rất dốc đến nỗi phải vít lấy gốc cây bên đường để trèo lên. Mà lúc xuống dốc thì nhẹ hơn nhưng lại rất nguy hiểm, không khéo có thể trượt chân ngã xuống khe núi, nhất là khi vừa mưa xong. Đa-số chúng tôi là dân thành thị, không quen leo dốc nên chỉ qua mấy cái dốc là đã mệt bỏ hơi, nhưng anh hướng đạo kia vẫn ung-dung dắt ngựa lên xuống như đi trên đất bằng. Lại có chỗ đường cỏ mọc rậm rạp quá phải lấy dao chém bớt đi nhưng những khi gặp những ràn mây thì dao chém cũng không ăn thua gì. Gần đến trưa thì xuống dốc, đến một con suối trong vắt và mát lạnh. Đó là chỗ dừng chân thiên-nhiên của chúng tôi, trước khi lội qua suối để lên đường.

Lội bên bờ suối gần 100 mét, may mà không có đĩa, chúng tôi rẽ lên rừng đồi trọc chỉ có cỏ mọc lơ thơ và những tảng đá đen xì như than. Những rừng đồi trọc này liên-miên ở biên-giới Trung-quốc, khác hẳn với những đồi núi xanh um bên Việt-nam. Nguyên nhân chính là ở Việt-nam cấm đốt rừng và bảo toàn rừng cây rất nghiêm, còn ở bên này không ai bảo quản cả. Đứng trên núi, có thể đoán biết bên nào là Việt, bên nào là Trung mà không cần địa đồ. Trên núi trọc, đi dưới nắng không những mồ hôi đổ như tắm mà khát nước một cách ghê gớm. Trên cao không có một khe suối nào. Nếu muốn

lấy nước phải xuống thung lũng ở dưới xa. Có lần bị đông hết nước, chúng tôi phải vốc nước từ những hồ chân trâu còn đọng nước mưa để uống.

Độ bốn giờ chiều thì rẽ xuống chỗ nghỉ trọ ở dưới chân đồi, một bản nhỏ cạnh một con suối, chung quanh có cây cối xanh tươi bao-bọc. Chúng-tôi bước vào con đường mát mẻ có bóng cây che. Hai bên đường là những thửa ruộng lúa, hay những nương ngô, sắn, xếp thành bậc thang. Đến gần làng đã nghe thấy tiếng gà gáy chiều, tiếng lợn kêu ụt ịt rất đầm ấm. Thỉnh thoảng lại gặp một con ngựa thồ ung dung ăn cỏ ở bên đường. Sương mù đã bắt đầu phủ lên sườn núi và che luôn cả những ngọn núi xa xa. Cảnh chiều về nơi rừng núi quanh hiu này, làm cho lòng tôi thất lại với một nỗi cô-quạnh không bờ bến. Đây là chỗ nào ? Tại sao ta lại mang thân đến chốn này ? Tôi bùi ngùi về thân-thể những người lưu-lạc giang-hồ, màn trời chiếu đất và cũng cảm thấy sâu xa nỗi vui mừng của kẻ đi đường núi rừng xa, gặp được một làng-mạc để nghỉ chân. Mọi người chúng tôi đều yên lặng bước, duy có anh chàng hướng đạo hứng trí vừa dắt ngựa vừa cất tiếng hát một bài hát lạ, tiếng ngân dài. Tuy không hiểu nghĩa gì nhưng tôi thấy rất thích hợp với cảnh khoáng-đạt của núi rừng này.

Ngôi làng này dựng trên một khu đất bằng, có con suối rộng bao bọc chung quanh. Chúng tôi chú ý là ở đây trồng rất nhiều ổi, quả chín trắng vàng, lấp lánh trên cành. Mấy anh em chủ trương nhảy xuống suối tắm đã. Quả thật giòng nước mát lạnh đã tẩy hết bụi bặm và mệt-mỏi. Chúng tôi vào nghỉ tại một gian nhà khá rộng. Đồ ăn ở đây vẫn là thịt gà nấu với bí ngô. Chưa bao giờ chúng tôi được ăn nhiều thịt gà và rẻ như thế.

Nhưng đến hôm sau chúng tôi mới biết mùi thế nào là leo đường núi. Theo con đường quái-ác này thì chỉ là lên và xuống dốc. Qua mấy ngày đi, cả người, nhất là hai chân rồi đến cả hai khớp xương hông, mỏi mệt. Mỗi bước trèo lên như đeo tảng đá nặng. Đến trưa, nhìn thấy một dốc mới, chúng tôi không khỏi lắc đầu. Lúc bấy giờ chúng tôi mới hâm mộ những thổ dân có bản lĩnh cao-cường, kể cả những cô gái và trẻ con, bắp chân họ to ngang và đều rất cứng cáp, bàn chân to mà cổ chân rất ngắn, kết-quả của sự rèn luyện nhiều đời. Vì thế họ leo dốc thoăn thoắt và vững chắc, vừa đi vừa hát sơn-ca.

Ai đi đường núi cũng biết, trông thì gần nhưng đến thì rất lâu. Thực vậy, người đương mệt rồi, trông thấy cái làng ngay trước mặt ở núi bên kia, nếu đi đường phẳng thì chỉ một giờ đồng hồ nhưng leo lên leo xuống phải từ

trưa đến chiều mới tới đích.

Chiều hôm ấy, chúng tôi phải vất vả lắm mới đến được cái làng ở lưng chừng núi. Tuy còn sớm nhưng chúng tôi quyết định ngủ lại lấy sức. Mọi anh em đều hoan hô quyết định này. Chỉ có một điều là trong lúc leo lên leo xuống một anh em đã đánh rơi mất khẩu súng tay. Mọi người đều thở phào nhẹ nhõm, đặt thân mình lên thềm nhà. Một ông già niềm nở mang nước trà cho uống. Ngồi đây có thể đưa mắt nhìn ra những rặng núi trùng-điệp, bao la. Ở xa là những ngọn núi xanh cao vút bí ẩn, dưới là những thung-lũng xanh rờn với vài làng bản xinh xinh. Nhiều đám mây chiều bay vờn trên các mỏm đồi. Tiếng thác đổ ở xa... tiếng chim gõ mõ về chiều... Đời sống người dân ở đây tuy khắc-khở song đượm đầy thi vị. Tôi chợt nghĩ đến những ngày hội xuân ở đây với những cô gái đeo vòng bạc, khăn thêu, những thanh niên hát hò, những đôi trai gái yêu-đương lẫn sau cây rừng...

Đi đường xa mệt-mỏi, được uống bát nước chè nóng là một hạnh-phúc. Nhưng ở đây, sau khi hớp chè, lại kéo một điếu thuốc ống say sưa mới là diệu tuyệt. Ống điếu làm bằng tre, thuốc thì vàng tươi không giống thuốc Lào bên ta nhưng vị cũng rất nồng. Tôi kéo một điếu rồi ngả lưng vào tường, duỗi chân nhìn ra núi xa. Thực là

những phút đặc-biệt mà về sau dù muốn cũng không sao tìm thấy được nữa.

Những người làng đây cũng rất mến khách và hiếu kỳ. Họ mang ổi đến cho chúng tôi ăn không lấy tiền. Có người mang cả thịt phơi để dành đến và chỉ lấy một giá rất rẻ. Theo tục-lệ ở đây, khách đi qua đường có thể ở lại và ăn ngủ mấy hôm cũng được. Buổi tối, cũng có mấy thanh niên nam nữ đến hỏi chuyện và rất đồng tình với nhân dân Việt nam chống Pháp. Ở đây gần đường sắt trước do Pháp chiếm nên họ cũng biết thế nào là thực dân Pháp. Tối hôm ấy chúng tôi ngủ ngon giấc và cũng không thấy cần canh-gác riết như mấy đêm trước.

Qua một ngày lên đèo xuống dốc nữa, đồi núi dần dần thấp đi, thung lũng càng rộng, làng xá trù phú đã xuất-hiện. Sắp đến Bình Biên, trạm lớn đầu tiên của cuộc hành trình. Mọi người đều phấn khởi. Hỏi người qua đường họ cho biết là còn vài chặng đường tức là phải qua vài con đèo nữa. Song dù mỗi-một, chúng tôi cũng quyết định không nghỉ trưa và đi một mạch đến nơi. Gần chiều, vừa lên một đỉnh đèo thì trước mặt hiện ra một cánh đồng khá rộng giống như bên Việt-nam với nhiều mảnh ruộng hình bàn cờ, nhiều xóm làng và ở chân trời, một cửa thành với những phố xá xa xa. Bình-Biên đây rồi. Một anh em thốt lên và mọi người đều

vỗ tay reo mừng vì đã bình-yên qua được chặng đường gian-nan và nguy hiểm nhất. Từ Bình biên trở đi sẽ có con đường cái và nhiều đoàn ngựa thồ đi lại với Mông tự.

Bình-Biên là một huyện-ly nhỏ ở gần biên-giới. Thành cổ này chỉ còn lại một cổng thành và vài bức tường đồ nát gần giống như thành nhà Hồ ở Thanh-hóa. Vài phố xá hẹp nhưng rất đông-đúc và náo-nhiệt hơn Lào-cai nhiều. Đó là đặc điểm của những thị trấn Trung-quốc. Sau khi trình xong giấy má, chúng tôi bước vào phố lớn. Cũng có nhiều nhà gạch một hay hai tầng, nhiều cửa hàng tạp-hóa, thợ rèn và nhiều cửa hàng ăn nhỏ. Hai bên đường như một cái chợ nhỏ, bày đủ các thứ. Chúng tôi vào một nhà trọ. Tuy là hạng khá ở đây nhưng trù chỗ trên gác chúng tôi nằm khá cao ráo, còn ở tầng dưới rất bề bộn và thiếu vệ-sinh. Đằng sau lại là chuồng ngựa. Những nhà trọ nào cũng thế vì nhất định phải có chỗ buộc ngựa cho khách hàng.

Đương-nhiên ở đây thì tấp-nập nhưng ít vẻ nên thơ. Được cái có nhiều thứ mua bán. Chúng tôi phải ở lại đây hai hôm để chờ cùng đi với đoàn ngựa thồ (tiếng Trung quốc gọi là Mã bang). Việc đầu tiên của chúng tôi là làm mỗi người hai bát phở có mùi vị Vân-nam khác hẳn với phở Việt-nam. Sau đó đi húi tóc. Tuy là

thị-trấn hẻo lánh song cửa hàng húi-tóc ở đây còn tôi tân hơn cả Hà-nội. Họ có cả máy thổi tóc và uốn tóc bằng điện nữa. Tóc và râu chúng tôi sự thực cũng quá dài, tuy chưa so được với chàng Robinson, song nhìn vào gương thì mới thấy là đáng sợ.

Được rồi rồi, chúng tôi dạo quanh thị-trấn miền núi này. Sinh hoạt của dân chúng cũng gọi là khá đối với các miền chúng tôi vừa đi qua. Nhiều nhà nuôi cả ngựa và trâu bò. Chúng tôi lại gặp nhiều ông lái, ông chủ bụng phệ, ngồi bệ vệ sau quầy hàng. Cũng nên nói thêm là ở đây không ít binh-lính Quốc-dân đảng. Ở đâu cũng thấy binh-lính đi lại. Dân chúng cũng coi là thường. Chưa thấy dấu hiệu gì là hai bên có xích mích. Có thể là bên ngoài. Họ mặc quân phục luộm-thuộm và kém vẻ oai-phong.

Chúng tôi từ-giã Bình-biên để đi sau một đoàn ngựa thồ khá đông, đến hơn hai trăm con, con nào cũng đeo nặng hàng hóa. Có độ 300 người đi kèm với một Tiểu đội lính hộ tống. Tiền hộ-phí do các tay buôn góp. Những người đi theo đoàn như chúng tôi cũng phải góp một số tiền nhỏ. Con đường này khá rộng và bằng phẳng. Thỉnh-thoảng cũng phải trèo dốc nhưng không vất vả lắm. Nhưng người ta bảo rằng vùng này không ít thổ phỉ, thường xảy ra cướp bóc. Có những dân làng chung

quanh, lúc thường thì làm ruộng, đồn rừng nhưng lúc cần họ biến thành những lực lâm hung dữ.

Tối đến chúng tôi ngủ trọ ở một làng to ở bên đường có thể gọi là sở tại của một khu huyện. Nên nhớ là một huyện bên Trung-quốc to bằng một tỉnh ở bên ta. Ở đây nhà ngói như bát úp, có cả một trường trung-học, một sân bóng rổ. Nhà chúng tôi ở trọ cũng khá lớn. Có sân gạch to phơi thóc. Xem ra ít nhất cũng là một nhà địa-chủ. Ở đây cơm ăn có cả thịt gà, thịt bò lại có cả đu đủ nữa. Chỉ phiền một nỗi là trên gác chúng tôi nằm ở góc dựng ngay một cái quan tài gỗ rất to. Chúng tôi rất mình, không biết quan tài này có xác hay không. Theo tục lệ miền rừng núi, người chết liệm vào quan tài, để góc nhà hàng tháng rồi mới đem chôn. Sau hỏi ra mới rõ đây chỉ là một quan tài mua sẵn để bà cụ chủ dùng sau này. Song đến nửa đêm, dưới ánh trăng lờ-mờ chiếu qua cửa sổ mọi người vẫn thấy rờn rợn thế nào.

Trưa hôm sau, đã bắt đầu tiến vào đồng bằng Mông-tự, lại trông thấy con đường sắt lên Pít-sếch trại, một nhà ga lớn trên đường đi Khai-viên.

Trên đường cái, người đi lại tập nập, hai bên có nhiều vườn rau với những bắp cải khổng lồ và nhất là những vườn lựu vừa chín tới. Nhưng vườn lựu này là đặc sản ở đây. Quả lựu to bằng cái bát ăn, vỏ đỏ sẫm, bỏ ra thấy

hạt lựu to, đỏ mọng và ngọt dịu. Giá bán rất rẻ, chỉ cần một trăm đồng (tiền lúc ấy giá trị bằng 5 hào Việt-nam) là có thể vào vườn ăn thỏa thích, với điều kiện là không được lấy đi.

Mông-tự là một thị trấn có tiếng ở miền Nam Việt-nam. Ở bên ta ai không biết tiếng đào và lựu Mông-tự ? Đường xá cũng phong-quang, gọn ghẽ, nhiều cửa hàng khá tấp-nập. Ở đây có một số khá đông người Việt-nam, đa số theo Việt-nam Quốc dân đảng. Chúng tôi đương tìm đến địa chỉ đã định thì có tiếng riu-rít bằng tiếng Việt : Đây rồi ! Đây rồi ! Một ông đứng tuổi đi trước, đằng sau có mấy thanh niên nam nữ, riu rít chạy đến tay bắt mặt mừng. Họ hỏi chúng tôi tại sao lâu quá mới tới vì tính đi theo đường sắt thì chỉ bốn năm hôm là đến nơi. Họ không rõ đường sắt tạm thời nghẽn vì nước to.

- Chúng tôi cứ lo không biết các anh lạc đường hay bị thổ phỉ sờ mắt rồi...

Nhưng khi chúng tôi kể cho họ biết là đi đường tuy khó nhọc những rất thú-vị và lại có thịt gà ăn thì họ lại càng vui. Mọi người kéo về nhà ông Vành. Nhà ông này cao rộng nhất, có đủ sập gụ, tủ chè y như ở Việt-nam. Ông này trước làm cho công ty thiết-lộ Pháp, sau có ít vốn mở một cửa hàng tạp-hóa, làm ăn cũng khá giả nên không muốn về nước nữa. Còn một số người Việt

khác vẫn làm cho công ty thiết lộ Trung Quốc, một số buôn bán hay làm thợ, kể cả nghề húi tóc, may quần áo v. v... Tối hôm ấy, ông Vành và mấy người đàn anh mở tiệc chiêu đãi chúng tôi. Tiệc cũng khá long trọng và thân mật. Ăn cơm xong thì rất đông bà con Việt và cả Hoa-kiều nữa đến thăm hỏi. Họ rất quan tâm đến tình hình bên nhà và đều lo ngại về việc quân Pháp lại đặt chân một lần nữa lên Đông-dương.

Chúng tôi nghỉ ngơi hơn hai hôm ở đây, ngày nào cũng có chuối và lựu rất ngon. Ngày thứ ba có anh em từ Khai-viễn (trước gọi là A Mỹ-châu) xuống dọn lên, đồng thời cũng đánh điện báo lên Côn-minh cho các anh em trên ấy yên tâm.

Mông tự có xe lửa di Khai-viễn và Cô-cự, một mỏ thiếc lớn của Trung quốc. Đã lâu lắm mới lại được ngồi xe lửa, tùy ngồi ghế gỗ hạng bát (vì tất cả chuyến xe đều thế), song cũng ung-dung và khoan-khoái quá vì có thì giờ ngắm phong-cảnh đồng núi chung quanh.

Thị-trần Khai-viễn to và náo nhiệt hơn Mông-tự nhiều. Có mấy phố dọc ngang bên ga. Anh Khang, phụ trách đảng bộ ở đó, ra tiếp chúng tôi và đưa đến nhà ông Lương nghỉ ngơi mấy hôm, đồng thời bàn luận về những công-việc phải làm.

Ông Lương có một cửa hàng ăn nhỏ, bán đủ cà-phê, bánh mì, trứng tráng và cả phở Việt-nam nữa. Tuy mùi vị không được như phở Hà nội nhưng chúng tôi cũng miễn túc, nhất là buổi tối nhấp chén cà phê đen nồng, lơ-mơ kéo điều thuốc Lào bằng chiếc điều cày, ở đây có cả thuốc Lào đặc-biệt Việt-nam nữa thì còn hơn cả tiên trên trời.

Khai-Viễn, một trọng trấn ở miền Nam Vân-nam, còn bảo tồn được bức thành cổ với 4 cổng thành và những bức tường dài gần như còn nguyên vẹn. Buổi chiều, mặt trời đã xế tà, sương mù che phủ khắp cánh đồng, nhìn lên tường thành không khỏi gọi niềm hoài cổ, tưởng tượng đến những đạo quân đồn trú trong cửa ải, những bãi chiến trường đời xưa, những kẻ bị đi đày ở biên cương... Tôi và vài anh em cứ bước mãi quanh thành cho đến khi tối mịt. Lại nhớ đến những câu thơ Đường bát hủ :

*Lạnh-lùng dục kẻ tay đao thước,
Thành quanh gần xa bóng ác tà.*

hay :

*Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây dờn cửa ải xa.*

với những kẻ :

*Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh-chiến kỷ nhân hồi...*

dịch Nôm :

*Đừng cười kẻ say nằm ở sa trường
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.*

Đó ít nhiều cũng giống như cảnh ngộ chúng tôi, có khác chỉ là hiện nay ở thời đại nguyên tử.

Chi-bộ Việt nam Quốc dân đảng ở đây cũng chỉ còn một số người đứng tuổi, và một số thanh niên làm ở ga. Trước kia trong lúc Pháp thống trị, họ đã nhiệt-tâm ủng hộ đảng, mong đảng thành công nhưng nay ít nhiều họ đã thất-vọng. Họ cũng muốn giúp một cái gì để gây lại lực lượng trong nước, đánh đuổi quân Pháp, song còn ai dẫu nổi vẻ chán chường, kể cả chúng tôi ?

Hôm sau chúng tôi lên xe hỏa đi Côn-minh. Con đường này hơn 300 cây-số, phần nhiều là đường núi leo quanh những vách đá treo leo, bên những con sông thác ghềnh cuộn cuộn, với những ngọn núi cao vút có phần hoang vu. Trong những thung lũng, người ta thấy có ruộng lúa xanh, những ngôi nhà đất đỏ thấp-thoáng sau những rừng cây, những trẻ em dân tộc ít người mặc

áo chàm. Vui nhất là đến những ga cạnh đường, rộn rịp hẳn lên sau những đoạn vượt núi rừng im vắng hay qua những đường hầm dài và tối như mực.

Qua một đêm trên xe, buổi sáng đã đến cánh đồng Nghi lương, một huyện-ly. nhỏ. Ở đây có mấy anh em ra đón đưa về nhà hàn-huyên vì tàu còn đỗ lại để lấy nước và than. Họ cũng muốn về nước lắm nhưng nay còn loạn-lạc, khó kiếm ăn, đành ở lại tuy đời sống ở đây vẫn còn eo-hẹp.

Sắp tới Côn-minh, khí-hậu mát hẳn đi. Qua đồng bằng Trình công, một nơi có tiếng về trồng đào. Những vườn đào rộng mênh mông ở hai bên đường đưa lại mùi thơm dịu của lá cây. Người ta bảo rằng đẹp nhất vào dịp Tết, tất cả cánh đồng như một giải thảm hồng và thơm ngào-ngạt. Và đến tháng 5 lại đẹp và thơm một cách khác thường với những trái đào chín mọng đầy nước ngọt.

Rồi đến Điền trì, một cái hồ rộng mấy chục cây-số, nước trong vắt, in rõ màu xanh lam của những ngọn núi bốn bên. Những con thuyền đánh cá từ xa trông nhỏ lẫn tăn như lá tre bập bênh trên mặt nước. Không khí cũng trong vắt, nắng nhẹ, không nặng nề ẩm ướt như ở dưới Mông-tự, Khai viễn, khiến những người ngồi xe đã một ngày như chúng tôi cũng thấy dễ chịu lạ thường.

Cao-nguyên Côn-minh chu-vi rất rộng lớn. Có những cánh đồng thẳng cánh cò bay. Cũng có nhiều làng xóm xem ra rất trù phú và đông dân. Gần đến nơi, từ chỗ mặc áo ngắn tay chúng tôi đã phải đổi mặc áo kếp và khi vào đến sân ga lại phải mặc thêm chiếc Pull over bằng len. Trong khi đó ở Lào cai thì chắc đương nóng cháy như lòng chảo...

Đến mục-đích rồi, chúng tôi không khỏi ít chút hồi hộp. Ở sân ga, đã thấy có mặt nhiều người trong đó có các anh Tam, Long, Xuân-Tường (từ Hà-nội đến). Họ vui-mừng vì chúng tôi đã bình-yên tới nơi sau một cuộc hành-trình quá dài.

Còn chúng tôi thì mừng vì đã đến một thành-phố lớn, dù sao nó cũng mang ít nhiều hy-vọng sau này.

Chương 17 - Vài Nét Về Thành phố Côn Minh

Nhà ga Côn-minh ở gần ngay phố chính của thành-phố, phố Kim-bích. Phố này khá rộng, hai bên có nhà gác hai ba tầng nhưng mặt đường lại lát bằng những tảng đá không bằng-phẳng lắm. Giữa phố có một công kiến-trúc khá đẹp, xây đã mấy chục năm. Tôi để ý thấy có nhiều cửa hàng lớn và tập nập. Hai bên hè đường rất đông hàng vật mà nhiều nhất là những gánh lê màu vàng hay xanh nhạt. Đây là loại lê Bảo-châu, rất ngon và nhiều nước, giá rất rẻ.

Không lâu chúng tôi rẽ vào một phố nhỏ, đến trụ sở tạm thời của Đảng bộ Hải-ngoại Việt-nam Quốc dân đảng. Đó là một ngôi nhà kiến trúc theo lối cổ Trung-quốc, do một đảng-viên nhường cho một bên để làm trụ-sở. Ít lâu sau, chúng-tôi dọn đến trụ sở mới ở gần ngoại-ô.

Thành phố Côn-minh khá lớn, tuy không to bằng Hà nội nhưng có điều ai cũng nhận thấy là rất đông người. Các phố chính đều đông nghịt như trong ngày hội ở các thành phố Việt-nam. Phần lớn dân ở đây đều mặc quần áo màu xanh sẫm. Phụ nữ mặc áo dài truyền thống Trung-quốc. Vì ở đây người phần nhiều thấp nhỏ, vai

xuôi, chân ngắn nên trông giống như một cái chai. Lại còn một số người còn bó chân, bước đi với một kiểu đặc biệt. Tiếng nói của họ là tiếng phổ thông địa phương rất khó nghe.

Côn-minh bốn mùa đều là mùa Xuân, đặc-biệt là không có mùa Hạ vì nóng nhất cũng như tháng một bên ta. Còn mùa đông thì rét lắm cũng chỉ vài độ dưới không, rất ít khi có tuyết. Nhưng có vài tháng, trời hay mưa và nhiều khi có gió thổi cát bay mù. Những lúc rồi, chúng tôi dạo theo những con đường cát chung-quanh thành phố, thường hay gặp những trận mưa rào bất ngờ, nhưng đem lại một bầu không khí trong sáng và mát rượi.

Dao ấy, những, phố xá trong thành phần nhiều là đường cũ gập-ghenh với những ngôi nhà thấp, hẹp. Chỉ có vài phố mới với những tòa nhà khá đẹp năm sáu tầng như ở phố Ngân-hàng, có rạp chớp bóng, và những tiệm ăn lộng lẫy, trong đó có Quán Sinh-viên. Đây không phải là quán ăn của các sinh-viên Đại-học mà là một tiệm ăn giống như Đông Hưng-Viên ở Hà-nội, chuyên bán các món ăn Quảng Đông. Ở khắp các góc phố đều có những hàng vặt bán đủ các thứ, lại có một chợ đêm bán toàn những hàng hóa rẻ tiền phần lớn là những hàng Mỹ viện-trợ hay do quân Mỹ để lại. Trừ trường Đại học Văn-nam ra, những tòa nhà lồi cổ đẹp

nhất vẫn là nơi trú ngụ của những ông quân phiệt lớn như Đường Kế-Nghiêu, Long-Vân, Lư-Hán. Ngoài ra cũng có một số kiến trúc do người Pháp dựng lên, chủ yếu là mấy nhà thương lớn.

Nói đến Côn-minh, không thể không kể đến những thắng cảnh làm cho thành phố này đáng yêu hơn mọi nơi khác. Ngay trong thành-phố cũng có Thủy-hồ xinh xắn, có công-viên Viên-thông, dựng trên một ngọn đồi chung quanh trồng toàn cây anh đào. Mùa xuân, hoa nở ở trên nhìn xuống như một tấm thảm màu hồng rất đẹp. Ở ngoài thành có Đại quan lâu ở bên hồ Điền-trì, có Tây-sơn với những cổ tích nằm cao vút trên lưng chừng núi, có Long-môn ôn-tuyền và đầm Hắc long. Chỗ này có một gốc tùng trồng từ đời Tống rất lớn, bốn người ôm không xuể. Lại có cả cây mai trồng từ đời nhà Đường. Thú-thực là, thuê một xe ngựa ung-dung chạy trên đường, vừa đi vừa nghe tiếng nhạc ngựa loong koong như lùi lại thời Trung-cổ. Lúc mỗi, vào một quán trà, làm một chén trà đặc, ăn ít hạt dưa hay lạc rang, lại kéo một điệu thuốc sơi Vân-nam thì tuyệt. Nếu có một đời sống và một tâm-hồn thanh thoi thì ta về tĩnh dưỡng ở thành phố này mãi mãi... Nhưng bao-giờ mới có thể thanh-thoi được ?

Dưới sự thống-trị của Quốc dân đảng Trung-quốc hồi ấy đời sống Côn-minh có bộ mặt tấp nập của nó nhưng xem kỹ thì vẫn còn nghèo nàn và lạc hậu quá. Đại-đa-số dân chung sống rất eo-hẹp, buôn bán vật rất nhiều, lại có rất nhiều trẻ em đánh giày hay ăn xin... Mà binh lính thì nhan nhản. Ở Việt-nam ngày trước, một ông Ba, ông Tư cũng đủ oai-phong. Nhưng ở đây thì không thiếu những Thiếu đoàn trưởng, Doanh-trưởng. Cả đến Thiếu tướng cũng không ít vì nếu có tiền và có vài trăm tay súng thì dễ được phong quan ngay. Mới đầu chúng tôi cũng ngạc nhiên trước cảnh những ông Tướng, tay áo có vành đỏ, đi chợ, xách một con cá hay một mớ rau, song về sau cũng quen đi. Người ta thường nói Trung-quốc độ ấy, có 3 lăm : Lăm quân phiệt, lăm thổ phỉ và lăm rác rưởi. Thật là đúng quá.

Nhưng ở đây phải nói thêm rằng Côn-minh độ ấy cũng có vận động Tổng-vệ-sinh. Chứng-cớ là nhà nào cũng có dán biển Kiểm-tra vệ-sinh, Sạch-nhất, Sạch-sẽ hay Con rùa đen biểu hiệu bản thủ nhất.

Một điều đáng chú-ý là người ta dậy trưa quá. Các cửa hàng ít ra cũng 8, 9 giờ mới mở cửa. Phong-tục, tập-quán ở đây nhiều chỗ giống Việt-nam. Ở đây có nhiều người theo đạo Hồi, kỵ ăn thịt lợn. Họ mở những cửa hàng thịt bò rất đặc-sắc. Ở ngoài cửa treo một tảng

thịt bò to với cả mảng sườn. Thịt bò luộc với những hương vị rất thơm, có canh rất ngọt. Giá lại thật rẻ, vừa với túi tiền của chúng tôi. Còn món bún qua cầu, đặc sản Vân-nam, muốn ăn ngon cần phải dùng nhiều thứ thịt như gà, lợn, gan và rất nhiều dầu mỡ.

Buổi sáng người ta có thể ăn rất rẻ và rất ngon với sữa đậu nành và dầu cháo quẩy (bột mì rán phồng). Cũng có thể đến những hàng của người Việt-nam mở, uống cà-phê sữa với bánh Tây, pa-tê, xúc-xích. Ấy là không nói có cả phở Việt-nam chính cống và cả cơm Tây nữa. Không ít người Việt sinh sống lâu năm về nghề này. Người ta chỉ cần cho tôi một quán cà-phê ở phố Kim-bích. Ông Nguyễn-Ái-Quốc đã từng ngồi ở quầy hàng ở đây. Và rất nhiều nhà ái quốc Việt-nam khác cũng đã từng làm nghề này.

Không biết rõ có bao nhiêu người Việt cư trú ở đây, nhưng số người theo Việt-nam Quốc dân đảng có đến hơn trăm. Nhưng xem ra cũng đã chán-chường, mất nhiều hy-vọng, chỉ muốn làm ăn cho qua ngày đoạn tháng.

Chúng-tôi lên Côn-minh với những hy-vọng, gì ?

Tình hình ở Việt-nam đối với Việt nam Quốc dân đảng đã đến giai-đoạn cuối cùng. Tất cả các căn cứ đã

mất, trừ Yên-bái và Lào-cai nhưng những nơi này cũng đang bị vây chặt. Chỉ còn hai đường, một là đầu hàng giữ lấy một vài chức vụ trong Chính phủ Liên-Hiệp, hai là chống cự đến cùng. Nhưng muốn chống cự cần phải có quân và súng đạn, lại phải có tiền. Nuôi ảo tưởng về sự giúp-đỡ của Trung quốc, bộ Hải ngoại của Việt nam quốc dân đảng đã cố gắng vận động với Đảng bộ Quốc dân đảng Trung-hoa ở Côn-minh và những thế lực địa phương. Thí-dụ như có ông Tướng giúp súng và đạn thì đánh đổi với những điều kiện là cho họ trồng nha phiến ở những miền đồi núi Phong thổ Hà-giang. Song đó vẫn chỉ là ảo tưởng mà thôi vì bản thân Trung quốc cũng vấp phải vấn đề Quốc-Cộng gay-go không kém.

Lúc-đó chính là lúc Mao-trạch Đông thân đến Trung-Khánh để hội đàm với Tưởng-Giới Thạch, đi đến Hiệp-định sơ bộ. Sự thực hai bên vẫn đương điều quân nhất là trước hết tranh lấy miền Đông-Bắc.

Chúng-tôi gặp một số yếu-nhân trong Đảng bộ Vân-nam. Cũng như những nhân vật chính-trị khác họ có tài đặc-biệt về chỗ phát-biểu những ngôn ngữ cách mệnh rất triệt để, nhất là về việc ủng hộ công-cuộc độc lập của Việt nam, giúp đỡ cho những đảng phái Quốc-gia. Trong một bữa tiệc khá thịnh soạn, ông Bí thư Đảng-bộ thổ lộ cho chúng tôi biết rằng tình hình rất lạc-quan,

không nên lo-lắng gì vì Chính-phủ ông chỉ trong 6 tháng nữa là dẹp xong quân Cộng-sản. Lúc ấy các ông muốn giúp-đỡ gì cũng có đủ.

Luận điệu này càng hăng-hái hơn khi đầu năm 1947, quân Quốc-dân-đảng tiến vào chiếm Diên-an. Nhưng những lời đồn trong dân chúng vẫn thường đưa đến những tin về nhiều thất bại quân-sự lớn lao của Chính phủ nên những lời hứa hẹn cách mệnh trên kia chỉ vẫn là những bánh vẽ mà thôi.

Cả quân lẫn Chính đều hủ bại, bất lực. Các nơi thô phi như rươi. Nhưng bọn quân-phiệt quan liêu vẫn sống một cách xa hoa. Một lần ngẫu nhiên có người giới-thiệu tôi đến dự một dạ hội ở dinh Ông Đường-Kế-Nghiêu, người thống-trị Vân-nam trước tướng Long-Vân. Dạ hội do con gái ông chủ tọa. Cũng đủ tiệc trà, âm nhạc, khiêu vũ và đủ mặt những nhân-vật trong Thượng tầng xã hội Vân nam. Thực xa-xỉ và phô-trương cực vời trong khi muôn vàn dân chúng vẫn chịu nghèo-đói, cực-khổ. Trong vườn rộng của dinh thự này có trồng rất nhiều thứ hoa, nhất là hoa lan và hoa trà nhưng dù chủ nhân có ân cần đến thế nào, tôi không có tâm thần gì để thưởng thức.

Tổ chức lại bộ Hải ngoại làm cơ sở hoạt-động lưu-vong sau này, chúng tôi phải đương đầu với vấn đề là làm thế nào ? Làm gì ?

Tình hình tóm tắt là ở Hà nội lực lượng của phái Quốc-gia đã tan-nát, chỉ còn một vài đại-biểu bù nhìn trong Chính-phủ. Căn-cứ Lào-cai chẳng chóng thì chầy sẽ bị tiêu diệt. Đại đa số anh em sẽ lại chạy sang Trung-quốc.

Một mặt quân-đội Pháp đã lên đóng tại Thủ-đô. Càng ngày càng muốn gây hấn để lần chiếm miền Bắc. Nguy cơ xâm lược đã đến rất gần.

Có người chủ trương theo Việt-minh vì dù sao cũng là cùng vua Sở về tay người Sở... nhưng sự nghi-ky bao năm Quốc Cộng làm cho không có ai có can đảm tán thành. Và lại nhiều người không ưa chủ nghĩa Cộng sản. Có người chủ trương về nước tái lập tổ chức và hoạt động bí-mật, trở lại thời-kỳ trước kia. Nhưng đây không phải là dễ vì hoạt-động bí-mật dưới sự thống trị của Việt-minh nhất định là khó hơn dưới thời Pháp thuộc gấp bội. Chiến lược vừa chống Pháp vừa chống Cộng nghe ra khó thực hành, nhất là hiện thời các tổ chức của đảng đã gần như tan-rã hết. Và lại, ý-chí chiến đấu còn đâu được hăng hái như xưa ?

Có người chủ trương thu-tập lực lượng, quan-sát tình thế biến đổi, nằm đợi thời-cơ. Đại đa số đều tạm thời tán-thành chủ trương này ! Sự thực chẳng ai biết rõ là tương-lai sẽ ra sao ? Đương nhiên vẫn còn một số người còn ảo tưởng về sự giúp đỡ của Trung-quốc và của Mỹ.

Tình thế trong nước đã xoay-chuyển tròn-rập. Ngày tháng 12 năm 1946, quân Pháp tấn-công ở Hà-nội, tái chiến-tranh xâm lược trên toàn cõi Đông dương. Không có ai có thể chối cãi được rằng Chính phủ Hồ-Chí-Minh đó đã kiên-quyết động viên và tổ chức toàn dân kháng Pháp, dù cả ngay những phần tử đối địch như chúng tôi.

Người ta có thể phê bình một cách dễ-dàng Hiệp-định sơ-bộ 6-3-1946 hay Hiệp-định Fontainebleau là đã đưa quân Pháp đặt chân lên miền Bắc nhưng đến lúc này dân Việt-nam chỉ có một mục-đích : Đánh lui quân xâm lược.

Nhưng chúng-tôi đã quyết tâm đi con đường thứ ba nên vẫn không làm gì khác hơn là ngồi đợi, nhìn hai bên đánh nhau mà thôi. So-sánh lực lượng hai bên, chúng tôi đoán rằng quân Pháp sẽ thắng ít ra lúc đầu và chẳng bao lâu Việt-minh sẽ phải dồn vào miền Núi đánh du-kích, không đủ sức đánh bật được Pháp ra nữa. Ách đô-hộ của Pháp lại một lần nữa có thể đặt lại trên đất nước.

Chiếm được Hà-nội và đã thắng lúc đầu, Cao-ủy Pháp Bollaert đọc bài diễn văn ngạo mạn ở Hà-đông để ra những điều-kiện bề ngoài có vẻ khoan rộng nhưng thực-chất là sẽ nô-dịch hóa dân tộc ta. Pháp lại tung ra một chiến-dịch tuyên-truyền, dụ dỗ một số phần tử đầu cơ chính-trị nhảy ra để lập một tổ chức Quốc-gia, ra mặt điều đình với Pháp và lập một chính-phủ theo điều kiện của họ.

Muốn thế phải tìm một nhân vật nào có chút tiêu biểu. Không kiếm được một nhà ái-quốc nào có danh vọng chịu đứng ra đầu sào, hy-vọng của họ bèn tụt vào nhà vua bị phế : Bảo-đại. Ông này lúc ấy đương ở trong tình thế lưu vong, mọi mặt đều khó khăn cả về chính trị lẫn tài chính.

Sau khi ở Côn-minh một thời-gian, ông sang trú-ngụ tại một khách-sạn gần trường quân ngựa ở Hương-cảng. Có nói người vì quần bách, có khi ông đã phải tự pha lấy cà-phê uống.

Thấy có một cơ hội lợi dụng ông để nhảy lại vào sân khấu Chính trị, những phần tử đủ mọi khuynh hướng đua nhau như bướm bướm bay đến Hương-cảng. Cả Việt-nam Quốc dân đảng cũng cử Đại biểu sang Quảng-châu để thăm dò tình hình và tìm một lối-thoát ra khỏi bế tắc.

Đó là chuyện sau này.

Chương 18 - Suy Nghĩ Về Tương Lai

Hơn 10 tháng sống ở Côn-minh là những ngày tương đối yên-tĩnh nhưng trong tâm-hồn tôi không sao tìm thấy bình tĩnh được.

Đời-sống vật-chất ở đây tạm thời còn đầy đủ nhờ ở kinh-phí còn lại và nhờ một số đảng viên trung thành quyên góp. Chúng tôi ngày nào cũng hai bữa cơm cách mệnh với đậu si hay củ cải đen gọi là ca-la-thầu. thỉnh thoảng mới có một bữa đủ thịt-thà. Ở đây rất ít cá tươi mà chỉ có cá mặn, cá hộp càng hiếm, còn đắt hơn thịt gà. Chỉ trong bữa tiệc người ta mới mở cá hộp. Được cái ở đây các thứ đều rẻ nhất là ăn sáng với sữa đậu nành hay cháo hoa.

Ngoài công-việc giao-thiệp, chúng tôi liên-lạc với những đảng viên còn ở đây, nhiều khi họ mời uống cà-phê hay ăn bánh tây với pa-tê rất ngon. Chỗ tốt là không ai trách móc gì chúng-tôi về sự thất bại trong nước. Rất nhiều người còn đồng tình và mong cho chúng tôi sẽ thành-công. Ngoài ra còn một số khá đông những anh em từ chiến-khu chạy sang bên này, ở rải-rác nhiều nơi tại Vân-nam, sống được cũng là nhờ đồng bào giúp đỡ.

Trong những ngày quan vọng này, chúng tôi bắt tay vào việc tổ chức lại đảng bộ các nơi, mỗi nơi đặt một chi-bộ. Nhân-dịp này tôi lại xuống miền dưới, dọc theo con đường sắt Côn-minh, Mông-tự. Nghi-lương là một huyện-ly xinh-xắn, có một con đường nối liền với nhà ga nghe nói thỉnh thoảng vẫn còn bêu đầu thổ phỉ trong rọ bên đường hay ở cổng thành. Ở đây, có nhiều suối nước nóng, tắm xong người rất khoan-khoái dễ chịu. Pu-Si, một trạm ga lớn, chung-quanh có nhiều làng-mạc phồn thịnh. Ở đây có một số anh em mới chạy lên, tự tổ chức làm bánh đậu xanh để bán. Có người làm nghề húi tóc, cũng có người buôn vật hay đi làm xe.

Ở Khai-viễn, Mông tự thì đa số mở cửa hàng ăn, buôn bán vật hay làm cho đường xe lửa. Đời sống mọi người cũng tạm được giải quyết nhưng tương lai sẽ thế nào? Họ trông đợi vào chúng tôi nhưng chính chúng tôi cũng mù mịt như mò mẫm trong đêm tối. Đã có một số ít anh em tự mình bỏ đi, tìm cách về nước. Tôi còn nhớ mấy giòong tha thiết của mấy anh em đã cùng với tôi đi từ Hà-khẩu lên tới đây, viết cho tôi khi họ rời đi :

Anh Bấy,

... Anh thứ lỗi cho chúng em buộc lòng bỏ đi mà không nói trước với các anh... Nhưng chúng em thấy không thể nào ở lại chốn này mãi... không thể chịu đựng được

nữa...

Chúng em đi với mục đích là về trong nước, ra sao thì ra... cũng còn hơn ở đất nước ngoài.

Mong sẽ gặp anh ở trong nước sau này.

Chúc anh thành công trong việc dìu dắt các anh em ra khỏi tình cảnh ngày nay.

Đúng, chúng tôi tự thấy có trách nhiệm rất nặng-nề về số phận những anh em đã theo mình. Sự thất bại nghiêm trọng và nỗi bế-tắc khiến tôi không thể không suy-nghĩ ngày đêm. Tại sao những thanh-niên, những người có lòng ái quốc, chỉ mong cho dân tộc được độc-lập, hạnh-phúc mà rút cục lâm vào cuộc nội-chiến và phải rời bỏ tổ quốc ra đi ?

Tại sao Việt-nam Quốc-dân đảng vốn có một lịch-sử quang-vinh mà rút cục cũng vì tranh dành cái gì để đến nỗi thất bại một cách đáng thương ? Tại-sao đảng Cộng sản lại thắng được và ngày nay họ lãnh đạo cuộc kháng chiến ?

Tương lai của Việt nam phải là thế nào ? Con đường nào mới đúng nếu ta cho rằng chủ nghĩa Cộng sản không thích hợp ?

Với tâm sự phức-tạp ấy, nhiều khi tôi một mình dạo gót trên những con đường vắng ở ngoại-thành, cũng có khi tôi vào Thư viện mượn những sách nói về xã hội, chính trị đủ các màu sắc để đọc và suy-nghĩ. Vì đây là một trung-tâm văn-hóa trong thời-kỳ kháng Nhật nên vẫn còn cho phép xuất bản nhiều sách hay nhập cảng từ ngoài vào, không những đủ cả về chủ nghĩa Tam dân mà không thiếu các sách viết về Chủ-nghĩa tư bản ở Âu-Mỹ, các lý thuyết xã hội từ không-tương đến khoa học, cùng đủ các tác phẩm của Marx, Engel, Lenine, Staline, Plekhanov và của Mao-trạch-Đông Lưu-Thiếu-Kỳ, Chu-đức nữa.

Trong những ngày rối rắm ở đây, nhiều khi tôi suốt ngày đọc sách, tìm hiểu về những qui luật của xã hội loài người, của các dân tộc, các giai-cấp, mong nhìn thấy một con đường nào để đi. Dần dần tôi có nhận định mơ-hồ về trào lưu thế giới, tức là các dân tộc nhất định phải đi đến độc lập, mọi người nhất-định phải đi đến tự do, bình đẳng. Đó là một trào-lưu không thể nào kháng-cự được, dù quá trình của nó có khúc-chiết thế nào.

Một người cách-mệnh, nhất định phải chống Đế quốc, thực dân đến cùng và phải triệt để hủy bỏ chế độ phong kiến cũng như chống lại sự bóc-lột bất-công của xã-hội tư bản, lập nên một xã hội tự-do, dân chủ.

Tóm lại, trong đầu óc chúng tôi cũng như một số người hồi ấy, dần dần hình thành một con đường thứ ba nhưng nó còn lờ-mờ chưa rõ rệt.

Một mặt khác, kinh-nghiệm bản thân về Việt-nam Quốc-dân đảng cho thấy rằng sự thất bại của đảng ở chỗ không có một đường lối rõ rệt trong những vấn-đề nghiêm trọng nhất như thái-độ đối với Việt-minh và Pháp, ở chỗ không biết dựa vào tổ chức quần chúng mà chỉ y vào quân nước ngoài, ở chỗ trong nội bộ ô-hợp và rời rạc, lực lượng chủ yếu là một số trong giai tầng phong-kiến hay tư sản, rất ít công-nông tham gia, cũng còn ở chỗ quá non nớt về mặt tổ chức hay võ trang. Việt-nam Quốc dân đảng khó còn khả năng hiệu triệu quần chúng để quật khởi một lần nữa nếu không sửa đổi đến tận gốc.

Tuy phải suy-nghĩ rất nhiều, nhưng dù sao chúng tôi cũng không bi quan hay tuyệt-vong. Mặc dầu có sai-lầm như thế nào, chúng-tôi vẫn tự cho mình không phải vì danh-lợi, không mưu-toan gì cho riêng mình mà chỉ muốn cho dân-tộc ta được tự do và hạnh-phúc,

Đó là niềm tin tưởng, nó giúp chúng tôi độ qua những ngày tháng khó khăn.

Cũng như anh Tam, anh không tuyệt vọng vì một lần nữa phải chạy ra ngoại quốc. Anh cũng tán thành chủ nghĩa xã hội nhưng anh cảm thấy không thể hợp-tác với Cộng-sản được, nhưng anh cũng thấy là không thể hợp tác với Pháp để chống Việt-minh.

Còn anh Long thì anh vẫn hâm mộ nhất chủ nghĩa xã hội theo lối Anh.

Những vấn đề chính là hiện-nay đối-phó thế nào với thời cục ?

Chương 19 - Hội Nghị Hương Cảng

Đầu năm 1947, tại Trung-quốc, cuộc đàm-phán Quốc-Cộng đã tan-vỡ, quân Hồ-Tông Nam tiến đánh Thủ phủ quân Cộng sản ở Diên-an và chiếm được thị-trấn này.

Thoạt-nghe thì ai chẳng cho là thắng lợi lớn, cả chúng tôi cũng vậy, nhưng về sau mới biết đó chỉ là thắng ngoài mặt thôi.

Ở Việt-nam thì tàn-quân Việt-nam Quốc dân đảng đã rút khỏi Lào-cai, chạy sang Phong thổ nhưng cuối cùng cũng phải chạy sang Trung-quốc lánh nạn. Tất cả bị tước khí giới và tập-trung ở gần biên-thùy. Một số anh em khác trước ở Bắc-ninh, Bắc-giang thì tập-trung ở huyện Ninh-minh, tỉnh Quảng-tây. Nguyễn-Hải-Thần và một số thuộc Việt Cách thì ở Quảng-châu.

Quân Pháp, ngoài Hà-nội, Hải-phòng ra đã đánh chiếm thêm nhiều tỉnh-ly nhất là miền Nam và miền Trung.

Một vài nhóm người đã công khai đứng ra theo Pháp. Họ cho rằng thế lực của Pháp đã khá vững vàng. Như trên đã nói, Bollaert muốn lợi dụng con bài Bảo-đại để dựng nên một Chính-phủ tay sai. Không biết ai đề

xưởng nhưng nhiều chính-khách mọi phe phái đều tụ tập ở Hương-cảng, dưới những nhãn hiệu Quốc-gia, Cứu quốc, Đại-biểu Quốc dân để điều đình với Pháp. Họ tôn Bảo-đại làm Minh chủ, đứng ra cứu vãn dân tộc. Họ mời cả Nguyễn-Hải-Thần và Việt nam Quốc dân đảng phái đại biểu tham-dự. Nguyễn-Hải-Thần và Việt-Cách đã nhận lời.

Trước tình thế ấy Việt-nam Quốc-dân đảng phải quyết định ra sao ?

Đi với Bảo-đại, hợp tác với những điều kiện nào đó với Pháp thì có thể về trong nước hoạt-động, gây lại cơ sở cho đảng, có thể làm các anh em lưu-vong thoát-khỏi chỗ bế tắc nhưng mặt-khác bắt buộc phải chấp-nhận quyền thống-trị của Pháp, phải vào hùa với những phần tử thân Pháp, và tàn dư phong-kiến. Như-thế trái với Cương lĩnh và mục đích của đảng và đáng sợ hơn nữa là phải đương đầu với Việt-minh mà lần này không phải ở địa vị bình đẳng nữa, rất có thể ở địa-vị những tên bán nước. Chính-phủ Hồ-chí-Minh đã tuyên bố trên đài Phát-thanh lên án những kẻ dự Hội-ngị Hương-cảng về tội này.

Anh Tam chủ trương, dự hội nghị này với các điều kiện :

1. Yêu-cầu Pháp phải để Việt-nam có một nền độc-lập, tự-chủ thực sự với cả quyền về Quân sự và Ngoại-giao trong khuôn-khổ Liên-Bang Pháp.

2. Tạo điều-kiện thuận lợi cho sự phát-triển của đảng về sau này.

Sau một thời-gian bàn cãi, cả anh Vũ-Hồng-Khanh và mấy anh trong Trung-ương, đều đồng ý một cách dè-dặt. Tôi lại phải đi thăm các đảng bộ để hỏi ý kiến anh em bên dưới. Tuy phần đông không có ý-kiến gì rõ-rệt nhưng một số tỏ ra ngờ vực. Tôi còn nhớ, một đảng-viên kỳ cựu ở Khai-viễn đã hỏi : Như thế có phải là đầu-hàng Pháp không ? Chúng tôi cũng khó trả lời thẳng anh ta.

Để thực hiện quyết định chung, anh Long đáp máy bay, đi Quảng-châu rồi ra Hương cảng. Hội-nghị ở đây đã chuẩn bị tươm tất. Chắc mọi người còn nhớ dự Hội nghị này ít ra cũng có 4 người trong Chính-phủ Liên-Hiệp cũ. Đó là Phó Chủ tịch Nguyễn-Hải-Thân, Cố-vấn Vĩnh-thụy, Bộ trưởng Ngoại-giao Nguyễn-Tường-Tam, và Bộ trưởng Kinh-tế Nguyễn Tường Long. Ngoài ra còn có nhiều nhân vật có tiếng khác như Nguyễn-Văn-Sâm, nguyên Khâm-sai Nam-bộ thời Chính phủ Trần Trọng-Kim, đại-biểu Cao-đài, Hòa-hảo và đại-biểu đảng Xã-hội Dân chủ miền Nam Nguyễn Bảo Toàn. v.

V...

Hội nghị họp trong một Khách-sạn lớn ở một phố rất náo-nhiệt.

Khi Hội nghị sắp họp, tôi nhận được điện gọi sang ngay Quảng châu công tác. Thú thực tôi không muốn tham-gia Hội nghị vì vẫn dè dặt với mục-đích của Hội-nghị. Tôi chủ trương đi con đường của mình. Song vì các anh ở trên khuyên nên ra Hương-cảng tiếp-xúc với các phái khác, tìm cách tổ chức lại lực lượng, nên đầu tháng 7 năm 1947 tôi lên phi-cơ rời Côn-minh đến nơi trú-ngự mới.

Đã ở qua Côn-Minh gần một năm, tôi không khỏi bịn-rịn lúc từ giã cái thành-phố đáng yêu này với khí-hậu quanh năm mát rượi, với những thắng-cảnh xinh đẹp, với những người dân chất phác... Lúc lên xe hơi ra sân bay, tôi nhìn lại một lần nữa phong-cảnh bên đường, thầm mong một ngày kia, tâm-hồn rồi-rã thanh-thoai, tôi lại được về ở lâu trên đất này.

Máy bay chỉ là một phi-cơ chở-hàng nhỏ kiêm chở hành khách. Vẫy tay từ-biệt anh em ra tiễn, tôi có linh cảm là lần ra đi này có lẽ không còn gặp được nhau nữa. Thực vậy, sau này tuy tôi vẫn ở Trung-quốc nhưng không có dịp trở lại Côn-minh nữa. Chỉ có một số anh

em sau này đi Quảng châu hay về nước còn phần lớn có lẽ hiện nay vẫn còn làm ăn sinh-sống ở đất Vân-nam.

Nhìn ra cửa sổ, chỉ thấy núi non ngàn trùng bập bênh trong mây, thỉnh thoảng mới có vài thung-lung và làng mạc.

Phi-cơ xuống Liễu-châu để lấy xăng. Từ đây trở đi đồi núi thấp dần, có nhiều cánh đồng phì nhiêu và nhiều thị trấn. Quá trưa thì đến Quảng-châu. Xe hơi đưa hành-khách từ Trường bay vào trung-tâm thành phố. Lần đầu tiên tôi vào một thành-phố rộng lớn như thế. Phố to, nhà cao nhiều tầng, người ở đông-đúc, so với Hà-nội thì phồn thịnh hơn gấp bội. Đồ xuống thêm Khách-sạn Ái-quần cao nhất Quảng châu rồi đi xích-lô đến chỗ ngụ ở Hoàng-xá, gần nhà ga xe lửa cùng tên.

Đây là một ngõ nhỏ ngay bên cạnh một trường trung-học. Đằng sau là ga cửa Nam, gần bên sông Chu-giang, đối diện với khu Phương thôn thuộc Khu Hà nam của thành phố.

Gần đây có một lạch nhỏ gọi là Lệ-chi-loan, có tiếng vì phong-cảnh đẹp. Hai bên lạch trồng nhiều vải ngon. Con lạch này cũng chảy ra Chu-giang,

Ở đây có nhiều tiệm ăn, những chỗ chơi bời lại có cả một bể bơi làm ngay trên sông. Nhà chúng tôi ngụ chỉ có 3 buồng ngăn ra bằng gỗ như nhiều nhà khác ở thành-phố này.

Lúc tôi đến thì các anh Tam, Long đã ra Hương-cảng câ. Trong nhà chỉ có mấy anh em ở lại coi. Gặp nhau rất mừng. Sau biết các anh này từ Quảng-tây đến và tạm ở lại đây để đợi thời-cơ. Nghỉ-ngơi một hôm rồi họ đưa tôi đi dạo xem thành-phố.

Quảng-châu là một thành-phố không xa lạ lắm đối với người Việt-nam. Trong lịch-sử cách-mệnh, có lẽ không nơi nào có quan-hệ trực tiếp và mật thiết như thành-phố này đối với Việt-nam.

Từ đầu Thế-kỷ, biết bao nhà chí-sĩ đã từng đặt gót và sống ở đất này như Tôn-Thất-Thuyết, Phan-bội Châu và có lẽ cả Phan-Chu-Trinh nữa. Liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái sau khi ném tạc đạn định giết Toàn quyền Merlin đã nhảy xuống đầm Bạch nga ở sông Chu-giang này. Nguyễn-Ái Quốc đã sang-lập Việt-nam Thanh-niên Cách-mạng đồng-chí hội ở đây. Gần hơn nữa là nhiều nhà ái-quốc chống Pháp, chống Nhật cũng hoạt-động ở đây.

Trong suốt thời-kỳ này, nhân-dân Trung-quốc đã đồng tình và ủng-hộ cuộc đấu tranh của dân tộc ta. Đó là một sự-thực lịch-sử nếu không có điều-kiện này, những phần tử ái-quốc Việt-nam sẽ khó có chỗ dung thân chứ đừng nói đến hoạt động nữa.

Chúng tôi đến viếng mộ liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái ở xê cửa Hoàng-Hoa-Cương, lăng mộ chôn 72 liệt-sĩ Trung-quốc bị Quân phiệt sát hại. Nhà chiến-sĩ tiền bối này hơn 20 năm trước đã bị thực dân Pháp bức sang đây, nay nằm yên nghỉ trong một ngôi mộ hình tròn ở bên sườn núi có nhiều thông reo. Chúng tôi cảm hương và lặng mình đứng trước mộ rất lâu rồi mới sang thăm Hoàng-Hoa-Cương. Cổng lăng rất to và nghiêm-trang. Sau lăng rất rộng, hai bên là những rặng trúc bách diệp. Trước cửa mộ có chữ đề của Tôn-Trung-Son, nhà sáng-lập ra Dân quốc Trung-hoa. Lúc về chúng tôi ghé vào Sa-điện, trước là Tô-giới. Quốc tế có khách-sạn Victoria là chỗ Phạm-Hồng-Thái ném tạc đạn vào Merlin. Đây là một cái đảo nhỏ, kiến-trúc theo kiểu Tây-phương, có nhiều biệt-thự rất đẹp bên những con đường trồng nhiều cỏ thụ xanh um. Di-tích còn nhắc đến thời Đế quốc là nhà thờ lớn, tòa Lãnh-sự Pháp với một phòng đọc sách và cả khách-sạn Victoria vẫn còn y nguyên như cũ.

Chúng tôi dạo gót ra tận bờ sông, nhìn lên ngã ba sông mênh-mông mà người ta quen gọi là đầm Bạch-nga, nước cuộn cuộn chảy ra khơi, tưởng-tượng anh hồn người liệt-sĩ còn vương-vất đâu đây. Phạm-Hồng-Thái đã hy-sinh vì dân tộc nhưng chúng-tôi nay đã làm gì để theo gương anh ? Đúng, dù sao, là một người Việt-nam, chúng-tôi không-thể đầu hàng hay thỏa hiệp với Đế quốc Pháp.

Quảng châu lại là một thị trường lớn. Côn-minh so với Hà nội thì đông và náo-nhiệt hơn nhiều, nhưng Quảng-châu thì càng gấp bội, với những phố lớn dài mấy cây-số, những cửa hiệu to san-sát, đầy hàng-hóa, người mua kẻ bán tấp-nập lạ thường. Những hiệu cao-lâu ở đây cũng nhiều tầng và lúc nào cũng đầy những người uống chè. Phong-tục Quảng đông, một ngày 2, 3 lần ra hiệu ngồi uống chè, điểm tâm và bàn bạc mọi chuyện từ việc buôn bán làm ăn chơi bời cho đến cả việc mối-manh, hẹn-hò nữa. Người Quảng-đông có tài đặc-biệt về buôn-bán, như Hoa-kiều ở Việt nam cho ta thấy, lại ham ăn và rất sành về nghề nấu nướng. Ăn ở Quảng châu là câu tục-ngữ có tiếng ở Trung-quốc. Gặp ai ở đây người ta cũng chào mình bằng câu hỏi : Đã ăn cơm chưa ? Ông dạo này buôn bán thế nào ? Tôi cũng tức cười khi họ hỏi chúng tôi như thế. Tôi tự hỏi mình hiện-giờ đang buôn bán gì ? Và mình có giống một

nhà buôn không ?

Ở đây cũng có nhiều phong-cảnh đẹp như vườn hoa Việt Tú sơn, Núi Bạch-vân, tháp Lục-dung. Những trường Đại học lớn ở đây như trường Trung-sơn và trường Lĩnh-Nam cũng là nơi phong-cảnh đẹp. Đạo ấy trường Trung-Sơn có kiến-trúc cổ ẩn hiện sau những rặng cây um tùm rải rác trên mấy sườn đồi. Khu này rộng gấp mấy lần khu Đại-học Hà-nội.

Nền giáo dục cũng phát-triển với hơn trăm trường Tiểu học và mấy chục trường Trung-học.

Khu vực Quảng-châu và miền Đông bằng Chu-giang có thể nói là trù-phú nhất nhì trên toàn Trung-quốc. Ở đây dân chúng lại được tiếp xúc với những ảnh hưởng bên ngoài do đi lại trực tiếp với Hương-cảng, Ma-cao và do Hoa kiều trên khắp thế giới đưa về. Nhưng xem ra thì phần lớn khi đó không quan tâm gì đến chính trị. Họ chỉ muốn làm ăn buôn bán dễ dàng, sinh sống được đầy đủ mà thôi.

Đến Quảng-châu được vài ngày thì có điện của anh Tam dục ra Hương-cảng. Vấn đề là ý tôi không muốn trực tiếp tham dự Hội nghị này, không phải là vì Chính-phủ Hồ-Chí-Minh dọa kết án, mà là tôi nhận thấy Hội nghị chỉ có thể làm việc thừa nhận những yêu sách của

Pháp vì không có lực-lượng mạnh hậu thuẫn. Như thế là giúp cho sự chiếm đóng của Pháp thành ra hợp-pháp. Hơn nữa, những thành-phần trong Hội-nghị phức tạp và ô-hợp, không có chủ trương chính-trị gì đứng đắn, xem ra không thể hiệu-triệu được dân chúng đi theo. Nhưng theo quyết nghị của Đảng, tôi cũng phải miễn-cưỡng ra quan-sát tình hình.

Hương-cảng là thuộc-địa của Anh do nhà Mãn-Thanh nhượng với thời hạn 99 năm. Hương-cảng chỉ cách Quảng-châu có 100 cây-số, ngồi xe lửa độ 4 tiếng đồng hồ, đến Thẩm-xuyên, qua một cầu sắt thì vào địa phận Cửu-long. Ở đây trên xe đã nhìn thấy những bãi biển nhỏ và cảm thấy mùi vị đặc-biệt của gió biển thổi vào. Tuy là thuộc địa Anh nhưng đạo ấy người hai bên đi lại tự do, không cần giấy má gì cả. Mà chúng tôi thì bề ngoài cũng như người Trung quốc thôi. Cảnh-sát có hỏi gì thì trả-lời bằng mấy tiếng phổ thông học mót, thế là xong-xuôi cả. Chỉ có lúc đến ga xuống xe thì phải khám hành-lý nhưng trong va-li cũ của tôi làm gì có những hàng lậu hay hàng cấm ? Tình thế này cho ta hiểu tại-sao Hương-cảng xưa nay vẫn là chỗ dung thân của mọi thứ người, kể cả muốn đi kiếm ăn hay muốn trốn tránh một cái gì. Nguyễn-Ái-Quốc ngày xưa cũng đã từng ẩn núp ở đây.

Thành-phố này còn tân tiến hơn Quảng châu nhiều và đông vui không kém. Ngay ngoài cửa ga đã có nhiều tòa nhà tối-tân, đường phố rộng lớn, đầy xe hơi và xe buýt hai tầng. Anh em ra đón, đưa chúng tôi ra bến tàu-thủy chở khách qua eo biển sang bên Hương-cảng. Cữu-long và Hương-cảng cách nhau một eo biển rộng hơn 2 cây số. Đứng ở bên Cữu-long nhìn sang Hương-cảng, thấy rõ thành-phố này dựng trên một sườn núi. Phố-xá cao thấp khác nhau như bậc thang trên sườn đồi. Ở bờ bể là những tòa nhà nhiều tầng cao ngất. Xe cộ tấp nập đi lại.

Thực là một thành-phố tối-tân ở Á-châu. So với đây, Hà nội chỉ được coi là một tỉnh-ly nhỏ vắng.

Tàu thủy này rất đẹp và rất êm. Không bao lâu đã sang đến bờ bên Hương-cảng. Theo những phố xá buôn bán phồn thịnh, chúng tôi dẹo lên phía trường đua ngựa và đến chỗ tạm ngụ. Đây là một gác hai nhìn thẳng ra trường đua lại có xe điện, xe buýt, còn có cả taxi rất tiện lợi. Và lại có một số những người dự Hội-nghị ở khách-sạn gần đây, liên lạc dễ dàng.

Hội-nghị Hương-cảng đã tiến hành được mấy ngày, đã bàn về việc hợp-tác với Pháp với những điều kiện thế nào ? Một số chủ trương nhận ngay những điều-kiện do Cao-ủy Pháp Bollaert đề ra nhưng một số, trong đó có Việt-nam Quốc dân đảng cho rằng những điều-kiện ấy

không đủ. Pháp nắm toàn quyền về quân sự, ngoại giao thì độc lập chỉ là bề vỏ thôi. Còn việc Pháp đẩy Bảo-đại ra làm thủ lĩnh thì không gay-go lắm.

Vì xã giao, tôi có đến thăm Hội-ngị một lần rồi về sau không liên-lạc gì với Hội-ngị nữa. Nhưng bọn Pháp cũng khá giỏi về tuyên-truyền. Để cho Hội-ngị này có vẻ chân-chính, họ nêu ngay lên là tôi là đại-biểu của quân kháng-chiến ở Côn-minh (?) đến tham-dự...

Khi bước đến giai đoạn cuối cùng, bắt-đầu soạn bản tuyên ngôn của Hội nghị thì sự nứt rạn cũng bắt đầu trong đám người ô hợp này. Chúng-tôi nhất-định phải đòi được những điều kiện độc lập thực-sự mới ký tên. Cuối cùng đến sự chia-rẽ. Ngoài Việt-nam Quốc dân đảng ra Nguyễn Hải-Thần cũng rời Hội-ngị. Bảo-đại vì không muốn thỏa hiệp với Pháp mặc dù làm như thế sẽ dành được nhiều ghế Bộ trưởng trong Chính-phủ tương-lai. Một số đại biểu khác cũng tỏ ý dè dặt. Dù sao họ cũng không muốn đối lập công khai với Việt-minh vì trong thời kỳ đó không phải là không nguy-hiểm. Nghiêm-Xuân-Thiện, nguyên thuộc Việt nam Quốc dân đảng, làm Tổng trấn Bắc-phần cho Pháp. Nguyên văn-Sâm đi với Pháp ở Sài-gòn đã bị kết-tội Việt-gian và bị ám-sát sau đó ít lâu. Tôi còn nhớ khi ở Hương-cảng, Sâm và chúng tôi có dịp dạo phố nói chuyện, ăn mì

ngay ở những quán gỗ quen thuộc trên đường phố. Tôi khuyên anh đừng đi qua trón song có lẽ anh cho rằng không dựa vào Pháp thì không có lực lượng gì để hành động nên không nghe lời chúng tôi.

Tuy vậy số người ủng-hộ Bảo-đại cũng miễn cưỡng ra được một bản Tuyên ngôn với lời-lẽ mập-mờ là tập trung những Lực lượng Quốc gia để điều đình với Pháp, dành lấy độc-lập, tự-do...

Trong khi ấy, quân Pháp chiếm được ưu-thế ở các tỉnh đồng-bằng. Chính-phủ Hồ-chí-Minh vẫn cự tuyệt những điều kiện của Bollaert và Hiệu-triệu toàn dân theo đuổi cuộc kháng-chiến.

Ít lâu sau, Bảo-đại về nước cùng những phần tử thân Pháp như Nguyễn-Văn-Xuân và nhiều nhóm Quốc-gia khác, lập ra Chính phủ thân Pháp.

Trước tình thế này, chúng-tôi quyết định không trở về nước vội mà tổ chức lại đảng bộ để đợi thời-cơ. May khi đó có vài anh em đại biểu lực lượng bí-mật ở trong nước cũng sang Hương-cảng, sau khi phân-tích tình hình mọi người đều đồng ý tạm thời không thể công-khai thỏa hiệp với Pháp và cần tổ chức lại, tích sức lực lượng, đợi một thời cơ tốt hơn.

Đối ngoại thì hy-vọng sẽ dựa được vào Trung-quốc và Mỹ.

Để đoàn-kết các phe phái, anh em dự định đổi tên thành Quốc-dân đảng Việt-nam. Sau này được sự đồng ý của Vũ-Hồng-Khanh lúc đó còn ở Vân nam, Quốc-dân-dảng Việt-nam in phát nhiều truyền-đơn, tuyên-bố lập trường của phe mình, phản đối việc đầu hàng Pháp cùng hiệu triệu dân-chúng tranh-đấu cho nền độc-lập thực sự của Tổ quốc.

Chúng tôi đã quyết tâm đi con đường thứ ba.

Đó là kết-quả của việc dự Hội nghị Hương-cảng năm 1947.

Chương 20 - Bồi Hồi Trên Ngã Ba Đường - Anh Long Qua Đời

C húng-tôi trở về Quảng-châu, trú tại gian nhà nhỏ ở Hoàng-xá để đợi thời-cơ. Ở đây có nhiều thì giờ rỗi rãi để nghiên-cứu về mọi mặt vì có nhiều báo-chí, sách-vở, tài liệu tốt. Tôi không phải là một đồ đệ của Các Mác nhưng hồi đó cũng theo gót ông ngồi mòn đũng quần ở các thư-viện, kể cả thư-viện của Pháp ở Sa-điện và thư-viện của các giáo hội nữa. Tôi cũng lê la qua những cửa hàng sách cũ mà ở đây có rất nhiều, để tìm sách vở. Ở Hương cảng có đủ mọi loại sách vì người Anh không cấm bán sách nếu nội-dung sách không trực-tiếp phản-đối Chính phủ Hương-cảng.

Tôi cùng một số anh em thanh niên rất ham đọc sách để tìm chân lý. Đó là một hậu-quả rất tự nhiên trong sự thất-bại và bàng hoàng lúc đó.

Anh Tam hồi ấy có lẽ vì mệt mỏi nên mắc bệnh suy nhược thần-kinh. Mọi người chủ trương anh phải tĩnh dưỡng một thời-gian, không nên tham-gia những hoạt động có thể đưa lại những kích thích quá mạnh. Vì thế sau này trụ sở dọn sang Bạch-Hạc-động, một xóm ở bên kia bờ sông Chu. Chỗ này có mấy trường trung học có tiếng, có cả giáo-sư người ngoại quốc. Trong trường

lai có cả bể bơi rất đẹp. Chúng tôi thuê một gian nhà ba gian, không rộng nhưng khá tĩnh mịch. Sinh-sống ở đây không lo vì không tốn bao nhiêu và lại thảnh thơi có anh chị em ở trong nước ra, đã mấy lần tiếp-tế cho chúng tôi về tài chính.

Nói về riêng tôi, thì tôi cũng đã lập gia đình riêng. Chúng-tôi thuê một căn phòng ở một phố gần Sa điện và nếu các vị độc giả thân kính không cho là nhầm tai, chúng tôi sinh hạ đứa con gái đầu lòng ở một sản viện gần đây vào mùa đông năm 1947. Năm ấy là một năm rất rét, rét hơn ở Hà nội nhiều. Tôi mặc cả quần áo Tây lẫn ba-đờ-suy mà vẫn còn rét run, hai tay và hai tai cồng lại như tiền. Những người ở đây bảo là phải mặc áo bông mới chịu được lạnh. Nhưng may áo bông đối với chúng tôi lúc ấy cũng rất khó khăn. Vì không đủ tiền ứng-phó mọi mặt, tôi đã phải bán một vài thứ trong nhà. Tôi còn nhớ có một anh em ở Vân-nam sang, không đủ quần áo rét, tôi phải chia cho anh mặc một cái Pullover len mà vẫn còn run cầm cập, trông rất đáng thương. Sau ra cửa hàng bán đồ cũ mua một cái áo bông cũ rẻ tiền kiểu Tàu. Anh ta mặc vào trông rất ngộ nghĩnh song không còn run như trước nữa. Về sau chúng tôi lại dọn sang Bạch-Hạc động ở cho đỡ tốn.

Tuy đời sống có bần hàn, kém tin-tưởng và thiếu-thốn song nói chung chúng tôi vẫn lạc quan và vẫn có nhiều phút vui tươi. Dần dần cũng quen thuộc với đời sống ở đây vì phong-tục Quảng châu cũng gần giống như ở Việt-nam. Ngày Trung-thu có đủ các thứ bánh nướng, đèn xếp và hoa quả. Đến Đông-chí họ quen ăn mì. Đến Đoan ngọ thì lại ăn bánh trưng và đua thuyền rồng rất vui. Ăn Tết ở đây cũng tấp-nập không kém với những chợ hoa trăm thức đông nghịt những người, những tràng pháo giao-thừa nổ ran như không muốn ngưng. Sáng mùng một cũng rủ nhau đi chúc Tết. Song người ở đây không gói bánh trưng mà chuyên làm các thứ bánh rán. Trừ những người quá nghèo ra thì nhà nào cũng phải đầy một vại bánh. Năm ấy chúng tôi cũng gói ít bánh trưng và mua ít mứt sen, mứt bí để ăn Tết. Lại có ít thịt ninh và cốc rượu trắng gọi là tạm đủ trong cảnh lưu-lạc này. Mọi người nâng cốc rượu chúc Tết lẫn nhau rồi kéo nhau ra phố xem cảnh Tết Quảng châu.

Lại nhớ đến 2 câu thơ của Thế Lữ :

*Rũ áo phong-sương trên gác trọ,
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.*

Phong-sương thì cũng khá phong-sương rồi nhưng bên lòng còn ngổn ngang trăm mối. Tâm tình chúng tôi đâu có thể lãng mạn như người chiến-sĩ trong thơ.

Năm 1948, anh Vũ-Hồng-Khanh cũng sang Quảng-châu để cùng nghiên-cứu tình hình. Công việc của đảng không có gì tiến triển. Vả lại mỗi người một tý, không đi đến một kết-luận nào cụ-thể và cũng không thể làm gì được trước hai sức mạnh Việt-minh và Pháp. Nhiều đảng viên dần dần đã chạy về khu Pháp chiếm. Người thì muốn dựa vào Pháp để làm một cái gì, người thì trở về làm ăn. Song cũng có một số ít ở lại Hương-cảng trong đó có anh Nguyễn Gia-Trí, nhà họa-sĩ nổi-tiếng.

Tuy khu Pháp chiếm mở rộng dần nhưng người ta thấy hơn một năm rồi mà quân Việt-minh vẫn còn chiến đấu như thường. Những cuộc tấn công của Pháp lên Việt-Bắc và ở Trung-bộ đều không thể tiêu-diệt được họ. Mà dư-luận đa số các nước trên thế giới dần dần cũng ngả về phe họ, coi như những người đánh du-kích có tài. Xem ra nếu không được dân-chúng ủng-hộ thì không thể kháng cự được hiệu-quả như thế.

Trong lúc ấy tình hình Trung-quốc cũng thay-đổi một cách không ngờ. Dù có hàng 8 triệu quân với đủ súng ống, tàu bay, tàu bò của Mỹ, quân Tưởng liên tiếp thua to ở các mặt. Ở Đông-Bắc, Tướng Lâm Bưu đã dồn được quân Tưởng vào mấy thành-phố cô-lập, chiếm lại được Diên-an và uy-hiếp Tây-an. Ở Hoa-Bắc, sư-đoàn 74, Vương-bài của Trương-Linh-Phổ bị vây diệt ở Sơn-

Đông. Bắc-Kinh, Khai-phong cũng đang bị đe dọa. Chiến lược vận động chiến của Cộng-quân rất hiệu quả. Hơn nữa kỷ luật quân Trung cộng rất nghiêm-minh, họ nâng-đỡ dân nghèo để đánh đổ bọn quân phiệt nên rất được lòng dân. Còn quân Tưởng thì tham ô, hủ-bại, cưỡng bách người đi lính, hà-hiếp dân chúng. Đa số lực lượng quân phiệt lại mâu thuẫn với nhau nên dù đông gấp bội cũng dễ bị đánh tan. Còn xã hội Trung-quốc lúc bấy giờ thì không những nghèo-khổ mà còn hủ-bại tột bậc. Chết đói, chết hụt là thường. Giá hàng hóa tăng lên vùn vọt làm cho giấy bạc Quốc-dân đang sụt giá rất nhanh. Chỉ khổ cho những viên chức và dân lao-động.

Mộng tưởng về Chủ nghĩa Tam-dân và sự giúp đỡ của Trung-hoa ngày này đã tan vỡ. Chúng tôi vẫn đứng bàng-hoàng trên một ngã ba mờ-mịt. Không thể thỏa hiệp với Pháp được, cũng không đi được với Việt-minh. Mà lại chỉ phản đối xuông như thế mãi sẽ đi đến đâu ? Không thể như thế này mãi được. Là một người Việt-nam phải tìm cách kháng chiến thực-sự nhưng éo-le, đối với chúng tôi sự thật vẫn là lúc đó chỉ có Việt-minh kháng cự với quân Pháp mà thôi.

Mùa Hè năm 1948, sang Trung-quốc đã hai năm, chúng tôi vẫn tạm-ngụ ở Bạch-Hạc-Động, tỉnh thoảng ra Hương cảng gặp-gỡ anh em ở đây. Tháng 8, anh

Long ra Hương-cảng nhân dịp chị ấy từ Hà-nội sang. Theo dự tính thì chỉ độ nửa tháng sẽ trở về. Lúc ra đi, anh vẫn mạnh khoẻ và vui vẻ như thường. Anh rất ít ốm đau. Mười hôm sau, nhận được thư anh nói sắp trở về. Tình hình không có gì mới lạ. Quá nửa tháng, vẫn chưa thấy anh về nhưng chúng tôi không chú ý lắm vì chúng chậm vai hôm là thường.

Một hôm vừa ăn cơm trưa xong thì có một người quen Quảng-châu sang, báo là nghe tin có một người Việt-nam đột nhiên chết trên chuyến xe lửa từ Hương-cảng về, không rõ tên họ và hỏi chúng tôi có biết tin đó không ? Nghe tin đó chúng tôi giật mình, đưa mắt hỏi nhau nhưng không ai dám đoán và muốn tin người Việt đó có thể là ai ?

Người Việt đi lại giữa Hương-cảng và Quảng châu rất ít, và lại vào ngày giờ này... Anh Tam, anh Vũ và các anh em khác cũng như tôi, chắc đều nghĩ như nhau nhưng không ai nói ra. Đến chiều lại có tin cho biết thêm là người ấy họ Nguyễn, chừng 40 tuổi. Họ Nguyễn, chỉ hai chữ ấy cũng đã làm chúng tôi rợn cả người. Sao lại có thể như thế được ?

Sáng sớm hôm sau, cả nhóm chúng tôi vội vã lên xe, chỉ để lại một người trông nhà. Ngồi trên xe hỏa, không ai muốn nói chuyện. Xuống ga Thạch-long, hỏi ngay

người xếp ga, họ rất niềm nở kể lại cho chúng tôi biết rằng ông hành khách này chết gục rất nhanh trong khi đang ngồi đọc báo. Trên xe không cứu chữa nổi, lúc khiêng xuống ga thì đã tắt thở từ lâu. Hiện đã đưa vào nhà bàn-quán tức như nhà xác ở nghĩa địa bên ta, ở gần ga để đợi người thân đến lĩnh. Nếu quá 3 hôm không có ai nhận thì ở đây sẽ an-táng trước. Chúng-tôi vội vã ra khỏi ga, đến nửa đường vào thị trấn thì rẽ vào nhà thiện. Đây là một ngôi đền cổ mọc rêu chung quanh là nghĩa địa, hay nói đúng hơn, một bãi tha-ma rộng lớn, ngồn ngang nhiều mộ bằng đá hay phủ đất.

Chúng tôi lo sợ và hồi hộp nhưng ai cũng mong rằng người này không phải là anh Long. Tia hy vọng này đã tan vỡ ngay khi người trong quán mở nắp quan tài. Chúng tôi nhận ra ngay không phải vì gương mặt của anh mà chính là bộ quần áo Tây anh đang mặc. Không còn nghi-ngờ gì nữa, chính là anh, mới đây ít lâu còn vui vẻ nói cười mà nay đã nằm trong cái quan tài gỗ mong manh này. Sau cơn bàng hoàng, vì là một bác-sĩ, tôi cố nén đau thương nhưng hai giòng nước mắt cứ chảy ra trên gò má. Chung quanh mọi anh em đều rồ lệ để khóc người bạn, người anh đã cùng chiến đấu, đã cùng chịu mọi sự gian-nguy khôn khổ, đã cũng sống lưu-vong ở nước ngoài.

Càng nhìn kỹ càng thấy lòng như sắt lại. Mặt anh tuy mới mất hơn hai hôm đã sưng phù, đã tím bầm, không trông rõ được hai con mắt. Hai vành môi cũng như toàn thân và tay chân cũng sưng to.

Người ta phải đặt nghi-vấn mà lúc đó không thể giải đáp được vì không có phương-tiện. Anh chết đột nhiên vì có gì ? Rất có thể vì bệnh cấp kích nhưng cũng phải chú ý đến sự ám hại, vì ở đâu chẳng có những kẻ địch tàn bạo ? Sau này theo các anh em ở Hương-cảng thì chưa thấy dấu tích nào rõ rệt về một sự đầu độc mà phân tích thời-gian từ lúc lên xe cho đến gần Thạch-long, anh không có triệu chứng gì lạ cả, vẫn ngồi xem báo. Người ngồi trước mặt anh bỗng thấy anh gục xuống ghế, bỏ rơi tờ báo, bất tỉnh rất nhanh. Xem thế thì khả năng to nhất vẫn là bệnh gấp. Thí dụ như bệnh ứ máu tim chẳng hạn.

Người xót thương nhất vẫn là anh Tam, anh phải quay mặt đi không dám nhìn, mặt tái đi, phải dìu anh ra ngoài ngò. Vì anh Tam không lớn tuổi hơn anh Long mấy, hai người vẫn chơi, học với nhau từ thuở bé. Hai người lại cùng sáng-lập nên sự nghiệp văn-thơ và cùng cộng tác với nhau trên đường chính trị đã hơn 15 năm. Nên tuy rằng người anh đã rèn luyện như sắt đá trong chiến đấu anh cũng thấy không chịu được vết-thương nặng

nề này.

Mọi việc đều do anh Vũ xếp đặt. Giấy-má, tiền-nong trong người anh vẫn còn nguyên, do nhà ga trao lại. Mua hương nến đốt cắm chung quanh quan tài. Mọi người đều tranh nhau nhìn anh một lần cuối cùng trước khi đóng lại quan tài mới.

Rồi buổi chiều hôm ấy, một buổi chiều trời mây u ám, bảy người chúng tôi lặng-lẽ theo sau quan tài để đưa anh đến chỗ yên nghỉ cuối cùng. Chúng tôi đứng lặng trên bờ mộ đào nông, trông mấy người phu xúc đất đổ xuống. Chúng tôi cũng để mấy xéng đất trên mặt quan-tài. Lướt đất cuối cùng đã vĩnh viễn ngăn cách anh với chúng tôi, với cả những người thân còn lại ở cố hương với cả thế gian đầy đau-khổ này. Vĩnh-biệt anh Long ! Vĩnh-biệt ! Mong anh được sung-sướng yên-nghỉ ở nơi này.

Chôn cất anh xong, chúng tôi vào thị trấn để tìm chỗ trọ một đêm. Thạch-long là một thị trấn nhỏ cũng giống như Phủ-lý hay Bắc-ninh ở bên ta nhưng buôn bán thịnh-vượng và đông-đúc hơn !

Ăn cơm chiều xong, chúng tôi đi dạo phố và ra vườn hoa nhỏ ở đây chơi cho khuây khỏa. Quán trọ của chúng tôi tuy nhỏ nhưng cũng thơm mát. Tối đến, ngồi trước

ngọn đèn dầu lò-mờ trên gác trọ, mọi người như thấy rơi vào một nỗi buồn mênh-mông vô hạn, buồn về cảnh ngộ, buồn về tương lai mờ-mịt và những chua cay ròn rập đã làm sòn lòng bao chiến-sĩ xưa nay.

Một anh em đề nghị mua rượu về nhắm với lạc rang để giải sầu. Anh em tán-thành ngay, phái anh Lực và anh Sáu ra phố mua rượu trắng. Ai ngờ chính vì thế mà gây ra tai họa bất-ngờ cho chúng tôi.

Hai anh đi mua rượu đến nửa giờ mà chưa thấy về. Là quá. Hay là tối nên lạc đường. Tôi và anh Văn vừa định xuống tìm thì bỗng thấy ở dưới nhà có tiếng ồn-ào la hét bằng tiếng phổ thông. Quân lính ở đây khám lữ quán là sự thường. Nhưng sao lại rầm rộ thế ? Quả nhiên mấy tay vào buồng chúng tôi, đi đầu là một viên Trung-úy quân đội Quốc-dân đảng. Họ lôi theo sau 2 anh Lực và Sáu trong tay vẫn còn cầm chai rượu. Họ hùng hổ hỏi ngay giấy-má và lai lịch chúng tôi. Thì ra họ gặp hai anh chàng ở ngoài phố mà hai anh này lại mặc quần áo ka-ki vàng như quân phục, chỉ khác là không có lon. Họ cho là lính đào ngũ, đến hỏi vặn thì hai cậu này nói tiếng phổ thông ba rọi ú ớ chẳng thành câu. Lập-tức họ tóm lại và đưa đến nhà trọ tra hỏi.

Việc này do anh Vũ đối-phó. Anh đưa giấy thông hành của chúng tôi và nói rõ lai-lịch, nhưng anh chàng Trung

ủy ngạo man này không tin, vẫn mời cả bọn chúng tôi, những người khách đáng nghi, về bộ chỉ huy để điều tra thêm.

Thực là nguy-hiểm vì những ông tướng này rất có thể vu cho chúng tôi là thổ-phỉ hay là cộng-sản để mề neho cái gì. Nhưng may chúng tôi toàn là dân nghèo cả hành-lý cũng chẳng có gì đáng giá nên chúng tôi vẫn thản nhiên như thường.

Đến sở Chỉ huy, có một ông Đại-ủy Doanh-trưởng ra xét hỏi, ông này xem ra biết điều hơn vì xem giấy má của chúng-tôi rất hợp cách và lý-do đến đây rất rõ rệt, cả thị trấn đều biết cả, ông dần dần đổi thái độ. Song ông bảo rằng đã gọi chúng tôi đến đây thì phải đợi lệnh trên mới được mời chúng tôi ra, nên đêm nay chúng tôi vẫn phải ở lại đây, đợi đến sáng, xin chỉ thị của ông Đoàn trưởng.

Buộc lòng chúng tôi phải vào ngủ ở trong một gian phòng bên cạnh, không phải là một nhà giam, cũng có giường chiếu sạch-sẽ và có cả nước trà uống, và nước rửa mặt nữa. Cũng hay, đây là một nhà trọ không mất tiền. Mà ông Doanh-trưởng này cũng tò-mò hỏi chúng tôi về tình hình Việt-nam ra sao ? Chúng tôi thừa cơ lý-luận rất hăng-hái về cuộc kháng-Pháp anh dũng của nhân dân Việt-nam và nói rằng chúng-tôi cũng vì chống

Đế quốc Pháp nên mới ở đây, thì ông ra về gật-gù...

Tôi thao thức suốt đêm về việc anh Long mất, gần đến sáng mới chợp được mắt. Sáng hôm sau, có lệnh của ông Đoàn trưởng, họ mời chúng tôi ra và trả lại tất cả hành lý. Có lẽ họ cũng sợ phiền vì bắt giữ một số người ngoại quốc vô can. Thực là hú-vía vì thường thường, bị quân Quốc dân đảng tóm được thì đừng hòng được tha sớm...

Ra khỏi doanh bộ này, chúng tôi thở dài khoan khoái. Không ngờ nhiều người biết chuyện vậy lấy chúng tôi hỏi thăm. Sau khi rõ nguyên nhân, họ tỏ vẻ đồng tình với mấy người Việt-nam lưu-lạc này. Chúng tôi lập một cái bia đá ghi chú :

Nguyễn Tường Long

Người Việt nam.

Sinh năm 1906, mất năm 1948.

Yên nghỉ ở đây.

Sau khi cắm mấy nén hương cuối cùng trên mộ anh, chúng tôi bụi ngùi vô hạn, lê gót trở về.

Trên con đường xa-xôi mà chúng tôi đã đi qua, đã bao nhiêu anh em ngã xuống rồi, trong nhiều cảnh ngộ khác nhau nhưng chúng tôi vẫn không thể tin được là

người anh thân-mến đã dìu dắt tôi từ lúc còn thơ, một nhân-tài xuất sắc của đất nước, một người đi tiên-phong trong nghề văn, nghề báo, một chiến-sĩ ái-quốc đã từng bị giam trong trại tập-trung của Pháp ở Sơn-la, một nhân-vật có tính cách đại-biểu trong Chính-phủ Liên hiệp đầu tiên của Việt-nam, một người có phẩm chất bình dân, giản dị nhưng kiên-quyết không thỏa hiệp với Thực dân Pháp, cả một đời không mưu-toan danh lợi riêng cho mình bao giờ, nay đã chết và đã thẳm lặng nằm xuống ở một nơi xa lạ trên đất khách quê người.

Chương 21 - Thăm Tìm Đường Lối Lên Nam-Kinh - Gặp Lý-Tôn-Nhân

Cái chết của anh Long đánh dấu sự bế tắc trong con đường chúng tôi mới theo. Tổ chức vẫn gần như tan rã khắp nơi những không thể về nước để xây dựng lại. Vì về khu Pháp chiếm thì bị mang tiếng là theo Pháp mà về khu kháng chiến thì rất khó khăn. Trông mong ngoại viện cũng chưa thấy gì. Trung-quốc vẫn nội chiến khắp nước mà Mỹ thì còn xa lạ. Xem ra chỉ có thể tự trông vào sức mình.

Giữa năm 1948 quân Tưởng đã thua lớn ở Đông-Bắc Hoa-Bắc. Trung-cộng đã bao vây Bắc-kinh Thiên-tân, chiếm Tế-nam ở Sơn-đông, uy-hiếp An-huy, Giang-tô và cả đến Nam kinh nữa. Theo đà này thì nguy-cơ sụp đổ cũng gần. Có tin đồn Mỹ sẽ đưa quân vào can-thiệp hay là đứng ra điều tranh để hai bên giảng hòa. Trước tình thế này Trung ương Quốc dân đảng Việt-nam quyết định phái Vũ-Hồng-Khanh và tôi lên Nam-kinh để cầu viện và cũng là để thăm dò tình hình Trung-quốc. Ý riêng tôi thì không tán thành việc xin cầu-viện cho lắm vì đi cũng vô ích nhưng tôi cũng muốn lên Nam-kinh để quan-sát tình hình để có thể định đoạt lấy lối đi của mình sau này.

Khi lên ga xe lửa thì ở Quảng-châu trời tháng 9 vẫn còn nóng nực. Xe qua Hành-dương rồi Trường-sa, thủ-phủ tỉnh Hồ-nam. Trước khi đến Hán-khẩu đường sắt đi men theo hồ Động-đình rộng mênh mông và đầy sen. Ở đây không những hoa sen rất đẹp mà cả hạt sen cũng rất to. Dọc đường chỗ nào cũng có bán chè hạt sen. Qua thơ Đường, tôi nhớ đến lầu Nhạc-dương là một thắng cảnh có tiếng ở đây. Chiều hôm sau qua phà sang Hán-khẩu. Đây là một thành phố lớn và thịnh vượng gần như Quảng-châu. Đồ ăn rất rẻ nhất là thịt bò và thịt cừu. Chỉ ăn một bát mì là đủ no. Quần-áo, nhất là áo rét, kể cả áo bông rất nhiều và cũng rẻ. Đương nhiên đa-số dân lao-động ở đây xem ra bần cùng lắm. Khách ngồi ăn ở cửa hàng nhiều khi bị đám ăn mày vây kín.

Chúng-tôi mua vé tàu thủy xuôi xuống Nam-kinh theo giòng sông Dương-tử. Con sông có tiếng mà tôi đã nghe tả nhiều trong thơ. Sông rộng mênh-mông, đứng ở bờ bên này không trông ra bờ bên kia, sông chảy mênh mang cuộn cuộn. Trông những lá buồm xa tít tận chân gò, gợi lại câu thơ của Lý-Bạch :

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường-giang thiên tế lưu...*

Dịch-nghĩa :

*Bóng buồm cô-đơn ở tận nền trời xanh xa,
Chỉ thấy nước Trường-giang chảy muôn đời...*

Không thể không phục tài những thi sĩ đời Đường.

Hai bên ngạn sông này, bao nhiêu là di-tích lịch sử: Lầu Hoàng-hạc, bãi Hán-dương, chiến-trường Xích-bích, Cai hạ, Ô giang... Có khi hai bên bờ sông núi sát lại với nhau, lòng sông hẹp và chảy như thác. Trên những đỉnh núi cao chót vót có những đền miếu cổ kính. Buổi chiều, tôi thường lặng đứng trên boong, ngắm cảnh vật hoàng-hôn xé dần trên mặt sông và chân trời xa tắp.

Đến tối, qua thành-phố An-khanh, Cửu-giang, cảnh tượng rất đẹp vì đèn điện sáng như sao sa trên một giải rất dài. Ba hôm sau đến bến Nam-kinh, một bến tàu lớn san sát tàu bè. Một người bạn làm việc ở đây ra đón về nhà tạm trú. Vài hôm sau, theo giấy giới-thiệu, chúng tôi đến sở chiêu-đãi của bộ Ngoại giao nằm trong khu những cơ quan nhà nước. Chỗ này đường phố rộng và thẳng tắp, lai có nhiều cây cối. Ở dưới là khu trung tâm thành phố với những phố-xá tấp-nập và nhiều cửa hiệu lớn. Chúng tôi đi xem lăng Tôn-Trung-Son, một lăng qui-mô rất lớn. Nhưng tôi thích lăng Minh-Hiến hơn vì nó có vẻ cổ kính âm-u với nhiều cây to rợp bóng. Ngoài

ra có hồ Huyền-Vũ nên thơ. Nếu người ta muốn hoài niệm thời xưa thì có thể dạo gót dưới tường thành cổ. Còn con sông Tần-Hoài đầy thơ mộng trong thơ Đường thì nay chỉ còn là một lạch nước cạn.

Dạ bạc Tần Hoài cận tửu gia...

nay chỉ thấy có tửu-gia còn Tần-hoài thì nay ở đâu?

Trong thời-gian ở đây, chúng tôi tiếp xúc với một số nhân-vật trong Trung-ương Quốc dân đảng. Cuối cùng được hẹn gặp Phó Tổng thống Lý-Tôn-Nhân. Không biết tại-sao lại có vinh hạnh như thế. Xem ra có lẽ dễ an-ủi chúng tôi vì đã không giúp được gì để chống Đế quốc hay Cộng-sản. Đó là lần duy-nhất chúng tôi vào phủ Tổng thống. Lý là một ông già người không cao nhưng to ngang, mặt ngăm đen nhưng rắn rỏi, ăn nói chậm rãi. Ông tỏ ý đồng tình với sự chiến-đấu chống Pháp của dân Việt-nam, song về sự giúp-đỡ cụ-thể thì ông nói là để Trung ương quyết định.

Những điều đó không làm chúng tôi kinh ngạc vì đã quá quen với những lời hứa hẹn ấy. Trong khi ấy, ở bên ngoài những tin tức về những thất bại quân sự đã làm sao xuyên dân chúng. Quân Trung-cộng đã ép xuống Từ-châu, chỉ cách Nam-kinh vài trăm cây số. Chiến-dịch Hoài-hai, lớn nhất trong lịch-sử chiến tranh Trung

quốc đã bắt đầu. Các báo đăng những tit lớn về chiến-sự khốc-liệt hay Quốc-quân rút lui chiến lược đã có nghĩa là quốc-quân bị thiệt hại nặng và phải chạy dài. Ngoài phố luôn luôn có những quân thanh niên luyện tập để vét ra chiến trường. Đã có một số quan lớn và nhà giàu chạy xuống Quảng-châu hay đi Hương-cảng. Cũng có tin đồn cả Chính-phủ cũng sẽ dọn xuống Quảng-châu. Vật-giá tăng lên vòn vọt mà gạo thì rất khan hiếm.

Nhân tâm bàng hoàng. Đó là cảm giác chung của mọi ngư đi. Cảnh tượng này đã dập tắt hết hy vọng vào Trung-quốc của những phe phái Quốc-gia Việt-nam. Nó cũng làm tôi suy nghĩ nhiều về sự thất bại của một đảng kỳ cựu, có 8 triệu quân trong tay. Tại-sao Cộng-sản đã thắng trong khi họ chỉ có vài vạn quân lúc đầu.

Với cảm nghĩ ấy, chúng tôi rời Nam-kinh đi Thượng hải. Cả ông bạn của tôi cũng bỏ chức để xuống Quảng châu. Trước khi đi, mấy người bạn tiễn hành với những món ăn đặc biệt của Nam-kinh : vịt quay, hay nói đúng hơn là ngan quay, thịt rất béo và dày, có hương vị khác hẳn với vịt quay Quảng-đông. Lại có cả cua lông, thứ cua này tuy bé, vỏ dày nhưng rất ngọt. Từ Nam-kinh đến Thượng-hải, qua những thành phố mang những tên quen thuộc như Thường-châu, Vô-tích và Tô-châu, là nơi con gái đẹp có tiếng. Và câu thơ bất hủ của nhà thơ

xưa lại vang lên bên tai tôi :

*Cô-tô thành ngoại Hàn-sơn tự,
Dạ bán chung thành đảo khách thuyền.*

Dịch nôm :

*Thuyền ai đậu bến cô tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn sơn.*

Nhưng tiếc là vì không có thì-giờ nên chúng tôi không có dịp xuống Tô-châu thưởng thức phong cảnh Hàn-sơn tự và nhiều danh thắng ở đây.

Mà Thượng-hải là một thành-phố lớn nhất Trung-quốc nhưng lại chẳng có mấy thắng cảnh. So với Quảng châu, Thượng Hải hiện đại hơn nhiều với nhiều nhà cao ngất bên sông Hoàng-phố và những phố lớn dọc ngang dài hằng mười cây-số. Phố Nam-kinh đẹp và nhiều cửa hàng nhất. Chúng tôi chưa thấy những cửa hàng bách hoa to rộng như thế bao giờ. Ít ra cũng lớn gấp mấy chục lần nhà Gô-đa ở Hà-nội.

Nhưng không khí ở đây đã rất căng thẳng. Trên đường phố đã thấy nhiều binh lính trong đó có nhiều thương binh trông rất thảm-hại. Mua vé xe lửa đi Quảng-châu càng ngày càng khó nên chúng tôi đáp xe đi Hàng-châu ngay vì ở đó lên xe dễ hơn.

Hàng châu là nơi có nhiều thắng cảnh có tiếng nhất Trung-quốc nhất là khu Tây-hồ. Người ta nói Tô-Hàng là thiên đường.... cũng không ngoa vì ở đây ruộng đất phì nhiêu, buôn bán làm ăn dễ dàng, lại có phong cảnh tuyệt-vời và các tuyệt-thể giai-nhân nữa.

Song mấy hôm ấy, vào cuối tháng một tây, ở Hàng châu gió rét buốt đến tận xương cùng với mưa tầm tã khiến chúng-tôi không thể đi thăm đâu được. Phiên nhất là phải đợi xe hỏa nên có đêm phải đắp áo lông nằm co ro trong phòng đợi nhà ga. Cũng may mà chúng tôi nhanh chân chiếm được chỗ ngồi trên xe. Nếu chậm chân một chút thì phải đứng suốt ngày đêm. Ngay một ông Ủy-viên Trung ương của Quốc dân đảng Trung-quốc lên chậm bị chiếm mất ghế cũng đành chịu đứng suốt ngày. Cả trên chỗ để hành lý cũng đầy người nằm. Thật là một cảnh chạy loạn rối-loạn và âm ỉ.

Trên đường về, chúng tôi đều im lặng, ít nói vì ai cũng đương suy-nghĩ về câu tự hỏi : Sau này sẽ ra sao ? Phải làm như thế nào ?

Mỗi người sẽ phải tìm thấy câu trả lời riêng của mình.

Chương 22 - 1949 : Thoát-Ly - Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng

Mùa Đông năm 1948 trong nước đã thành lập Chính phủ Bảo-đại thân Pháp. Quân Pháp cũng chiếm được một số tỉnh miền Đồng bằng, song quân đội Việt-minh vẫn kháng chiến và xem ra càng ngày càng mạnh. Những cuộc tấn công càn-quét của Pháp không đạt được mục-đích là tiêu diệt quân đội Việt-nam, một đội quân nhỏ yếu, vũ khí sơ sài. Chiến-lược du-kích đã làm cho quân đội Pháp mắc kẹt, giống như đội quân khổng-lồ của Tưởng Giới-Thạch bị quân Mao-Trạch Đông đánh cho tê liệt. Điều này làm cho những người quan sát thiên-vị nhất cũng phải công nhận rằng Cộng quân có ý-chí kiên-cường, hiệu triệu được dân chúng và lại có tài về quân sự nữa. Đứng về mặt người Việt-nam mà nói thì có thể ủng-hộ kháng chiến chống xâm lăng. Nên trừ một vài phần-tử ra, không có một người có tên tuổi nào hay một chí-sĩ nào thời đó công khai đi với Pháp hay Bảo-đại. Ngay cả Nguyễn Hải-Thần, lâm vào bước đường cùng nhưng ông vẫn giữ khí-tiết nhà nho, không về với Pháp. Sau này ông vẫn ở Quảng-châu và mất ở đó dưới thời Chính-phủ Nhân dân Trung Hoa.

Sau khi về đến Quảng-châu, thấy sức-khỏe anh Tam mỗi ngày một suy kém, chúng tôi bàn để anh Tam ra

tạm ngụ Hương-cảng vì như thế anh đỡ buồn thương vì mất người em thân-yêu và cũng dễ dàng trông nom hơn. Ý anh vẫn là không đi với Pháp nhưng vẫn không thể đi với Cộng-sản, tạm thời ở ngoài nước xem tình thế ra sao. Còn Vũ-Hồng-Khanh thì xem ra thực tế hơn, anh muốn thu thập tàn lực Việt-nam Quốc-dân đảng, dựa vào Bảo-đại, về nước tìm cách hoạt động, nên sau đó cũng ra Hương-cảng. Chỉ còn tôi và một số ít anh-em thanh niên ở lại, gắng tìm một con đường mới, con đường chân-lý. Chúng tôi nhận thấy không những đường phải đưa đến độc lập cho dân tộc mà phải đưa đến một xã hội công-bình, không có áp-lực và bóc lột.

Sau khi bàn luận hăng say về tình hình xã hội, chính trị, lịch-sử thế-giới, lịch-sử các dân tộc, các lý thuyết chính trị và cách-mệnh đương thời cũng như nhiều thanh niên bông-bột hồi ấy, chúng tôi đều đồng ý về hai điểm cơ bản : Một là dân tộc phải độc-lập triệt-để, hai là phải theo chủ nghĩa xã hội.

Năm 1949 là năm đầy gian nan và cũng là năm quyết định vận mạng của chúng tôi. Việt-nam Quốc-dân đảng đã đi đến chỗ chia rẽ một cách âm-thầm. Cái đảng có lịch sử quang-vinh này đã không còn hiệu-triệu được dân chúng nữa vì chủ-trương của nó đã lỗi thời không thể mang lại một xã hội lý-tưởng cho quốc-gia. Trên

thực tế, nó đã chia làm nhiều bè phái khác nhau trong đó một phần lớn lại về hoạt-động trong những khu Pháp chiếm dưới sự che chở của Pháp hay Bảo-đại. Một số thì nằm im chờ cơ-hội. Còn một số thì không muốn tham-gia chính trị nữa quay về làm ăn.

Cải-cách theo đường lối mới không có ý nghĩa gì nữa và cũng không thể nào làm được nữa. Mấy anh em chúng tôi nảy ra một ý-nghĩ : Đi tìm một con đường mới để thực-hiện lý tưởng của mình.

Tôi mang ý này ra Hương-cảng gặp anh Tam và anh Xuân Tường vừa từ Côn-minh sang. Anh Tường ngạc nhiên khi thấy tôi gầy và xanh quá. Lúc đó tôi mới tự hình dung là mình gầy yếu, có lẽ vì lo nghĩ quá nhiều. Mấy người ngồi cạnh con suối chảy róc-rách xuống chân đồi, nhìn xuống thành phố nằm bên bãi biển trắng xoá, nhìn ra mặt biển xanh thẳm đến tận chân trời. Tâm hồn chúng-tôi cũng rào-rạt như làn sóng biển vì dù sao ngoài chiến đấu ra, trước đây, chúng tôi vẫn là nhà văn. Rất có thể vì thế nên đã thất bại. Không ai bảo ai, mọi người đều nghĩ đến tương-lai của đất nước, của cá nhân rồi đây sẽ ra sao ? Anh Xuân-Tường là một người rất bình-dân, giản-dị, đã lặn lội gian-nan trong nhiều năm dưới thời Pháp-thuộc. Ngày nay lại bị dồn ra nước ngoài. Anh cảm thấy người Việt-nam đánh lẫn nhau không

có ý-nghĩa gì, song anh không muốn đi với Cộng-sản. Anh thấy phải về nước mới có cơ sở hoạt động nhưng anh cam-đoan với chúng tôi rằng anh sẽ không làm với Pháp. Làm thế đối với anh là người không lộ mặt thì dễ nhưng đối với anh Tam và tôi thì khó. Anh Tam có lẽ vì còn yếu nên không có chủ trương gì cụ-thể, cũng không tán-thành hay phản-đối việc tôi làm. Vả lại xưa nay anh không ép ai theo ý muốn của mình bao giờ cả.

Ý tôi đã quyết, cùng với anh Văn-Đạo, một cán-bộ từ Quảng-Tây đến và vài anh em khác, chúng tôi dự tính thành lập một nhóm mới lấy tên là Nhóm Cách mệnh Xã hội. Tháng 3 năm 1949 chúng tôi quyết-định thoát-ly Việt-nam Quốc dân đảng, tạm thời ở lại Quảng-châu. Chúng tôi ra một tờ báo in tay lấy tên là báo Cách-mệnh Xã-hội phát cho những người Việt-nam ở Quảng-châu, Hương cảng đọc và cũng nhờ người đưa một ít về trong nước phân phát.

Tiện đây chúng tôi cũng nói thêm là ở Quảng-châu cũng còn một số người Việt đủ mọi khuynh-hướng. Họ thường hay tụ họp để tìm đường hoạt-động. Một số không ít vẫn muốn tham-gia kháng chiến chống Pháp và có tư tưởng tiến bộ.

Trong thời-gian lưu vong này, vì đứt liên-lạc với các anh em cũ nên đời sống chúng tôi có phần cô độc và còn

bất-định trên tương lai. Về mặt vật chất lại càng eo-hẹp vì mất các nguồn tiếp tế. Song chúng tôi vẫn kiên quyết chịu-dựng, có khi phải bán đến cả tư trang và quần áo cũ để sống. Để tiết ước, chúng tôi chỉ thuê lại hai buồng nhỏ đủ ở. Bữa nào cũng ăn rau. Mà thứ nhất là ra ngoài bờ ruộng câu cua đồng. Ở đây không ai ăn cua nên cua rất nhiều và dễ câu. Chỉ câu một lúc là đã có hàng rổ. Mang về, rửa sạch, cho vào chảo gang ran lên, phi hành thơm nức, khiến cho những láng giềng tò mò đổ đến xem. Họ lấy làm lạ thấy chúng tôi ăn cua mà cả đứa con đầu lòng của tôi cũng nhai rau rau rất ngon lành. Ở đây cua chỉ để cho vịt ăn vì nó lông lá và vỏ mai dày.

Nhưng chúng tôi cũng có phúc, hay gặp người đồng tình giúp-đỡ. Không nói gì đến người Việt mà cả dân làng ở đây cũng vậy. Có lần tôi ra chợ định mua thịt bò nhưng phiên nổi trong túi chỉ có mấy hào, không đủ mua. Ông bán thịt chân thành bảo tôi : Ông muốn mua thịt à ? Không sao, ông cứ mua một ít, bao-giờ có tiền trả tôi cũng được.

Tôi xem ra ông ta không có vẻ gì là chế riêu cả bên đáp : Hiện giờ chúng tôi nghèo lắm, chưa có tiền...

Không sao, ông cứ lấy trước rồi sẽ trả sau, bao-giờ cũng được.

Vua nói ông vừa dúi vào tay tôi một miếng thịt khá to, rồi quay đi ngay. Tôi không khỏi cảm động vì cử chỉ của ông bán thịt và thậm phục ông ta dám tin tưởng vào một người không quen biết. Vì ông ta đâu có biết tung-tích mình thế nào ?

Tôi còn nhớ một lần cần mua áo bông cho cháu Lan, tôi đương lo toang thì bỗng gặp ngay một ông bạn người Phi-luật tân làm trong một đội âm nhạc mà tôi đã gặp ở Côn minh. Ông ta đưa tôi đến một tiệm khiêu vũ khá sang, đãi tôi một bữa cơm đoàn hoàng lại được nghe cả âm nhạc rất hay. Khi biết chúng tôi không về với Pháp mà vẫn lưu-lạc ở đây, tuy chỉ là một nhạc-sĩ ông cũng rất đồng-tình. Song vì ông cũng nghèo nên tôi chỉ nhờ ông bán hộ cái hắc quản (clarinette) của người bạn để lại, đủ tiền sống trong vài tháng. Tôi vẫn luyến tiếc cái hắc quản này không những vì nó là của người bạn chiến đấu để lại mà vì nó còn đánh dấu cả một quãng đời của tôi. Anh bạn tôi và anh Tam hay thổi những bài cổ điển, những buổi chiều ngồi bên ngõ hay bên đường làng. Khi thổi bản Tô-Vũ Mục-dương. Ngoài vát và về Kinh-tế, tình-hình Trung-quốc cũng thay-đổi mau. Trước kia cũng có lúc cảnh-sát địa phương kiểm-tra hộ-khẩu nhưng chỉ làm ban ngày. Một đêm, thành-linh có tiếng gõ cửa ròn-rập. Biết rằng có chuyện khác thường, một mặt ứng phó ra mở cửa một mặt dấu những sách

báo có tính cách tiến bộ vào chỗ đã định. Bọn cảnh sát này tuy không hung hăng lắm nhưng cũng lực lợi rất kỹ lưỡng, tuy chỉ nói là kiểm-kê hộ-khẩu mà thôi. Vì lúc đó quân Trung-cộng đã đánh xuống Nam Trường-giang, tình-thế Quốc dân đang rất nguy kịch. Tưởng Giới Thạch đã bay đi Đài-loan. Quốc-dân chính phủ đã dọn xuống Quảng châu. Tất-nhiên họ phải chú-ý đến những phần tử nào khả nghi.

Một việc khó giải thích là có người đến mượn một số sách tiến-bộ, các sách nói đến chủ nghĩa Cộng sản. Đây chính là một người chủ hàng xén nhỏ ở ngoài phố và kiêm hiệu trưởng một trường tiểu học tư thực. Thoạt đầu chúng tôi cũng nghi ngờ, sau nhận thấy ông này rất thành thực và đồng tình với chúng tôi nên cũng cho mượn vài cuốn sách của Marx và Lenine.

Chương 23 - Quyết Định Cuối Cùng : Ở Lại Quảng-Châu

Chúng tôi vẫn cho ra mấy số báo Cách-mệnh Xã-hội. Mới đầu in thạch, sau đổi bằng lõi khắc chữ khá khó nhọc nhưng rõ nét hơn. Những bài trong báo này không có nội dung thống-nhất, nhiều bài còn trái ngược nhau, nhưng đường lối chính là Đoàn-kết kháng-chiến chống Pháp và chủ trương bình đẳng, dân-chủ, tiêu diệt bóc-lột và áp-bức trong xã-hội. Chủ-trương này được một số kiều bào ở Quảng-châu và Hương-cảng tán thành nhưng vấn-đề then-chốt vẫn chưa giải-quyết được là kháng-chiến, nên liên lạc với Việt-minh hay tự gây lấy lực lượng mới. Đồng-ý tán-thành chủ-nghĩa xã hội nhưng cụ thể như thế nào ? Quan-hệ với chủ nghĩa Cộng sản ra sao ? Theo ý-kiến chưa rõ rệt của mọi người lúc đó, dần dần đi đến chỗ nhận-thức là tán thành kháng-chiến nhưng cần phải tổ chức lực lượng để về nước tham-gia kháng chiến thực-sự nhưng lúc này Chủ nghĩa Cộng-sản không thích hợp với tình trạng Việt-nam.

Nhưng tình hình rồn-rập đã không cho phép chúng tôi làm theo dự định. Nam-kinh, Thượng hải đã lần lượt thất thủ. Bạch-Sùng-Hi với đội quân một triệu người cũng phải bỏ Hán-khẩu lui về giữ Trường-sa. Nhiều yếu-nhân hay cự phú đã chuồn đi Hương cảng hay các

nước khác. Thế thì những phần tử Việt-nam còn sót lại Trung-quốc phải làm thế nào ? Đi hay ở lại ? Đã đến lúc phải quyết định...

Từ Vân-nam và Quảng-tây đã có một số ít tìm cách đến Quảng-châu. Có người phải đi bộ hàng trăm cây số. Họ sẽ chạy ra Hương-cảng. Ở Quảng-châu phần lớn cũng chạy rồi. Sau này, một số về nước còn một số kiếm việc làm ở Hương cảng. Một số nhỏ quyết-định ở lại Quảng châu với những lý do không giống nhau. Trong số đó có cả Nguyễn-Hải Thần. Lúc đó cụ đã già quá rồi, mắt kém. Vợ con cụ cũng ở đây cả. Tuy-nhiên tôi tin chắc lý-do chính-yếu để cụ ở lại không phải vì gia đình. Một hôm tôi ra thăm cụ ở một gian buồng hẹp trong một lữ quán nhỏ. Nói chuyện về tương lai, tôi hỏi cụ định làm gì trước khi quân Cộng sản đến. Cụ bảo chưa có quyết-định gì nhưng dù sao trong lúc này cũng chưa thể về Hà nội được. Tôi tin là cụ muốn giữ khí tiết nhà nho, vì đã chống Pháp mà đi thì nay còn mặt mũi nào lại chạy về với Pháp.

Còn chúng tôi thì nên làm thế nào ? Đứng trước chỗ ngoặt của lịch-sử cũng như cả cuộc đời, chúng tôi không thể do dự được nữa. Trong lúc này nhiều thư từ khắp nơi rồn rập đến : Thư các anh em cũ ở khắp nơi hỏi về đường lối nên theo, thư của bạn hữu trong nước dục tôi

phải sớm quyết định, thư của gia đình lo-âu cho cảnh ngộ chúng tôi, thư của anh Tam... Đại-đa số mong rằng chúng tôi hãy tạm ra Hương-cảng để tránh cảnh loạn ly rồi sau sẽ tìm cách về nước... cũng có kẻ viết thư cảnh cáo chúng tôi chớ nên đi làm đường.

Đó là những ngày nắng hè ở Quảng-châu lại cũng là những ngày tàn của chế độ Tưởng. Gia đình tôi vẫn ở căn nhà nhỏ tại Bạch-Hạc động. Đứa con gái đầu lòng của chúng tôi đã gần 2 tuổi, nhiều khi nó khập khiễng đi ra ngoài ngõ được những hàng xóm chung-quanh rất thích-mến. Buổi chiều chúng tôi rạo chân bên bến tàu, nhìn con sông Chu-giang mênh mông nước chảy ra biển khơi, hay dạo theo con đường nhỏ bên sườn đồi. Dưới chân đồi là xóm làng rải rác, lại nhớ đến những ngày còn thơ bên cạnh sông Hồng với những làng-mạc Việt-nam và ngàn dâu xanh ngắt. Ôi quê-hương biết bao tình mến... tiếng ca của một tác giả nào đó lại văng vẳng bên tai. Đã 3 năm ở nước ngoài rồi... Thôi thì ra sao thì ra, ta nên về với tổ quốc gia hương còn hơn lưu-lạc mãi... Nhưng mà tổ quốc nay đâu có chỗ đặt chân cho ta ?

Mang một tâm tình bồi rối, ngổn-ngang, biết bao đêm ngày chúng tôi đã suy-nghĩ băn khoăn. Một buổi tối, tôi một mình đáp thuyền sang Quảng-châu, lang thang trên đường phố đi xen lẫn vào dòng người hay

ngồi lặng dưới những rặng cây um tùm vắng vẻ, quên cả giờ giấc, đến khuya đã hết thuyền về nhà. Như một kẻ bơ vơ không nhà không cửa, tôi cứ đi, đi mãi như muốn tìm một nơi yên thân. May sao đến gần nửa đêm, gặp một anh em người Việt, anh Vương vẫn còn ở lại Quảng-châu. Anh ta cũng có một tâm-tình giống như tôi. Hai người đưa nhau vào một tiệm trà đêm mua rượu vang, nhấm nháp chuyện trò đến tận sáng. Nhưng ý anh thì muốn về nước. Anh nói : Em về nước nhưng xin thề rằng em không bao giờ làm trái với lương-tâm, phụ lòng tin của các anh. Còn nếu anh ở lại thì em tin rằng anh sẽ tìm được con đường mới... chúng em không bao giờ quên các anh.

Cũng như lời cáo-biệt chí tình của bao anh em trẻ tuổi hồi đó, tôi không khỏi cảm động và cảm thấy mình đã phụ lòng tin-cậy của họ. Biết bao thanh-niên yêu nước thuần khiết đã theo chúng tôi và đã lâm vào cảnh lưu lạc mê đường. Ngày-nay họ về nước nhưng số phận họ sẽ ra sao ?

Sáng hôm ấy tôi đến trường Đại học Lĩnh nam tìm anh Văn-Đạo, anh đang học môn văn-chương ở trường này, để bàn về quyết định cuối cùng đi hay ở. Đến chiều, trên đường về Bạch-hạc-động, chúng tôi ngồi ở bờ sông ở Sa-điện, dưới gốc một cây đa cổ thụ. Trước mặt chúng

tôi là giải nước mênh-mông lấp lánh nắng chiều. Gần xa bao nhiêu thuyền tàu xuôi ra cửa biển. Cảnh tượng vẫn bình thường nhưng đây sẽ là nơi một chế độ cũ sẽ sụp đổ, một thế giới mới sẽ nảy lên, cũng như nó đã nảy lên trên một phần ba hoàn cầu với những hứa hẹn của nó. Đó có phải là thế-giới những kẻ bị nô-lệ, bị áp-bức như chúng ta không ? có phải là thế giới của muôn vàn nhân dân lao động nghèo khổ không ? Có phải là nơi nương-tựa của các dân tộc nhỏ yếu nằm dưới gót sắt của đế quốc không ? Có phải là tia sáng soi đường trong đêm tối nghìn năm của loài người không ?

Chúng tôi ngồi rất lâu trên bến. Lúc đứng lên, chúng tôi đã quyết định ở lại, mục đích để tìm hiểu những gì mới lạ sẽ xảy ra và một mặt thăm-dò đường lối về nước kháng-chiến.

Làm như thế không phải là không có bất-ngờ, dân thân vào một xã hội khác lạ là một điều mạo hiểm, nhất là đối với những người như chúng tôi.

Song hồi ấy, chúng tôi vẫn còn là những thanh niên bông-bột, giàu về lý-tưởng, giàu mạo-hiểm. Chúng tôi vững tin rằng nếu mình chân thành vì dân chúng thì ở đâu cũng không sợ gì.

Tháng 9 năm 1949, quân Trung Cộng đã tràn đến gần biên cảnh Quảng-đông. Các Tướng Trương-Phát-Khuê, Du Hán-Mưu đã phải chạy dài. Nhà tài phiệt Tống-Tử Văn nghe đồn đã bay đi Pháp. Còn Bạch Sùng-Hi thì phải rút về cố thủ sào-huyệt cũ Quảng tây. Dân-chúng Quảng-châu xôn xao, bàng-hoàng, vật giá lên cao vọt. Nếu Quốc-dân-đảng cố giữ Quảng châu thì sẽ xảy ra cuộc chiến khốc-liệt ở đây, như đã xảy ra ở Nam kinh, Thượng hải. Chúng tôi có người bạn Hoa-kiều Việt-nam làm giáo viên ở một thành phố gần Quảng-châu. Ông khuyên chúng tôi nên đến đó để tránh chiến sự đã. Hơn nữa ông có thể giới-thiệu chúng tôi làm giáo-viên ở đó. Có chỗ làm và chỗ ở tạm thời cũng hay. Vì-vậy một ngày ấm áp giữa tháng này, gia-đình tôi ba người với sự giúp đỡ của Văn-Đạo, lúc đó vẫn học trong trường Lĩnh-Nam, và mấy người bạn, dọn những đồ đạc đơn-sơ trong nhà, gồm có một giường gỗ, mấy cái ghế tre, nồi niêu và nhiều nhất vẫn là sách vở, lên cái thuyền nhỏ đậu ở ngoài bãi. Thế là từ già cái nhà nhỏ đã chứng kiến sự lưu-vong của chúng tôi trong vòng 2 năm với biết bao biến đổi. Tôi và Văn-Đạo đứng trên mũi thuyền, nhìn về bến cũ quen thuộc đã lùi xa. Tạm-biệt Bạch-hạc-Động. Tạm-biệt Quảng-châu. Không ai ngờ được là chuyến-đi này đã đưa chúng-tôi đến chỗ định cư hơn 30 năm sau này, nơi mà chúng tôi chứng-

kiến sự bầm-sinh của một nước Trung hoa hoàn-toàn mới.

Qua gần hai giờ đồng hồ thì đến thành-phố Tiên-sơn. Đây là một thành phố nhỏ và cũ kỹ với những đường phố không to rộng, những cửa hàng hai ba tầng. Nghe nói Tiên sơn trước đã là một thị trấn có tiếng của Trung-hoa, có thời-kỳ rất phồn thịnh trước khi bị Nhật tàn phá. Chúng tôi tạm đến nhà ông Hiệu-trưởng trường Tiểu học này. Ở đây họ đã dành một gian nhà nhỏ vừa đủ đặt một giường và một cái bàn con. Nhưng ngôi nhà này khá to. Chung-quanh có vườn rộng nhiều cây, nhiều hoa và đủ đất để trồng rau ăn. Cũng hơi mỉa mai là cái ngõ chúng tôi vào trọ này lại mang tên là ngõ Vinh-hoa, không biết sau này tới có tìm được vinh-hoa phú-quý hay không ?

Có chỗ ở tạm-yên, mẹ cháu Lan vào làm giáo-viên trường Tiểu-học gần đây, lương mỗi tháng được một tạ gạo dư. Lúc đó tiền Quan-kim của Quốc dân đang mất giá, lương trả bằng gạo. Còn tôi thì vẫn là một bác sĩ thất nghiệp, ngày ngày ở nhà trông con và nấu bếp. Được cái là các thứ còn rất rẻ nếu tính bằng tiền Hương cảng. Thịt cá, rau đậu rất nhiều và dễ mua. Ở đây hình như không xôn xao như ở Quảng châu vì họ quá thất vọng về Quốc dân đảng rồi, ai đến cai-trị cũng thế thôi,

mà nghe nói Cộng sản cũng không có gì ghê gớm lắm. Việc chúng tôi đến ở đây cũng không làm mọi người ngạc nhiên lắm vì người ta đã quá quen thuộc với cảnh thất nghiệp, chạy loạn hay lưu lạc rồi. Ngay trong khu nhà tôi ở cũng có người thất-nghiệp, người bữa rau, bữa cháo, lại có người nghiện thuốc phiện toàn nhờ bà vợ tần tảo nuôi ăn. Đa số họ là những người hiền lương, không mong ước gì hơn là no ấm, yên bình. Tuy vậy ở đây, cũng có nhiều phút vui-tươi. Ngày rằm tháng tám, trẻ con vui đùa cũng khiến cho người lớn tạm khuây-khỏa. Những buổi chiều, gió đã hơi lạnh, tôi mang đàn mandoline ra vườn ngồi dưới gốc cây gầy một vài bài để tự an ủi. Ở đây họ không hiểu nhạc Tây phương mà chỉ thích-nghe âm-nhạc Quảng-đông. Có những buổi tối các thanh niên tụ-hợp, với những tiếng nhị, tiếng sáo inh ỏi thì cũng khá vui tai.

Thời cuộc biến-chuyển rất nhanh. Trung cộng đã chiếm được gần hết lãnh thổ Trung-quốc, chỉ còn một vài miền ở Tứ xuyên, Vân-nam, Quảng Tây và Quảng-đông chưa mất. Ngày 1 tháng 10 năm 1949, ở Bắc-kinh Mao-Trạch-Đông tuyên-bố thành-lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Chúng tôi biết tin này qua đài Phát-thanh. Vương triều nhà Tưởng đã tan. Không bao lâu sau, chiến-sự đã lan tràn đến miền Bắc Quảng-đông, Nam-lĩnh, Triệu-quan, Anh-đức, chỉ còn cách Quảng-

châu hơn 100 cây-số.

Trên các ngã đường từ Quảng-châu về phía Tây, tức là về phía Quảng-châu văn, đảo Hải-nam, cả ngày đêm toàn là lính quốc dân đảng đi qua. Tôi dắt cháu bé ra cạnh đường xem cảnh rút-lui có trật tự này. Nào người, nào ngựa, nào gong, nào gánh. Người ta hót-hơ hót-hải, chen lấn lẫn nhau, vừa om xòm vừa lếch thếch.

Thực là «Bại quân như núi lở»... Không mấy ngày sau, đạo quân này đã tan rã như tro.

Rồi sau nghe tiếng nổ phá cầu Hải-chu. Quảng-châu và Tiên-sơn đã hết bóng quân đội mũ Thanh thiên bạch nhật. Quan lại to nhỏ đã chạy hết hay nằm im. Các cơ quan, nhà báo và nhiều cửa hiệu đã đóng cửa. Thành-phố này rơi vào cảnh lặng-lẽ khác thường như những ngày đứng gió im lìm báo tin bão táp dữ dội sắp tới. Ngày 14 tháng 10 năm 1949 đạo quân Trung-cộng đầu tiên tiến vào Quảng-châu. Chiều ngày hôm ấy một toán quân thuộc quân Dã-chiến Đệ tứ do Lâm-Bưu chỉ huy xuất-hiện tại thành-phố chúng tôi ở. Một thế-giới cũ đã sụp đổ. Một thế giới mới đã ra đời. Thế giới này trong đó sẽ có chúng tôi.

Thay Lời Nói Sau

Rất lâu, rất lâu về sau. Xa biết đã bao năm vì mỗi người làm việc một phương, hôm nay anh Văn-Đạo và tôi lại có dịp gặp nhau ở Tiên-sơn. Tôi vẫn ở thành-phố này nhưng trở lại nghề y mà anh Đạo thì đã thành một giáo-sư dạy tiếng Pháp tại viện Ngoại-ngữ một thành phố miền Đông Trung quốc. Hai người không khỏi lấy làm lạ vì cả hai còn ở lại đất nước này. Chúng tôi vẫn yên lành và khỏe mạnh như thường và đều có gia-đình đầy đủ. Khác hẳn với dự đoán của chúng tôi và của mọi người trước kia... Chúng tôi vẫn sống trong thế-giới mới khai sinh ở những ngày xa-xôi 1949. Thế giới này như thế nào, ai cũng đều nghe thấy. Không phải vì ngẫu nhiên mà về cơ bản xã hội Việt Trung không khác nhau là mấy nhưng nó cách-biệt hẳn với thế giới tư bản Tây-phương cũng như với nhiều nước trong thế-giới thứ ba.

Chỉ có khác là trên đầu chúng tôi đã có hai thứ tóc.

Chiều hôm ấy, chúng tôi lại dạo trên bờ sông Châu-giang. Giòng sông này lấp lánh ánh nắng chiều, vẫn mênh mang chảy ra khơi, hai bên bờ ruộng nương, làng mạc, phố-phường và con người ta vẫn sinh-sống như thế ở đây. Cuộc đời trôi đi nhanh. Gần ba chục năm rồi. Hai người lặng yên, không nói gì, nhìn xuống giòng

nước, hình như đâu đây có tiếng thở dài của thời gian đi qua. Bên tai bỗng văng vẳng mấy câu thơ của người bạn ở xa gửi cho tôi trong những ngày lưu-lạc.

*Xưa nghe sóng vỗ sông Hồng,
Nay nghe sóng vỗ bên giòng Châu giang,
Bao năm ngắn lệ còn vương...*

Thực-thể, ba mươi năm qua, có thể nói là chúng tôi đã có một kinh-lịch đặc-biệt và có nhiều thể nghiệm độc đáo trong sự tiếp xúc với những sự vật khác hẳn với thế giới cũ.

Dù cảnh huống mà chúng tôi đã trải qua như thế nào, chúng tôi cũng đã vẫn làm theo ý muốn của mình, tìm hiểu một con đường theo lý tưởng... Trong quá trình này có nhiều lúc phẳng lặng như mặt nước hồ Tây nhưng tất nhiên cũng có lúc lên thác xuống ghềnh. Nhiều khi gió nhẹ như gió heo may mùa Thu nhưng cũng có lúc mưa rào bão rạt của ngày Hè. Tư-tưởng của tôi có thể thay-đổi nhưng hoài bão tuổi thơ không bao giờ phai nhạt. Đó là niềm an-ủi duy-nhất của tôi.

Đến đây tạm kết thúc cuốn Hồi-ký ngắn ngủi và thô sơ về cuộc đời từ 1916 đến 1949 của tôi. Vì lâu không cầm bút và vì quá khứ đã xa nên nó chưa thể nói hết được những cái mà tôi muốn nói. Còn biết bao nhiêu

sự-kiện, cảnh ngộ, cảm nghĩ của bao nhiêu nhân vật sống trong thời đại đã qua, còn biết bao nhiêu vui-buồn, bi-thương, chua chát, éo le da diết của một xã-hội. Tôi mong muốn một cách thẩm thiết sẽ được đọc những tác-phẩm sâu rộng sau này về thời-đại ấy. Thí dụ như loại «Trên sông Đông êm-đềm của Cholokhov». Riêng về cuốn Hồi ức này, độc-giả nhất định không tìm thấy những cái đó, mà nó lại không được văn vẻ lắm. Nhưng nếu có ai cảm thấy rằng đây là một quãng đời chân thực của một thanh-niên Việt nam, nó phản-ảnh được một phần nào tâm trạng của một số thanh niên cũng như những khía cạnh của một phần xã hội Việt nam từ thời Pháp thuộc cho đến những ngày lịch-sử 1930-1949, thì tôi xin cảm tạ chân-thành. Vì mỗi người có thể phán-đoán riêng về tư tưởng và hành động của mọi nhân-vật trong cuốn Hồi-ký. Song điểm chính vẫn là một quá trình chân thực có thể làm cho người ta suy nghĩ, tuy quá trình này, nếu nhìn rộng và xa hơn, mới chỉ là một chặng đường đầu.

Cuối cùng xin mang mấy vần thơ thô-sơ mà chúng tôi đã làm trong những ngày lưu-lạc ở xa đất nước, để tặng tất cả những ai xa gần trên thế giới nhỏ bé này :

Chiều

*Chiều tàn lê gót xóm Kiều hương,
Mắt, lệ mờ loang bóng phố phường.
Tuổi thơ hoài bão nay còn hết ?
Vận nước lắm đo mấy ngả đường.
Bao năm bão táp như sồn gôi,
Ngàn xưa lý tưởng gần đau thương.
Cây tùng nghênh gió qua ngày tháng,
Mái tóc xanh giờ đã điểm sương.*

Viết tại Tiên sơn một ngày thu.